

Số: *47*/2022/CV-HĐQT

Sóc Trăng, ngày *20* tháng *7* năm 2022

V/v: Công bố thông tin chào bán trái phiếu ra
công chúng năm 2022 đợt 1

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty: NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

Mã cổ phiếu: VBB

Địa chỉ trụ sở chính: Số 47 Trần Hưng Đạo, phường 3, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Số điện thoại: (0299) 362 1454 Số fax: (0299) 362 1858

Website: <https://www.vietbank.com.vn/> .

Nội dung thông tin công bố:

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank) công bố thông tin chào bán trái phiếu Vietbank ra công chúng năm 2022 đợt 1 như sau:

1. Thông báo chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2022 đợt 1;
2. Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
3. Các phụ lục đính kèm Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng:
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - Giấy phép thành lập và hoạt động;
 - Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/10/2021; Nghị quyết số 92/2021/NQ-HĐQT ngày 24/11/2021; Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐQT ngày 14/03/2022; Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2022;
 - Điều lệ Vietbank;
 - Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020, 2021 (đã kiểm toán) và Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý I/2022 của Vietbank;
 - Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Vietbank vào ngày 20/07/2022 tại đường dẫn: <https://www.vietbank.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nội dung các thông tin đã công bố.

[Handwritten signature]

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HĐQT



ĐƯƠNG NHẤT NGUYÊN

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TT MKT

Số: 44 /2022/TB-HĐQT

Sóc Trăng, ngày 15 tháng 7 năm 2022

THÔNG BÁO

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG NĂM 2022 (ĐỢT 1)

*(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 202/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban
Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/07/2022)*

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành

1. Tên Tổ chức phát hành: NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN
2. Tên viết tắt: VIETBANK
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 47 Trần Hưng Đạo, phường 3, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
4. Số điện thoại: (0299) 362 1454 Số fax: (0299) 362 1858 Website: <https://www.vietbank.com.vn/>
5. Vốn điều lệ: 4.776.826.690.000 đồng *(Bằng chữ: Bốn nghìn bảy trăm bảy mươi sáu tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng)*
6. Mã cổ phiếu: VBB
7. Nơi mở tài khoản thanh toán: Sở Giao Dịch Ngân Hàng Nhà Nước
Số hiệu tài khoản: 120146 (Citad Code 79356001)
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 2200269805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 27, ngày 09/05/2022.
 - Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động trung gian tiền tệ khác - Mã ngành: 6419
 - Sản phẩm/dịch vụ chính: Phụ lục 1 (đính kèm).
9. Giấy phép thành lập số 2391/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 14/12/2006, Giấy phép hoạt động số 2399/QĐ/NHNN do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 15/12/2006 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung.

II. Mục đích chào bán

Để tăng quy mô vốn cấp 2 của VietBank, tạo thêm nguồn vốn trung và dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn của nhóm Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức, đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.



III. Phương án chào bán

1. Tên trái phiếu: Trái phiếu VietBank chào bán ra công chúng năm 2022 (Đợt 1).
2. Loại trái phiếu: Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được đảm bảo bằng tài sản và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của VietBank theo quy định hiện hành.
3. Mã trái phiếu: sẽ được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp theo quy định hiện hành sau khi VietBank hoàn tất đợt chào bán và thực hiện các thủ tục đăng ký, lưu ký tập trung tại VSD.
4. Mệnh giá trái phiếu: 10.000.000 VND (Mười triệu đồng)/Trái Phiếu
5. Tổng số lượng trái phiếu chào bán: **300.000** (Ba trăm nghìn) Trái Phiếu, dự kiến phát hành 03 (ba) đợt; trong đó: số lượng trái phiếu chào bán Đợt 1 là: **100.000** (Một trăm nghìn) Trái Phiếu.

Trường hợp số lượng Trái Phiếu Đợt 1 chưa được phân phối hết như dự kiến thì số lượng Trái Phiếu chưa được phân phối hết sẽ được chuyển qua Đợt chào bán tiếp theo.

6. Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá: **3.000.000.000.000 VND** (Ba nghìn tỷ đồng); trong đó giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá Đợt 1 là: **1.000.000.000.000 VND** (Một nghìn tỷ đồng).
7. Kỳ hạn trái phiếu: Trái Phiếu Đợt 1 có kỳ hạn: 07 (Bảy) năm.
8. Lãi suất:

Tổ Chức Phát Hành sẽ quyết định phương thức xác định và mức lãi suất Trái Phiếu (Lãi Suất Tham Chiếu, Biên độ) áp dụng phù hợp tùy vào điều kiện thị trường tại thời điểm phát hành Trái Phiếu, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành trong từng thời kỳ.

Lãi suất áp dụng cho Trái phiếu Đợt 1 là lãi suất thả nổi được quy định như sau:

- Năm năm đầu: Lãi Suất Tham Chiếu + 2,50%.
- Hai năm cuối: Lãi Suất Tham Chiếu + 3,50%.

Trong đó: Lãi Suất Tham Chiếu dùng để xác định lãi suất đối với mỗi kỳ tính lãi là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 Ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam; Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Lãi Suất Tham Chiếu sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân.

Ngày xác định lãi suất:

- + Đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên: Ngày Làm Việc thứ 07 (Bảy) trước Ngày Công Bố Thông Tin.
- + Đối với Kỳ Tính Lãi tiếp theo: Ngày Làm Việc thứ 07 (Bảy) trước Ngày Thanh Toán Lãi.

Lãi suất áp dụng cho Kỳ Tính Lãi đầu tiên của Trái Phiếu Đợt 1 là: 8,08 % (Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm).

9. Kỳ trả lãi: Định kỳ 01 (một) năm một lần.
10. Giá chào bán: 10.000.000 VND (Mười triệu đồng)/Trái Phiếu.
11. Phương thức phân phối: Phân phối trực tiếp cho Nhà Đầu Tư thông qua các kênh phân phối tại Trụ sở

chính/Chi nhánh/Phòng giao dịch của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.

12. Số lượng đăng ký mua tối thiểu: 05 (Năm) Trái Phiếu, tương đương 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng. Để tránh nhầm lẫn, Nhà Đầu Tư chỉ được đăng ký mua số lượng Trái Phiếu chẵn đến hàng đơn vị.
13. Thời gian nhận đăng ký mua: Từ ngày 25/07/2022 đến 12h00 ngày 15/09/2022
14. Địa điểm nhận đăng ký mua trái phiếu: Tại Trụ sở chính/Chi nhánh/Phòng giao dịch của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
15. Thời gian nhận tiền mua trái phiếu: Từ ngày 25/07/2022 đến 12h00 ngày 15/09/2022.
16. Ngày phát hành dự kiến: 16/09/2022.
17. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu
Số tài khoản: 1021511768.
Tên chủ tài khoản: Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín.
Mở tại: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Tây.
18. Địa điểm công bố Bản cáo bạch: Bản cáo bạch được đăng tải trên:
 - Trang thông tin điện tử của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín: <https://www.vietbank.com.vn/>
 - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội: <https://hnx.vn/>

IV. Các tổ chức liên quan

TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH CHÍNH: Không có

TỔ CHỨC ĐỒNG BẢO LÃNH PHÁT HÀNH: Không có

ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI: Không có

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ kiểm toán năm 2019, 2020:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Trụ sở chính : Lầu 28, Tòa nhà Bitexco Financial Tower, Số 2 Hải Triều, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 3824 5252

Fax: (028) 3824 5250

Website : <https://www.ey.com/>

Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ kiểm toán năm 2021:

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Trụ sở chính : Lầu 10, Tòa nhà Sunwah, Số 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 3821 9266

Fax: (028) 3821 9267

Website : <https://www.kpmg.com/>



TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (HDS)

Trụ sở chính : Lầu 3B và 9, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : (028) 6283 6888

Fax: (028) 6283 8666

Website : <https://www.hdbs.vn/>

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ, LƯU KÝ:

Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (HDS)

Trụ sở chính : Lầu 3B và 9, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : (028) 6283 6888

Fax: (028) 6283 8666

Website : <https://www.hdbs.vn/>

ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU:

Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (HDS)

Trụ sở chính : Lầu 3B và 9, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : (028) 6283 6888

Fax: (028) 6283 8666

Website : <https://www.hdbs.vn/>

CHỦ TỊCH HĐQT
NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN



Dương Nhất Nguyên



PHỤ LỤC 1

CÁC SẢN PHẨM/DỊCH VỤ CHÍNH CỦA VIETBANK

STT	TÊN SẢN PHẨM/DỊCH VỤ
1	<p>Hoạt động huy động vốn</p> <p>Nhận tiền gửi của các tổ chức, cá nhân và các tổ chức tín dụng khác dưới các hình thức tiền gửi không kì hạn, tiền gửi có kì hạn và các loại tiền gửi khác.</p> <p>Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác để huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài khi được Thống đốc NHNN chấp thuận.</p> <p>Vay vốn của các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại Việt Nam và của tổ chức tín dụng nước ngoài.</p> <p>Vay vốn ngắn hạn của Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p>
2	<p>Hoạt động tín dụng</p> <p>Cấp tín dụng cho tổ chức, cá nhân dưới các hình thức cho vay, chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá khác, bảo lãnh, cho thuê tài chính và các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p>
3	<p>Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ</p> <p>Cung ứng các phương tiện thanh toán.</p> <p>Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước cho khách hàng.</p> <p>Thực hiện các dịch vụ thu hộ, chi hộ.</p> <p>Thực hiện các dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>Thực hiện dịch vụ thu và chi tiền mặt cho khách hàng.</p> <p>Tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng trong nước.</p> <p>Việc tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.</p>
4	<p>Các hoạt động khác</p> <p>Góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>Tham gia thị trường tiền tệ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>Ủy thác, nhận ủy thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kể cả việc quản lý tài sản, vốn đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng ủy thác, đại lý.</p> <p>Cung ứng dịch vụ bảo hiểm, thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hoạch toán độc lập bằng vốn tự có hoặc liên doanh để kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật.</p>

STT	TÊN SẢN PHẨM/DỊCH VỤ
	<p>Tư vấn tài chính, tiền tệ cho khách hàng dưới hình thức trực tiếp tư vấn cho khách hàng hoặc thành lập công ty trực thuộc theo quy định của pháp luật.</p> <p>Bảo quản hiện vật quý, giấy tờ có giá, cho thuê tủ két, cầm đồ và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>Trực tiếp kinh doanh hoặc thành lập công ty trực thuộc có tư các pháp nhân, hạch toán trực độc lập bằng vốn tự có để thực hiện các hoạt động kinh doanh khác có liên quan đến hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật.</p>
5	<p>Kinh doanh trái phiếu và các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>Mua, bán trái phiếu và giấy tờ có giá khác.</p> <p>Tham gia giao dịch trái phiếu và các giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ.</p> <p>Các hoạt động kinh doanh trái phiếu, giấy tờ có giá khác phù hợp quy định pháp luật.</p>
6	<p>Hoạt động kinh doanh, mua bán vàng miếng.</p>
7	<p>Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong các lĩnh vực có liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.</p> <p>Dịch vụ môi giới tiền tệ.</p> <p>Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua bán, hợp nhất sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.</p> <p>Cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.</p>
8	<p>Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do NHNN quy định.</p>
9	<p>Đầu tư hợp đồng tương lai Trái phiếu Chính phủ theo quy định của pháp luật và NHNN Việt Nam.</p>



PHỤ LỤC 2

V/v: **Lãi suất Trái phiếu VietBank phát hành ra công chúng năm 2022 (Đợt 1) - Áp dụng cho Kỳ Tính Lãi thứ 01 (16/09/2022 – 16/09/2023)**

- Căn cứ điều khoản, điều kiện của Trái Phiếu được quy định trong Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín ngày 01/06/2022.

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín xin thông báo mức lãi suất Trái Phiếu áp dụng cho Kỳ Tính Lãi thứ 01 của Trái Phiếu Đợt 1 như sau:

- Tên Tổ Chức Phát Hành: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
- Ngày phát hành: 16/09/2022
- Ngày đáo hạn: 16/09/2029
- Kỳ tính lãi: từ ngày 16/09/2022 cho tới nhưng không bao gồm ngày 16/09/2023
- Lãi suất Trái phiếu cho Kỳ Tính Lãi thứ 01 được xác định bằng công thức:

Lãi suất Trái phiếu = Lãi suất tham chiếu + biên độ 2,50% (hai phẩy năm phần trăm)/năm

Trong đó: Lãi Suất Tham Chiếu dùng để xác định lãi suất đối với mỗi kỳ tính lãi là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 Ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam; Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Lãi Suất Tham Chiếu sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân.

- Ngày xác định lãi suất:
 - + Đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên: Ngày Làm Việc thứ 07 (Bảy) trước Ngày Công Bố Thông Tin.
 - + Đối với Kỳ Tính Lãi tiếp theo: Ngày Làm Việc thứ 07 (Bảy) trước Ngày Thanh Toán Lãi.
- Ngày Công Bố Thông Tin: 20/07/2022.
- Lãi Suất Trái phiếu cho Kỳ Tính Lãi thứ 01 được xác định theo bảng dưới đây:

1.	Ngày Xác Định Lãi Suất		11/07/2022
2.	Lãi Suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	5,50%/năm
		Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	5,60%/năm
		Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5,60%/năm
		Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	5,60%/năm
3.	Lãi Suất Tham Chiếu cho Kỳ Tính Lãi thứ 01		5,58%/năm
4.	Lãi Suất Trái Phiếu cho Kỳ Tính Lãi thứ 01		8,08%/năm

(bảng chữ: tám phẩy không tám phần trăm một năm)

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

VIETBANK
NGÂN HÀNG VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200269805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 27, ngày 09/05/2022)

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 202/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12 tháng 7 năm 2022)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày 01 tháng 06 năm 2022 tại:

Tổ Chức Phát Hành: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (VietBank)

Trụ sở chính: 47 Trần Hưng Đạo, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng

Điện thoại : (0299) 362 1454

Fax: (0299) 362 1858

Website: <https://www.vietbank.com.vn/>

Phụ trách công bố thông tin của Tổ Chức Phát Hành:

Họ tên: Ông Nguyễn Hữu Trung

Chức vụ: Quyền Tổng Giám đốc

Điện thoại : (0299) 3621 454

Fax: (0299) 3621 858

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200269805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 27, ngày 09/5/2022)

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

- Tên trái phiếu** : Trái Phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín chào bán ra công chúng năm 2022 theo 3 đợt, có các tên gọi như sau (được gọi chung là "Trái Phiếu"):
- Trái phiếu VietBank chào bán ra công chúng năm 2022 (Đợt 1)
 - Trái phiếu VietBank chào bán ra công chúng năm 2022 (Đợt 2)
 - Trái phiếu VietBank chào bán ra công chúng năm 2022 (Đợt 3)
- Loại trái phiếu** : Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được đảm bảo bằng tài sản và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của VietBank theo quy định hiện hành.
- Mệnh giá** : 10.000.000 VND (Mười triệu đồng)/ Trái Phiếu.
- Tổng số lượng trái phiếu chào bán** : Tối đa 300.000 (Ba trăm nghìn) Trái Phiếu.
- Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá** : Tối đa 3.000.000.000.000 VND (Ba nghìn tỷ đồng).
- Kỳ hạn trái phiếu** : Từ 06 (sáu) đến 10 (mười) năm.
- Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT VietBank căn cứ kỳ hạn phát hành Trái phiếu theo từng đợt.
- Lãi suất** : Lãi suất cố định; Lãi suất thả nổi; hoặc kết hợp giữa Lãi suất cố định và Lãi suất thả nổi. Lãi suất thả nổi được xác định bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau bằng VND ("Lãi suất tham chiếu") được công bố tại Ngày xác định lãi suất trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 Ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam công bình độ.
- Tổ Chức Phát Hành sẽ quyết định phương thức xác định và mức lãi suất Trái phiếu phù hợp tùy vào điều kiện thị trường tại thời điểm phát hành Trái phiếu, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành trong từng thời kỳ.
- Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT Vietbank căn cứ và quyết định lãi suất phát hành Trái phiếu theo từng đợt.

TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH: Không có

ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI: Không có

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ kiểm toán năm 2019, 2020:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Trụ sở chính : Lầu 28, Tòa nhà Bitexco Financial Tower, Số 2 Hải Triều, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 3824 5252 Fax: (028) 3824 5250

Website : <https://www.ey.com/>

Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ kiểm toán năm 2021:

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Trụ sở chính : Lầu 10, Tòa nhà Sunwah Tower, Số 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 3821 9266 Fax: (028) 3821 9267

Website : <https://www.kpmg.com/>

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán HD

Trụ sở chính : Lầu 3B và 9, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : (028) 6283 6888 Fax: (028) 6283 8666

Website : <https://www.hdbs.vn/>

ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU:

Công ty Cổ phần Chứng khoán HD

Trụ sở chính : Lầu 3B và 9, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : (028) 6283 6888 Fax: (028) 6283 8666

Website : <https://www.hdbs.vn/>

MỤC LỤC

MỤC LỤC	3
MỤC LỤC BẢNG	6
MỤC LỤC HÌNH	7
NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	8
I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	8
1. Tổ Chức Phát Hành.....	8
2. Tổ Chức Tư Vấn.....	8
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	8
1. Rủi ro về kinh tế.....	8
2. Rủi ro về luật pháp.....	10
3. Rủi ro đặc thù.....	10
4. Rủi ro về đợt chào bán.....	16
5. Rủi ro quản trị công ty.....	16
6. Rủi ro khác.....	17
III. CÁC KHÁI NIỆM	17
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	18
1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành.....	18
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Phát Hành.....	20
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành.....	23
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành.....	23
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.....	40
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành.....	42
7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	46
8. Hoạt động kinh doanh.....	48
9. Thông tin về cổ đông lớn.....	91
10. Thông tin về thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Kế toán trưởng.....	91
11. Chính sách chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức.....	110
12. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại.....	110
13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành.....	110
14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	114

15.	Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích	114
V.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH....	114
1.	Kết quả hoạt động kinh doanh	114
2.	Tình hình tài chính	117
3.	Ý kiến của Tổ chức Kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ Chức Phát Hành	126
4.	Kết quả xếp hạng tín nhiệm.....	127
5.	Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận	127
6.	Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tiếp theo.....	128
VI.	THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	129
1.	Tên Trái Phiếu	131
2.	Loại Trái Phiếu	131
3.	Mệnh giá	131
4.	Đối tượng mua trái phiếu.....	131
5.	Tổng số lượng trái phiếu chào bán	131
6.	Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá	132
7.	Kỳ hạn trái phiếu.....	132
8.	Lãi suất:	132
9.	Kỳ hạn trả lãi, trả gốc.....	134
10.	Giá chào bán	135
11.	Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mất khả năng trả nợ/chấm dứt hoạt động.....	135
12.	Quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu	135
13.	Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.....	138
14.	Việc Mua Lại Trái Phiếu Trước Hạn.....	140
15.	Phương Thức Phân Phối	141
16.	Đăng Ký Mua Trái Phiếu	142
17.	Lịch Trình Dự Kiến Phân Phối Trái Phiếu	143
18.	Tài Khoản Phong Tỏa Nhận Tiền Mua Trái Phiếu	144
19.	Ý Kiến Của Cơ Quan Có Thẩm Quyền Về Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng Của Tổ Chức Phát Hành	144
20.	Các Loại Thuế Có Liên Quan	144
21.	Thông Tin Về Các Cam Kết	145
VII.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	145
VIII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	145

IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	146
22. Các đối tác liên quan tới đợt chào bán.....	146
23. Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán <i>(nếu có)</i> <i>(nếu kinh nghiệm của chuyên gia trong lĩnh vực liên quan)</i>	147
X. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ <i>(nếu có)</i>	147
XI. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN	148
PHỤ LỤC	149

MỤC LỤC BẢNG

Bảng 1. Chặng đường phát triển của VietBank	20
Bảng 2. Các danh hiệu & phần thưởng cao quý VietBank được trao trong thời gian qua	22
Bảng 3. Quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của VietBank	42
Bảng 4. Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/03/2022	46
Bảng 5. Trái phiếu tại ngày 31/03/2022	46
Bảng 6. Tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong Tổng doanh thu (Hợp nhất)	48
Bảng 7. Tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong Tổng doanh thu (Riêng lẻ)	49
Bảng 8. Tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong Tổng thu nhập hoạt động (Hợp nhất)	50
Bảng 9. Tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong Tổng thu nhập hoạt động (Riêng lẻ)	50
Bảng 10. Nguồn vốn huy động (Hợp nhất)	53
Bảng 11. Nguồn vốn huy động (Riêng lẻ)	53
Bảng 12. Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Hợp nhất)	54
Bảng 13. Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Riêng lẻ)	55
Bảng 14. Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (Hợp nhất)	57
Bảng 15. Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (Riêng lẻ)	57
Bảng 16. Dư nợ cho vay theo ngành kinh tế (Hợp nhất)	57
Bảng 17. Dư nợ cho vay theo ngành kinh tế (Riêng lẻ)	58
Bảng 18. Phân loại nợ cho vay theo chất lượng (Hợp nhất)	59
Bảng 19. Phân loại nợ cho vay theo chất lượng (Riêng lẻ)	60
Bảng 20. Dự quỹ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Hợp nhất)	61
Bảng 21. Dự quỹ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Riêng lẻ)	61
Bảng 22. Tỷ lệ an toàn vốn (Hợp nhất)	61
Bảng 23. Tỷ lệ an toàn vốn (Riêng lẻ)	61
Bảng 24. Kết quả hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán (Hợp nhất)	61
Bảng 25. Kết quả hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán (Riêng lẻ)	62
Bảng 26. Kết quả hoạt động đầu tư tài chính (Hợp nhất)	63
Bảng 27. Kết quả hoạt động đầu tư tài chính (Riêng lẻ)	64
Bảng 28. Chi tiết tài sản cố định (Hợp nhất)	65
Bảng 29. Chi tiết tài sản cố định (Riêng lẻ)	66
Bảng 30. Số lượng Chi nhánh/Phòng giao dịch VietBank	75
Bảng 31. Một số dự án tiêu biểu của VietBank	88
Bảng 32. Danh sách thành viên HĐQT VietBank	91
Bảng 33. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát VietBank	98
Bảng 34. Danh sách thành viên Ban Điều hành VietBank	101
Bảng 35. Tình hình chi trả cổ tức của VietBank	110
Bảng 36. Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu	110

Bảng 37. Thông tin về các trái phiếu đã phát hành ra công chúng	110
Bảng 38. Thông tin về các trái phiếu đã phát hành riêng lẻ	111
Bảng 39. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện (Hợp nhất).....	111
Bảng 40. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện (Riêng lẻ)	112
Bảng 41. Thông tin về cam kết vốn (Hợp nhất).....	112
Bảng 42. Thông tin về cam kết vốn (Riêng lẻ).....	112
Bảng 43. Thông tin về cam kết thuê hoạt động (Hợp nhất)	113
Bảng 44. Thông tin về cam kết thuê hoạt động của VietBank (Riêng lẻ)	113
Bảng 45. Thông tin về cam kết cho thuê hoạt động (Hợp nhất)	113
Bảng 46. Thông tin về cam kết cho thuê hoạt động (Riêng lẻ).....	113
Bảng 47. Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh (Hợp nhất).....	114
Bảng 48. Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh (Riêng lẻ).....	115
Bảng 49. Cơ cấu thu nhập hoạt động (Hợp nhất).....	115
Bảng 50. Cơ cấu thu nhập hoạt động (Riêng lẻ).....	116
Bảng 51. Tình hình công nợ (Hợp nhất).....	117
Bảng 52. Tình hình công nợ (Riêng lẻ)	118
Bảng 53. Danh sách Trái phiếu chưa đáo hạn tại 31/03/2022	120
Bảng 54. Các khoản phải nộp theo luật định (Hợp nhất).....	122
Bảng 55. Các khoản phải nộp theo luật định (Riêng lẻ).....	122
Bảng 56. Số dư các quỹ (Hợp nhất).....	123
Bảng 57. Số dư các quỹ (Riêng lẻ)	123
Bảng 58. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Hợp nhất)	123
Bảng 59. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Riêng lẻ).....	125
Bảng 60. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận	127

MỤC LỤC HÌNH

Hình 1. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành	23
Hình 2. Cơ cấu quản trị của Tổ Chức Phát Hành.....	24
Hình 3. Tình hình huy động vốn của VietBank	52
Hình 4. Cơ cấu huy động vốn của VietBank.....	52

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH****1. Tổ Chức Phát Hành****Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thương Tín (VietBank)**(Ông) **Dương Nhật Nguyên** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị(Ông) **Nguyễn Hữu Trung** Chức vụ: Quyền Tổng Giám đốc(Ông) **Đình Nguyễn Hải Linh** Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ Chức Tư Vấn**Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (HDS)**(Ông) **Dương Thế Quang** Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán HD tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 01.112021/HĐTVCC/VB-HDBS ngày 15 tháng 11 năm 2021 với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO**1. Rủi ro về kinh tế****(a) Rủi ro về môi trường kinh doanh**

Theo số liệu theo Tổng Cục Thống kê Việt Nam, tổng sản phẩm trong nước (GDP) trong Quý IV/2021 ước tính tăng 5,22% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng 4,61% của năm 2020. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,16%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,61%; khu vực dịch vụ tăng 5,42%. Về sử dụng GDP quý IV/2021, tiêu dùng cuối cùng tăng 3,86% so với cùng kỳ năm trước; tích lũy tài sản tăng 3,37%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,28%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 11,36%.

Đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp làm ảnh hưởng tới chuỗi cung ứng sản xuất – chế biến – tiêu thụ các sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản. Trước những thuận lợi và khó khăn đan xen, kết quả hoạt động năm 2021 của ngành nông nghiệp đã thể hiện rõ vai trò bệ đỡ của nền kinh tế, tăng 3,18%, đóng góp 0,29 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Ngành lâm nghiệp tăng 3,88%, đóng góp 0,02 điểm phần trăm và ngành thủy sản tăng 1,73%, đóng góp 0,05 điểm phần trăm.

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 6,37%. Ngành sản xuất và phân phối điện tăng 5,24%. Trong khi đó, ngành khai khoáng giảm 6,21% do sản lượng dầu mỏ thô khai thác giảm 5,7% và khí đốt thiên nhiên dạng khí giảm 19,4%.

Cùng với đó, hoạt động thương mại, vận tải trong nước, khách du lịch quốc tế dần khôi phục trở lại. So với quý III, trong 3 tháng cuối năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 28,1%; vận chuyển hành khách tăng 48,4%, luân chuyển hành khách tăng 51,3% và vận chuyển hàng hóa tăng 31,8%, luân chuyển hàng hóa tăng 28,4%; khách quốc tế đến nước ta tăng 62,7%.

Đáng chú ý, cả năm 2021, ngành y tế và hoạt động trợ giúp xã hội đạt tốc độ tăng cao nhất trong khu vực dịch vụ với mức tăng 42,75%, hoạt động tài chính - ngân hàng tăng 9,42%, ngành thông tin và truyền thông tăng gần 6%.

Về cơ cấu nền kinh tế năm 2021, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 12,36%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 37,86%; khu vực dịch vụ chiếm 40,95%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,83%.

Về sử dụng GDP năm 2021, tiêu dùng cuối cùng tăng 2,09% so với năm 2020; tích lũy tài sản tăng 3,95%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,01%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 16,16%.

(b) Lạm phát

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2021 giảm 0,18% so với tháng trước, song lại tăng 1,81% so với với cùng kỳ năm ngoái. Theo đó, CPI bình quân năm 2021 tăng 1,84% so với năm 2020, mức tăng bình quân năm thấp nhất kể từ năm 2016. Lạm phát cơ bản tháng 12/2021 tăng 0,16% so với tháng trước, tăng 0,67% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2021 tăng 0,81% so với năm 2020.

Ngày 07/09/2021, Thống đốc NHNN ban hành Thông tư số 14/2021/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 đã kéo dài thời gian cơ cấu lại nợ thêm 6 tháng (đến ngày 30/6/2022). Trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh, Ngân hàng VietBank đã ban hành giảm lãi suất cho vay nhằm chia sẻ khó khăn cho khách hàng bị ảnh hưởng dịch Covid; đồng thời, linh hoạt điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng theo diễn biến thị trường; Tiếp tục cắt giảm chi phí hoạt động, điều chỉnh kế hoạch kinh doanh để tập trung giảm lãi suất cho vay đối với doanh nghiệp và người dân, nhất là đối với các khoản cho vay cũ và các khoản cho vay trung và dài hạn; chủ động thực hiện hệ thống các giải pháp hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn do dịch Covid-19 và kịp thời xây dựng, triển khai các giải pháp mới trên cơ sở bám sát diễn biến thực tế của đại dịch.

Lạm phát ở mức thấp và tỷ giá ổn định giúp chính sách tiền tệ nới lỏng xuyên suốt từ đầu năm. Trong năm 2021 NHNN thực hiện bơm khối lượng lớn VND ra thị trường thông qua kênh mua ngoại tệ, điều này giúp trạng thái thanh khoản dồi dào trong hệ thống ngân hàng. Do đó lãi suất cho vay, gửi tiền trên liên ngân hàng duy trì ở mức thấp bình quân chưa đến 1%/năm, tác động làm giảm thu nhập lãi từ hoạt động cho vay, gửi tiền tại các TCTD khác của ngân hàng.

Tuy nhiên mặt bằng lãi suất liên ngân hàng thấp và thanh khoản dồi dào đồng thời kéo mặt bằng lợi suất đầu tư TPCP, TPTCTD giảm tạo điều kiện để VietBank gia tăng lợi nhuận từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư trong năm 2021 khi danh mục VietBank đang nắm giữ được mua ở các năm trước nằm ở vùng lợi suất cao hơn nhiều so với mức giảm của thị trường trong năm 2021 đã gần tiệm cận lợi suất TPCP Mỹ.

Hoạt động kinh doanh ngoại tệ được đánh giá khá quan nhờ lãi suất VND trên liên ngân hàng giảm. Cụ thể lợi nhuận từ hoạt động mua bán ngoại tệ giao ngay, kỳ hạn, hoán đổi tăng nhờ chi phí nắm giữ trạng thái ngoại tệ và chi phí hoán đổi ngoại tệ giảm.

Tỷ lệ lạm phát thấp là cơ sở để NHNN tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ nới lỏng và ban hành các quy định hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng từ dịch covid 19 giúp mặt bằng lãi suất huy động, cho vay đều giảm. Tại VietBank biểu lãi suất huy động các kỳ hạn tại thời điểm cuối tháng 9 đã giảm từ 0.1% đến 0.3% so với đầu năm 2021. Các kỳ hạn có số dư lớn chiếm tỷ trọng lớn trong danh mục huy động

như 6 tháng, 12 tháng được điều chỉnh giảm lãi suất mức cao nhất 0.3% giúp giảm tối đa chi phí huy động vốn của ngân hàng. Trong khi đó lãi suất cho vay các món vay dài hạn chưa đến kỳ điều chỉnh lãi suất hoặc các món vay có lãi suất cố định giúp ngân hàng vẫn duy trì mặt bằng lãi suất đều ra, biên lợi nhuận ổn định

Đối với các món vay được áp dụng chính sách điều chỉnh lãi suất chỉ chiếm tỷ trọng thấp trong danh mục cho vay của ngân hàng do đó tác động của lãi suất giảm không ảnh hưởng đáng kể đến mặt bằng lãi suất cho vay cũng như biên lợi nhuận của ngân hàng. Đồng thời mức độ giảm lãi suất cho vay được căn cứ vào mặt bằng lãi suất huy động để xác định mức giảm phù hợp cho từng khách hàng nhưng vẫn đảm bảo biên lợi nhuận cho ngân hàng.

Lạm phát thấp đồng thời tạo điều kiện để ngân hàng giảm chi phí hoạt động trong năm 2021. Giá thành các chi phí đầu vào, chi phí vận hành, chi phí lương không tăng mạnh giúp ngân hàng kiểm soát và tiết kiệm chi phí hoạt động gia tăng lợi nhuận năm 2021.

2. Rủi ro về luật pháp

Các hoạt động của Tổ Chức Phát Hành, trong lĩnh vực dịch vụ ngân hàng và tài chính, được giám sát bởi các quy định nghiêm ngặt tại Việt Nam, bao gồm cả các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Khuôn khổ pháp lý và pháp luật đã, đang và sẽ tiếp tục phát triển theo sự phát triển nhanh chóng của ngành dịch vụ tài chính tại Việt Nam. Bên cạnh đó, cần lưu ý rằng, các cơ quan Nhà nước tại Việt Nam, bao gồm cả Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN"), đang ngày càng đưa ra những tiêu chuẩn cao hơn, kèm theo các hướng dẫn và yêu cầu quản lý để kiểm soát tốt hơn các thay đổi tự nhiên của hệ thống ngân hàng, đặc biệt là trong lĩnh vực quản trị rủi ro.

Để ngăn ngừa rủi ro về luật pháp, VietBank chủ động tiến hành phân tích thị trường, nghiên cứu kỹ lưỡng và cập nhật các văn bản luật hiện hành, nhằm ứng phó được với những thay đổi về khung pháp lý. Đồng thời VietBank có Phòng Pháp lý và Tuần Thủ với các chức năng quản lý rủi ro pháp lý trong toàn bộ hoạt động của Ngân hàng, thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin pháp lý, tư vấn cho Ban Điều hành về các hoạt động của Ngân hàng, nhằm hạn chế những rủi ro pháp lý có thể gặp phải.

Tuy nhiên, không có gì đảm bảo rằng, những quy định và chính sách nêu trên sẽ không phát triển theo cách ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh doanh, tài chính cũng như kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành.

3. Rủi ro đặc thù

(a) Rủi ro thị trường

- Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh từ những thay đổi bất lợi về giá trị của các trạng thái hoặc các danh mục tài sản do những thay đổi trong giá cả thị trường, lãi suất hay tỷ giá. Trong phạm vi hoạt động tự doanh của Vietbank, Vietbank chỉ phát sinh rủi ro lãi suất, tỷ giá. Vietbank hiện không phát sinh rủi ro giá vàng, giá chứng khoán và hàng hóa do không phát sinh hoạt động tự doanh vàng, chứng khoán, hàng hóa.
- Rủi ro lãi suất phát sinh do biến động của bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với danh mục Số kinh doanh của Ngân hàng. Tại VietBank, việc quản lý rủi ro lãi suất được thực hiện thông qua việc xây dựng quy trình, phương pháp đo lường quản lý rủi ro thị trường (trong đó bao gồm rủi ro lãi suất trên Số Kinh doanh); Thiết lập các hạn mức rủi ro lãi suất trên Số Kinh doanh, trong đó bao gồm: hạn mức trạng thái rủi ro lãi suất, hạn mức cắt lỗ, hạn mức hiện thực hóa lãi... Định kỳ hàng ngày, VietBank đo lường, giám sát các hạn mức rủi ro lãi suất trên Số Kinh doanh và cảnh báo nhằm đưa ra biện pháp kiểm soát rủi ro kịp thời.

- Rủi ro về ngoại hối phát sinh do biến động bất lợi của tỷ giá trên thị trường khi VietBank có trạng thái ngoại tệ. Để kiểm soát rủi ro ngoại hối, VietBank thiết lập hạn mức trạng thái ngoại hối dương/âm tối đa, hạn mức cắt lỗ, hạn mức hiện thực hóa lãi,... và giám sát, theo dõi các hạn mức hàng ngày nhằm kiểm soát rủi ro ngoại hối. Trong quá trình hoạt động, VietBank luôn tuân thủ việc quản lý rủi ro ngoại hối theo quy định của NHNN (không duy trì trạng thái dương hoặc âm quá 20% vốn tự có của Ngân hàng). VietBank duy trì một tỷ lệ cân xứng giữa tài sản nợ và tài sản có ngoại tệ, duy trì tình trạng ngoại hối ròng ở mức hợp lý, đào tạo đội ngũ cán bộ có chuyên môn cao và có khả năng phân tích dự báo tình hình biến động tỷ giá của các đồng tiền để ra quyết định mua, bán các hợp đồng ngoại tệ. Bên cạnh đó, Ngân hàng tiếp cận việc sử dụng các công cụ tài chính có khả năng phòng ngừa rủi ro về ngoại hối như các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn (Forwards) và hoán đổi (Swap) trong hoạt động kinh doanh ngoại hối nhằm đảm bảo duy trì các hạn mức được thiết lập, phù hợp với khẩu vị rủi ro của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- VietBank đã áp dụng Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư 41) và đã thực hiện triển khai đánh giá nội bộ mức đủ vốn (ICAAP) theo Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018, hoàn thành 03 trụ cột Basel 2 theo tiêu chuẩn quốc tế giúp VietBank nâng cao năng lực quản lý rủi ro nói chung và quản lý rủi ro lãi suất nói riêng.

(b) Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng có thể xảy ra khi Khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn gốc và lãi các khoản vay được Ngân hàng cấp tín dụng hoặc cấp bảo lãnh. Khi rủi ro tín dụng xảy ra sẽ dẫn đến khả năng không thu được nợ của Khách hàng, khiến cho tình hình kinh doanh của Ngân hàng sụt giảm và gặp rủi ro.

Cũng như các ngân hàng TMCP khác của Việt Nam, hoạt động tín dụng đóng góp nguồn thu quan trọng trong hoạt động của VietBank. Vì vậy, VietBank rất chú trọng đến hoạt động quản lý rủi ro tín dụng nhằm đảm bảo sự an toàn trong hoạt động của Ngân hàng.

Trong cấp tín dụng, Vietbank đã và tiếp tục kiên toàn các quy định, quy trình, hướng dẫn nội dung có liên quan đến công tác thẩm định phê duyệt cấp tín dụng:

- Các quy định về hoạt động thẩm định và phê duyệt, dựa trên nguyên tắc độc lập và theo mức thẩm quyền từ cấp cơ sở đến các cấp ở Hội sở.
- Các quy định về bảo đảm tiền vay, danh mục các tài sản được chấp nhận, các thủ tục pháp lý cần thiết, và các biện pháp quản lý tài sản bảo đảm.
- Các quy định về thẩm định và phê duyệt, hướng dẫn phân tích phương án kinh doanh, định giá tài sản đảm bảo, xếp hạng Khách hàng, đánh giá toàn diện về tài chính, đưa ra các điều kiện cấp tín dụng trước khi giải ngân.
- Các hạn chế về cấp tín dụng tập trung áp dụng theo từng loại tiền vay, kỳ hạn vay, sản phẩm, ngành nghề, Khách hàng.
- Các quy định giám sát, kiểm tra, kiểm soát và xử lý trong suốt quá trình xem xét cấp tín dụng.

Vietbank xây dựng cơ chế phê duyệt cấp tín dụng theo nguyên tắc phân cấp, phân quyền rõ ràng, tách bạch giữa thẩm định và phê duyệt tín dụng.

Về quản lý rủi ro tín dụng, về cơ bản Vietbank đáp ứng đầy đủ các quy định về quản lý rủi ro tín dụng theo tiêu chuẩn Basel II theo quy định của NHNN. Theo đó Vietbank cơ cấu tổ chức quản lý theo 3 tuyến phòng thủ. Vietbank xây dựng khẩu vị rủi ro, thiết lập các hạn mức theo đối tượng khách hàng, lĩnh vực ngành nghề kinh doanh, theo sản phẩm tín dụng, theo tài sản bảo đảm; thường xuyên giám sát giới hạn đã thiết lập; thực hiện phân loại nợ trích lập dự phòng theo đúng quy định của NHNN. Ngoài ra,

Vietbank cũng đã xây dựng quy trình cảnh báo nợ sớm để sớm phát hiện các khoản nợ có vấn đề để có phương án xử lý phù hợp.

(c) Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng phát sinh khi có sự chênh lệch nhau về kỳ hạn giữa tài sản nợ và tài sản có của ngân hàng. Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng theo biến động bất lợi của lãi suất sẽ dẫn đến thu nhập sụt giảm, giảm giá trị tài sản, tăng giá trị nợ phải trả và tăng giá trị cam kết ngoại bảng của Ngân hàng.

Tại VietBank, việc quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng được thực hiện thông qua phân tích chênh lệch giữa tài sản và nợ nhạy cảm lãi suất ở các trạng thái VND, USD,... Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng được đo lường và theo dõi thông qua sự kết hợp giữa Khối Quản lý rủi ro, Khối Tài chính và các Khối Kinh doanh. Căn cứ vào việc theo dõi hàng ngày và nhận định diễn biến, xu hướng biến động lãi suất trên thị trường, các cuộc họp định kỳ hàng tháng của Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO) được tổ chức nhằm đưa ra các quyết định duy trì các mức chênh lệch thích hợp để định hướng cho hoạt động của Ngân hàng.

Để hạn chế rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, VietBank đã áp dụng các giải pháp và tăng cường các biện pháp quản lý rủi ro lãi suất như sau:

- Áp dụng các công cụ quản lý rủi ro, bao gồm: Mô hình chênh lệch kỳ hạn tái điều chỉnh lãi suất (repricing gap); thay đổi thu nhập lãi thuần NII (≤ 12 tháng) khi lãi suất biến động.
- Thực hiện tốt việc điều hành lãi suất cho toàn hệ thống, sử dụng tốt nhất các nguồn vốn huy động, xây dựng các mô hình, chỉ số quản lý rủi ro nhằm phát hiện và cảnh báo kịp thời những rủi ro lãi suất tiềm tàng.
- Xây dựng hệ thống báo cáo xuyên suốt và khoa học từ từng phòng ban tại Hội sở đến hệ thống các chi nhánh. Do vậy, mỗi biến động về lãi suất trên thị trường tài chính ngân hàng đều được Ngân hàng nắm bắt và xử lý kịp thời.
- Nghiên cứu thực hiện áp dụng các dịch vụ được cho phép theo quy định của pháp luật trong hoạt động lãi suất như: hợp đồng kỳ hạn và hợp đồng tương lai về lãi suất. Đây là các giải pháp giúp cho Ngân hàng ngăn ngừa được biến động về lãi suất cũng như bù đắp các rủi ro về lãi suất.

(d) Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với VietBank (bao gồm cả rủi ro pháp lý). Rủi ro hoạt động không bao gồm *Rủi ro danh tiếng* và *Rủi ro chiến lược*.

Ngày 30/01/2019, Hội đồng Quản trị đã ban hành Chính sách quản lý rủi ro (trong đó có chính sách quản lý rủi ro hoạt động). Đầu năm 2021, Khối QLRR đã rà soát lại Chính sách quản lý rủi ro trong đó phần chính sách rủi ro hoạt động không có sự thay đổi về nội dung so với năm 2020 (áp dụng theo quyết định số 33/2021/QĐ-HĐQT ngày 14/04/2021 V/v Ban hành Chính sách Quản lý rủi ro). VietBank đã và đang triển khai các chính sách quản lý rủi ro hoạt động:

- i. VietBank đã ban hành chính sách quản lý rủi ro trong đó có khẩu vị rủi ro hoạt động: định kỳ hàng tháng các sự cố có tổn thất sẽ được theo dõi, đôn đốc việc thu hồi để đảm bảo việc giám sát tuần thủ khẩu vị rủi ro hoạt động.
- ii. Đo lường, theo dõi, kiểm soát rủi ro hoạt động: VietBank tiếp tục triển khai việc đo lường, theo dõi, kiểm soát rủi ro hoạt động, cụ thể:
 - Định kỳ hàng tháng thu thập sự cố trên toàn hàng;
 - Sử dụng kết quả của Kiểm toán nội bộ, kết hợp giám sát từ xa để phân tích các điểm rủi ro

xảy ra thường xuyên, từ đó phân tích các chốt kiểm soát và đề xuất kiến nghị gửi cho các đơn vị liên quan nhằm hạn chế các rủi ro tương tự có thể xảy ra ở tương lai. Đồng thời VietBank cũng ban hành các văn bản cảnh báo, nhắc nhở toàn hàng;

- Đối với các sự cố có tính rủi ro cao, hoặc có tổn thất nghiêm trọng xảy ra, VietBank có đơn vị điều tra, làm rõ nguyên nhân, có báo cáo, có giải pháp và xử lý kỷ luật đối với các cá nhân có liên quan gửi Ban Lãnh đạo;
- Tất cả các quy định, quy trình, sản phẩm tại VietBank đều phải được đánh giá rủi ro trong vận hành, rủi ro pháp lý trước khi ban hành, đối với những nội dung chưa phù hợp, chưa có chốt chặn kiểm soát phù hợp sẽ được sửa đổi phù hợp.

iii. Chuyển giao rủi ro bằng biện pháp mua bảo hiểm:

Để chuyển giao rủi ro đối với một số trường hợp bất khả kháng, các rủi ro có nguyên nhân từ phía bên ngoài như trộm cắp, cháy nổ,... VietBank đã tiến hành mua bảo hiểm mọi rủi ro tài sản trên toàn hệ thống (xe ô tô, TSCĐ hữu hình, các công cụ lao động, kho quỹ, tiền vận chuyển trên đường, bảo hiểm cháy nổ tòa nhà theo quy định của luật Phòng cháy chữa cháy).

iv. Kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh liên tục:

Để đảm bảo biện pháp dự phòng giảm thiểu rủi ro và ứng phó với thảm họa, VietBank đã ban hành quy chế, quy định, quy trình liên quan đến hoạt động kinh doanh liên tục trong điều kiện khủng hoảng như xây dựng kế hoạch đảm bảo liên tục của hệ thống CNTT, quy định về sao lưu, phục hồi dữ liệu dự phòng; xây dựng kịch bản và kế hoạch cho các trường hợp trộm cướp và các sự cố cháy nổ; khủng hoảng truyền thông; khủng hoảng trong thanh khoản.

Nhằm đối phó với tình hình dịch bệnh Covid-19 phức tạp, VietBank đã thành lập Ban chỉ đạo xử lý khủng hoảng dịch bệnh Covid-19 – trong đó chủ tịch HĐQT làm Trưởng Ban chỉ đạo. VietBank đã xây dựng phương án ứng phó khi trụ sở đơn vị bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, theo đó tất cả các Khối/Trung tâm/phòng nghiệp vụ Hội sở đã tách một phần nhân sự sang làm việc tại địa điểm dự phòng, làm việc online, chuẩn bị các kịch bản xấu đối với Hội sở/TTKD, có các phương án dự phòng cho các kịch bản xấu nếu Hội sở bị ảnh hưởng hoặc TTKD bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19.

v. Tính vốn cho rủi ro hoạt động:

VietBank tính toán vốn cho rủi ro hoạt động theo quy định thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 – quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

(e) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản chủ yếu phát sinh từ xu hướng các ngân hàng sử dụng nguồn vốn huy động ngắn hạn để cho vay trung hạn, dài hạn. Ngoài ra, việc người gửi rút tiền thường xuyên hoặc đột xuất với khối lượng lớn cũng tạo ra rủi ro thanh khoản đối với khả năng đảm bảo tiền mặt của Ngân hàng khi đáp ứng nhu cầu rút tiền của khách hàng. Thanh khoản là một vấn đề quan trọng trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng, đề cập đến khả năng chi trả và thực hiện các nghĩa vụ tài chính của ngân hàng. Do vậy, rủi ro thanh khoản được các ngân hàng quan tâm đặc biệt. Để hạn chế rủi ro thanh khoản, Phòng Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALM) thuộc Khối Tài chính thực hiện nhiệm vụ giám sát hàng ngày về vấn đề thanh khoản của Ngân hàng, đồng thời xây dựng các báo cáo chi tiết về trạng thái thanh khoản của Ngân hàng, trình Hội đồng ALCO xem xét và đưa ra các quyết định phù hợp với chiến lược phát triển của Ngân hàng và tình hình kinh doanh cũng như diễn biến thị trường ở từng giai đoạn khác nhau. Ngân hàng áp dụng cả hai cách tiếp cận phổ biến về quản lý rủi ro thanh khoản là cách tiếp cận theo thời điểm và cách tiếp cận theo thời kỳ. Theo đó, Ngân hàng theo dõi hàng ngày tình hình tuân thủ các tỷ lệ an toàn về thanh khoản và đồng thời dự báo biến động của các dòng tiền tác động đến khả năng thanh khoản của Ngân hàng trong tương lai, để đảm bảo tại mọi thời điểm luôn tuân thủ đầy

đủ các quy định của NHNN và các quy định nội bộ của Ngân hàng.

Trong hoạt động kinh doanh của mình, VietBank luôn tuân thủ các quy định sau:

- Duy trì tỷ lệ dự trữ thanh khoản (ngay tức thì) tối thiểu là 10% trên tổng nợ phải trả theo đồng Việt Nam, bao gồm đồng Việt Nam và các loại ngoại tệ được quy đổi sang đồng Việt Nam;
- Duy trì tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày (tiếp theo) tối thiểu là 50% trên dòng tiền đến hạn ròng trong vòng 30 ngày tiếp theo đối với đồng Việt Nam; Và tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày (tiếp theo) tối thiểu là 10% trên dòng tiền đến hạn ròng trong vòng 30 ngày tiếp theo đối với đô la Mỹ và các ngoại tệ khác quy đổi ra Mỹ;
- Duy trì tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi tối đa là 85% theo đồng Việt Nam, bao gồm đồng Việt Nam và các loại ngoại tệ được quy đổi sang đồng Việt Nam;
- Duy trì tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn tối đa là 37% (tính đến 31/12/2021) trên tổng Nguồn vốn ngắn hạn (tính theo thời hạn còn lại đến 01 năm, bao gồm cả các khoản tiền gửi không kỳ hạn) và lập kế hoạch tuân thủ lộ trình giảm tỷ lệ này theo Thông tư 08/2020/TT-NHNN về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Duy trì tỷ lệ mua, đầu tư Trái Phiếu Chính phủ, Trái Phiếu được Chính phủ bảo lãnh tối đa là 30% trên Tổng Nợ phải trả bình quân của tháng liền kề trước đó.

Với sự phát triển ổn định, khả năng nắm bắt và theo dõi kịp thời biến động vốn khả dụng, VietBank vẫn đảm bảo tuyệt đối an toàn thanh khoản, dự trữ bắt buộc, đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng.

(f) Rủi ro tập trung

Rủi ro tập trung là rủi ro phát sinh khi hoạt động kinh doanh của VietBank tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), một đối tác, sản phẩm, giao dịch, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

Tại VietBank, việc quản lý rủi ro tập trung thông qua việc xây dựng chiến lược quản lý rủi ro tập trung của Ngân hàng; Xây dựng tiêu chí xác định người có liên quan của khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật; Thiết lập, theo dõi, giám sát các hạn mức rủi ro tập trung.

Các hạn mức rủi ro tập trung được thiết lập tại Khẩu vị rủi ro, định hướng tín dụng và các quy định nội bộ có liên quan của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Hạn mức rủi ro tập trung được thiết lập theo khách hàng/nhóm khách hàng có liên quan, đối tác giao dịch, sản phẩm, loại tiền giao dịch, lĩnh vực/ngành kinh tế nhằm kiểm soát rủi ro tập trung trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng như:

- Hạn mức cấp tín dụng đối với một khách hàng/nhóm khách hàng;
- Hạn mức giao dịch đối với một đối tác;
- Hạn mức cấp tín dụng/giao dịch đối với một sản phẩm;
- Hạn mức giao dịch đối với một đồng tiền;

Định kỳ hàng ngày, VietBank thực hiện theo dõi, giám sát các hạn mức rủi ro tập trung nhằm cảnh báo sớm các khoản dư nợ, các giao dịch gần vượt hạn mức rủi ro tập trung và có biện pháp xử lý kịp thời đối với các trường hợp vượt quá hạn mức rủi ro tập trung.

(g) Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng (cân đối kế toán) phát sinh chủ yếu từ các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng thương mại (L/C).

Rủi ro phát sinh từ các hoạt động ngoại bảng là rủi ro tín dụng trong trường hợp VietBank phải trả thay cho khách hàng phát sinh khi khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các nghĩa vụ đã

cam kết.

Để giảm thiểu các rủi ro trong hoạt động này, VietBank đã ban hành quy trình nghiệp vụ và tiến hành thẩm định cẩn thận khách hàng.

Khách hàng khi được cấp L/C phải đáp ứng các yêu tố sau:

- Có năng lực tài chính, kinh nghiệm, trình độ quản lý và uy tín hoạt động trong ngành nghề, có đối tác nước ngoài là các đối tác quen thuộc, có thị trường tiêu thụ trong nước ổn định, có quan hệ uy tín với VietBank trong nhiều lĩnh vực hoạt động;
- Phương án kinh doanh khả thi;
- Tỷ lệ ký quỹ an toàn;
- Mặt hàng chuyên doanh phải dễ dàng tiêu thụ trên thị trường;
- Vay thanh toán L/C có tài sản bảo đảm.

(h) Rủi ro đặc thù khác

❖ Rủi ro phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố (PCRT/TTKB)

VietBank đảm bảo tuân thủ đầy đủ, hiệu quả các quy định và yêu cầu của pháp luật, NHNN về phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, chống tội phạm tài chính và tuân thủ báo cáo theo Đạo luật FATCA.

Mô hình PCRT/TTKB tại VietBank được xây dựng theo cấu trúc 03 lớp phòng thủ, bao gồm: Tổ PCRT tác nghiệp trực tiếp tại từng TTKD với sự hỗ trợ, quản lý, giám sát của Bộ phận PCRT – thuộc Khối Quản lý rủi ro tại Hội Sở và sự định hướng, chỉ đạo từ Ban PCRT bao gồm các Trưởng ban là thành viên Ban Điều hành và các thành viên là đại diện các Khối/Trung tâm/Phòng ban nghiệp vụ liên quan trực tiếp đến vận hành và giao dịch tại Hội sở và thư ký Ban là Trưởng Bộ phận PCRT.

Quy định nội bộ VietBank về PCRT/TTKB luôn được thường xuyên cập nhật, theo sát các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, cảnh báo từ NHNN và là "kim chỉ nam" cho toàn thể CBNV tuân thủ theo. Quy định Phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố (PCRT & TTKB) quy định chức năng, trách nhiệm của các CBNV, các đơn vị Phòng/ Ban, mô hình tổ chức cũng như các biện pháp hướng dẫn thực hiện công tác PCRT & TTKB tại Ngân hàng, cụ thể bao gồm:

- Chính sách chấp nhận khách hàng;
- Quy trình, thủ tục nhận biết khách hàng, xác minh và cập nhật thông tin khách hàng;
- Các biện pháp đánh giá tăng cường đối với khách hàng có rủi ro cao;
- Quy trình báo cáo các giao dịch phải báo cáo;
- Quy trình rà soát, phát hiện, xử lý và báo cáo giao dịch đáng ngờ;
- Lưu giữ và bảo mật thông tin;
- Áp dụng biện pháp tạm thời, nguyên tắc xử lý trong trường hợp trì hoãn thực hiện giao dịch;
- Chế độ báo cáo, cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) và các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
- Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng, chống rửa tiền;
- Đánh giá rủi ro rửa tiền và tài trợ khủng bố tại Ngân hàng;
- Kiểm soát và kiểm toán nội bộ việc tuân thủ các chính sách, quy định, quy trình và thủ tục liên quan đến hoạt động phòng, chống rửa tiền; trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận trong việc thực hiện quy định nội bộ về PCRT & TTKB.

Hệ thống PCRT tại VietBank: Nắm bắt được xu hướng thời đại công nghệ số, bên cạnh việc không ngừng xây dựng, phát triển các sản phẩm, dịch vụ tài chính hiện đại, gia tăng tiện ích hơn đến khách hàng,

VietBank cũng không ngừng cải tiến nền tảng công nghệ thông tin hiện đại đảm bảo giảm thiểu tối đa rủi ro an ninh mạng, bảo mật thông tin đặc biệt là phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và các tội phạm tài chính khác. Hệ thống PCRT tại VietBank bao gồm:

- Hệ thống rà soát, kiểm tra thông tin phòng, chống rửa tiền của khách hàng/giao dịch (FicoSoft) được đối tác cung cấp Corebanking – Finastra cài đặt và phát triển theo hướng tự động hóa hoàn toàn với nguồn danh sách cảnh báo, hạn chế giao dịch toàn diện World-Check List được liên tục cập nhật từ Nhà cung cấp Refinitiv – sở hữu nền tảng từ một trong những nhà cung cấp lớn nhất thế giới về dữ liệu và cơ sở hạ tầng của thị trường tài chính Thomson Reuters.
- Hệ thống giám sát và báo cáo giao dịch không ngừng được cải thiện, tối ưu. Đây là một hệ thống các báo cáo khác nhau do chính VietBank xây dựng trên Hệ thống Quản trị thông tin ngân hàng (MIS) dựa trên các kịch bản giám sát giao dịch đáng ngờ cụ thể, mở phòng từ các dấu hiệu đáng ngờ được quy định trong các văn bản pháp luật về PCRT hay từ kinh nghiệm thực tế của các cán bộ tuần thủ PCRT. Đây là Chương trình giám sát giao dịch bán tự động mà cán bộ tuần thủ PCRT sử dụng mỗi ngày.

VietBank cũng chú trọng công tác đào tạo nghiệp vụ PCRT/TTKB. Trung tâm Đào tạo phối hợp cùng BP.PCRT nghiêm túc triển khai việc đào tạo nghiệp vụ PCRT/TTKB định kỳ hàng năm từ nền tảng trực tuyến cho đến đào tạo tại chỗ trên toàn hệ thống, đặc biệt đối với các thành viên thuộc Tổ PCRT và các CBNV được giao nhiệm vụ có liên quan đến giao dịch tiền, tài sản với khách hàng nhằm cập nhật những kiến thức mới nhất đi kèm các tình huống minh họa thực tiễn giúp nâng cao nhận thức, hiểu biết và tinh tự giác tuần thủ của CBNV. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng không ngừng tạo điều kiện cho các cán bộ chuyên trách tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ PCRT/TTKB do NHNN hoặc các Cơ quan có thẩm quyền tổ chức...

4. Rủi ro về đợt chào bán

❖ Rủi ro về việc chào bán

Trong đợt phát hành trái phiếu ra công chúng này, VietBank không có đơn vị bảo lãnh phát hành nên đợt chào bán có thể không huy động được đủ số vốn dự kiến. Trong trường hợp không chào bán hết số lượng trái phiếu đã đăng ký, VietBank sẽ điều chỉnh kế hoạch huy động vốn phù hợp với tình hình thực tế của thị trường.

❖ Rủi ro về dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Nguồn vốn huy động được từ việc chào bán trái phiếu được sử dụng để tăng quy mô hoạt động và cho vay. Do đó, việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cũng đi kèm với những rủi ro: rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất...

❖ Rủi ro lãi trái phiếu có thể bị tạm ngừng trả

Trường hợp lãi trái phiếu bị tạm ngừng trả được quy định tại Điều Khoản 2 (d) Phần VI và Điều Khoản 8.4 Phần VI trong Bản Cáo Bạch này. Mặc dù VietBank sẽ dự chi tiền lãi trái phiếu hàng năm, tuy nhiên không có gì bảo đảm rằng VietBank sẽ không phải thực hiện quyền ngừng trả lãi nếu kết quả kinh doanh của VietBank bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi các yếu tố khác, trong đó có các yếu tố rủi ro trình bày trong phần này.

5. Rủi ro quản trị công ty

Trong công tác quản trị điều hành tại Ngân hàng VietBank, với sự sâu sát của các cấp lãnh đạo từ Hội đồng Quản trị đến Ban Cố vấn; Tổng Giám đốc và các cấp lãnh đạo của các Phòng Ban, các TTKD đều nhất quán, kịp thời, chặt chẽ giúp cho VietBank luôn đi đúng định hướng và hiệu quả.

Ngoài các cuộc họp Hội đồng Quản trị hàng quý để thảo luận và có ý kiến đối với kết quả điều hành hoạt động của Tổng Giám đốc cũng như việc thực hiện, triển khai các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, hàng tháng, trên cơ sở báo cáo định kỳ của Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị cũng đã xem xét, có ý kiến để Tổng Giám đốc có các điều chỉnh giải pháp kinh doanh cụ thể. Đại diện Thường trực Hội đồng Quản trị họp với Cố vấn định kỳ hàng tuần để xem xét các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh, đưa ra ý kiến định hướng kịp thời cho Ban Điều hành, đồng thời xử lý các tồn tại, khó khăn trong hoạt động ngân hàng. Trên cơ sở chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành đã nghiêm túc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ ngân hàng, chấp hành các quy định của Ngân hàng Nhà nước về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng.

6. Rủi ro khác

(a) VietBank là một ngân hàng thương mại hoạt động trong nền kinh tế có tính cạnh tranh ngày càng cao

VietBank hoạt động theo mô hình ngân hàng TMCP đa dạng hóa về hình thức sở hữu và không phụ thuộc vào Chính phủ Việt Nam. Tháng 07/2019, VietBank có cổ phiếu chính thức giao dịch trên sàn UPCOM với mã chứng khoán VBB.

VietBank chịu áp lực cạnh tranh từ các ngân hàng khác (bao gồm cả ngân hàng thương mại có vốn Nhà nước, ngân hàng TMCP, các ngân hàng 100% vốn nước ngoài và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam). Nếu Chính phủ Việt Nam mở cửa rộng hơn với các nhà đầu tư nước ngoài theo các hiệp định thương mại đã ký kết hoặc vì bất kỳ lý do nào khác, sự cạnh tranh trong ngành ngân hàng ngày càng tăng.

(b) Các quy định khác nhau về công bố thông tin, kế toán và quản lý

VietBank lập các BCTC hợp nhất phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS), hệ thống kế toán các TCTD Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC. Các thông tin được thể hiện trong Bản Công Bố Thông Tin này được thể hiện trên cơ sở áp dụng VAS. Các nhà đầu tư tiềm năng cần lưu ý rằng các quy định về quản lý tại Việt Nam có thể khác với các quy định hiện hành tại các quốc gia khác. Do VietBank hoạt động trong ngành ngân hàng là ngành chịu sự quản lý, giám sát chặt chẽ tại Việt Nam, các nhà đầu tư tiềm năng cũng nên lưu ý rằng các cơ quan quản lý đã ban hành các chuẩn mực riêng tại Việt Nam cũng như đưa ra những hướng dẫn và quy định cụ thể tại Việt Nam.

(c) Các trường hợp bất khả kháng

Ngoài các rủi ro trên, những rủi ro khác mang tính bất khả kháng cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của VietBank như: thiên tai, dịch họa, dịch bệnh hiểm nghèo, chiến tranh, khủng bố,... Những rủi ro này tạo tâm lý bất an, gây thiệt hại, ảnh hưởng đến thu nhập của các Cá nhân, Tổ chức là khách hàng của VietBank.

DANH MỤC CÁC YẾU TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐÚNG VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU. CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CẦN CÓ NHỮNG ĐÁNH GIÁ KHÁCH QUAN ĐỂ CÓ THỂ NHẬN ĐỊNH MỘT CÁCH ĐẦY ĐÚNG CÁC NHÂN TỐ RỦI RO CÓ THỂ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU CỦA VIETBANK.

III. CÁC KHÁI NIỆM

"VietBank", "Tổ Chức Phát Hành", "Ngân hàng"	: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
"HDS", "Tổ Chức Tư Vấn"	: Công ty Cổ phần Chứng khoán HD
"ĐHĐCĐ"	: Đại hội đồng Cổ đông
"HDQT"	: Hội đồng Quản trị

"TGD"	: Tổng Giám đốc
"BKS"	: Ban Kiểm soát
"CNTT"	: Công nghệ Thông tin
"ISO"	: Chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng
"ATM"	: Máy rút tiền tự động
"CTCP"	: Công ty Cổ phần
"NHTM"	: Ngân hàng Thương mại
"NHNN"	: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
"UBCKNN"	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
"TMCP"	: Thương mại Cổ phần
"TNHH"	: Trách nhiệm hữu hạn
"TCTD"	: Tổ chức tín dụng
"TCKT"	: Tổ chức kinh tế
"SGDCK"	: Sở Giao dịch chứng khoán
"UBND"	: Ủy Ban Nhân Dân
"USD"	: Đồng đô la Mỹ
"VND"	: Việt Nam Đồng
"VPĐD"	: Văn phòng đại diện
"ALCO"	: Hội Đồng Quản Lý Tài Sản Nợ và Tài Sản Có
"HĐTD"	: Hội Đồng Tín Dụng
"L/C"	: Tín Dụng Thư (Letter Of Credit)
"CBNV"	: Cán bộ nhân viên
"QLRR"	: Quản lý rủi ro
"TTKD"	: Trung tâm Kinh doanh
"GTCG"	: Giấy tờ có giá
"KHCH"	: Khách hàng Cá nhân
"KHDN"	: Khách hàng Doanh nghiệp
"SXKD"	: Sản xuất Kinh doanh
"BCTC"	: Báo cáo tài chính
"TSCĐ"	: Tài sản cố định
"KPI"	: Key Performance Indicator (chỉ số hiệu suất công việc)

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành

- Tên đầy đủ: Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín.
- Tên viết tắt: VietBank.
- Tên tiếng Anh: Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank.
- Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 2200269805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc

Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 27, ngày 09/05/2022.

- Trụ sở chính: Số 47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng,
- Điện thoại: (0299) 362 1454
- Fax: (0299) 362 1858
- Vốn điều lệ: 4.776.826.690.000 đồng (Bốn nghìn bảy trăm bảy mươi sáu tỷ, tám trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng)
- Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động trung gian tiền tệ khác – Mã ngành: 6419. Chi tiết như sau:
 - 1) Nhận tiền gửi của tổ chức, cá nhân và của các tổ chức tín dụng khác dưới các hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn và các loại tiền gửi khác;
 - 2) Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác để huy động vốn của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;
 - 3) Vay vốn của các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại Việt Nam và của tổ chức tín dụng nước ngoài;
 - 4) Vay vốn ngắn hạn của Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật Việt Nam; các hình thức huy động vốn khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
 - 5) Cấp tín dụng cho tổ chức, cá nhân dưới các hình thức cho vay, chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá khác, bảo lãnh, cho thuê tài chính và các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
 - 6) Cung ứng các phương tiện thanh toán; thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước cho khách hàng, dịch vụ thu hộ, chi hộ, dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; dịch vụ thanh toán quốc tế theo quy định của pháp luật, dịch vụ thu và chi tiền mặt cho khách hàng; tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng trong nước, tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;
 - 7) Góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật;
 - 8) Tham gia thị trường tiền tệ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
 - 9) Trực tiếp kinh doanh hoặc thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có để kinh doanh ngoại hối và vàng trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;
 - 10) Ủy thác, nhận ủy thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kể cả việc quản lý tài sản, vốn đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng ủy thác, đại lý;
 - 11) Cung ứng dịch vụ bảo hiểm, thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có hoặc liên doanh để kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật;
 - 12) Tư vấn tài chính, tiền tệ cho khách hàng dưới hình thức trực tiếp tư vấn cho khách hàng hoặc thành lập công ty trực thuộc theo quy định của pháp luật;
 - 13) Bảo quản hiện vật quý, giấy tờ có giá, cho thuê tủ két, cầm đồ và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật;
 - 14) Trực tiếp kinh doanh hoặc thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có để thực hiện các hoạt động kinh doanh khác có liên quan đến hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật;

- 15) Mua, bán trái phiếu và giấy tờ có giá trị khác;
- 16) Tham gia giao dịch trái phiếu và các giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ;
- 17) Các hoạt động kinh doanh trái phiếu, giấy tờ có giá trị khác phù hợp với quy định pháp luật.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Nhật Nguyên** – Chủ tịch HĐQT.
- Mã cổ phiếu: VBB
- Sàn đăng ký giao dịch: UPCOM.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Phát Hành

2.1. Quá trình hình thành và phát triển

Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được phép hoạt động theo Giấy phép Hoạt động số 2399/QĐ/NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 15 tháng 12 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2200269805, sửa đổi lần thứ 27, ngày 09 tháng 05 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp. Thời hạn hoạt động theo giấy phép là 50 năm kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Ngân hàng là cung cấp các dịch vụ ngân hàng, bao gồm hoạt động huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân khác nhau; hoạt động cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân khác nhau trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ và mua bán vàng miếng, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; thực hiện hoạt động bao thanh toán; cung ứng dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; mua bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; ủy thác cho vay và nhận ủy thác cho vay; đại lý bảo hiểm; cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết thuộc sở hữu của Ngân hàng; cung ứng dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

2.2. Các cột mốc quan trọng

Bảng 1. Chặng đường phát triển của VietBank

Thời gian	Sự kiện quan trọng
2007	<ul style="list-style-type: none"> - VietBank chính thức được thành lập, trụ sở tại số 35 Trần Hưng Đạo, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, tạo tiền đề cho việc phát triển mạng lưới trên toàn quốc; đồng thời VietBank cũng khai trương hoạt động chi nhánh Sóc Trăng – chi nhánh đầu tiên của VietBank; - Tăng vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng.
2008	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng.
2009	<ul style="list-style-type: none"> - Khai trương chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh – chi nhánh đầu tiên của VietBank tại thị trường Tp. Hồ Chí Minh.
2010	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng.
2015	<ul style="list-style-type: none"> - Tháng 01: Khởi công xây dựng tòa nhà VietBank tại TP.HCM với tổng diện tích

Thời gian	Sự kiện quan trọng
	14.500m ² ; - Tháng 11: Chính thức khánh thành và đi vào hoạt động tòa nhà mới của VietBank tại TP.HCM; - Liên tiếp được công nhận các giải thưởng uy tín: <ul style="list-style-type: none"> o Thương Hiệu Uy Tín o Doanh Nghiệp Phát triển Bền Vững 2015 - Hệ thống mạng lưới gần 100 điểm giao dịch tại 11 tỉnh thành trên toàn quốc.
2016	- Tăng vốn điều lệ lên 3.249 tỷ đồng; - Vinh dự nhận giải thưởng "Thương hiệu mạnh Việt Nam"
2017	- Kỷ niệm 10 năm thành lập; - Chuyển đổi các Quỹ tiết kiệm thành Phòng giao dịch; - Triển khai dự án Corebanking.
2018	- Tăng vốn điều lệ lên 4.105 tỷ đồng, triển khai nhiều dự án nhằm phát triển VietBank theo hướng Digital Banking.
2019	- Tăng vốn điều lệ lên 4.190 tỷ đồng; - Chuyển đổi thành công hệ thống ngân hàng lõi; - Mở mới 18 Trung tâm Kinh doanh tại các tỉnh thành trọng điểm trên cả nước; - Được NHNN phê duyệt áp dụng Basel 2 trước hạn.
2020	- Mở mới thành công 5 chi nhánh trong điều kiện khó khăn của dịch Covid-19. - Liên tiếp nhận được các giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế: Ngân hàng triển khai công nghệ ngân hàng lõi tốt nhất năm 2020, Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam, Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2020, Top 100 Sản phẩm - Dịch vụ Tin và Dữ liệu Việt Nam
2021	- Tăng vốn điều lệ lên 4.777 tỷ đồng.

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

2.3. Định hướng phát triển

- **Mục tiêu phát triển dài hạn** của VietBank là trở thành ngân hàng có quy mô lớn mạnh với:
 - **Tầm nhìn chiến lược:** Trở thành ngân hàng bán lẻ uy tín hàng đầu Việt Nam, hoạt động theo phương châm: **TĂNG TRƯỞNG - AN TOÀN - BỀN VỮNG - HIỆU QUẢ**
 - **Sứ mệnh:** Tạo ra những sản phẩm và dịch vụ tài chính hiệu quả nhằm đem lại giá trị cao nhất cho Khách hàng và Nhà đầu tư. Tham gia các hoạt động từ thiện, đồng hành cùng sự phát triển chung của cộng đồng và xã hội
 - **Giá trị cốt lõi:**

- o Uy tín: VietBank lấy chữ "Tín" làm kim chỉ nam trong mọi hành động. "Tín" với khách hàng, "Tín" với cổ đông. Sự hài lòng của Khách hàng là thước đo cho sự thành công & sự phát triển của VietBank.
- o Chất lượng: không ngừng sáng tạo và luôn hướng đến những ý tưởng mới nhằm mang đến cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ tài chính thông minh, có giá trị.
- o Khách hàng: là trung tâm của mọi hoạt động, VietBank cam kết mang đến những sản phẩm dịch vụ đáp ứng tốt nhất mọi nhu cầu Khách hàng.
- o Nhân sự: là tài sản vô giá, là yếu tố cốt lõi tạo nên sự thành công và đóng góp vào quá trình hình thành, phát triển của một tổ chức. VietBank luôn chú trọng đến việc xây dựng nguồn nhân sự cho năng lực chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp để tạo ra giá trị đặc trưng và phù hợp với giai đoạn phát triển của VietBank.

Định hướng chiến lược phát triển trung hạn:

- Tổng tài sản: phần đầu tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước;
- Dư nợ tín dụng: tăng đủ theo hạn mức Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân bổ;
- Tỷ lệ thu nhập dịch vụ: tối thiểu 10% trong tổng thu nhập;
- Tỷ lệ lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt trên 10%;
- Tỷ lệ Nợ xấu: thấp hơn 3%;
- Hệ số an toàn vốn tối thiểu (theo Thông tư 41/2016 của NHNN) đạt trên 8%.

2.4. Các giải thưởng

Bảng 2. Các danh hiệu & phần thưởng cao quý VietBank được trao trong thời gian qua

Năm	Giải thưởng	Cơ quan cấp
2015	Thương hiệu uy tín – Doanh nghiệp phát triển bền vững 2015	Viện DN Việt Nam
2016	Thương hiệu mạnh Việt Nam	Thời báo Kinh tế Việt Nam
2018	VietBank xếp thứ 399/500 VNR 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2017, xếp thứ 209/500 VNR 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam năm 2018.	Vietnamnet
2018	TOP 100 Sản phẩm - Dịch vụ Tín và Dùmng Việt Nam Năm 2018.	Thời báo Kinh Tế Việt Nam
2019	TOP 100 Sản phẩm - Dịch vụ Tín và Dùmng Việt Nam Năm 2019.	Thời báo Kinh Tế Việt Nam
2020	The Asian Banker Vietnam Awards 2020: Best core banking technology implementation	The Asian Banker
	Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (FAST500)	Vietnam Report và Báo VietnamNet.
	Top 500 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam 2020 (PROFIT500)	
	Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2020 (VNR500)	

	Top 100 Sản phẩm - Dịch vụ Tín và Dùng Việt Nam Năm 2020 - "Ngân hàng bán lẻ uy tín"	Thời báo Kinh Tế Việt Nam
--	--	---------------------------

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành

Hình 1. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành



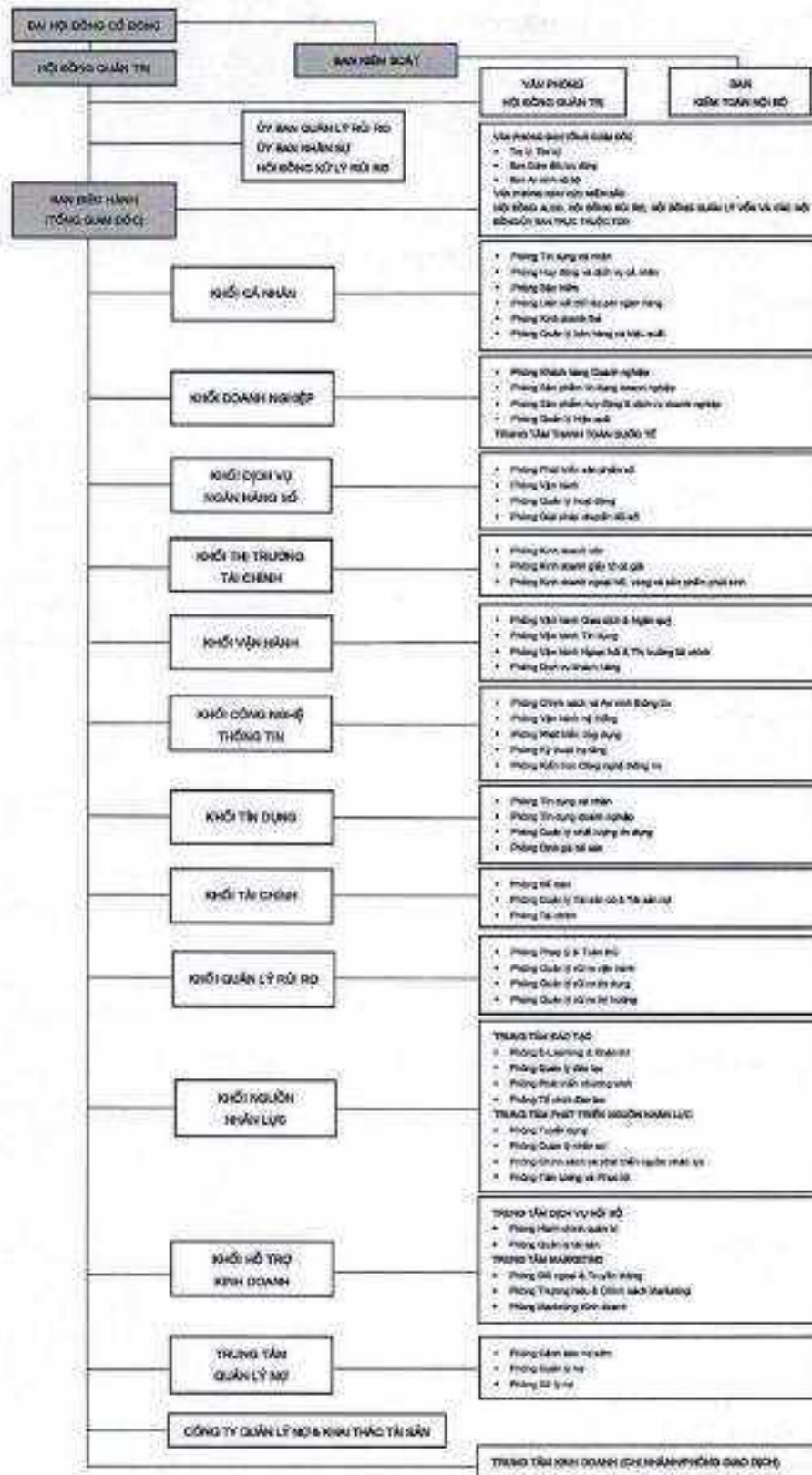
Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Tính đến 31/03/2022, cơ cấu tổ chức của Ngân hàng phát hành bao gồm:

- Trụ sở chính đặt tại 47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, Việt Nam
- Mạng lưới hoạt động gồm hai mươi lăm (25) chi nhánh, chín mươi ba (93) phòng giao dịch được phân bố ở hầu hết các tỉnh và thành phố trên cả nước
- Ngân hàng có một (01) công ty con sở hữu trực tiếp: Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Việt Nam Thương Tín.

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành

Hình 2. Cơ cấu quản trị của Tổ Chức Phát Hành



Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

4.1. Đại hội đồng Cổ đông

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của VietBank, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng; sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng; Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát; Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát; Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của Ngân hàng; Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của Ngân hàng; Quyết định việc xây dựng và điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng; Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

4.2. Hội đồng Quản trị

HĐQT là cơ quan quản trị của Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh VietBank để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến mục đích, quyền lợi của ngân hàng, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

HĐQT chịu trách nhiệm trong việc xây dựng chiến lược của VietBank và xác định các ưu tiên trong hoạt động kinh doanh của VietBank, định hướng và kiểm soát công tác quản lý, đưa ra quyết định về những vấn đề không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

4.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.

Cơ quan tham mưu, giúp việc cho Ban Kiểm soát là Ban Kiểm toán nội bộ, có chức năng sau:

- Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hằng năm hoặc đột xuất và thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ theo kế hoạch hoặc kiểm toán đột xuất; thực hiện các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm toán nội bộ đã được phê duyệt, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.
- Kiểm tra, rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với tất cả các đơn vị, bộ phận, hoạt động của Ngân hàng, dựa trên mức độ rủi ro và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Ngân hàng.
- Kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót; Kiến nghị xử lý những vi phạm; Đề xuất biện pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Thực hiện tự đánh giá nội bộ đối với kết quả hoạt động kiểm toán.

Duy trì việc tham vấn, trao đổi thường xuyên với tổ chức kiểm toán độc lập, Ngân hàng Nhà nước, nhằm đảm bảo hợp tác có hiệu quả; Là đơn vị điều phối, phối hợp với các cơ quan bên ngoài đối với những công việc có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ.

4.4. Ban Điều hành

Ban Điều hành là cơ quan điều hành hoạt động Ngân hàng, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc điều hành hoạt động của Ngân hàng.

Đứng đầu Ban Điều hành của Ngân hàng là Tổng Giám đốc, sau đó là các Phó Tổng Giám đốc được phân công, phân quyền trong quản lý điều hành các Trung tâm Kinh doanh và các Khối nghiệp vụ tại Hội sở của Ngân hàng.

Kế toán trưởng của Ngân hàng thực hiện quản lý về mặt tài chính – kế toán trong toàn hệ thống của VietBank.

Hiện nay, VietBank có 06 (sáu) thành viên trong Ban Điều hành và 01 (một) Kế toán trưởng, đều là những chuyên gia với kiến thức và kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế

toán, pháp lý, kinh doanh.

4.5. Các Ủy ban trực thuộc HĐQT

a. Ủy ban Quản lý rủi ro

- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện các chính sách, quy định, quy trình thuộc thẩm quyền của mình liên quan đến quản lý rủi ro trong hoạt động Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ VietBank.
- Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của VietBank trước những nguy cơ, rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.
- Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các chính sách, quy định, quy trình quản trị hiện hành của VietBank để đưa ra các khuyến nghị, đề xuất đối với Hội đồng Quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, quy định chính sách, chiến lược hoạt động.
- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch có liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ Hội đồng Quản trị giao.
- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc xử lý, khắc phục các tổn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo các yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.

b. Ủy ban Nhân sự

- Tham mưu cho HĐQT về cơ cấu tổ chức, nhân sự và chính sách nhân sự phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của VietBank.
- Thay mặt HĐQT quyết định những vấn đề về cơ cấu tổ chức, nhân sự và chính sách nhân sự trong phạm vi được HĐQT ủy quyền.

c. Ủy ban Đầu tư

- Tham mưu, tư vấn cho HĐQT/Thường trực HĐQT về:
 - Các thông tin thị trường, phân tích đánh giá tình hình thị trường trong và quốc tế;
 - Đánh giá các đề xuất đầu tư để đưa ra các ý kiến liên quan đến quyết định đầu tư của VietBank nhằm tham mưu cho cấp có thẩm quyền đưa ra các quyết định đầu tư;
 - Cung cấp các thông tin về kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô,... trên cơ sở đưa ra các nhận định củng cố quyết định đầu tư;
 - Định hướng, tham mưu cho cấp có thẩm quyền về các chính sách của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước ảnh hưởng đến quyết định đầu tư.
- Theo dõi, giám sát về việc thực hiện chiến lược, triển khai kế hoạch đầu tư theo ủy quyền của HĐQT/Thường trực HĐQT.

4.6. Các Khối chức năng tại Hội sở chính

Đối với các Khối nghiệp vụ tại Hội sở: bao gồm 11 (Mười một) Khối như sau:

• Khối Cá nhân

Đơn vị trực thuộc Khối Cá nhân bao gồm:

a) Phòng Huy động và Dịch vụ cá nhân

- Tham mưu cho Ban Giám đốc Khối Cá nhân về chiến lược, định hướng phát triển sản phẩm huy động, dịch vụ tài chính Khách hàng Cá nhân.
- Xây dựng, triển khai, quản lý hệ thống danh mục sản phẩm huy động, dịch vụ tài chính Khách hàng Cá nhân theo định hướng của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành trong từng kỳ.
- Hướng dẫn nghiệp vụ, soạn thảo, quản lý hệ thống văn bản nội bộ liên quan đến sản phẩm huy

động, dịch vụ tài chính Khách hàng Cá nhân.

- Phối hợp với Trung tâm Đào tạo đào tạo nghiệp vụ, Sản phẩm huy động, dịch vụ tài chính đến đơn vị kinh doanh, đội ngũ bán hàng, đội ngũ tác nghiệp.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác phát triển sản phẩm huy động, dịch vụ tài chính Khách hàng Cá nhân.

b) Phòng Tín dụng cá nhân

- Tham mưu cho Ban Giám đốc Khối Cá nhân về chiến lược, định hướng phát triển Sản phẩm tín dụng, dịch vụ tín dụng Khách hàng Cá nhân.
- Xây dựng, triển khai, quản lý hệ thống danh mục Sản phẩm tín dụng, dịch vụ tín dụng Khách hàng Cá nhân theo định hướng của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành trong từng thời kỳ.
- Hướng dẫn nghiệp vụ, soạn thảo, quản lý hệ thống văn bản nội bộ liên quan đến Sản phẩm tín dụng, dịch vụ tín dụng Khách hàng Cá nhân.
- Phối hợp với Trung tâm Đào tạo đào tạo nghiệp vụ, Sản phẩm tín dụng, dịch vụ tín dụng đến đơn vị kinh doanh, đội ngũ bán hàng, đội ngũ tác nghiệp.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác phát triển sản phẩm tín dụng, dịch vụ tín dụng Khách hàng Cá nhân.

c) Phòng Bảo hiểm

- Quản lý và phát triển sản phẩm dịch vụ bảo hiểm (bao gồm Nhân thọ và Phi nhân thọ).
- Tìm kiếm đối tác bảo hiểm, phân tích và đánh giá cơ hội liên kết.
- Xây dựng mô hình/chính sách, triển khai hợp tác nghiệp vụ Bancassurance.
- Huấn luyện và đào tạo kiến thức sản phẩm, kỹ năng mềm tư vấn bảo hiểm.
- Xử lý thông tin và phản hồi của khách hàng về sản phẩm, chất lượng dịch vụ, bồi thường...
- Thực hiện các chương trình, chiến dịch bán hàng, thu hút khách hàng, thúc đẩy bán bảo hiểm.
- Xây dựng hệ thống báo cáo để theo dõi, đối chiếu số liệu.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác phát triển sản phẩm dịch vụ bảo hiểm (bao gồm Nhân thọ và Phi nhân thọ).

d) Phòng Liên kết đối tác phi ngân hàng

- Xác định, đánh giá tiềm năng cơ hội liên kết đối tác, tìm kiếm phát triển đối tác bao gồm liên kết phát triển dự án bất động sản, liên kết các tập đoàn, công ty, chuỗi liên kết.
- Phân tích đánh giá hiệu quả liên kết; đề xuất, tham mưu ý kiến cho Ban Lãnh đạo phát triển đối tác chiến lược.
- Xây dựng mô hình/chính sách triển khai hợp tác liên kết đối tác; quản lý đối tác hợp tác liên kết.
- Phối hợp thực hiện, triển khai các bước liên kết, chính sách, quy trình đến Đơn vị kinh doanh, đội ngũ bán hàng.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác liên kết, hợp tác các đối tác và nhóm khách hàng.

e) Phòng Kinh doanh thẻ

- Quản lý và phát triển kinh doanh thẻ và các sản phẩm số.
- Quản lý, phát triển kênh phân phối.
- Quản lý và phát triển, quản lý Đơn vị Chấp nhận thanh toán (ĐVCNTT).
- Quản lý hình ảnh, thương hiệu.

- Đào tạo phát triển nguồn nhân lực kiến thức sản phẩm dịch vụ thẻ và sản phẩm số đến Đơn vị kinh doanh, đội ngũ bán hàng.
- Xây dựng hệ thống báo cáo theo dõi kết quả kinh doanh, đánh giá năng suất kinh doanh.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác kinh doanh sản phẩm, dịch vụ thẻ.
-
- f) Phòng Quản lý bán hàng và hiệu suất
 - Quản lý, đánh giá các chỉ tiêu, hiệu quả kinh doanh của từng mảng bao gồm cho vay, huy động, bảo hiểm, thẻ, phí và các dịch vụ KHCN.
 - Phối hợp với các Phòng ban nghiệp vụ xây dựng kế hoạch kinh doanh, phân bổ chỉ tiêu kinh doanh; đánh giá, quản lý kết quả kinh doanh của theo từng Khu vực, từng Đơn vị kinh doanh, từng nhân viên kinh doanh về KHCN.
 - Xây dựng các chương trình thúc đẩy bán hàng và thi đua nội bộ.
 - Phối hợp tuyển dụng, đề xuất, đánh giá đội ngũ kinh doanh nhằm đảm bảo nguồn nhân lực phát triển kinh doanh.
 - Xây dựng hệ thống báo cáo, đánh giá kết quả kinh doanh theo các Khu vực, từng Đơn vị kinh doanh, từng nhân sự kinh doanh, đánh giá hiệu quả các chương trình thúc đẩy kinh doanh và chương trình thi đua nội bộ.
 - Báo cáo Ban Tổng Giám đốc, lãnh đạo Khối Cá nhân về kết quả bán hàng, KPIs, chương trình thúc đẩy bán hàng, chương trình thi đua nội bộ.
 - Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác xây dựng kế hoạch kinh doanh, hệ thống phân bổ kinh doanh, báo cáo kết quả và hiệu suất kinh doanh theo các Khu vực, từng Đơn vị kinh doanh, từng nhân sự kinh doanh.

• Khối Doanh nghiệp

Đơn vị trực thuộc Khối Doanh nghiệp bao gồm:

- a) Phòng Khách hàng Doanh nghiệp
 - Quản lý, chăm sóc và phát triển Khách hàng Doanh nghiệp.
 - Quản lý các hoạt động liên kết để khai thác hệ sinh thái xoay quanh Khách hàng Doanh nghiệp.
 - Quản lý các hoạt động cho vay, tài trợ, chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu để khai thác hiệu quả giải pháp tài chính cung cấp trọn gói cho khách hàng.
 - Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác chăm sóc và phát triển Khách hàng Doanh nghiệp.
- b) Phòng Sản phẩm tín dụng doanh nghiệp
 - Tham mưu cho Ban Giám đốc Khối Doanh nghiệp về chiến lược, định hướng phát triển Sản phẩm tín dụng, dịch vụ tín dụng Khách hàng Doanh nghiệp.
 - Xây dựng, triển khai, quản lý hệ thống danh mục Sản phẩm tín dụng, dịch vụ tín dụng Khách hàng Doanh nghiệp theo định hướng của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành trong từng thời kỳ.
 - Hướng dẫn nghiệp vụ, soạn thảo, quản lý hệ thống văn bản nội bộ liên quan đến Sản phẩm tín dụng, dịch vụ tín dụng Khách hàng Doanh nghiệp.
 - Phối hợp với Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ, Sản phẩm tín dụng, dịch vụ tín dụng đến TTKD, đội ngũ bán hàng, đội ngũ tác nghiệp.
 - Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác phát triển Sản phẩm tín dụng và dịch vụ

tin dụng doanh nghiệp.

c) Phòng Sản phẩm huy động và dịch vụ doanh nghiệp

- Tham mưu cho Ban Giám đốc Khối Doanh nghiệp về chiến lược, định hướng phát triển sản phẩm huy động, dịch vụ tài khoản/ tài chính Khách hàng Doanh nghiệp.
- Xây dựng, triển khai, quản lý hệ thống danh mục sản phẩm huy động, dịch vụ tài khoản/tài chính Khách hàng Doanh nghiệp theo định hướng của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành trong từng thời kỳ.
- Hướng dẫn nghiệp vụ, soạn thảo, quản lý hệ thống văn bản nội bộ liên quan đến sản phẩm huy động, dịch vụ tài khoản/tài chính Khách hàng Doanh nghiệp.
- Phối hợp với Trung tâm Đào tạo đào tạo nghiệp vụ, Sản phẩm huy động, dịch vụ tài khoản/tài chính đến TTKD, đội ngũ bán hàng, đội ngũ tác nghiệp.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác phát triển Sản phẩm huy động và dịch vụ tài khoản/tài chính doanh nghiệp.

d) Trung tâm thanh toán quốc tế

- Xây dựng quy trình nghiệp vụ thanh toán quốc tế.
- Đầu mối kiểm tra và thực hiện các giao dịch thanh toán quốc tế.
- Quản lý hoạt động thanh toán quốc tế.
- Quản lý việc sử dụng hệ thống Swift tại Trung tâm thanh toán quốc tế.
- Quản lý việc sử dụng tài khoản Nostro quốc tế.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác thanh toán quốc tế.

e) Phòng Quản lý hiệu quả

- Quản lý, phân tích và đánh giá hiệu quả khai thác Khách hàng Doanh nghiệp.
- Theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả các dòng sản phẩm, dịch vụ Khách hàng Doanh nghiệp đã ban hành.
- Theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả các chương trình ưu đãi bán hàng dành cho Khách hàng Doanh nghiệp.
- Theo dõi và đánh giá hiệu quả cho vay, tổng thu nhập (TOI) từ hoạt động của Khách hàng Doanh nghiệp
- Quản lý bán hàng và đánh giá hiệu suất của các TTKD và đội ngũ nhân viên bán hàng (A/O)
- Phân tích hiệu quả theo chuyển đổi
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác quản lý Khách hàng Doanh nghiệp.

• **Khối Dịch vụ Ngân hàng số**

Đơn vị trực thuộc Khối Dịch vụ Ngân hàng số bao gồm:

a) Phòng Phát triển sản phẩm số

- Đầu mối nghiên cứu sản phẩm chuyển đổi số tại Khối Dịch vụ Ngân hàng số; tiếp nhận các yêu cầu sản phẩm, dịch vụ truyền thống sang sản phẩm số.
- Xây dựng mô tả thiết kế giao diện người dùng theo chuẩn (UI/UX) trên nền tảng Mobile app, website và Internet banking; khác...giúp người dùng dễ dàng thao tác.
- Triển khai công cụ phát triển khách hàng mới qua kênh digital (mạng xã hội) song song kênh phân phối truyền thống VietBank.
- Hợp tác và liên kết các tổ chức trung gian thanh toán, các Công ty Fintech trong và ngoài nước để

- gia tăng tiện ích sản phẩm, dịch vụ thanh toán số đa dạng, tăng khai thác khách hàng bán chéo, tiết kiệm chi phí và nguồn lực của VietBank.
- Phối hợp với Trung tâm Marketing xây dựng công cụ truyền thông số phù hợp với nhu cầu của khách hàng khi ra mắt sản phẩm công nghệ mới.
- Nghiên cứu và triển khai thanh toán thẻ công nghệ cao (như giao dịch rút tiền bằng QR Code, Passcode) thay cho rút tiền từ thẻ vật lý hiện nay; thanh toán thẻ công nghệ cao dựa trên nền tảng công nghệ thanh toán như Apple Pay, Google Pay, Android Pay;... và thanh toán các dịch vụ công như thẻ không tiếp xúc, thẻ thanh toán NFC, thẻ thanh toán Mitare, v.v...
- Tập trung nghiên cứu phát triển các giải pháp chuyển đổi số hóa các sản phẩm và dịch vụ trên kênh Mobile app, và Internet dành cho khách hàng cá nhân, SME và doanh nghiệp đồng nhất (Omni channel). Tập trung cung cấp trải nghiệm người dùng và thu hút khách hàng mới phát triển Smart Account (mở tài khoản Online), Smart eSaving (gửi tiết kiệm Online), Smart Loan (vay tiêu dùng nhỏ lẻ, thẻ Online), Smart card (thẻ ảo), Smart Payment (thanh toán thông minh), Digital Marketing (tiếp thị...).
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác phát triển sản phẩm số.
 - b) Phòng Vận hành
 - Quản lý phát triển dịch vụ Thẻ trên core thẻ.
 - Phối hợp giám sát hệ thống Thẻ, Camera ATM.
 - Sản xuất thẻ.
 - Vận hành Ngân hàng số liên quan đến Digital Channel/ Agency Banking/v.v...
 - Đầu mối trao đổi và phối hợp với Khối CNTT, các Đơn vị khác của Ngân hàng, các đối tác cung cấp hệ thống thẻ, các Tổ chức chuyển mạch thẻ, các Tổ chức trung gian thanh toán thực hiện việc kết nối, tích hợp hệ thống.
 - Phối hợp các đối tác/ phòng ban liên quan, thực hiện triển khai, cài đặt và lắp đặt thiết bị chấp nhận thanh toán (ATM, CDM, Kios, POS/mPOS) theo kế hoạch trên toàn hệ thống.
 - Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác vận hành Ngân hàng số.
 - c) Phòng Quản lý hoạt động
 - Xây dựng, kiểm soát công tác hạch toán, kế toán các hoạt động nghiệp vụ Thẻ và ngân hàng số của Khối Dịch vụ Ngân hàng số.
 - Kiểm soát giao dịch Thẻ và Ngân hàng số.
 - Quản lý nghiệp vụ phát hành và giao nhận thẻ và PIN.
 - Kiểm soát nghiệp vụ xử lý yêu cầu về hoạt động thẻ/NHS trên toàn hệ thống.
 - Đề xuất cải tiến các quy trình vận hành truyền thống qua quy trình số hóa.
 - Hướng dẫn nghiệp vụ, đào tạo và hỗ trợ.
 - Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác quản lý hoạt động Thẻ, ngân hàng số.
 - d) Phòng Giải pháp chuyển đổi số
 - Tham mưu cho Ban Giám đốc Khối hoạch định kế hoạch phát triển giải pháp Ngân hàng số hàng năm trên cơ sở phù hợp với định hướng và chiến lược chung của VietBank trên nền tảng Digital Transformation: Digital In, Digital Out và Digital Hub dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại như: AI, RPA, eKYC, Robotic, Blockchain, Cloud, Chatbox.
 - Phát triển Front-end Mobile app/Web/Internet/Agency banking/v.v... theo tiêu chuẩn UI/UX giúp người dùng trải nghiệm các sản phẩm và dịch vụ được mượt mà, nhanh chóng.

- Phát triển Back-end quản trị vận hành Mobile app/Web/Internet/Agency banking/v.v...: Thiết kế quản lý và kết nối giữa front-end với hệ thống cơ sở dữ liệu thông qua phối hợp cùng Khối CNTT.
- Quản lý, phát triển và vận hành tất cả các nền tảng số trên nền tảng Mobile app, Web, và Internet banking...
- Phối hợp cùng các bên thứ ba và Khối CNTT nghiên cứu xây dựng cấu trúc phân tích cơ sở dữ liệu, phân tích hành vi người dùng để phân loại khách hàng, phân loại người dùng sản phẩm, dịch vụ Ngân hàng trên các kênh Ngân hàng số, để giúp các Khối kinh doanh chào bán sản phẩm phù hợp đúng đối tượng.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác chuyển đổi số.

• **Khối Thị trường tài chính**

Đơn vị trực thuộc Khối Thị trường tài chính bao gồm:

a) Phòng Kinh doanh giấy tờ có giá

- Kinh doanh và Đầu tư (bao gồm cả các sản phẩm phái sinh có liên quan) Trái phiếu chính phủ/Trái phiếu chính phủ bảo lãnh/Trái phiếu chính quyền địa phương và các giấy tờ có giá có tính thanh khoản cao khác (không bao gồm Trái phiếu doanh nghiệp).
- Kinh doanh và đầu tư giấy tờ có giá của các tổ chức tín dụng.
- Phát hành Giấy tờ có giá gồm: Chứng chỉ tiền gửi, Trái phiếu thường và các giấy tờ có giá khác của VietBank.
- Kinh doanh và đầu tư các sản phẩm phái sinh liên quan đến các sản phẩm thuộc chức năng của Phòng Kinh doanh giấy tờ có giá.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác kinh doanh và đầu tư các loại Trái phiếu chính phủ và Giấy tờ có giá của các TCTD.

b) Phòng Kinh doanh vốn

- Điều hòa thanh khoản thực tế trong ngày (không bao gồm quản lý các tỷ lệ đảm bảo theo quy định Ngân hàng nhà nước).
- Kinh doanh vốn trên thị trường Liên ngân hàng.
- Kinh doanh và Đầu tư (bao gồm cả các sản phẩm phái sinh có liên quan) Trái phiếu chính phủ/Trái phiếu chính phủ bảo lãnh/Trái phiếu chính quyền địa phương và các giấy tờ có giá có tính thanh khoản cao khác (không bao gồm Trái phiếu doanh nghiệp).
- Kiểm soát độc lập các giao dịch của Khối Thị trường tài chính.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác kinh doanh và đầu tư.

c) Phòng Kinh doanh ngoại hối, Vàng & Sản phẩm phái sinh

- Quản lý hoạt động kinh doanh ngoại hối và các sản phẩm phái sinh với khách hàng.
- Kinh doanh ngoại hối và các sản phẩm phái sinh với khách hàng.
- Kinh doanh ngoại hối và các sản phẩm phái sinh trên thị trường tài chính.
- Quản lý và kinh doanh vàng theo quy định của NHNN.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh ngoại hối và các sản phẩm phái sinh với khách hàng, kinh doanh ngoại hối và các sản phẩm phái sinh với khách hàng, trên thị trường tài chính.

• **Khối Vận hành**

Đơn vị trực thuộc Khối Vận hành bao gồm:

a) Phòng Vận hành Giao dịch & Ngân quỹ

- Quản lý hoạt động giao dịch và ngân quỹ tại tất cả các kênh.
- Thực hiện mô hình thanh toán tập trung; Sử dụng, theo dõi, đối chiếu, xử lý sai biệt (nếu có), giao nhận số phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của VietBank tại NHNN và các tổ chức tín dụng khác trong nước; Quản lý tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của tổ chức tín dụng khác trong nước tại VietBank.
- Thực hiện dịch vụ thu chi hộ với các đối tác lớn.
- Kiểm soát các hoạt động ngân quỹ và giao dịch.
- Điều chuyển vốn nội bộ (tiền mặt, chuyển khoản) và quản lý giao nhận tiền mặt với NHNN và các TCTD khác; quản lý công tác an toàn kho quỹ.
- Báo cáo nội bộ và cơ quan Nhà nước.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong các hoạt động ngân quỹ và giao dịch.

b) Phòng Vận hành Tín dụng

- Xây dựng quy định, quy trình nghiệp vụ để quản lý các giao dịch về tiền trong công tác tín dụng.
- Đào tạo, hướng dẫn kênh phân phối thực hiện thống nhất các quy định, quy trình để quản lý các giao dịch về tiền trong công tác tín dụng.
- Thực hiện giải ngân đối với tất cả các khoản vay hoặc các khoản vay có giá trị do Tổng Giám đốc quyết định trong từng thời kỳ; kiểm soát việc phát hành tất cả thư bảo lãnh.
- Tổ chức thực hiện, kiểm soát nghiệp vụ quản lý hồ sơ tài sản đảm bảo.
- Tổ chức thực hiện nghiệp vụ pháp lý chứng từ.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác vận hành tín dụng.

c) Phòng Vận hành Ngoại hối & Thị trường tài chính

- Xây dựng quy định, quy trình nghiệp vụ để xử lý giao dịch ngoại hối và thị trường tài chính.
- Xử lý các giao dịch tiền tệ.
- Kiểm soát các giao dịch về ngoại hối và thị trường tài chính.
- Quản lý hồ sơ giao dịch.
- Quản lý, theo dõi, đối chiếu, giao nhận số phụ tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của VietBank tại các tổ chức tín dụng khác trong và ngoài nước và tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của các tổ chức tín dụng khác trong và ngoài nước tại VietBank.
- Báo cáo nội bộ và báo cáo NHNN.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác kiểm soát, xử lý các giao dịch về ngoại hối và thị trường tài chính.

d) Phòng Dịch vụ khách hàng

- Vận hành hệ thống Hotline.
- Hỗ trợ & dịch vụ khách hàng.
- Tư vấn bán hàng.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác tư vấn bán hàng, chăm sóc khách hàng thông qua các kênh điện tử.

▪ **Khối Công nghệ thông tin**

a) Phòng Chính sách và An ninh thông tin

- Xây dựng, quản lý, giám sát các chính sách, quy định liên quan đến công nghệ thông tin theo tiêu

chuẩn NHNN và thông lệ quốc tế.

- Công tác an toàn và bảo mật thông tin toàn Ngân hàng.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác an toàn và bảo mật thông tin toàn Ngân hàng.

b) Phòng Vận hành hệ thống

- Vận hành Corebanking
- Vận hành hệ thống Corebanking của VietBank.
- Đề xuất và thực hiện nâng cấp Corebanking.
- Phát triển và triển khai các ứng dụng thuộc Corebanking.
- Tham gia đào tạo sử dụng đối với các tính năng mới, hoặc theo yêu cầu Ngân hàng.
- Vận hành hệ thống Thẻ và ngân hàng số
- Vận hành hệ thống và phần mềm ứng dụng của Trung tâm thẻ, Trung tâm Ngân hàng số.
- Xử lý số liệu và các báo cáo liên quan.
- Cập nhật và cài đặt các phiên bản phần mềm hệ thống thẻ, Ngân hàng số.
- Quản lý vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu
- Thiết kế, quy hoạch về Cơ sở dữ liệu.
- Quản trị, cài đặt và cấu hình các Cơ sở dữ liệu.
- Tinh chỉnh và giám sát hiệu suất của các Cơ sở dữ liệu.
- Chẩn đoán và phục hồi các Cơ sở dữ liệu bị sự cố.
- Tiếp nhận và xử lý các yêu cầu hỗ trợ CNTT trên toàn hệ thống VietBank.
- Tổ chức lưu trữ hồ sơ liên quan đến công tác hỗ trợ và kết quả thực hiện tại đơn vị.
- Tổ chức đào tạo, hướng dẫn sử dụng liên quan đến công tác hỗ trợ CNTT.

c) Phòng Phát triển ứng dụng

- Nghiên cứu, lựa chọn, đánh giá công nghệ từ các Tổ chức cung cấp giải pháp CNTT, nhà cung cấp cho các ứng dụng Corebanking, Core Thẻ, Ngân hàng số và ngoài Corebanking.
- Thực hiện công tác đào tạo, chuyển giao; tổ chức triển khai áp dụng công nghệ mới cho các Phòng nghiệp vụ thuộc mảng CNTT và đào tạo cho người sử dụng thuộc các đơn vị trực thuộc VietBank.
- Đề xuất áp dụng công nghệ phù hợp cho từng dự án; tham mưu cho Lãnh đạo Khối CNTT về định hướng công nghệ từng thời kỳ và theo yêu cầu.
- Tham mưu và trình bày cho Lãnh đạo CNTT về kế hoạch hiện đại hóa CNTT trong từng giai đoạn phát triển của VietBank.
- Phân tích yêu cầu nghiệp vụ, tư vấn giải pháp và thiết kế kỹ thuật cho các dự án Corebanking, Core Thẻ, Ngân hàng số và dự án ngoài Corebanking của VietBank.
- Quản lý, tiếp nhận và xử lý các phiếu yêu cầu điều chỉnh nghiệp vụ liên quan tới phần mềm ứng dụng Corebanking, Core Thẻ, Ngân hàng số và ngoài Corebanking.
- Lập trình ứng dụng cho các dự án, sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin của VietBank.
- Quản lý công nghệ thanh toán thẻ và thẻ thanh toán thông minh.
- Thực hiện các chương trình tuân thủ của các Tổ chức thẻ trong nước và quốc tế.
- Quản lý hệ thống ứng dụng cá thể hóa thẻ thông minh (thẻ CHIP).
- Xây dựng kịch bản kiểm thử nghiệp vụ và kiểm thử kỹ thuật các ứng dụng tự xây dựng.
- Triển khai các ứng dụng đến các đơn vị nghiệp vụ Ngân hàng/Chi nhánh/Phòng giao dịch.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác nghiên cứu và phát triển ứng

dung CNTT.

d) Phòng Kỹ thuật hạ tầng

- Quản trị hệ thống tại Đơn vị.
- Quản trị mạng tại Đơn vị.
- Đảm bảo hoạt động liên tục hệ thống CNTT tại Đơn vị.
- Công tác dịch vụ hệ thống tại Đơn vị.
- Quản trị hệ thống tại Trung tâm dữ liệu.
- Đảm bảo hoạt động liên tục hệ thống CNTT tại Trung tâm dữ liệu.
- Công tác quản lý tòa nhà Trung tâm dữ liệu.
- Công tác an toàn và bảo mật thông tin toàn Ngân hàng.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác triển khai hạ tầng, quản trị hệ thống tại trung tâm dữ liệu, công tác an toàn và bảo mật thông tin toàn Ngân hàng.

e) Phòng Kiến trúc công nghệ thông tin

- Nghiên cứu, lựa chọn, đánh giá công nghệ từ các tổ chức cung cấp giải pháp CNTT, nhà cung cấp.
- Thực hiện công tác đào tạo, chuyển giao; tổ chức triển khai áp dụng công nghệ mới cho các Phòng nghiệp vụ thuộc mảng CNTT và đào tạo cho người sử dụng thuộc các đơn vị trực thuộc Ngân hàng.
- Đề xuất áp dụng công nghệ phù hợp cho từng dự án; tham mưu cho Lãnh đạo về định hướng công nghệ từng thời kỳ và theo yêu cầu.
- Lập kế hoạch công nghệ hóa hoạt động Ngân hàng và trình bày giải pháp CNTT cho các dự án, kế hoạch.
- Phân tích yêu cầu nghiệp vụ, thiết kế kỹ thuật cho các dự án CNTT của VietBank.
- Quản lý toàn bộ hồ sơ các dự án công nghệ thông tin tại VietBank.
- Quản lý toàn bộ hồ sơ các dự án hợp tác giữa VietBank với các đối tác.
- Phân tích và thiết kế tổng quát các kiến trúc và mô hình tích hợp hệ thống công nghệ, các dự án, sản phẩm và công nghệ mới. Đầu mối xây dựng tiêu chí đầu tư công nghệ, ngân sách CNTT.
- Theo dõi và báo cáo nhu cầu và thực tế về nguồn lực cho các dự án công nghệ thông tin.
- Xây dựng, quản lý các chính sách, thủ tục, biểu mẫu của dự án. Xây dựng các chính sách, quy trình, tiêu chuẩn quản lý, các chỉ tiêu chất lượng, các quy định tuân thủ trong việc xây dựng, triển khai và tích hợp hệ thống CNTT của VietBank.
- Quản lý tiến độ của các dự án, chịu trách nhiệm phối hợp truyền thông xuyên suốt các dự án.
- Quản lý và giám sát chất lượng triển khai dự án, dịch vụ, sản phẩm CNTT.
- Giám sát hoạt động các dự án theo quy trình, tiêu chuẩn chất lượng hiện hành.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác nghiên cứu và tư vấn giải pháp CNTT, quản lý các dự án công nghệ thông tin.

• **Khối Tin dụng**

a) Phòng Định giá tài sản

- Xây dựng chính sách, quy định, quy trình, hướng dẫn liên quan đến nghiệp vụ thẩm định giá tài sản đảm bảo.
- Tuyển dụng và đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá cho toàn hệ thống VietBank.
- Thẩm định và phê duyệt kết quả định giá tài sản.
- Đầu mối hợp tác với các đối tác bên ngoài để thực hiện chức năng thẩm định giá tài sản.
- Quản lý và giám sát toàn bộ hoạt động thẩm định giá tài sản trong toàn hệ thống VietBank.

- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác định giá tài sản trong toàn hệ thống.

b) Phòng Tín dụng doanh nghiệp

- Thẩm định/tái thẩm định/phê duyệt các hồ sơ liên quan đến khách hàng theo quy định của VietBank, Thẩm định các dự án do VietBank đồng tài trợ hoặc các đối tác khác theo quy định của VietBank.
- Xây dựng quy định/quy trình liên quan đến hoạt động thẩm định/tái thẩm định.
- Lập biên bản phản quyết cấp tín dụng ghi nhận ý kiến của Hội đồng tín dụng cấp cao/Hội đồng tín dụng/Ban tín dụng Hội sở về các hồ sơ tín dụng.
- Thẩm định/Tái thẩm định/phê duyệt đầu tư Trái phiếu doanh nghiệp.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác thẩm định/tái thẩm định/phê duyệt các hồ sơ liên quan đến khách hàng.

c) Phòng Tín dụng cá nhân

- Thẩm định/tái thẩm định/phê duyệt các hồ sơ liên quan đến khách hàng theo quy định của VietBank
- Xây dựng quy định, quy trình liên quan đến hoạt động thẩm định/tái thẩm định.
- Lập biên bản phản quyết cấp tín dụng ghi nhận ý kiến của Hội đồng tín dụng cấp cao/Hội đồng tín dụng/Ban tín dụng Hội sở về các hồ sơ tín dụng.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác thẩm định/tái thẩm định/phê duyệt các hồ sơ liên quan đến khách hàng.

d) Phòng Quản lý chất lượng tín dụng.

- Rà soát, xây dựng, cập nhật các văn bản hướng dẫn về thẩm định tín dụng cho hệ thống VietBank.
- Đầu mối giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến việc hạch toán dữ liệu đầu vào, các thắc mắc liên quan đến quy trình, quy định tín dụng.
- Kiểm soát chất lượng tín dụng của khách hàng lớn.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác quản lý chất lượng hoạt động tín dụng trong toàn hệ thống.

▪ **Khôi Tài Chính**

a) Phòng Kế Toán

- Xây dựng chính sách, quy định, quy trình để quản lý, hướng dẫn công tác kế toán tài chính của Ngân hàng.
- Thực hiện công tác kế toán tài chính của Ngân hàng.
- Quản lý các tài khoản tiền gửi của Hội sở tại NHNN và các TCTD khác trong nước.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác kế toán.

b) Phòng Quản lý Tài sản có và Tài sản nợ

- Quản lý vốn tự có, kế hoạch vốn
- Xây dựng chính sách, quy định, quy trình để quản lý và giám sát hiệu quả bảng cân đối kế toán.
- Thực hiện công tác quản lý tài sản Có - tài sản Nợ.
- Xây dựng và vận hành hệ thống định giá điều chuyển vốn nội bộ (FTP).
- Phân tích, dự báo tình hình kinh tế vĩ mô, chính sách tài chính tiền tệ; phân tích dữ liệu, mô hình tài chính; phân tích ngành ngân hàng, đánh giá tác động các thay đổi chính sách của Ngân hàng Nhà nước; dự báo chiến lược.

- Thư ký Hội đồng ALCO.
- Thư ký Hội đồng Quản lý vốn.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác quản lý tài sản Có - tài sản Nợ.

c) Phòng Tài chính

- Xây dựng chính sách, quy định, quy trình để quản lý, hướng dẫn công tác kế toán quản trị và công tác kế hoạch của Ngân hàng.
- Thực hiện công tác kế toán quản trị của Ngân hàng.
- Thực hiện công tác kế hoạch của Ngân hàng.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác kế toán quản trị của VietBank.

▪ **Khôi Quản lý rủi ro**

a) Phòng Pháp lý tuân thủ

- Quản lý và tổ chức thực hiện công tác pháp chế trong toàn hệ thống VietBank.
- Quản lý và tổ chức thực hiện công tác lập quy của Vietbank
- Đại diện cho VietBank tham gia tố tụng, làm việc với cơ quan, tổ chức khác về các vấn đề pháp luật liên quan đến tổ chức và hoạt động của VietBank khi được ủy quyền, không bao gồm việc đại diện tham gia tố tụng trong hoạt động xử lý nợ.
- Xây dựng, thực hiện, duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo các yêu cầu của ISO 9001.
- Kiểm soát tuân thủ theo quy định của Pháp luật, quy định của Vietbank.

b) Phòng Quản lý rủi ro vận hành

- Xây dựng và triển khai bộ khung quản lý rủi ro vận hành/rủi ro hoạt động.
- Tham mưu cho Ban Điều hành, Hội đồng rủi ro về quản lý rủi ro vận hành.
- Xây dựng cơ chế cảnh báo sớm đối với các mảng hoạt động phát sinh nhiều rủi ro vận hành.
- Thực hiện giám sát và đánh giá hoạt động quản lý rủi ro vận hành.
- Đầu mối thực hiện công tác phòng, chống rửa tiền.

c) Phòng Quản lý rủi ro tín dụng

- Xây dựng và triển khai bộ khung quản lý rủi ro tín dụng.
- Đề xuất, tham mưu cho Hội đồng rủi ro và Ban Điều hành liên quan đến chính sách quản lý rủi ro tín dụng của Ngân hàng.
- Theo dõi trạng thái rủi ro tín dụng.
- Xây dựng cơ chế cảnh báo sớm đối với hoạt động quản lý rủi ro tín dụng.
- Tham mưu trong việc xây dựng chính sách quản lý rủi ro, quy định nội bộ về quản trị rủi ro, đo lường, theo dõi rủi ro theo quy định của Pháp luật.

d) Phòng Quản lý rủi ro thị trường

- Xây dựng và triển khai bộ khung quản lý rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản.
- Tham mưu cho Ban Điều hành, Hội đồng rủi ro về quản lý rủi ro thị trường, rủi ro tập trung đối với hoạt động tự doanh, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng.
- Xây dựng cơ chế cảnh báo sớm đối với hoạt động có yếu tố rủi ro thị trường.
- Thực hiện giám sát và đánh giá hoạt động quản lý rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản.
- Tham mưu trong việc xây dựng chính sách quản lý rủi ro, quy định nội bộ về quản trị rủi ro, đo lường,

theo dõi rủi ro theo quy định của Pháp luật.

• **Khôi Nguồn nhân lực**

a) Trung tâm đào tạo

i) Phòng E-learning & khảo thí

- Thiết kế và xây dựng bài giảng E-learning.
- Vận hành hệ thống E-learning và học Online.
- Quản lý ngân hàng đề thi.
- Quản lý hệ thống sát hạch và vận hành các kỳ thi.
- Quản lý phòng máy tính.
- Quản lý và xử lý các phần mềm, phần cứng và công nghệ phục vụ cho công tác đào tạo.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác vận hành hệ thống E-learning và khảo thí.

ii) Phòng Quản lý đào tạo

- Triển khai thực hiện các chương trình đào tạo theo kế hoạch hàng năm được phê duyệt.
- Quản lý hợp đồng đào tạo nội bộ.
- Quản lý hồ sơ học viên.
- Quản lý dữ liệu về kết quả học tập, thi của học viên.
- Phối hợp với Phòng Nhân sự đánh giá năng lực nhân viên.
- Giải quyết thủ tục bồi hoàn liên quan đào tạo.
- Quản lý tài sản của Trung tâm đào tạo.
- Kế toán thu chi.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác quản lý đào tạo.
- Chức năng khác.

iii) Phòng Phát triển chương trình

- Xây dựng kế hoạch đào tạo ngắn, trung và dài hạn.
- Phân tích nhu cầu đào tạo.
- Thiết kế chương trình, thẩm định, đánh giá và chỉnh sửa hoàn thiện chương trình.
- Giảng dạy tại lớp.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác phát triển chương trình đào tạo.

iv) Phòng Tổ chức đào tạo

- Tổ chức lớp học.
- Quản lý lớp học.
- Liên lạc giảng viên và học viên.
- Phụ trách các công tác hậu cần phục vụ cho lớp học.
- Thống kê phiếu đánh giá, lập báo cáo về khóa học.
- Thực hiện bản tin nội bộ.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác tổ chức đào tạo.

b) Trung tâm phát triển nguồn nhân lực

i) Phòng Tuyển dụng

- Tìm và quản lý nguồn tuyển.
- Tuyển dụng nhân sự.
 - ii) Phòng Quản lý nhân sự
 - Quản lý nhân sự.
 - Đánh giá nhân sự.
 - Quan hệ lao động.
 - iii) Phòng Chính sách và phát triển nguồn nhân lực
 - Xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển nguồn nhân lực.
 - Xây dựng và quản lý hồ sơ tổ chức toàn hàng.
 - iv) Phòng Tiền lương và Phúc lợi
 - Xây dựng và triển khai quy chế lương, thưởng, phúc lợi.
 - Xây dựng chính sách đãi ngộ nhân sự.
- **Khối Hỗ trợ kinh doanh**
 - a) Trung tâm dịch vụ nội bộ
 - i) Phòng Hành chính quản trị
 - Công tác Văn thư.
 - Công tác Hành chính Quản trị.
 - Công tác An ninh - An Toàn.
 - Công tác Mua sắm - Quản lý hợp đồng.
 - Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác hành chính quản trị.
 - ii) Phòng Quản lý tài sản
 - Công tác Phát triển mạng lưới.
 - Công tác Xây dựng cơ bản.
 - Công tác Quản lý tài sản cố định (không phải bất động sản).
 - Công tác Quản lý bất động sản và văn phòng.
 - Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác quản lý tài sản, xây dựng cơ bản và phát triển mạng lưới.
 - b) Trung tâm Marketing
 - i) Phòng Đối ngoại và truyền thông
 - Xây dựng quy định, tổ chức và quản lý công tác phát ngôn chính thức của VietBank.
 - Quản lý và phát triển mối quan hệ với các cơ quan thống tấn báo chí, truyền hình, phát thanh,...
 - Xây dựng, cập nhật quy định xử lý khủng hoảng thông tin và tham gia xuyên suốt trong quá trình xử lý khủng hoảng thông tin.
 - Xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện toàn bộ các hoạt động truyền thông đối ngoại và quan hệ công chúng.
 - Xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện toàn bộ các hoạt động truyền thông đối nội và tham gia vào tiến trình xây dựng văn hóa doanh nghiệp cho VietBank.
 - Xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện tất cả các chiến dịch quảng cáo của VietBank trên mọi kênh

tương tác.

- Xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện tất cả các sự kiện cấp ngân hàng của VietBank.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác truyền thông và quan hệ công chúng.

ii) Phòng Thương hiệu và Chính sách Marketing

- Xây dựng, quản lý và phát triển thương hiệu của VietBank.
- Quản lý hình ảnh, thương hiệu VietBank trên toàn hệ thống và tại mọi điểm tiếp xúc với khách hàng.
- Thiết kế hình ảnh, thương hiệu VietBank.
- Xây dựng các chính sách, quy chuẩn, quy trình Marketing.
- Xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý hệ thống đánh giá hiệu quả hoạt động Marketing.
- Tổ chức thực hiện kế hoạch Marketing tổng thể và quản lý kế hoạch chi phí Marketing của Trung tâm.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác phát triển thương hiệu và hoạt động Marketing của VietBank.

iii) Phòng Marketing kinh doanh

- Tổ chức công tác Nghiên cứu thị trường và Thấu hiểu khách hàng.
- Tổ chức công tác đánh giá sự hài lòng của khách hàng đối với các sản phẩm dịch vụ của VietBank.
- Tư vấn các giải pháp Marketing hướng đến khách hàng cho các Khối kinh doanh nhằm xây dựng các chính sách, sản phẩm, dịch vụ phù hợp... đáp ứng nhu cầu và mong muốn của khách hàng.
- Xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện tất cả các chiến dịch Marketing trên toàn hệ thống nhằm hỗ trợ kinh doanh.
- Phối hợp với các khối kinh doanh nhằm xây dựng các chính sách khách hàng thân thiết.
- Tổ chức hoạt động Marketing kỹ thuật số trên toàn hệ thống.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác Marketing trên toàn hệ thống nhằm hỗ trợ kinh doanh.

• **Trung tâm Quản lý nợ**

a) Phòng Cảnh báo nợ sớm

- Công tác Cảnh báo nợ sớm.
- Công tác Tổng hợp số liệu nợ.
- Công tác Nhắc nợ qua tin nhắn (SMS).
- Công tác Nhắc nợ qua điện thoại (Call Center).
- Xây dựng chính sách, quy định, quy trình liên quan đến công tác quản lý nợ, kiểm soát KPIs của các thành viên thuộc Trung tâm Quản lý nợ.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác cảnh báo nợ sớm.

b) Phòng Quản lý nợ

- Công tác quản lý nợ, xử lý nợ quá hạn trong toàn hệ thống qua các biện pháp :
- Đón đố khách hàng trả nợ;
- Tìm các giải pháp để xử lý khoản nợ quá hạn thông qua việc thương lượng.
- Khởi kiện và tham gia tố tụng tại tòa án.
- Công tác xử lý nợ.

- Xây dựng chính sách, quy định, quy trình liên quan đến công tác quản lý nợ.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác quản lý, xử lý, thu hồi nợ quá hạn trong toàn hệ thống.

c) Phòng xử lý nợ

- Xử lý, thu hồi nợ quá hạn trong toàn hệ thống.
- Tham gia thi hành án nhằm xử lý tài sản bảo đảm theo bản án.
- Thực hiện các biện pháp, giải pháp để xử lý các khoản nợ đặc biệt theo phân công.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác xử lý, thu hồi nợ quá hạn trong toàn hệ thống.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1. Công ty mẹ

Không có.

5.2. Danh sách các công ty con

Hiện nay, VietBank chỉ có 01 (một) công ty con sở hữu trực tiếp:

- Tên công ty: **Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Việt Nam Thương Tín.**
- Tên viết tắt: VietBank – AMC.
- Trụ sở chính: 90 Cao Thắng, Phường 4, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Ngày thành lập: 06/06/2011
- Giấy phép hoạt động: số 0310898270 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 06/06/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 06, ngày 12/06/2021
- Hoạt động kinh doanh chính: Quản lý Nợ và Khai thác tài sản.
- Vốn điều lệ:
 - Vốn điều lệ đăng ký: 05 (năm) tỷ đồng.
 - Vốn điều lệ thực: 05 (năm) tỷ đồng.
- Tỷ lệ sở hữu của VietBank tại công ty con: 100%
- Ngành nghề kinh doanh: Tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tồn đọng và tài sản bảo đảm nợ vay liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi vốn; Cơ cấu lại nợ tồn đọng bằng các biện pháp: giãn nợ, miễn giảm lãi suất, đầu tư thêm, chuyển đổi nợ thành vốn góp; Hoàn thiện các hồ sơ liên quan đến các khoản nợ theo quy định của pháp luật; Xử lý tài sản bảo đảm nợ vay; Mua, bán nợ tồn đọng của tổ chức tín dụng khác, của các công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của ngân hàng thương mại khác theo quy định của pháp luật.

5.3. Danh sách các công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành

Không có.

5.4. Danh sách các công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần

vốn góp chi phí

Không có.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành

Bảng 3. Quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của VietBank

Đơn vị: VND

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng/giảm	Hình thức tăng/giảm vốn	Đơn vị chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
1	12/2006	0	200.000.000.000	200.000.000.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành riêng lẻ cho một số nhà đầu tư bên ngoài - Số lượng phát hành: 200.000 cổ phiếu - Giá phát hành: 1.000.000 đồng/cổ phiếu	Quyết định số 2391/QĐ-NHNN ngày 14/12/2006 v/v khởi phục lại hoạt động của Ngân hàng TMCP nông thôn Phú Tâm và Quyết định số 2399/QĐ-NHNN ngày 15/12/2006 v/v cấp giấy phép hoạt động cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	
2	24/04/2007	200.000.000.000	500.000.000.000	300.000.000.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ đông hiện hữu - Số lượng phát hành: 300.000 cổ phiếu - Giá phát hành: 1.000.000 đồng/cổ phiếu	Văn bản chấp thuận số 46/NHNN-STR2 ngày 20/3/2017 của NHNN Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng.	
3	30/12/2008	500.000.000.000	1.000.000.000.000	500.000.000.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ đông hiện hữu và một số nhà đầu tư không phải là cổ	Văn bản chấp thuận số 317/NHNN-STR2 ngày 29/12/2008 của NHNN Chi	

Bản Cáo Bạch Chào Bán Trái Phiếu Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng/giảm	Hình thức tăng/giảm vốn	Đơn vị chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
4	30/12/2010	1.000.000.000.000	3.000.000.000.000	2.000.000.000.000	đồng - Số lượng phát hành: 500.000 cổ phiếu - Giá phát hành: 1.000.000 đồng/cổ phiếu	nhánh tỉnh Sóc Trăng.	
5	31/12/2016	3.000.000.000.000	3.249.000.000.000	249.000.000.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ đông hiện hữu và một số nhà đầu tư không phải là cổ đông - Số lượng phát hành: 2.000.000 cổ phiếu - Giá phát hành: 1.000.000 đồng/cổ phiếu	Văn bản chấp thuận số 7135/NHNN-TTGSNH ngày 21/9/2010 của NHNN.	
					Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ đông hiện hữu - Số lượng phát hành: 249.000 cổ phiếu - Giá phát hành: 1.000.000 đồng/cổ phiếu	Văn bản chấp thuận số 9938/NHNN-TTGSNH ngày 28/12/2016 của NHNN.	

Bản Cáo Bạch Chào Bán Trái Phiếu Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thương Tín



STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng/giảm	Hình thức tăng/giảm vốn	Đơn vị chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
6	2018-2019	3.249.000.000.000	4.190.199.040.000	941.199.040.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ đông hiện hữu và các bộ nhân viên VietBank theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP). Trong đó, Vietbank đã phát hành cho tổng cộng 225 cổ đông, trong đó 52 Cổ đông hiện hữu, 173 Cổ đông ESOP. - Số lượng phát hành: 94.119.904 cổ phiếu - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu	- Công văn số 6487/NHNN-TTGSNH ngày 28/08/2018; - Công văn 8460/UBCK – QLCB ngày 26/12/2018 của UBCKNN v/v báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng. - Công văn 1406/NHNN-TTGSNH ngày 07/03/2019. - Công văn 1760/UBCK – QLCB ngày 20/03/2019 của UBCKNN v/v xử lý cổ phiếu phân phối hết trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.	
7	2021	4.190.199.040.000	4.776.826.690.000	586.627.650.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu - Số lượng phát hành: 58.662.765 cổ phiếu - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu	- Công văn số 2074/NHNN-TTGSNH ngày 30/03/2021 về việc chấp thuận việc tăng vốn điều lệ thêm 586.627.856.600 đồng của Vietbank; - Công văn số 2339/UBCK-CLCB ngày 26/5/2021 về việc thông báo đã nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu	

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng/giảm	Hình thức tăng/giảm vốn	Đơn vị chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
						<p>trả cổ tức năm 2019 của VietBank.</p> <p>- Công văn số 3138/UBOX - QLCB ngày 25/6/2021 về việc Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019.</p> <p>- Quyết định 1495/QĐ- NHNN Về việc sửa đổi nội dung về vốn Điều lệ lại Giấy phép hoạt động của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.</p>	

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

7.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 4. Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/03/2022

STT	Loại cổ đông	Số lượng CP	Tỷ lệ (%)
1	Cá nhân trong nước	167,274,995	35,00
2	Cá nhân nước ngoài	12,838	0,00
3	Tổ chức trong nước	310,394,836	65,00
4	Tổ chức nước ngoài	-	0,00
	Tổng cộng	477.682.669	100

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

7.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

7.3. Các loại chứng khoán khác

Tại ngày 31/03/2022, ngoài cổ phiếu phổ thông, Tổ Chức Phát Hành có các chứng khoán khác theo danh sách tại bảng sau:

Bảng 5. Trái phiếu tại ngày 31/03/2022

Mã Trái phiếu	Loại Trái phiếu	Giá trị (triệu đồng)	Lãi suất	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Điều khoản quan trọng khác
VIETBANK.L.2 0.27.001	Trái phiếu tính vào vốn cấp 2	343.000	Lãi suất tham chiếu + 2,20%/năm	28/10/2020	7 năm	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VIETBANK.L.2 0.22.002	Trái phiếu không chuyển đổi	100.000	5,20%/năm	15/12/2020	2 năm	VietBank không có quyền mua lại trái phiếu trước hạn
VIETBANK.L.2 0.27.003	Trái phiếu tính vào vốn cấp 2	400.000	Lãi suất tham chiếu + 1,40%/năm	16/12/2020	7 năm	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VIETBANK.RL .20.22.004	Trái phiếu không chuyển	500.000	5,50%/năm	21/12/2020	2 năm	VietBank không có quyền mua lại trái phiếu trước hạn

Mã Trái phiếu	Loại Trái phiếu	Giá trị (triệu đồng)	Lãi suất	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Điều khoản quan trọng khác
	đổi					
VIETBANK.L.2 0.22.005	Trái phiếu không chuyển đổi	400.000	5,50%/năm	25/12/2020	2 năm	VietBank không có quyền mua lại trái phiếu trước hạn
VBBL2128001	Trái phiếu tính vào vốn cấp 2	431.000	Lãi suất tham chiếu + 1,82%/năm	30/06/2021	7 năm	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VBBL2128002	Trái phiếu tính vào vốn cấp 2	255.340	05 năm đầu: 7,80%/năm 02 năm cuối: 8,83%/năm	29/09/2021	7 năm	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VBBL2128003	Trái phiếu tính vào vốn cấp 2	224.550	Lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm	29/10/2021	7 năm	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VBBL2128004	Trái phiếu tính vào vốn cấp 2	100.000	Lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm	11/11/2021	7 năm	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VBBL2128005	Trái phiếu tính vào vốn cấp 2	140.980	Lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm	26/11/2021	7 năm	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VBBL2128006	Trái phiếu tính vào vốn cấp 2	200.000	Lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm	20/12/2021	7 năm	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VBBL2128010	Trái phiếu tính vào vốn cấp 2	90.300	Lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm	28/12/2021	7 năm	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VBBL2229001	Trái phiếu tính vào vốn cấp 2	300.000	02 năm đầu: Lãi suất tham chiếu + 2,7%/năm 05 năm sau: Lãi suất tham chiếu + 3,5%/năm	09/02/2022	7 năm	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành

Mã Trái phiếu	Loại Trái phiếu	Giá trị (triệu đồng)	Lãi suất	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Điều khoản quan trọng khác
VBBL2229002	Trái phiếu tính vào vốn cấp 2	100.000	02 năm đầu: Lãi suất tham chiếu + 2,7%/năm 05 năm sau: Lãi suất tham chiếu + 3,5%/năm	18/02/2022	7 năm	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

8. Hoạt động kinh doanh

8.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

a. Loại sản phẩm, dịch vụ

Đơn vị: triệu đồng

Bảng 6. Tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong Tổng doanh thu (Hợp nhất)

STT	Sản phẩm, Dịch vụ	2020		2021		Quý I/2022	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	5.075.804	80,71%	6.086.498	86,43%	1.527.709	89,71%
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	85.358	1,36%	147.804	2,10%	43.402	2,55%
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	106.222	1,69%	117.406	1,67%	32.652	1,92%
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	856.006	13,61%	499.327	7,09%	56.884	3,34%
5	Thu nhập từ hoạt động khác	165.192	2,63%	190.909	2,71%	42.291	2,48%
	Tổng cộng	6.288.582	100%	7.041.944	100%	1.702.938	100%

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Nhìn chung hoạt động kinh doanh năm 2021 của VietBank theo BCTC năm 2021 hợp nhất ngày càng lành mạnh, tỷ trọng các chỉ tiêu thu nhập trong Tổng Doanh Thu có xu hướng tăng là Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự (86,43%) và Thu nhập từ hoạt động dịch vụ (2,10%) đều tăng so với năm 2020 (80,71% và 1,36%), năm 2019 (88,18% và 1,22%). Mặc dù bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, tỷ trọng Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự vẫn duy trì ở mức trên 80% (cụ thể 31/12/2021 là 86,43%, tăng 5,72% so với năm 2020 và giảm nhẹ so với năm 2019 là 1,75%). Trong khi đó, tỷ trọng Thu nhập từ mua bán chứng khoán (MBCK) đầu tư là 7,09%, giảm so với năm 2020 (13,61%).

Bảng 7. Tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong Tổng doanh thu (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Sản phẩm, Dịch vụ	2020		2021		Quý I/2022	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	5.075.804	80,49%	6.086.498	86,43%	1.527.709	89,71%
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	85.658	1,36%	147.954	2,10%	43.402	2,55%
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	106.222	1,68%	117.406	1,67%	32.652	1,92%
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	856.006	13,57%	499.327	7,09%	56.884	3,34%
5	Thu nhập từ hoạt động khác	165.192	2,89%	190.909	2,71%	42.291	2,48%
	Tổng cộng	6.288.882	100%	7.042.094	100%	1.702.938	100%

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Theo BCTC năm 2021 riêng lẻ của VietBank, tỷ trọng các chỉ tiêu thu nhập trong Tổng Doanh thu ngày càng lành mạnh, các chỉ tiêu thu nhập trong Tổng Doanh Thu có xu hướng tăng mạnh là Thu từ dịch vụ, Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và Thu nhập từ hoạt động khác đều tăng so với năm 2020 (72,73%, 10,53% và 75,97%), năm 2019 (132,76%, 145,16% và 76,33%). Mặc dù bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, tỷ trọng Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự vẫn duy trì ở mức trên 85% (cụ thể 31/12/2021 là 86,43%, tương ứng 6.086 tỷ đồng, tăng 19,91% so với năm 2020 và 32,21% so với năm 2019). Trong khi đó, Thu nhập từ MBCK đầu tư có sự sụt giảm so với năm 2020 là 41,67%.

Bảng 8. Tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong Tổng thu nhập hoạt động (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Sản phẩm, Dịch vụ	2020		2021		Quý I/2022	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
1	Thu nhập lãi thuần	569.759	33,90%	1.486.208	65,83%	364.290	73,83%
2	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	62.505	3,72%	94.808	4,20%	24.939	5,06%
3	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	37.644	2,24%	11.767	0,52%	7.475	1,52%
4	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	852.272	50,71%	475.575	21,06%	55.772	11,30%
5	Lãi thuần từ hoạt động khác	158.413	9,43%	189.323	8,39%	40.918	8,29%
	Tổng cộng	1.680.593	100%	2.257.681	100%	493.394	100%

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Theo BCTC Hợp nhất năm 2021, nhìn chung tỷ trọng của mỗi hoạt động trên Tổng thu nhập hoạt động (TNHD) của VietBank có sự biến động như sau:

- Tỷ trọng Thu nhập lãi thuần đạt 65,83% tăng mạnh 31,93% so với năm 2020 và giảm 3,89% so với năm 2019 do bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19. Ngược lại, tỷ trọng Lãi thuần từ MBCK đầu tư giảm mạnh so với 2020 là 29,65% và tăng 3,27% so với 2019.
- Tỷ trọng Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ tăng so với năm 2020 (0,48%) và năm 2019 (1,43%).
- Tỷ trọng Lãi thuần từ hoạt động khác giảm so với 2020 và 2019 lần lượt là 1,04% và 0,9%.

Bảng 9. Tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong Tổng thu nhập hoạt động (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Sản phẩm, Dịch vụ	2020		2021		Quý I/2022	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
1	Thu nhập lãi thuần	569.718	34,03%	1.486.190	65,99%	364.290	73,83%
2	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	56.295	3,36%	89.722	3,98%	24.939	5,06%

STT	Sản phẩm, Dịch vụ	2020		2021		Quý I/2022	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
3	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	37.644	2,25%	11.767	0,52%	7.475	1,52%
4	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	834.903	49,86%	475.575	21,11%	55.772	11,30%
5	Lãi thuần từ hoạt động khác	175.783	10,50%	189.323	8,40%	40.918	8,29%
	Tổng cộng	1.674.343	100%	2.252.577	100%	493.394	100%

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Theo BCTC Riêng lẻ năm 2021, cơ cấu Tổng thu nhập hoạt động của VietBank có sự thay đổi khá tương đồng với biến động trên BCTC hợp nhất, cụ thể như sau:

- Tỷ trọng Thu nhập lãi thuần đạt 65,99%, về giá trị đạt 1.486 tỷ đồng, tăng mạnh 160,86% so với năm 2020 và 22,23% so với năm 2019. Ngược lại, Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và Lãi thuần từ MCK đầu tư giảm mạnh so với 2020 lần lượt là 68,74% và 43,04% nhưng tăng 56,89% và 47,50% so với 2019.
- Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ và Lãi thuần từ hoạt động khác đều tăng so với năm 2020 tăng lần lượt 59,38% và 7,7%, tăng trưởng so với 2019 là 95,11% và 17,03%.

b. Huy động vốn

Huy động vốn là nghiệp vụ Ngân hàng huy động các nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của khách hàng là tổ chức và cá nhân trên nguyên tắc có hoàn trả gốc và lãi để hình thành nên nguồn vốn huy động đáp ứng cho các hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Hoạt động huy động vốn của VietBank tăng trưởng qua các năm. Tổng nguồn vốn huy động của VietBank đến ngày 31/12/2021 đạt 95,7 nghìn tỷ đồng, tăng 13,75% so với năm 2020. Trong năm 2021, VietBank tăng cường huy động vốn bằng phát hành chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu tăng vốn. Điều này giúp VietBank đa dạng hóa nguồn vốn và nâng cao năng lực tài chính.

Hình 3. Tình hình huy động vốn của VietBank

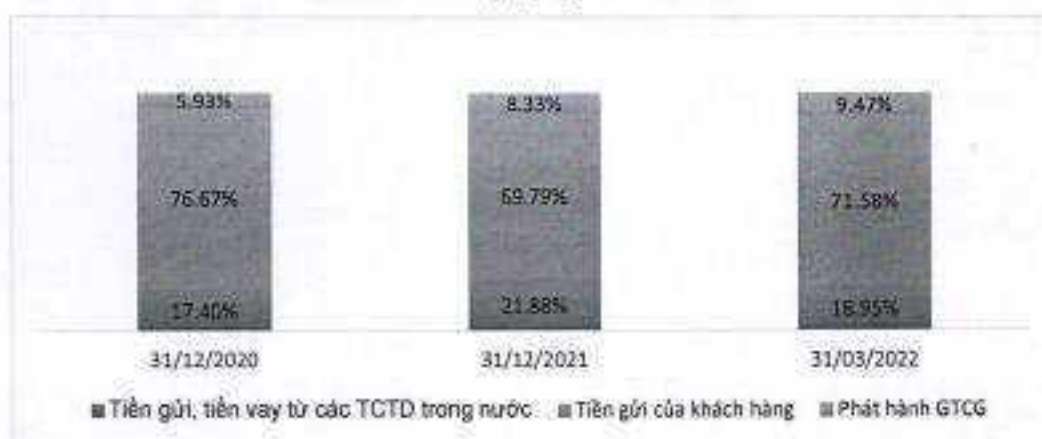
Đơn vị: nghìn tỷ đồng



■ Tiền gửi, tiền vay từ các TCTD trong nước ■ Tiền gửi của khách hàng ■ Phát hành GTCG

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Cơ cấu huy động vốn đa dạng, linh hoạt cân đối, đảm bảo an toàn thanh khoản và hiệu quả kinh doanh của toàn hệ thống của VietBank nhưng vẫn tuân thủ các quy định của NHNN theo từng thời kỳ. Xét về cơ cấu huy động vốn tại 31/12/2021, khoản mục tiền gửi của khách hàng, tiền gửi và cho vay các TCTD khác, phát hành GTCG lần lượt chiếm tỷ trọng 69,79%; 21,88% và 8,33%. Tại thời điểm cuối năm 2020, tỷ trọng này lần lượt là 76,67%; 17,40% và 5,93%.

Hình 4. Cơ cấu huy động vốn của VietBank

■ Tiền gửi, tiền vay từ các TCTD trong nước ■ Tiền gửi của khách hàng ■ Phát hành GTCG

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

VietBank chủ động trong công tác nguồn vốn, khai thác nguồn vốn dồi dào cả VND và ngoại tệ với chi phí hợp lý. Huy động vốn bằng VND luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu huy động của VietBank. Tại ngày 31/03/2022, huy động bằng VND và ngoại tệ chiếm tỷ trọng lần lượt là 99,67% và 0,33%;

Bảng 10. Nguồn vốn huy động (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2020		31/12/2021		31/03/2022	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
I. Loại hình						
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	13.730	0,02%	11.663	0,01%	11.257	0,01%
Tiền gửi, tiền vay từ các TCTD khác	14.643.134	17,39%	21.353.634	22,30%	18.177.291	18,80%
Tiền gửi của khách hàng	64.537.150	76,66%	66.755.406	69,71%	69.314.512	71,69%
Phát hành GTCG	4.993.000	5,93%	7.635.170	7,97%	9.185.170	9,50%
Tổng cộng	84.187.014	100%	95.755.873	100%	96.688.230	100%
II. Trong nước/Ngoài nước						
Trong nước	84.146.022	99,95%	95.440.240	99,67%	96.414.547	99,71%
Ngoài nước	40.992	0,05%	315.633	0,33%	273.683	0,29%
Tổng cộng	84.187.014	100%	95.755.873	100%	96.688.230	100%

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Tiền gửi của khách hàng: Chủ yếu là nguồn tiền trong nước và chiếm tỷ trọng lớn là Tiền gửi của khách hàng và Tiền gửi/tiền vay từ các TCTD khác, cụ thể:

- Tỷ trọng tiền gửi khách hàng luôn duy trì ở mức 69%-79%, tại ngày 31/12/2021 là 69,71% giảm 6,95% so với năm 2020 và giảm 9,61% so với năm 2019.
- Tỷ trọng Tiền gửi, tiền vay từ các TCTD khác ở mức 16%-22%, tại ngày 31/12/2021 là 22,30% đều tăng so với năm 2020 và 2019 lần lượt là 4,91% và 5,66%.
- Tỷ trọng Phát hành GTCG đều tăng so với năm 2020 và 2019 lần lượt là 2,04% và 3,96%.
- Các khoản nợ Chính phủ và NHNN chiếm tỷ trọng rất thấp, chỉ từ 0,01%-0,02%.

Bảng 11. Nguồn vốn huy động (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2020		31/12/2021		31/03/2022	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
I. Loại hình						
Các khoản nợ Chính phủ và	13.730	0,02%	11.663	0,01%	11.257	0,01%

Chi tiêu	31/12/2020		31/12/2021		31/03/2022	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
NHNN						
Tiền gửi, tiền vay từ các TCTD khác	14.643.134	17,39%	21.353.634	22,30%	18.177.291	18,80%
Tiền gửi của khách hàng	64.558.047	76,67%	66.757.140	69,71%	69.314.635	71,69%
Phát hành GTCG	4.993.000	5,93%	7.635.170	7,97%	9.185.170	9,50%
Tổng cộng	84.207.911	100%	95.757.607	100%	96.688.353	100%
II. Trong nước/Ngoài nước						
Trong nước	84.207.911	100%	95.757.607	100%	96.414.670	99,72%
Ngoài nước	0.00	0,00%	0.00	0,00%	273.683	0,28%
Tổng cộng	84.207.911	100%	95.757.607	100%	96.688.353	100%

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Tiền gửi của khách hàng: Chủ yếu là nguồn tiền trong nước và chiếm tỷ trọng lớn là Tiền gửi của khách hàng và Tiền gửi/tiền vay từ các TCTD khác, cụ thể:

- Tỷ trọng tiền gửi khách hàng tại ngày 31/12/2021 là 69,71% giảm 6,95% so với năm 2020 và giảm 9,62% so với năm 2019.
- Tỷ trọng Tiền gửi, tiền vay từ các TCTD khác ở mức 16%-22%, tại ngày 31/12/2021 là 22,30% đều tăng so với năm 2020 và 2019 lần lượt là 4,91% và 5,67%.
- Tỷ trọng Phát hành GTCG đều tăng so với năm 2020 và 2019 lần lượt là 2,04% và 3,96%.
- Các khoản nợ Chính phủ và NHNN chiếm tỷ trọng rất thấp 0,01%-0,02%.

Bảng 12. Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2020		31/12/2021		31/03/2022	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
1	Phân theo khách hàng						
	Tổ chức kinh tế	5.248.855	8,13%	8.405.561	12,59%	8.938.450	12,90%
	Cá nhân	59.288.295	91,87%	58.349.845	87,41%	60.376.062	87,10%
Tổng tiền gửi khách hàng		64.537.150	100%	66.755.406	100%	69.314.512	100%
2	Phân theo kỳ hạn						

STT	Khoản mục	31/12/2020		31/12/2021		31/03/2022	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
	Tiền gửi không kỳ hạn	2.379.943	3,69%	3.091.164	4,63%	2.837.074	4,09%
	Tiền gửi có kỳ hạn	4.014.011	6,22%	7.602.517	11,39%	8.582.360	12,38%
	Tiền gửi tiết kiệm	58.075.076	89,99%	55.930.474	83,78%	57.792.916	83,38%
	Tiền gửi ký quỹ	62.846	0,10%	107.062	0,16%	90.379	0,13%
	Tiền gửi vốn chuyên dùng	5.274	0,01%	24.169	0,03%	11.783	0,02%
	Tổng tiền gửi khách hàng	64.537.150	100%	66.755.406	100%	69.314.512	100%
	Phân theo loại tiền						
3	VND	64.262.752	99,57%	66.445.545	99,54%	68.979.493	99,52%
	Ngoại tệ	274.398	0,43%	309.861	0,46%	335.019	0,48%
	Tổng tiền gửi khách hàng	64.537.150	100%	66.755.406	100%	69.314.512	100%

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Về kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm bằng VND luôn đóng góp trên 80% tổng nguồn tiền gửi của khách hàng, giúp gia tăng tính ổn định của nguồn vốn. Tại thời điểm 31/12/2021, tiền gửi tiết kiệm của khách hàng đạt 55,9 nghìn tỷ đồng, giảm 3,66% so với thời điểm 31/12/2020.

Tiền gửi nội tệ chiếm tỷ trọng gần tuyệt đối trong cơ cấu tiền gửi khách hàng của VietBank. Tại 31/12/2021, tổng tiền gửi nội tệ là 66,4 nghìn tỷ đồng, tương ứng 99,54% tổng tiền gửi khách hàng.

Bảng 13. Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2020		31/12/2021		31/03/2022	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
	Phân theo khách hàng						
1	Tổ chức kinh tế	5.269.752	8,16%	8.407.295	12,59%	8.938.573	12,90%
	Cá nhân	59.288.295	91,84%	58.349.845	87,41%	60.376.062	87,10%
	Tổng tiền gửi khách hàng	64.558.047	100%	66.757.140	100%	69.314.635	100%
	Phân theo kỳ hạn						
2	Tiền gửi không kỳ hạn	2.400.840	3,72%	3.092.918	4,63%	2.837.197	4,09%

STT	Khoản mục	31/12/2020		31/12/2021		31/03/2022	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
	Tiền gửi có kỳ hạn	4.014.011	6,22%	7.602.517	11,39%	8.582.360	12,38%
	Tiền gửi tiết kiệm	58.075.076	89,96%	55.930.474	83,78	57.792.916	83,38%
	Tiền gửi kỳ quỹ	62.846	0,10%	107.062	0,16%	90.379	0,13%
	Tiền gửi vốn chuyên dùng	5.274	0,01%	24.169	0,04%	11.783	0,02%
	Tổng tiền gửi khách hàng	64.558.047	100%	66.757.140	100%	69.314.635	100%
	Phân theo loại tiền						
3	VND	64.283.649	99,57%	66.447.279	99,54%	68.979.616	99,52%
	Ngoại tệ	274.398	0,43%	309.861	0,46%	335.019	0,48%
	Tổng tiền gửi khách hàng	64.558.047	100%	66.757.140	100%	69.314.635	100%

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND luôn đóng góp trên 80% tổng nguồn tiền gửi của khách hàng, giúp gia tăng tính ổn định của nguồn vốn. Tại thời điểm 31/12/2020, tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng (bao gồm tiền gửi tiết kiệm) đạt 62,1 nghìn tỷ đồng, tương ứng mức tăng 32,15% so với thời điểm 31/12/2019. Tính đến 31/12/2021, mặc dù lãi suất tiền gửi ngân hàng giảm tính hấp dẫn so với các loại hình đầu tư khác, nhưng tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng vẫn đạt 63,5 nghìn tỷ đồng.

Tiền gửi nội tệ chiếm tỷ trọng gần tuyệt đối trong cơ cấu tiền gửi khách hàng của VietBank. Tại 31/12/2020, tổng tiền gửi nội tệ là 64,3 nghìn tỷ đồng, tương đương mức tăng khoảng 30,85% so với thời điểm 31/12/2019. Tại thời điểm cuối tháng 12/2021, tổng tiền gửi VND là 66,4 nghìn tỷ đồng, tương ứng 99,54% tổng tiền gửi khách hàng.

c. Hoạt động tín dụng

VietBank cung cấp đầy đủ và kịp thời vốn cho nền kinh tế, hỗ trợ khách hàng thúc đẩy các hoạt động sản xuất kinh doanh, khuyến khích tiêu dùng, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế bền vững. Chất lượng tín dụng luôn được VietBank kiểm soát chặt chẽ và tuân theo quy định của NHNN.

Xét về tổng thể, trong những năm gần đây, hoạt động cho vay của VietBank có sự tăng trưởng mạnh mẽ, tổng dư nợ năm sau luôn cao hơn năm trước. Đến 31/12/2021, tổng dư nợ cho vay (chưa trích lập dự phòng) đạt 50,5 nghìn tỷ đồng, tương ứng với mức tăng 12,79% so với năm 2020.

Bảng 14. Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020		31/12/2021		31/03/2022	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Nợ ngắn hạn	21.736.848	48,52%	21.805.562	43,15%	20.630.439	39,92%
Nợ trung hạn	9.857.461	22,00%	11.673.335	23,10%	12.828.573	24,82%
Nợ dài hạn	13.207.607	29,48%	17.051.259	33,74%	18.221.619	35,26%
Tổng dư nợ cho vay	44.801.916	100%	50.530.156	100%	51.680.631	100%

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Bảng 15. Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020		31/12/2021		31/03/2022	
	Giá trị	Giá trị	Giá trị	%	Giá trị	%
Nợ ngắn hạn	21.736.848	48,52%	21.805.562	43,15%	20.630.439	39,92%
Nợ trung hạn	9.857.461	22,00%	11.673.335	23,10%	12.828.573	24,82%
Nợ dài hạn	13.207.607	29,48%	17.051.259	33,74%	18.221.619	35,26%
Tổng dư nợ cho vay	44.801.916	100%	50.530.156	100%	51.680.631	100%

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Tỷ lệ tăng trưởng cho vay của VietBank tại các kỳ hạn trong 2 năm gần đây nhìn chung tương đối đồng đều khi các khoản vay trung và dài hạn đều chiếm trên 50% tổng dư nợ.

Tính đến ngày 31/12/2021, các khoản vay ngắn, trung và dài hạn của VietBank chiếm tỷ trọng trên tổng dư nợ là lần lượt là 43,15%; 23,10%; 33,74%.

Bảng 16. Dư nợ cho vay theo ngành kinh tế (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020		31/12/2021		31/03/2022	
	Giá trị	Giá trị	Giá trị	%	Giá trị	%
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tư liệu tiêu dùng của hộ gia đình	17.735.981	39,59%	21.715.931	42,98%	21.396.858	41,41%
Hoạt động kinh doanh bất động sản	10.053.486	22,44%	10.910.343	21,59%	10.789.793	20,88%

Chi tiêu	31/12/2020		31/12/2021		31/03/2022	
	Giá trị	Giá trị	Giá trị	%	Giá trị	%
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	5.753.939	12,84%	5.337.407	10,56%	4.993.925	9,66%
Công nghiệp chế biến, chế tạo	3.989.170	8,90%	4.072.484	8,06%	4.802.066	9,29%
Xây dựng	2.642.814	5,90%	3.215.480	6,36%	2.712.868	5,25%
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	1.362.573	3,04%	1.483.739	2,94%	1.959.875	3,79%
Các ngành nghề khác	3.263.953	7,29%	3.794.772	7,51%	5.025.246	9,72%
Tổng cộng	44.801.916	100%	50.530.156	100%	51.680.631	100%

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Bảng 17. Dư nợ cho vay theo ngành kinh tế (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2020		31/12/2021		31/03/2022	
	Giá trị	Giá trị	Giá trị	%	Giá trị	%
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tư liệu tiêu dùng của hộ gia đình	17.735.981	39,59%	21.715.931	42,98%	21.396.858	41,41%
Hoạt động kinh doanh bất động sản	10.053.486	22,44%	10.910.343	21,59%	10.789.793	20,88%
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	5.753.939	12,84%	5.337.407	10,56%	4.993.925	9,66%
Công nghiệp chế biến, chế tạo	3.989.170	8,90%	4.072.484	8,06%	4.802.066	9,29%
Xây dựng	2.642.814	5,90%	3.215.480	6,36%	2.712.868	5,25%
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	1.362.573	3,04%	1.483.739	2,94%	1.959.875	3,79%
Các ngành nghề khác	3.263.953	7,29%	3.794.772	7,51%	5.025.246	9,72%
Tổng cộng	44.801.916	100%	50.530.156	100%	51.680.631	100%

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Phân theo ngành kinh tế, các khoản cho vay hoạt động phục vụ hộ gia đình luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng dư nợ cho vay của VietBank. Điều này cho thấy VietBank vẫn đang ưu tiên nguồn vốn cho vay mảng cá nhân và dịch vụ hộ gia đình.

Là ngân hàng bán lẻ, đối tượng khách hàng vay của VietBank tương đối đa dạng, bao gồm cá nhân và pháp

nhân thuộc mọi loại hình kinh tế.

- *Đối với nhóm khách hàng cá nhân:* Được xác định là nhóm khách hàng mục tiêu, VietBank đã có những nỗ lực trong việc mở rộng và phát triển mạng lưới khách hàng này. Các dòng sản phẩm cho vay đối với cá nhân rất đa dạng và phong phú với lãi suất ưu đãi, phù hợp với các nhu cầu của khách hàng mà vẫn đảm bảo độ an toàn cho VietBank. Có thể kể đến các sản phẩm tiêu biểu như:
 - Cho vay phục vụ nhu cầu đời sống: VietBank cung cấp rất đa dạng các sản phẩm cho vay để đáp ứng nhu cầu phục vụ đời sống của khách hàng, bao gồm: cho vay mua nhà, xây dựng sửa chữa nhà ở và nhận quyền sử dụng đất; cho vay mua nhà dự án; cho vay mua nhà ở xã hội; cho vay mua ô tô; gói sản phẩm cho vay du học; cho vay phục vụ nhu cầu đời sống của CBNV; cho vay có bảo đảm đầy đủ bằng tài sản có tính thanh khoản cao,...
 - Cho vay Sản xuất kinh doanh: Là giải pháp tài chính đối với KHCN phục vụ hoạt động kinh doanh với các nhu cầu đa dạng, như Cho vay đầu tư bất động sản nghỉ dưỡng và căn hộ dịch vụ; Cho vay Sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ; Cho vay thấu chi SXKD; Cho vay cầm cố bảo đảm đầy đủ bằng sổ dư tiền gửi, sổ thẻ tiết kiệm, GTCG phục vụ mục đích SXKD,...
- *Đối với Khách hàng Doanh nghiệp:* Theo định hướng đa dạng hóa sản phẩm và hướng đến khách hàng mục tiêu, VietBank không ngừng phát triển sản phẩm mới. Các sản phẩm dành cho doanh nghiệp luôn được thiết kế linh hoạt phù hợp, dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, an toàn và bảo mật cao. Các sản phẩm điển hình như:
 - Cho vay ngắn hạn: bổ sung vốn lưu động, tài trợ thương mại trong nước, tài trợ hợp đồng đầu ra trong nước, tài trợ xuất nhập khẩu, thấu chi tài khoản tiền gửi thanh toán, chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu, tài trợ toàn diện đối với các đối tác liên kết,...
 - Cho vay trung dài hạn: đầu tư tài sản cố định, nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, đầu tư Dự án mới,...
 - Bảo lãnh trong nước: phát hành các loại bảo lãnh mang đến nền tảng tài chính vững chắc để doanh nghiệp nhằm tối ưu chi phí vốn, nâng cao uy tín của doanh nghiệp với đối tác khi thực hiện giao dịch mua bán, đấu thầu, ... gia tăng cơ hội phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh một cách hiệu quả nhất, bao gồm các loại bảo lãnh sau:
 - o Bảo lãnh dự thầu.
 - o Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.
 - o Bảo lãnh thanh toán.
 - o Bảo lãnh tiền tạm ứng/hoàn trả tiền tạm ứng.
 - o Bảo lãnh bảo hành/bảo đảm chất lượng sản phẩm.
 - o Bảo lãnh cho nhà thầu liên danh.
 - o Bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng bảo đảm bằng tiền tạm ứng.

Bảng 18. Phân loại nợ cho vay theo chất lượng (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2020		31/12/2021		31/03/2022	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Nợ đủ tiêu chuẩn	43.306.012	96,66%	47.541.836	94,09%	48.454.049	93,76%

Nợ cần chú ý	711.169	1,59%	1.143.269	2,26%	984.014	1,90%
Nợ dưới tiêu chuẩn	94.334	0,21%	331.042	0,66%	377.477	0,73%
Nợ nghi ngờ	91.316	0,20%	592.140	1,17%	504.212	0,98%
Nợ có khả năng mất vốn	599.085	1,34%	921.869	1,82%	1.360.879	2,63%
Tổng cộng	44.801.916	100%	50.530.156	100%	51.680.631	100%

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Bảng 19. Phân loại nợ cho vay theo chất lượng (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020		31/12/2021		31/03/2022	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Nợ đủ tiêu chuẩn	43.306.012	96,66%	47.541.836	94,09%	48.454.049	93,76%
Nợ cần chú ý	711.169	1,59%	1.143.269	2,26%	984.014	1,90%
Nợ dưới tiêu chuẩn	94.334	0,21%	331.042	0,66%	377.477	0,73%
Nợ nghi ngờ	91.316	0,20%	592.140	1,17%	504.212	0,98%
Nợ có khả năng mất vốn	599.085	1,34%	921.869	1,82%	1.360.879	2,63%
Tổng cộng	44.801.916	100%	50.530.156	100%	51.680.631	100%

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

VietBank thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo Điều 11 của Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 "Quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài".

Tính đến 31/12/2020, tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn của VietBank được kiểm soát tại mức 1,34% trên tổng dư nợ, tăng nhẹ tỷ trọng so với năm 2019. Tuy nhiên số liệu này vẫn ở mức tương đối thấp so với toàn ngành. Trích lập dự phòng rủi ro cho vay khách hàng tại thời điểm này là 456,1 tỷ đồng. Dự phòng chung tại ngày 31/12/2020 cũng được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày 30/11/2020 của các khoản nợ trừ các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tín dụng khác và các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn. Tại 31/12/2021, tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn xấp xỉ 1,82%, tăng nhẹ tỷ trọng so với năm 2020. Mặc dù tình hình Covid-19 còn diễn biến phức tạp nhưng VietBank vẫn luôn sát sao, thường xuyên quản lý chất lượng dư nợ của Ngân hàng một cách cẩn trọng và chính xác nhất. Dự phòng tại 31/12/2021 là 917.692 triệu đồng.

VietBank chủ động sàng lọc khách hàng để phản ánh chất lượng nợ phù hợp với năng lực tài chính thực tế của khách hàng; thực hiện các biện pháp quản lý các khoản nợ sát sao, đa dạng các ứng dụng xử lý tín dụng, chất lượng nợ.

Việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng chung và dự phòng cụ thể được thực hiện theo quy

định của NHNN, trong đó có loại trừ giá trị khấu trừ tài sản đảm bảo theo tỷ lệ quy định của NHNN.

Bảng 20. Số dư quỹ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Dự phòng cụ thể	133.679	545.629	623.407
Dự phòng chung	322.468	372.063	377.398
Tổng cộng	456.147	917.692	1.000.805

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Bảng 21. Số dư quỹ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Dự phòng cụ thể	133.679	545.629	623.407
Dự phòng chung	322.468	372.063	377.398
Tổng cộng	456.147	917.692	1.000.805

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

VietBank luôn đáp ứng tốt tiêu chuẩn những nguyên tắc quản trị rủi ro, và là thành viên thứ 14 được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt cho phép áp dụng trước hạn Thông tư 41 theo chuẩn Basel II.

Bảng 22. Tỷ lệ an toàn vốn (Hợp nhất)

Chi tiêu	Đơn vị	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Tỷ lệ an toàn vốn*	%	9,35	9,98	9,41

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Bảng 23. Tỷ lệ an toàn vốn (Riêng lẻ)

Chi tiêu	Đơn vị	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Tỷ lệ an toàn vốn*	%	9,35	9,98	9,41

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

(*) Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) của VietBank được tính toán theo thông tư 41/2016/TT-NHNN của NHNN và luôn tuân thủ theo quy định của NHNN (trên 8%).

d. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán**Bảng 24. Kết quả hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán (Hợp nhất)**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2020	2021	Quý I/2022
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	106.222	117.406	32.652
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(68.578)	(105.639)	(25.177)
Lãi thuần kinh doanh ngoại hối	37.644	11.767	7.475
Thu nhập từ hoạt động thanh toán	42.399	49.065	29.928
Chi phí từ hoạt động thanh toán	(6.114)	(8.289)	(17.260)
Lãi thuần từ hoạt động thanh toán	36.285	40.776	12.668

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Bảng 25. Kết quả hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2020	2021	Quý I/2022
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	106.222	117.406	32.652
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(68.578)	(105.639)	(25.177)
Lãi thuần kinh doanh ngoại hối	37.644	11.767	7.475
Thu nhập từ hoạt động thanh toán	42.399	49.065	29.928
Chi phí từ hoạt động thanh toán	(6.114)	(8.289)	(17.260)
Lãi thuần từ hoạt động thanh toán	36.285	40.776	12.668

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Hoạt động kinh doanh ngoại hối và dịch vụ thanh toán trong nước và nước ngoài của VietBank đã có bước phát triển rõ rệt những năm gần đây:

- Hoạt động kinh doanh ngoại hối:

Lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối năm 2020 của VietBank đạt 37,64 tỷ đồng, tăng mạnh 401,92% so với năm 2019 nhờ vào tập trung trọng tâm vào phát triển khách hàng, đa dạng hóa sản phẩm, đa dạng hóa

các loại ngoại tệ nhằm khai thác tối đa khách hàng hiện hữu và tăng trưởng khách hàng mới ở các phân khúc. Tại 31/12/2021, lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối của VietBank đạt 11,77 tỷ đồng, giảm 68,74% so với năm 2020.

• **Hoạt động thanh toán**

Năm 2020, lãi thuần từ hoạt động thanh toán đạt 36,29 tỷ đồng, tăng 59,37% so với năm 2019; số lượng giao dịch đạt 7.192 hồ sơ, tăng 3,76% so với cùng kỳ năm trước. Tính đến 31/12/2021, Lãi thuần từ hoạt động thanh toán đạt 40,78 tỷ đồng, tăng 12,38% so với cùng kỳ năm 2020.

VietBank nỗ lực thúc đẩy công tác phát triển nhiều sản phẩm mới về Thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại như cải tiến, thiết kế, cung ứng các sản phẩm chuyên biệt (Upas L/C, chuyển tiền ngoại tệ...) cho từng đối tượng khách hàng, đồng thời, nâng cấp và cải tiến hệ thống kỹ thuật phục vụ xử lý nghiệp vụ nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu của khách hàng.

e. Hoạt động Ngân hàng đại lý

VietBank đã thiết lập mạng lưới ngân hàng đại lý rộng khắp toàn cầu, đáp ứng các nhu cầu giao dịch thiết yếu với ngân hàng quốc tế, trong đó chủ yếu là chuyển tiền và tài trợ thương mại cho các khách hàng với các thị trường trên thế giới được nhanh chóng, an toàn, và hiệu quả.

Tính đến 31/03/2022, VietBank có quan hệ đại lý với 196 ngân hàng ở 38 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

Trong thời gian tới, VietBank tập trung duy trì, mở rộng và nâng cấp quan hệ đại lý với các đối tác truyền thống, chú trọng vào các thị trường tiềm năng với mục tiêu tăng huy động nguồn vốn với lãi suất tốt, chào bán sản phẩm dịch vụ của VietBank để tăng thu phí dịch vụ, kết nối kinh doanh để mở rộng cơ sở khách hàng.

f. Hoạt động kinh doanh khác

❖ *Hoạt động Đầu tư tài chính*

Các dịch vụ đầu tư tăng trưởng tốt, tập trung phát triển về số lượng và chất lượng nghiệp vụ nhằm mang lại doanh thu cao cho VietBank và đáp ứng trọn vẹn nhu cầu của khách hàng. Các hoạt động đầu tư tại VietBank bao gồm: trái phiếu Chính phủ, giấy tờ có giá do các TCTD khác phát hành, trái phiếu Doanh nghiệp.

Bảng 26. Kết quả hoạt động đầu tư tài chính (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020		31/12/2021		31/03/2022	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Tổng đầu tư chứng khoán	27.573.170	99,99%	29.191.604	100,00%	26.702.121	100,00%
Chứng khoán Chính phủ, chính quyền địa phương	16.014.070	58,08%	10.941.516	37,48%	9.887.629	37,03%

Chi tiêu	31/12/2020		31/12/2021		31/03/2022	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Chứng khoán Nợ do TCTD khác trong nước phát hành	7.302.100	26,48%	4.551.734	15,59%	4.303.376	16,12%
Chứng khoán Nợ do TCKT trong nước phát hành	4.257.000	15,44%	6.148.224	21,06%	4.911.028	18,39%
Chứng chỉ tiền gửi do TCTD khác trong nước phát hành	0.00	0,00%	7.550.130	25,87%	7.600.088	28,46%
Góp vốn, đầu tư dài hạn	1.400	0,01%	1.400	0,00%	1.400	0,00%
Đầu tư dài hạn khác	1.400	0,01%	1.400	0,00%	1.400	0,00%
Tổng cộng	27.574.570	100%	29.193.004	100%	26.703.521	100%

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Bảng 27. Kết quả hoạt động đầu tư tài chính (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2020		31/12/2021		31/03/2021	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Tổng đầu tư chứng khoán	27.573.170	99,98%	29.191.604	99,98%	26.702.121	99,98%
Chứng khoán Chính phủ, chính quyền địa phương	16.014.070	58,06%	10.941.516	37,47%	9.887.629	37,02%
Chứng khoán Nợ do TCTD khác trong nước phát hành	7.302.100	26,48%	4.551.734	15,59%	4.303.376	16,11%
Chứng khoán Nợ do TCKT trong nước phát hành	4.257.000	15,44%	6.148.224	21,06%	4.911.028	18,39%
Chứng chỉ tiền gửi do TCTD khác trong nước phát hành	0.00	0,00%	7.550.130	25,86%	7.600.088	28,46%

Chi tiêu	31/12/2020		31/12/2021		31/03/2021	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Góp vốn, đầu tư dài hạn	6.400	0,02%	6.400	0,02%	6.400	0,02%
Đầu tư vào công ty con	5.000	0,02%	5.000	0,02%	5.000	0,02%
Đầu tư dài hạn khác	1.400	0,01%	1.400	0,00%	1.400	0,00%
Tổng cộng	27.579.570	100%	29.198.004	100%	26.708.521	100%

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Quy mô hoạt động đầu tư của VietBank trong năm 2020 đạt 27,58 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 30,13% tổng tài sản, tăng hơn 16,87 nghìn tỷ đồng so với số dư cuối năm 2019. Năm 2021, quy mô hoạt động đầu tư đạt hơn 28,6 nghìn tỷ đồng. Danh mục đầu tư liên tục được điều chỉnh theo hướng tối đa khả năng sinh lời, nhưng vẫn đảm bảo thanh khoản cho toàn hệ thống và tuân thủ theo quy định của NHNN.

8.2. Tài sản

Bảng 28. Chi tiết tài sản cố định (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Thời điểm 31/12/2020		
1. TSCĐ hữu hình	963.139	566.887
- Nhà cửa, vật kiến trúc	602.632	406.578
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	177.634	117.395
- Phương tiện vận tải	151.025	37.242
- Tài sản khác	31.848	5.672
2. TSCĐ vô hình	367.823	285.150
- Quyền sử dụng đất	50.246	50.246
- Phần mềm máy vi tính	317.577	234.904
Tổng cộng	1.330.962	852.037
Thời điểm 31/12/2021		
1. TSCĐ hữu hình	1.012.332	556.195

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại
- Nhà cửa, vật kiến trúc	631.384	407.923
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	187.984	107.132
- Phương tiện vận tải	160.518	35.628
- Tài sản khác	32.446	5.512
2. TSCĐ vô hình	375.874	256.994
- Quyền sử dụng đất	50.246	50.246
- Phần mềm máy vi tính	326.628	206.748
Tổng cộng	1.388.206	813.189
Thời điểm 31/03/2022		
1. TSCĐ hữu hình	1.038.298	566.532
Nhà cửa, vật kiến trúc	631.447	401.329
Thiết bị, dụng cụ quản lý	213.913	126.835
Phương tiện vận tải	160.808	33.024
Tài sản khác	32.130	5.344
2. TSCĐ vô hình	375.875	247.952
Quyền sử dụng đất	50.246	50.246
Phần mềm máy vi tính	326.629	197.706
Tổng cộng	1.414.173	814.484

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Bảng 29. Chi tiết tài sản cố định (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Thời điểm 31/12/2020		
1. TSCĐ hữu hình	963.139	566.887
- Nhà cửa, vật kiến trúc	602.632	406.578

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	177.634	117.395
- Phương tiện vận tải	151.025	37.242
- Tài sản khác	31.848	5.672
2. TSCĐ vô hình	367.823	285.150
- Quyền sử dụng đất	50.246	50.246
- Phần mềm máy vi tính	317.577	234.904
Tổng cộng	1.330.962	852.037
Thời điểm 31/12/2021		
1. TSCĐ hữu hình	1.012.332	556.195
- Nhà cửa, vật kiến trúc	631.384	407.923
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	187.984	107.132
- Phương tiện vận tải	160.518	35.628
- Tài sản khác	32.446	5.512
2. TSCĐ vô hình	375.874	256.994
- Quyền sử dụng đất	50.246	50.246
- Phần mềm máy vi tính	325.628	206.748
Tổng cộng	1.388.206	813.189
Thời điểm 31/03/2022		
1. TSCĐ hữu hình	1.038.298	566.532
Nhà cửa, vật kiến trúc	631.447	401.329
Thiết bị, dụng cụ quản lý	213.913	126.835
Phương tiện vận tải	160.808	33.024
Tài sản khác	32.130	5.344
2. TSCĐ vô hình	375.875	247.952
Quyền sử dụng đất	50.246	50.246

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại
<i>Phần mềm máy vi tính</i>	326.629	197.706
Tổng cộng	1.414.173	814.484

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

8.3. Quản lý rủi ro bảo toàn vốn

8.3.1. Các chính sách quản lý rủi ro đang áp dụng

Rủi ro luôn luôn tiềm ẩn trong hoạt động của Ngân hàng và công ty con, nhưng được quản lý thông qua các quy trình phát hiện, đánh giá và kiểm soát thường xuyên tùy thuộc vào giới hạn rủi ro và các kiểm soát khác. Quy trình quản lý rủi ro là then chốt đối với khả năng sinh lợi của Ngân hàng và công ty con và mỗi cá nhân trong Ngân hàng và công ty con có trách nhiệm ngăn chặn các rủi ro liên quan đến quyền hạn công việc của họ. Ngân hàng và công ty con đối mặt với các loại rủi ro như: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường (được phân loại thành rủi ro kinh doanh và rủi ro không liên quan đến kinh doanh). Ngoài ra, Ngân hàng và công ty con cũng chịu rủi ro hoạt động.

Quy trình kiểm soát rủi ro độc lập không bao gồm các rủi ro kinh doanh như những thay đổi của môi trường, công nghệ và ngành nghề. Những rủi ro này được kiểm soát bởi quy trình xây dựng kế hoạch chiến lược của Ngân hàng và công ty con.

Ngân hàng và công ty con thành lập, quy định về tổ chức và hoạt động của Ủy ban Quản lý rủi ro ("UBQLRR") như sau:

- (i) UBQLRR chịu trách nhiệm:
 - Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền liên quan đến quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và điều lệ Ngân hàng và công ty con;
 - Phân tích và đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng và công ty con trước những nguy cơ tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và các biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như trong dài hạn;
 - Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Ngân hàng và công ty con để đưa ra các khuyến nghị, đề xuất với Hội đồng Quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động;
 - Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.
- (ii) UBQLRR báo cáo công việc cho Hội đồng Quản trị và có thể tổ chức họp định kỳ hoặc họp bất thường nhưng tối thiểu 6 tháng phải họp một lần.

a. Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất khi khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn gốc và lãi của các khoản vay được Ngân hàng cấp tín dụng hoặc cấp bảo lãnh.

Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng và công ty con đã ban hành các chính sách tín dụng cũng như hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của Ngân hàng và công ty con.

Ngân hàng và công ty con kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà Ngân hàng và công ty con có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống phân loại nợ, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này được thiết lập phù hợp với các quy định của Ngân hàng Nhà Nước.

Ngân hàng và công ty con đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về tình hình tài chính, khả năng trả nợ của các bên đối tác dựa trên các yếu tố định tính, định lượng.

b. Quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng phát sinh do sự chênh lệch giữa ngày đáo hạn hoặc ngày xác định lại lãi suất của tài sản và nợ phải trả và các công cụ ngoại bảng trong một giai đoạn nhất định.

Để quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, Ngân hàng và công ty con tiến hành phân tích tài sản và nợ phải trả theo thời hạn định lại lãi suất thực tế.

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất hoặc thời hạn đáo hạn còn lại của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, tùy theo yếu tố nào đến sớm hơn.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và công ty con:

- Tiền mặt; Góp vốn, đầu tư dài hạn; Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác; Các tài sản khác (bao gồm tài sản cố định, các khoản phải thu và tài sản Có khác) và các khoản nợ khác được xếp loại vào khoản mục không chịu lãi.
- Tiền gửi tại NHNN được xếp loại tiền gửi thanh toán do đó kỳ hạn định lại lãi suất thực tế được xếp loại vào khoản mục đến một tháng.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất của từng loại chứng khoán.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản nợ Chính phủ và NHNN; Các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác; Cho vay khách hàng; Các khoản phải thu từ bán nợ; Tiền gửi và vay các TCTD khác; Tiền gửi của khách hàng và Phát hành giấy tờ có giá được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính.
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính hoặc thời gian đáo hạn còn lại của các khoản mục, tùy theo yếu tố nào đến sớm hơn.

c. Quản lý rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Ngân hàng và công ty con được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND, đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng và công ty con cũng là VND. Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Ngân hàng và công ty con chủ yếu bằng VND, một phần bằng USD và EUR. Tuy nhiên, một số tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính khác của Ngân hàng và công ty con lại bằng các đồng tiền khác ngoài VND, USD và EUR. Ngân hàng đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng và công ty con sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

d. Quản lý rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro do Ngân hàng và công ty con không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ tại thời điểm phát sinh nghĩa vụ tài chính hoặc có khả năng thực hiện nghĩa vụ tài chính khi đến hạn nhưng phải chịu chi phí cao hơn chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của Ngân hàng. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Ngân hàng phải huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Ngân hàng và công ty con, dự trữ một lượng tài sản có tính thanh khoản cao hợp lý, đồng thời Ngân hàng có chính sách quản lý rủi ro thanh khoản linh hoạt. Ngân hàng theo dõi hàng ngày tình hình tuân thủ các tỷ lệ an toàn về thanh khoản và đồng thời dự báo biến động của dòng tiền tác động đến khả năng thanh khoản của Ngân hàng trong tương lai, để đảm bảo tại mọi thời điểm luôn duy trì khả năng thanh khoản tốt, tuân thủ đầy đủ các quy định của NHNN và các quy định nội bộ của Ngân hàng.

Rủi ro thanh khoản được quản lý thông qua việc nắm giữ một số lượng lớn tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro; Tiền gửi tại NHNN; Các khoản tiền gửi, cho vay TCTD khác và các loại Giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản.

Thời gian đáo hạn còn lại của các tài sản và nợ phải trả thể hiện thời gian còn lại của tài sản và nợ phải trả tính từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và công ty con:

- Tiền mặt, Tiền gửi tại NHNN được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc.
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán.
- Thời gian đến hạn của các khoản nợ Chính phủ và NHNN, tiền gửi và cho vay các TCTD khác và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các khế ước cho vay được gia hạn.
- Thời gian đến hạn của góp vốn, đầu tư dài hạn được coi là hơn năm năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định.
- Các khoản tiền gửi và vay của các TCTD khác; Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác; Tiền gửi của khách hàng; Phát hành giấy tờ có giá và các khoản nợ khác được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu.
- Thời gian đến hạn của tài sản cố định và tài sản Có khác được xác định dựa vào thời gian thu hồi ước tính của các tài sản.

e. Quản lý rủi ro cam kết ngoại bảng

Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng (cân đối kế toán) phát sinh chủ yếu từ các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng thương mại (L/C).

Rủi ro phát sinh từ các hoạt động ngoại bảng là rủi ro tín dụng trong trường hợp VietBank phải trả thay cho khách hàng phát sinh khi khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các nghĩa vụ đã cam kết.

Để giảm thiểu các rủi ro trong hoạt động này, VietBank đã ban hành quy trình nghiệp vụ và tiến hành thẩm định cẩn thận khách hàng.

Khách hàng khi được cấp L/C phải đáp ứng các yếu tố sau:

- Có năng lực tài chính, kinh nghiệm, trình độ quản lý và uy tín hoạt động trong ngành nghề, có đối tác nước ngoài là các đối tác quen thuộc, có thị trường tiêu thụ trong nước ổn định, có quan hệ uy tín với VietBank trong nhiều lĩnh vực hoạt động;
- Phương án kinh doanh khả thi;
- Tỷ lệ kỳ quỹ an toàn;
- Mặt hàng chuyên doanh phải dễ dàng tiêu thụ trên thị trường;
- Vay thanh toán L/C có tài sản bảo đảm.

f. Quản lý rủi ro luật pháp

Các hoạt động của Tổ Chức Phát Hành, trong lĩnh vực dịch vụ ngân hàng và tài chính, được giám sát bởi các quy định nghiêm ngặt tại Việt Nam, bao gồm cả các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Khuôn khổ pháp lý và pháp luật đã, đang và sẽ tiếp tục phát triển theo sự phát triển nhanh chóng của ngành dịch vụ tài chính tại Việt Nam. Bên cạnh đó, cần lưu ý rằng, các cơ quan Nhà nước tại Việt Nam, bao gồm cả Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN"), đang ngày càng đưa ra những tiêu chuẩn cao hơn, kèm theo các hướng dẫn và yêu cầu quản lý để kiểm soát tốt hơn các thay đổi tự nhiên của hệ thống ngân hàng, đặc biệt là trong lĩnh vực quản trị rủi ro.

Cụ thể, NHNN đã ban hành Thông tư mới số 01/2021/TT-NHNN ngày 31/03/2021 về việc quy định về phát hành kỳ phiếu, tin phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 01"), thay thế cho Thông tư số 34/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về phát hành kỳ phiếu, tin phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư số 33/2019/TT-NHNN ngày 31/12/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về phát hành kỳ phiếu, tin phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo đó, Thông tư 01 đã quy định một cách rõ ràng hơn các quy định về phát hành giấy tờ có giá trong nước của các tổ chức tín dụng, cũng như xoá bỏ đi một số hạn chế của các văn bản trước đó, nhằm mục tiêu phát triển thị trường giấy tờ có giá của các tổ chức tín dụng nói riêng cũng như thị trường trái phiếu, thị trường giấy tờ có giá ở Việt Nam nói chung.

Bên cạnh đó, không có yêu cầu cụ thể nào về lãi suất của các Trái Phiếu. Thông tư 01 quy định rằng, lãi suất Trái Phiếu được xác định bởi Tổ Chức Phát Hành và phải "phù hợp với thị trường và các quy định liên quan về lãi suất được công bố bởi NHNN trong từng thời kỳ". Trong thời hạn của Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành phải điều chỉnh lãi suất cho phù hợp với mức lãi suất được quy định bởi NHNN trong từng thời kỳ. Tại thời điểm này, NHNN không quy định các hạn chế về lãi suất của các giấy tờ có giá dài hạn do các tổ chức tín dụng phát hành theo Thông tư số 07/2014/TT-NHNN ngày 17 tháng 03 năm 2014 quy định lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi VND của các đơn vị, cá nhân tại tổ chức tín dụng có hiệu lực từ ngày 18 tháng 03 năm 2014 và Quyết định số 2173/QĐ-NHNN về mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-NHNN ngày 17/03/2014.

Trong thời gian cuối năm 2020 và đầu năm 2021, Chính phủ và Bộ Tài chính cũng đã ban hành một số các Nghị Định mới về hướng dẫn chi tiết Luật chứng khoán 2019 ("Hiệu lực ngày 01/01/2021"), trong đó có liên quan đến thị trường Trái phiếu doanh nghiệp. Trong đó, liên quan đến chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước, Chính phủ đã ban hành Nghị định 153/2020/NĐ-CP ("Nghị định 153") ngày 31/12/2020. Nghị định 153 đã giới hạn lại đối tượng mua trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ không chuyển đổi không kèm chứng quyền chỉ bao gồm nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Văn bản cũng giới hạn việc chỉ cho phép giao dịch trái phiếu giữa các nhà đầu tư chuyên nghiệp.

sẽ tạo ra rào cản đối với các đối tượng có nhu cầu đầu tư trái phiếu doanh nghiệp và theo đó tạo ra động lực cho quá trình "chuyên nghiệp hóa" và chọn lọc đối tượng nhà đầu tư trên thị trường. Đây tiếp tục được xem là biện pháp nhất quán của nhà lập pháp nhằm thiết lập sự phát triển bền vững của thị trường TPĐN.

Tuy nhiên, không có gì đảm bảo rằng, những quy định và chính sách nêu trên sẽ không phát triển theo cách sẽ ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh doanh, tài chính cũng như kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành.

g. Quản lý rủi ro hoạt động

Là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với VietBank (bao gồm cả rủi ro pháp lý). Rủi ro hoạt động không bao gồm Rủi ro danh tiếng và Rủi ro chiến lược.

Ngày 30/01/2019, Hội đồng Quản trị đã ban hành Chính sách quản lý rủi ro (trong đó có chính sách quản lý rủi ro hoạt động). Đầu năm 2020 VietBank đã tổ chức rà soát lại Chính sách quản lý rủi ro, và đã có sự điều chỉnh Chính sách phù hợp với thực tế của VietBank. VietBank đã và đang triển khai các chính sách quản lý rủi ro hoạt động.

- VietBank đã ban hành chính sách quản lý rủi ro trong đó có khẩu vị rủi ro hoạt động: định kỳ hàng tháng các sự cố có tổn thất sẽ được theo dõi, đôn đốc việc thu hồi để đảm bảo việc giám sát tuân thủ khẩu vị rủi ro hoạt động.
- Đo lường, theo dõi, kiểm soát rủi ro hoạt động: VietBank tiếp tục triển khai việc đo lường, theo dõi, kiểm soát rủi ro hoạt động, cụ thể:
 - Định kỳ hàng tháng thu thập sự cố trên toàn hàng;
 - Sử dụng kết quả của KTNB, kết giám sát từ xa để phân tích các điểm rủi ro xảy ra thường xuyên, từ đó phân tích các chốt kiểm soát và đề xuất kiến nghị gửi cho các đơn vị liên quan nhằm hạn chế các rủi ro tương tự có thể xảy ra ở tương lai. Đồng thời VietBank cũng ban hành các văn bản cảnh báo, nhắc nhở toàn hàng;
 - Đối với các sự cố có tính rủi ro cao, hoặc có tổn thất nghiêm trọng xảy ra, VietBank có đơn vị điều tra, làm rõ nguyên nhân, có báo cáo, có giải pháp và xử lý kỷ luật đối với các cá nhân có liên quan gửi Ban Lãnh đạo;
 - Tất cả các quy định, quy trình, sản phẩm tại VietBank đều phải được đánh giá rủi ro trong vận hành, rủi ro pháp lý trước khi ban hành, đối với những nội dung chưa phù hợp, chưa có chốt chặn kiểm soát phù hợp sẽ được sửa đổi phù hợp.
- Chuyển giao rủi ro bằng biện pháp mua bảo hiểm:

Để chuyển giao rủi ro đối với một số trường hợp bất khả kháng, các rủi ro có nguyên nhân từ phía bên ngoài như trộm cắp, cháy nổ..., VietBank đã tiến hành mua bảo hiểm mọi rủi ro tài sản trên toàn hệ thống (xe Ôtô, TSCĐ hữu hình, các công cụ lao động, kho quỹ, tiền vận chuyển trên đường, bảo hiểm cháy nổ tòa nhà theo quy định của luật Phòng cháy chữa cháy).

- Kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh liên tục:

Để đảm bảo biện pháp dự phòng giảm thiểu rủi ro và ứng phó với thảm họa, VietBank đã ban quy chế, quy định, quy trình liên quan đến hoạt động kinh doanh liên tục trong điều kiện khủng hoảng như xây dựng kế hoạch đảm bảo liên tục của hệ thống CNTT, quy định về sao lưu, phục hồi dữ liệu dự phòng; xây dựng kịch bản và kế hoạch cho các trường hợp trộm cướp và các sự cố cháy nổ; khủng hoảng truyền thông; khủng hoảng trong thanh khoản.

Trong 06 tháng đầu năm 2020, nhằm đối phó với tình hình dịch bệnh Covid-19 phức tạp, VietBank đã thành lập Ban chỉ đạo xử lý khủng hoảng dịch bệnh Covid-19 – trong đó chủ tịch HĐQT làm chủ tịch Ban chỉ đạo, VietBank đã xây dựng phương án ứng phó khi trụ sở đơn vị bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh

Covid-19, theo đó tất cả các Khối/Trung tâm/phòng nghiệp vụ Hội sở đã tách một phần nhân sự sang làm việc tại địa điểm dự phòng, làm việc online, chuẩn bị các kịch bản xấu đối với Hội sở/TTKD, có các phương án dự phòng cho các kịch bản xấu nếu Hội sở bị ảnh hưởng hoặc TTKD bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19.

- Tính vốn cho rủi ro hoạt động:

VietBank tính toán vốn cho rủi ro hoạt động theo quy định thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 – quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

h. Quản lý rủi ro phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố (PCRT/TTKB)

VietBank đảm bảo tuân thủ đầy đủ, hiệu quả quy định của pháp luật, NHNN, đạo luật FATCA, về phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố.

VietBank xây dựng mô hình PCRT/TTKB theo cấu trúc 03 lớp phòng thủ, bao gồm: Tổ PCRT tác nghiệp trực tiếp tại từng TTKD với sự hỗ trợ, quản lý, giám sát của Bộ phận PCRT tại Hội Sở và sự định hướng, chỉ đạo từ Ban PCRT đại diện Ban Điều hành. Quy định nội bộ về PCRT/TTKB luôn được thường xuyên cập nhật, theo sát các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, cảnh báo từ NHNN và là "kim chi nam" cho toàn thể CBNV tuân thủ theo. Năm bắt được xu hướng thời đại công nghệ số, bên cạnh việc không ngừng xây dựng, phát triển các sản phẩm, dịch vụ tài chính hiện đại, gia tăng tiện ích hơn đến khách hàng, VietBank cũng không ngừng cải tiến nền tảng công nghệ thông tin hiện đại đảm bảo giảm thiểu tối đa rủi ro an ninh mạng, bảo mật thông tin đặc biệt là rủi ro rửa tiền, tài trợ khủng bố. Hệ thống rà soát và định danh thông tin khách hàng/ giao dịch được phát triển theo hướng tự động hóa hoàn toàn với nguồn danh sách cảnh báo, hạn chế giao dịch toàn diện World-Check List được liên tục cập nhật từ đối tác Refinitiv – sở hữu nền tảng từ một trong những nhà cung cấp lớn nhất thế giới về dữ liệu và cơ sở hạ tầng của thị trường tài chính Thomson Reuters. Hệ thống giám sát và báo cáo giao dịch không ngừng được cải thiện, tối ưu. Việc đào tạo nghiệp vụ PCRT/TTKB được nghiêm túc triển khai hàng năm từ nền tảng trực tuyến cho đến đào tạo tại chỗ trên toàn hệ thống nhằm cập nhật những kiến thức mới nhất đi kèm các tình huống minh họa thực tiễn giúp nâng cao nhận thức, hiểu biết và tinh tự giác tuân thủ của CBNV.

i. Quản lý rủi ro chuẩn mực nghề nghiệp và gian lận nội bộ

Với mong muốn xây dựng văn hóa kiểm soát, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, chống gian lận nội bộ, VietBank đã xây dựng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Chuẩn mực này dựa trên nguyên lý đạo đức cơ bản nhằm mục đích hướng dẫn cán bộ nhân viên và các cấp quản lý áp dụng trong các giao tiếp hàng ngày, góp phần tạo nên những giá trị văn hóa đặc trưng của VietBank. Chuẩn mực này yêu cầu tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp của cán bộ nhân viên và trách nhiệm báo cáo đối với các hành vi vi phạm có khả năng ảnh hưởng đến thương hiệu, uy tín, lợi ích của VietBank và khách hàng thông qua các kênh hotline của ngân hàng.

VietBank xây dựng và ban hành Nội quy lao động, cơ chế khen thưởng, kỷ luật phù hợp công khai trên toàn hệ thống

VietBank ban hành bộ tiêu chí rủi ro trong tác nghiệp, có ghi nhận đánh giá rủi ro cho CBNV để áp dụng trong trường hợp điều chuyển, tái bổ nhiệm, hoặc tăng tiến trong công việc.

j. Quản lý rủi ro hệ thống CNTT

VietBank đã phối hợp với Finastra để xây dựng hệ thống Core banking và các hệ thống ngân hàng chuyên dụng khác (hay còn gọi The Transformer – VietBank Prime) hoàn toàn mới với đầy đủ các chức năng. Finastra là công ty hàng đầu thế giới về công nghệ đã triển khai thành công các dự án Core cho rất nhiều ngân hàng lớn trên thế giới. Ngày 16/09/2019, VietBank công bố chính thức vận hành hệ thống Core banking và các hệ thống hiện đại như thanh toán quốc tế, nguồn vốn. VietBank luôn chủ động thường xuyên đánh giá rủi ro an ninh, an toàn hệ thống và đồng thời triển khai nhiều giải pháp

kiểm soát rủi ro như sau:

- Đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, đảm bảo an ninh, bảo mật mọi thông tin, giao dịch của khách hàng, phòng ngừa rủi ro khi cung ứng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng điện tử cho khách hàng;
- Tăng cường nâng cao năng lực cho cán bộ chuyên trách, thông qua các khóa học do NHNN, Cục CNTT hay các đối tác tổ chức;
- Thường xuyên theo dõi cập nhật các sự kiện an toàn thông tin trên toàn thế giới, trong nước để có các hành động kịp thời;
- Thường xuyên cập nhật các bản và lỗi theo khuyến nghị của các nhà cung cấp giải pháp phần cứng và phần mềm;
- Xây dựng và chuẩn hóa hệ thống giám sát các sự kiện bảo mật trong hệ thống CNTT VietBank để giám sát tập trung các hệ thống bảo mật riêng lẻ nhằm phát hiện sớm nguy cơ để ngăn chặn kịp thời;
- Đánh giá bảo mật tất cả các hệ thống, dịch vụ ngân hàng điện tử và các hệ thống trọng yếu trước khi cung cấp cho khách hàng;
- Triển khai các giải pháp bảo đảm sẵn sàng của hệ thống CNTT, đồng thời diễn tập chuyển hệ thống chính tại trung tâm dữ liệu chính sang hệ thống dự phòng tại trung tâm dữ liệu dự phòng để đảm bảo hệ thống sẵn sàng hoạt động khi có thảm họa tại trung tâm dữ liệu chính;
- Triển khai, tuân thủ và áp dụng các tiêu chuẩn chương trình an ninh khách hàng (CSP) cho hệ thống SWIFT; hàng năm renew chứng chỉ về chuẩn bảo mật dữ liệu thẻ thanh toán (PCIDSS) cho hệ thống thẻ;
- Cung cấp cho khách hàng các giải pháp xác thực giao dịch điện tử an toàn và hiện đại;
- Nghiên cứu và thử nghiệm các giải pháp nhằm chủ động phát hiện các giao dịch có dấu hiệu gian lận;
- Tuyên truyền, đào tạo nâng cao nhận thức an toàn thông tin cho toàn Ngân hàng;
- Thường xuyên cảnh báo khách hàng về những rủi ro bảo mật trong các dịch vụ của Ngân hàng.

8.3.2. Đánh giá tình hình thực hiện, giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế

Ý thức rằng QLRR đóng vai trò thiết yếu đối với hoạt động của một ngân hàng thương mại, VietBank đã xây dựng chính sách và hệ thống QLRR dựa trên các nguyên tắc sau:

- Tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ trong quá trình hoạt động của Ngân hàng.
- Đảm bảo hài hòa mục tiêu QLRR với mục tiêu phát triển kinh doanh về trung, dài hạn.
- Thực hiện quản lý rủi ro theo hướng tập trung (tập trung về Hội sở chính) và theo hướng thống nhất (trong toàn hệ thống, kể cả tại Hội sở chính và các đơn vị kinh doanh).
- Phân tán rủi ro, đa dạng hóa trong phân bổ nguồn lực, đầu tư vào các tài sản có rủi ro.
- Tiến tới mục tiêu là mọi loại rủi ro đều phải được đo lường thông qua các mô hình, công cụ đánh giá, kiểm chứng tính phù hợp và xác thực.
- Các khoản dự phòng rủi ro được trích lập đầy đủ theo quy định của NHNN và chính sách QLRR của VietBank.

Tương ứng với các nguyên tắc nêu trên, hệ thống QLRR của Ngân hàng đã được tổ chức với ba phòng tuyến để phòng thủ và kiểm soát rủi ro:

- Phòng tuyến thứ nhất là các đơn vị phát sinh rủi ro như các đơn vị kinh doanh (Các Trung tâm Kinh doanh, Khối thi trường Tài chính, Khối vận hành), các cá nhân là Chuyên viên khách hàng có nhiệm vụ xác định, đánh giá, ngăn ngừa, báo cáo và theo dõi các rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh và các quy trình vận hành khác.
- Phòng tuyến thứ hai là các đơn vị phụ trách về quản lý rủi ro, bao gồm UBQLRR, Hội đồng Xử lý rủi ro, Hội đồng Tín dụng thuộc HĐQT; Ủy ban ALCO, Ban Tín dụng, Khối QLRR thuộc Ban Điều hành.

- Phòng tuyến thứ ba là Ban Kiểm soát, Ban Kiểm toán nội bộ hoạt động độc lập với Ban Điều hành.

Từ đây, bộ máy tổ chức và nhân sự QLRR của Ngân hàng đã được cơ cấu như sau: HĐQT, UBQLRR, Hội đồng Xử lý rủi ro, Hội đồng Tín dụng, Tổng Giám đốc, ALCO, Ban Tín dụng, Khối QLRR và Trưởng các Đơn vị kinh doanh, Khối/Trung tâm/Phòng/Ban tại Hội sở. Trách nhiệm và quyền hạn của từng thành phần trong bộ máy này, được quy định cụ thể trong Chính sách và các quy định nội bộ của VietBank.

Mặt khác, cũng để đáp ứng các yêu cầu QLRR nêu trên, Ngân hàng đã thiết lập một hệ thống các giới hạn kiểm soát rủi ro, thể hiện bằng các chỉ số, hạn mức cụ thể, đối với từng loại rủi ro (bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động); từng loại hoạt động kinh doanh; từng Đơn vị kinh doanh; cũng như đối với từng cá nhân tham gia vào các giao dịch có khả năng phát sinh rủi ro. Hệ thống các giới hạn kiểm soát rủi ro này, theo định kỳ, ít nhất 01 lần/năm hoặc các trường hợp đột xuất khi cần thiết, được Tổng Giám đốc chỉ đạo việc xây dựng để trình HĐQT phê duyệt.

Bên cạnh đó Ngân hàng cũng đã xây dựng hệ thống văn bản nội bộ và hệ thống thông tin quản lý về QLRR, nhằm mục đích để thông tin đầy đủ, kịp thời trong nội bộ, đáp ứng tốt nhất các yêu cầu liên quan đến công tác QLRR của Ngân hàng.

8.4. Thị trường hoạt động

8.4.1. Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện

Trải qua 14 năm xây dựng và phát triển, hiện tại VietBank đã phát triển theo mô hình ngân hàng đa năng với địa hình kinh doanh và mạng lưới hoạt động được phân bố khắp cả nước. Cụ thể tại ngày 31/03/2022, Ngân hàng có:

- **01 Trụ sở chính:** 47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Tp. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam;
- **01 Văn phòng đại diện:** 62A Cách Mạng Tháng 8, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh;
- **25 Chi nhánh:** trải dài trên khắp các tỉnh thành phố;
- **93 Phòng Giao dịch;**
- **01 Công ty con.**

Bảng 30. Số lượng Chi nhánh/Phòng giao dịch VietBank

STT	Chi nhánh/PGD	Vị trí địa lý
1.	VIETBANK CN Sóc Trăng	47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Tp.Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng
2.	VIETBANK Sóc Trăng - PGD Ngô Gia Tự	107-109 Ngô Gia Tự, Phường 6, Tp.Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng
3.	VIETBANK Sóc Trăng - PGD Kế Sách	35 Phan Văn Hùng, ấp An Ninh 1, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.
4.	VIETBANK Sóc Trăng - PGD Mỹ Tú	84D Hùng Vương, ấp Cầu Đồn, thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.
5.	VIETBANK CN TP.HCM	Một phần tầng hầm B1, một phần tầng trệt và một phần tầng lửng tòa nhà số 62A CMT8, Phường 6, Quận 3, Tp.HCM
6.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Cao Thắng	90 Cao Thắng, Phường 4, Quận 3, Tp.HCM

STT	Chi nhánh/PGD	Vị trí địa lý
7.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Trần Quang Khải	188C Trần Quang Khải, phường Tân Định, Quận 1, TPHCM.
8.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Khánh Hội	225 Khánh Hội, Phường 3, Quận 4, Tp.HCM
9.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Bình Đăng	246-248 Liên Tính 5, phường 6, quận 8, TP Hồ Chí Minh
10.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Nguyễn Thị Thập	360A/5 Nguyễn Thị Thập, Phường Tân Phong, Quận 7, Tp.HCM
11.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Phú Mỹ Hưng	001 Khu phố Mỹ Hoàng – H5, Khu A, TT-ĐTMM-NTP, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
12.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Nguyễn Tri Phương	335-337 Nguyễn Tri Phương, Phường 5, Quận 10, Tp.HCM
13.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Lý Thường Kiệt	428-430 Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận Tân Bình, Tp.HCM
14.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Nguyễn Thái Sơn	107 Nguyễn Thái Sơn, Phường 4, Quận Gò Vấp, Tp.HCM (Do thay đổi số nhà theo QĐ của UBND Gò Vấp)
15.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Nguyễn Sơn	304 Nguyễn Sơn, Phường Phú Thọ Hòa, Quận Tân Phú, Tp.HCM
16.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Bình Chánh	A11/5-A11/6 QL1A, Ấp 1, Xã Bình Chánh, Huyện Bình Chánh, Tp.HCM
17.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Nguyễn Duy Trinh	538 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Đông, TP Thủ Đức, TPHCM
18.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Trần Nảo	129 Trần Nảo, Phường An Khánh, TP Thủ Đức, Tp.HCM
19.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Nguyễn Tất Thành	11A Hoàng Diệu, Phường 12, Quận 4, Tp.HCM
20.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Huỳnh Tấn Phát	698 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp.HCM
21.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Võ Văn Ngân	118 Võ Văn Ngân, Phường Bình Thọ, TP Thủ Đức, Tp.HCM
22.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Hàng Xanh	171 Đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
23.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD	635 Quang Trung, Phường 11, Quận Gò Vấp, Tp.HCM

STT	Chi nhánh/PGD	Vị trí địa lý
	Quang Trung	
24.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Lê Trọng Tấn	143 -145 Lê Trọng Tấn và Số 78 Sơn Kỳ , Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, Tp.HCM
25.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Củ Chi	880 Quốc lộ 22, KP8, TT Củ Chi, Huyện Củ Chi, Tp.HCM
26.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Phố Quang	Khu GM – Số 119K Dự án Golden Mansion, số 119 Đường Phố Quang, Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
27.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Cộng Hòa	135 Cộng Hòa, Phường 12, Quận Tân Bình, Tp.HCM
28.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Nơ Trang Long	151 Nơ Trang Long, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
29.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Tân Phú	414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
30.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Điện Biên Phủ	406 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
31.	VIETBANK CN Sài Gòn	11A-11B Hùng Vương, Phường 4, Quận 5, Tp.HCM
32.	VIETBANK Sài Gòn - PGD Bình Tân	70-72 đường số 17A, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Tp.HCM
33.	VIETBANK Sài Gòn - PGD Trần Hưng Đạo	874-876 Trần Hưng Đạo, Phường 7, Quận 5, Tp.HCM
34.	VIETBANK Sài Gòn - PGD Âu Cơ	528 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, Tp.HCM
35.	VIETBANK Sài Gòn - PGD Bàu Cát	96-98-100 Bàu Cát, Phường 25, Quận Tân Bình, Tp.HCM
36.	VIETBANK Sài Gòn - PGD Lũy Bán Bích	Một phần phía trước căn nhà số 883 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, Tp.HCM
37.	VIETBANK CN Chợ Lớn	36 - 38 Hậu Giang, Phường 2, Quận 6, TPHCM.
38.	VIETBANK Chợ Lớn - PGD Bình Trị Đông	153 Đường số 7, Phường. Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, Tp.HCM
39.	VIETBANK Chợ Lớn - PGD Chánh Hưng	318 Bis Phạm Hùng, Phường 5, Quận 8, Tp.HCM
40.	VIETBANK Chợ Lớn - PGD Lê Đại Hành	109-111 Lê Đại Hành, Phường 6, Quận 11, Tp.HCM

STT	Chi nhánh/PGD	Vị trí địa lý
41.	VIETBANK Chợ Lớn - PGD Chương Dương	520 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, Tp.HCM
42.	VIETBANK Chợ Lớn - PGD Hóc Môn	324 đường Lê Thị Hà, Ấp Chánh 1, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, TP HCM
42.	VIETBANK CN Tây Sài Gòn	Một phần tầng 1 và một phần tầng 2 số 346-348-350 Hoàng Văn Thụ, P. 4, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh
44.	VIETBANK Tây Sài Gòn - PGD Nguyễn Ánh Thủ	Một phần phía trước 10C/A Nguyễn Ánh Thủ, Phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Tp.HCM
45.	VIETBANK Tây Sài Gòn - PGD Lê Văn Khương	72 Lê Văn Khương, Phường Thới An, Quận 12, Tp.HCM
46.	VIETBANK CN Bắc Sài Gòn	299 Nguyễn Văn Trỗi, phường 1, quận Tân Bình, TPHCM
47.	VIETBANK Bắc Sài Gòn - PGD Lê Văn Việt	197 Lê Văn Việt, khu phố 4, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
48.	VIETBANK Bắc Sài Gòn - PGD Đinh Tiên Hoàng	Tầng trệt, lửng và lầu 1 số 96 Đinh Tiên Hoàng, Phường 1, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
49.	VIETBANK Bắc Sài Gòn - PGD Đỗ Xuân Hợp	519 Đỗ Xuân Hợp, KP6, Phường Phước Long, TP Thủ Đức, TPHCM
50.	VIETBANK CN Hà Nội	70-72 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội
51.	VIETBANK Hà Nội - PGD Gia Lâm	01SH15 ô đất B2-CT04, tòa nhà L26M (S2.18) Dự án Khu Đô Thị Gia Lâm - Vinhomes Ocean Park, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, Tp.Hà Nội
52.	VIETBANK Hà Nội - PGD Mỹ Đình	Số B1-08A Khu chức năng đô thị Thành Phố Xanh, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
53.	VIETBANK Hà Nội - PGD Đội Cấn	279B-279C Đội Cấn, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, TP Hà Nội
54.	VIETBANK Hà Nội - PGD Quán Thánh	62 Quán Thánh, Phường Quán Thánh, Quận Ba Đình, Tp.Hà Nội
55.	VIETBANK Hà Nội - PGD Bắc Từ Liêm	39 Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, TPHCM
56.	VIETBANK Hà Nội - PGD Thanh Xuân	Số 160 Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
57.	VIETBANK Hà Nội - PGD Láng Hạ	35 phố Yên Lãng, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Tp.Hà

STT	Chi nhánh/PGD	Vị trí địa lý
		Nội
58.	VIETBANK Hà Nội - PGD Khâm Thiên	280 Khâm Thiên, Quận Đống Đa, Tp.Hà Nội
59.	VIETBANK Hà Nội - PGD Lê Thanh Nghị	56 Lê Thanh Nghị, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội
60.	VIETBANK Hà Nội - PGD Lò Đúc	110 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội
61.	VIETBANK Hà Nội - PGD Lạc Trung	53 Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội
62.	VIETBANK Hà Nội - PGD Tố Hữu	Một phần tầng 1, tòa CT2, Tòa nhà Bắc Hà C14, đường Tố Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.
63.	VIETBANK Hà Nội - PGD Trung Hòa	Số 3 lô 11B Khu đô thị mới Trung Yên, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Tp.Hà Nội
64.	VIETBANK Hà Nội - PGD Nguyễn Khánh Toàn	48 Nguyễn Khánh Toàn, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Tp.Hà Nội
65.	VIETBANK Hà Nội - PGD Tây Hồ	Số LK008, Dự Án Khu nhà ở thấp tầng A1TT1, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, TP.Hà Nội
66.	VIETBANK Hà Nội - PGD Đền Lừ	58 Lô 7 Đền Lừ, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Tp.Hà Nội
67.	VIETBANK Hà Nội - PGD Hoàng Mai (Kim Đồng cũ)	Ô đất số 11 Dãy B, Lô TT3 Dự Án Khu ĐTM Tây Nam Hồ Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
68.	VIETBANK Hà Nội - PGD Nguyễn Văn Cừ	97 Hồng Tiến, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, TP.Hà Nội
69.	VIETBANK Hà Nội - PGD Hà Đông	SH-16,SH-19,SH-20 thuộc CC cao cấp H-CT2, ô đất H-CT2, khu căn hộ ở Hi Brand, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, Hà Nội.
70.	VIETBANK CN Hải Phòng	05 Lý Tự Trọng, P.Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Tp.Hải Phòng
71.	VIETBANK Hải Phòng - PGD Trần Nguyên Hãn	268B Trần Nguyên Hãn, P.Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân, Tp.Hải Phòng
72.	VIETBANK Hải Phòng - PGD Bạch Đằng	199 Bạch Đằng, P.Thượng Lý, Q.Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng
73.	VIETBANK Hải Phòng - PGD Ngô Quyền	25 Đà Nẵng, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Tp.Hải Phòng

STT	Chi nhánh/PGD	Vị trí địa lý
74.	VIETBANK Hải Phòng - PGD Lê Hồng Phong	05 Lô 22B Lê Hồng Phong, Phường Đồng Khê, Quận Ngô Quyền, Tp.Hải Phòng
75.	VIETBANK Hải Phòng - PGD Lê Chân	309-311 đường Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, TP Hải Phòng.
76.	VIETBANK CN Nghệ An	Tòa nhà Trung Đức, số 2 đường Lê Lợi, phường Hưng Bình, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
77.	VIETBANK Nghệ An - PGD Nguyễn Du	176 Nguyễn Du, Phường Bến Thủy, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
78.	VIETBANK Nghệ An - PGD Lê Nin	Tầng 1 nhà chung cư A4 thuộc dự án chung cư phía Đông Đại lộ V.I Lê Nin, xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
79.	VIETBANK Nghệ An - PGD Chợ Vinh	95 Thái Phiên, Khối 3, Phường Hồng Sơn, Tp.Vinh, Tỉnh Nghệ An
80.	VIETBANK Nghệ An - PGD Hưng Dũng	85 Nguyễn Phong Sắc, P. Hưng Dũng, Tp.Vinh, Tỉnh Nghệ An
81.	VIETBANK CN Quảng Ngãi	473-475 Quang Trung, Phường Nguyễn Nghiêm, Tp.Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
82.	VIETBANK Quảng Ngãi - PGD Tư Nghĩa	Tổ dân phố 3, thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi
83.	VIETBANK Quảng Ngãi - PGD Mộ Đức	Khu dân cư 15, thôn Trạch Trụ Tây, xã Đức Lân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.
84.	VIETBANK Quảng Ngãi - PGD Bình Sơn	450 Phạm Văn Đồng, thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.
85.	VIETBANK CN Đà Nẵng	119-121 Nguyễn Văn Linh, Phường Nam Dương, Quận Hải Châu, Tp.Đà Nẵng
86.	VIETBANK Đà Nẵng - PGD Thanh Khê	265 Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Tp.Đà Nẵng
87.	VIETBANK Đà Nẵng - PGD Tân Chính	346 Lê Duẩn, Phường Tân Chính, Quận Thanh Khê, Tp.Đà Nẵng
88.	VIETBANK Đà Nẵng - PGD Hùng Vương	158 Hùng Vương, Phường Hải Châu II, Quận Hải Châu, Tp.Đà Nẵng
89.	VIETBANK Đà Nẵng - PGD Chợ Mới	482 Hoàng Diệu, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, Tp Đà Nẵng.
90.	VIETBANK Đà Nẵng - PGD Đống	265 Đống Đa, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Tp.Đà

STT	Chi nhánh/PGD	Vị trí địa lý
	Đa	Năng
91.	VIETBANK Đà Nẵng - PGD Sơn Trà	885 Ngô Quyền, Phường An Hải Đông, Quận Sơn Trà, Tp.Đà Nẵng
92.	VIETBANK Đà Nẵng - PGD Cẩm Lệ	221 Ông Ích Đường, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Tp.Đà Nẵng
93.	VIETBANK CN Khánh Hòa	24 Yersin, Phường Vạn Thắng, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
94.	VIETBANK Khánh Hòa - PGD Vĩnh Phước	Số 530 Đường 2 tháng 4, Phường Vĩnh Phước, Tp Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
95.	VIETBANK Khánh Hòa - PGD Ninh Hòa	274 Trần Quý Cáp, phường Ninh Hiệp, Thị xã Ninh Hòa - Tỉnh Khánh Hòa
96.	VIETBANK Khánh Hòa - PGD Vạn Ninh	18 Nguyễn Huệ, thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.
97.	VIETBANK CN Bà Rịa Vũng Tàu	93 Nguyễn Thái Học, Phường 3, Tp.Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
98.	VIETBANK Bà Rịa Vũng Tàu - PGD Đông Xuyên	502-504 Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Tp.Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
99.	VIETBANK Bà Rịa Vũng Tàu - PGD Bà Rịa	42 Bạch Đằng, phường Phước Trung, Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
100.	VIETBANK Bà Rịa Vũng Tàu - PGD Châu Đức	214 Hùng Vương, TT Ngãi Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
101.	VIETBANK CN Cần Thơ	26-28 Hòa Bình, Phường An Cư, Quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
102.	VIETBANK Cần Thơ - PGD An Hòa	181 Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
103.	VIETBANK Cần Thơ - PGD Ninh Kiều	84 Đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
104.	VIETBANK Cần Thơ - PGD Bình Thủy	202 Cách Mạng Tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ.
105.	VIETBANK CN Long An	292-294-296 Hùng Vương, Phường 3, Tp.Tân An, Tỉnh Long An
106.	VIETBANK Long An - PGD Bến Lức	54A Nguyễn Hữu Thọ, khu phố 3, TT Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

STT	Chi nhánh/PGD	Vị trí địa lý
107.	VIETBANK Long An - PGD Cần Giuộc	101 Quốc lộ 50, tổ 14, khu phố 2, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.
108.	VIETBANK Long An - PGD Đức Hòa	735 tỉnh lộ 825, tổ 1, ấp Bình Tiên 1, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.
109.	VIETBANK CN Đắk Lắk	160-162-164 Lê Hồng Phong, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
110.	VIETBANK CN Đồng Nai	381 Phạm Văn Thuận, khu phố 4, phường Tam Hiệp, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
111.	VIETBANK CN Bình Dương	376 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
112.	VIETBANK CN An Giang	95 Nguyễn Trãi, phường Mỹ Long, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang.
113.	VIETBANK CN Vĩnh Phúc	289 Mê Linh, phường Liên Bảo, TP Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.
114.	VIETBANK CN Đồng Tháp	12 Âu Cơ, P2, TP Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp
115.	VIETBANK CN Quảng Ninh	131 Đường 25/4, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
116.	VIETBANK CN Quảng Nam	592 Hai Bà Trưng, P Cẩm Phố, TP Hội An, Quảng Nam
117.	VIETBANK CN Kiên Giang	164-166-168 Trần Phú, P. Vĩnh Thanh Vân, TP Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang
118.	VIETBANK CN Bình Định	112 Trần Phú, P. Lê Hồng Phong, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

8.4.2. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

a. Mạng lưới khách hàng

VietBank có mạng lưới Khách hàng đa dạng từ Khách hàng Doanh nghiệp đến Cá nhân. Cùng với việc phát triển mạnh mẽ các sản phẩm dịch vụ mới dành cho các Khách hàng Cá nhân và Doanh nghiệp, số lượng Khách hàng của VietBank tăng lên nhanh chóng. Trong danh mục Khách hàng chính hiện nay của Ngân hàng bao gồm các cá nhân có tiềm lực tài chính rất tốt và các tổ chức là các Tổng công ty lớn.

Với mục tiêu trở thành một ngân hàng đa năng cho các nhóm Khách hàng trọng tâm tại các vùng kinh tế phát triển của Việt Nam, VietBank xác định cho mình các thị trường mục tiêu bao gồm:

- Các Cá nhân, gia đình: Là những người có thu nhập ổn định tại các khu vực thành thị và vùng kinh tế phát triển.
- Các Doanh nghiệp: Là các doanh nghiệp vừa và nhỏ có hoạt động hiệu quả, minh bạch tài chính.
- Các Khách hàng định chế: các tổ chức tài chính trên khắp cả nước.

b. Các loại dịch vụ cho Khách hàng

- ♦ Khách hàng cá nhân:

i. Ngân hàng số

Dịch vụ ngân hàng số của VietBank giúp khách hàng tiết kiệm thời gian, hỗ trợ dễ dàng thực hiện các giao dịch 24/24 tại bất kỳ địa điểm có thiết bị kết nối Internet.

- Mobile VietBank Digital: Ứng dụng Mobile banking dành cho Khách hàng cá nhân. Ứng dụng được sử dụng trên các thiết bị sử dụng hệ điều hành iOS và Android có Mobile VietBank Digital cho phép khách hàng thực hiện các giao dịch tài chính ngân hàng nhanh chóng, an toàn, bảo mật như: Thông tin tài khoản; Chuyển khoản trong và ngoài hệ thống; Chuyển khoản nhanh 24/7; Gửi và rút tiết kiệm trực tuyến; Thanh toán QR code (QRPay); Thanh toán hóa đơn dịch vụ (điện, nước, ADSL, truyền hình, học phí, ...); Nạp tiền điện thoại (Vinaphone, Mobifone, Viettel, ...); Đặt vé máy bay, tàu xe.
- Internet Banking: Dịch vụ cung cấp cho KHCCN thông qua máy tính kết nối Internet như: Thông tin tài khoản; Sao kê, lịch sử giao dịch; Chuyển khoản trong và ngoài hệ thống; chuyển khoản nhanh 24/7; Gửi và rút tiết kiệm trực tuyến; Thanh toán hóa đơn dịch vụ (Điện, nước, ADSL, truyền hình, học phí, ...); Nạp tiền điện thoại (Vinaphone, Mobifone, Viettel, ...).
- SMS Banking: Thông báo biến động số dư tài khoản qua tin nhắn SMS, cập nhật tức thì, hỗ trợ khách hàng quản lý tài khoản mọi lúc, mọi nơi.
- Ứng dụng công nghệ vào định danh Khách hàng trực tuyến (eKYC): VietBank đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (OCR, Face matching, Liveness detection) vào định danh Khách hàng trực tuyến thay thế cho các thủ tục tại quầy giao dịch: Phát hành thẻ trực tuyến, Mở tài khoản trực tuyến, ...

ii. Tiền gửi

Các sản phẩm tiền gửi của VietBank bao gồm:

- Sản phẩm "Tiết kiệm truyền thống": Có nhiều kỳ hạn, và kỳ linhnh lãi (lãi tháng, lãi quý, lãi cuối kỳ, lãi trước) để khách hàng lựa chọn theo nhu cầu phù hợp.
- Sản phẩm "Tiết kiệm Linh hoạt vốn": giúp khách hàng linh hoạt sử dụng vốn khi khách hàng phát sinh nhu cầu sử dụng vốn. Phần rút trước hạn hưởng lãi không kỳ hạn, phần vốn còn lại vẫn được hưởng lãi có kỳ hạn.
- Sản phẩm "Tiết kiệm online": Giải pháp giúp những Khách hàng bận rộn không có thời gian đến giao dịch trực tiếp tại Ngân hàng. Ngoài ra khi tham gia tiết kiệm Online, Khách hàng còn được hưởng thêm Lãi suất tại các kỳ hạn cao hơn truyền thống hiện tại.
- Sản phẩm "Tiết kiệm quyền chọn": Khách hàng chủ động chọn chính xác ngày đến hạn mà khách hàng mong muốn và được hưởng lãi suất có kỳ hạn.
- Sản phẩm "Đa tiện ích" (VND): Sản phẩm trung dài hạn nhiều tiện ích và có nhiều ưu đãi như: giảm 50% phí thanh toán quốc tế, phí giao dịch tại quầy, phí giao dịch qua Ngân hàng điện tử, ưu đãi vay...
- Sản phẩm tiết kiệm Đa Lộc (VND): Sản phẩm trung dài hạn có nhiều tiện ích và ưu đãi, KH được linh hoạt rút trước 1 phần vốn gốc và phần vốn còn lại vẫn được hưởng lãi suất có kỳ hạn.
- Sản phẩm tiết kiệm "Linh lãi trước": Là sản phẩm có kỳ hạn gửi từ 1-13 tháng. Khách hàng được nhận tiền lãi ngay khi gửi với mức lãi suất ưu đãi.

iii. Thẻ

Hiện nay VietBank đã cung cấp đa dạng các sản phẩm thẻ nội địa và quốc tế cho Khách hàng cá nhân, gồm:

- Thẻ tín dụng quốc tế Visa: My Style (Hạng chuẩn), Luxury (Hạng Platinum) với hạn mức tín dụng

linh hoạt cho khách hàng lựa chọn từ 5 triệu đồng đến 1 tỷ, với các hình thức cấp hạn mức tín dụng tín chấp hoặc thế chấp Tài sản đảm bảo. Thẻ tín dụng Visa VietBank là công cụ hỗ trợ khách hàng thanh toán, rút tiền, thanh toán trực tuyến (E-com) trên mạng lưới VISA toàn cầu.

- Thẻ thanh toán nội địa VietBank: Là thẻ ghi nợ nội địa cho phép Khách hàng sử dụng Tài khoản thanh toán tại VietBank, thông qua Thẻ để thực hiện rút tiền, thanh toán, vãn tin số dư, sao kê tài khoản, ... trên mạng lưới ATM/POS VietBank và tất cả các ngân hàng trong NAPAS.
- Thẻ trả trước quốc tế Visa: VietBank phát hành thẻ trả trước quốc tế Visa mà không cần Khách hàng phải mở Tài khoản thanh toán tại VietBank. Khách hàng nạp tiền vào thẻ (Top-up) và thực hiện thanh toán, rút tiền trên số dư thẻ trả trước một cách thuận tiện.
- Thẻ thanh toán giao thông công cộng: VietBank ứng dụng phát hành Thẻ trả trước sử dụng cho việc thanh toán thí điểm phí giao thông công cộng (vé xe Bus) tại thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, Khách hàng vẫn có thể dùng thẻ để thực hiện các giao dịch tài chính như thẻ ngân hàng.
- Mạng lưới chấp nhận thanh toán Thẻ của VietBank hiện đã có 25 máy ATM, 300 máy POS và đang được mở rộng nhanh chóng trên toàn quốc.

Việc đầu tư cho an toàn, bảo mật thông tin cũng được VietBank chú trọng. VietBank hiện là một trong những ngân hàng đầu tiên tại Vietnam đáp ứng tiêu chuẩn thanh toán thông minh qua công nghệ Chip Contactless (Chip không tiếp xúc) cả phát hành thẻ (100% thẻ VietBank phát hành đã sử dụng công nghệ Chip contactless) và chấp nhận thanh toán thẻ (ATM/POS) của Tổ chức thẻ quốc tế Visa. VietBank đã được Tổ chức Control Case cấp chứng chỉ đảm bảo an toàn trong thanh toán thẻ PCI - DSS Level 1 (3.2.1) ở cấp độ cao nhất.

iv. Cho vay

Các sản phẩm cho vay đa dạng và phong phú với lãi suất ưu đãi, đặc biệt đối với KHCN.

- Cho vay phục vụ nhu cầu đời sống: VietBank cung cấp rất đa dạng các sản phẩm cho vay để đáp ứng nhu cầu phục vụ đời sống của khách hàng, bao gồm: cho vay mua nhà, xây dựng sửa chữa nhà ở và nhận quyền sử dụng đất; cho vay mua nhà dự án; cho vay mua nhà ở xã hội; cho vay mua ô tô; gói sản phẩm cho vay du học; cho vay phục vụ nhu cầu đời sống của CBNV; cho vay có bảo đảm đầy đủ bằng tài sản có tính thanh khoản cao, ...
- Cho vay Sản xuất kinh doanh: Là giải pháp tài chính đối với KHCN phục vụ hoạt động kinh doanh với các nhu cầu đa dạng: Cho vay đầu tư bất động sản nghỉ dưỡng và căn hộ dịch vụ; Cho vay Sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ; Cho vay thấu chi SXKD; Cho vay cầm cố bảo đảm đầy đủ bằng sổ dư tiền gửi, sổ thẻ tiết kiệm, GTCG phục vụ mục đích SXKD, ...

v. Bảo hiểm

- Bảo hiểm phi nhân thọ: VietBank đang liên kết với nhiều công ty Bảo hiểm phi nhân thọ nhằm cung cấp các sản phẩm bảo hiểm hấp dẫn, đa dạng, đáp ứng mọi nhu cầu của của KHCN (bảo hiểm Bảo Việt, bảo hiểm Hàng Không, bảo hiểm Bảo Long, bảo hiểm Bảo Minh Sài Gòn, bảo hiểm Petrolimex, bảo hiểm Toàn Cầu, bảo hiểm Bưu Điện). Các sản phẩm bảo hiểm như: bảo hiểm tai nạn con người, bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc của chủ xe, bảo hiểm rủi ro tài sản, bảo hiểm nhà chung cư...
- Bảo hiểm nhân thọ: VietBank hợp tác với Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential cung cấp các gói sản phẩm ưu việt, toàn diện (Pru - Cuộc sống bình an, Pru - Tương lai tươi sáng, Pru - An tâm trọn đời, Pru - Đầu tư linh hoạt). Danh mục sản phẩm đa dạng, linh hoạt, phù hợp với nhu cầu của tất cả các Khách hàng để xây dựng các kế hoạch tài chính từ khi mới đi làm cho tới khi hưu trí như: các sản phẩm liên kết Đầu tư giúp khách hàng tạo dựng tài sản và đầu tư sinh lời hiệu quả, các sản phẩm bảo hiểm Giáo dục giúp tích lũy đảm bảo tương lai học vấn cho con, các sản phẩm Bảo vệ

giúp khách hàng an tâm trước những rủi ro trong cuộc sống, cùng với các sản phẩm đính kèm hỗ trợ y tế, chăm sóc sức khỏe nâng cao cho Khách hàng và cả gia đình. Đặc biệt, Khách hàng sẽ được ưu đãi lãi suất gửi tiết kiệm hoặc vay vốn khi tham gia bảo hiểm tại VietBank.

❖ Khách hàng doanh nghiệp:

i. Tiền gửi

VietBank cung cấp đa dạng dịch vụ tiền gửi phục vụ cho nhu cầu của KHDN:

- Sản phẩm Tiền gửi truyền thống: Có nhiều kỳ hạn và kỳ linh lãi để khách hàng lựa chọn theo nhu cầu phù hợp.
- Sản phẩm Tiền gửi có kỳ hạn Online: Kỳ hạn gửi tiền linh hoạt, giao dịch mọi lúc, mọi nơi 24/7 Khách hàng không phải đến quầy giao dịch, không lo mất hoặc thất lạc Hợp đồng tiền gửi. Thao tác thực hiện giao dịch đơn giản, an toàn và bảo mật với phương thức xác thực thông minh Soft OTP.
- Tài khoản tiền gửi kỳ quỹ: Đáp ứng nhu cầu thực hiện nghĩa vụ tài chính của Doanh nghiệp đối với VietBank hoặc các bên liên quan hoặc hoàn chỉnh hồ sơ thủ tục bổ sung ngành nghề kinh doanh một cách nhanh chóng.
- Sản phẩm chi hộ lương: Khách hàng thực hiện chi hộ lương tại VietBank với nhiều ưu đãi hấp dẫn, giúp Khách hàng tiết kiệm chi phí, thời gian, nhân sự quản lý.
- Dịch vụ Trung gian thanh toán: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu giao dịch mua bán/chuyển nhượng tài sản, hàng hóa, dịch vụ, ... Đảm bảo quyền lợi trong giao dịch mua bán/chuyển nhượng: Người bán/chuyển nhượng nhận đầy đủ tiền, Người mua/nhận chuyển nhượng thì nhận đủ tài sản, hàng hóa, dịch vụ theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng.
- Dịch vụ giao dịch qua Email: Doanh nghiệp đăng ký sử dụng dịch vụ giao dịch qua Email với VietBank. Với hạn mức giao dịch trên mỗi chứng từ tối đa 10 tỷ đồng và hạn mức giao dịch trong ngày tối đa 50 tỷ đồng. Thủ tục đơn giản Khách hàng chỉ cần scan chứng từ gốc gửi email đến VietBank để thực hiện giao dịch với địa chỉ email đã được đăng ký.

ii. Tín dụng

VietBank cam kết đem lại những giải pháp tài chính đa dạng, linh hoạt, đáp ứng tối ưu nhu cầu vốn ngắn hạn, trung dài hạn cũng như phát hành các loại bảo lãnh trong nước của doanh nghiệp như:

- Cho vay ngắn hạn: bổ sung vốn lưu động, tài trợ thương mại trong nước, tài trợ hợp đồng đầu ra trong nước, tài trợ xuất nhập khẩu, thấu chi tài khoản tiền gửi thanh toán, chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu, tài trợ toàn diện đối với các đối tác liên kết, ...
- Cho vay trung dài hạn: đầu tư tài sản cố định, nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, đầu tư Dự án mới, ...
- Bảo lãnh trong nước: phát hành các loại bảo lãnh mang đến nền tảng tài chính vững chắc để doanh nghiệp nhằm tối ưu chi phí vốn, nâng cao uy tín của doanh nghiệp với đối tác khi thực hiện giao dịch mua bán, đấu thầu, ... gia tăng cơ hội phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh một cách hiệu quả nhất, bao gồm các loại bảo lãnh sau:
 - o Bảo lãnh dự thầu.
 - o Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.
 - o Bảo lãnh thanh toán.
 - o Bảo lãnh tiền tạm ứng/hoàn trả tiền tạm ứng.
 - o Bảo lãnh bảo hành/bảo đảm chất lượng sản phẩm.

- o Bảo lãnh cho nhà thầu liên danh.
- o Bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng bảo đảm bằng tiền tạm ứng.
- Ngoài ra, để hỗ trợ Khách hàng Doanh Nghiệp VietBank cũng chủ động có những gói cho vay ưu đãi như sau: Chung tay cùng Doanh Nghiệp, Đồng hành cùng Doanh Nghiệp, Gắn kết Doanh Nghiệp Xuất nhập khẩu, ... để mở rộng tệp Khách Hàng cũng như phục vụ nhu cầu Khách Hàng tốt hơn.

iii. Dịch vụ thanh toán

VietBank cung cấp dịch vụ thanh toán, chuyển tiền trong nước và quốc tế nhanh chóng và chính xác, giao dịch thuận tiện tại bất kỳ điểm giao dịch hoặc các kênh thanh toán hiện đại của VietBank (Internet banking, Mobile banking, ...).

iv. Thanh toán quốc tế và Tài trợ thương mại (TTQT & TTTM)

VietBank luôn phát triển các sản phẩm Thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại, hợp tác với các ngân hàng quốc tế, khai thác tối đa thế mạnh nhằm đem lại giải pháp tối ưu nhất cho khách hàng, đảm bảo giao dịch an toàn, hiệu quả, hỗ trợ mở rộng thị trường, thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu. Một số sản phẩm đặc thù bao gồm:

- Tài trợ L/C xuất khẩu: Tài trợ vốn lưu động ngắn hạn cho Doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu, đáp ứng nhu cầu vay vốn để thu mua, sản xuất, chế biến hàng hóa xuất khẩu theo phương thức thanh toán L/C.
- Tài trợ xuất khẩu trước giao hàng: Tài trợ vốn lưu động thu mua hàng hóa, nguyên vật liệu, chi phí sản xuất chế biến, đóng gói, vận chuyển, kho bãi và các chi phí khác nhằm phục vụ Khách hàng hoàn thành Hợp đồng xuất khẩu đã ký kết với Nhà nhập khẩu. Hình thức tài trợ: tài trợ Hợp đồng xuất khẩu thanh toán theo phương thức L/C, D/P, D/A, T/T.
- Tài trợ nhập khẩu: Cấp tín dụng đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn cho các Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động phù hợp theo pháp luật và có hoạt động sản xuất, thương mại hàng hoá nhập khẩu. Hình thức tài trợ: tài trợ Hợp đồng nhập khẩu thanh toán theo phương thức L/C, D/P, D/A, T/T.
- UPAS L/C: L/C trả chậm có điều khoản thanh toán trả ngay, cho phép người thụ hưởng nhận tiền ngay khi xuất trình bộ chứng từ phù hợp với điều kiện, điều khoản của L/C. Đáp ứng đồng thời nhu cầu được ngân hàng đảm bảo thanh toán trả ngay của nhà xuất khẩu và nhập khẩu trả chậm tiền hàng của khách hàng.

v. Kinh doanh ngoại tệ và sản phẩm phái sinh

Hoạt động Kinh doanh ngoại tệ và sản phẩm phái sinh: VietBank đáp ứng nhanh chóng, kịp thời nhu cầu ngoại tệ của doanh nghiệp với giá cạnh tranh, tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp chủ động kiểm soát rủi ro phát sinh từ biến động tỷ giá.

- Giao dịch ngoại tệ giao ngay:
Phục vụ nhu cầu của khách hàng trong việc: Mua bán ngoại tệ cho việc thanh toán xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ, cước vận tải, bảo hiểm; Các giao dịch mua, bán, chuyển, đem ngoại tệ ra nước ngoài cho mục đích du học, du lịch, công tác...
- Giao dịch ngoại tệ kỳ hạn:
Đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong việc: Thanh toán xuất nhập khẩu; Chuyển tiền ra nước ngoài hoặc đầu tư; Phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá ảnh hưởng tới thu nhập và chi phí trong tương lai.
- Giao dịch ngoại tệ hoán đổi:

Hỗ trợ khách hàng trong việc: Quản lý dòng tiền hiệu quả, tận dụng nguồn ngoại tệ sẵn có; Sử dụng ngay nguồn ngoại tệ sẽ có trong tương lai; Tìm kiếm cơ hội sinh lời từ chênh lệch lãi suất giữa các đồng tiền; Phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá ảnh hưởng xấu đến thu nhập và chi phí trong tương lai.

vi. Dịch vụ ngân hàng điện tử

Dịch vụ ngân hàng điện tử do VietBank cung cấp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện giao dịch tài chính và quản lý tài khoản mọi lúc, mọi nơi thông qua kết nối Internet như: Thông tin tài khoản; Sao kê, lịch sử giao dịch; Chuyển khoản trong và ngoài hệ thống; chuyển khoản nhanh 24/7; Gửi và rút tiết kiệm trực tuyến; Thanh toán hóa đơn dịch vụ (Điện, nước, ADSL, truyền hình, học phí, ...).

vii. Bảo hiểm

- Bảo hiểm nhân thọ: VietBank đem đến những giải pháp phù hợp và tối ưu dành cho cán bộ nhân viên của doanh nghiệp
- Bảo hiểm phi nhân thọ: Các sản phẩm bảo hiểm dành cho KHDN với chi phí hợp lý như: bảo hiểm tài sản, bảo hiểm cháy nổ - hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt; Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt, đường hàng không; Bảo hiểm tài sản và thiệt hại; Bảo hiểm kỹ thuật; bảo hiểm máy móc, thiết bị chủ thầu; Bảo hiểm xây dựng, lắp đặt...

c. Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành

VietBank đã thực hiện khảo sát báo cáo tài chính đến ngày 30/06/2021 của 29 ngân hàng trong tổng số 35 Ngân hàng Thương mại (NHTM) của Việt Nam, trong đó có 04 Ngân hàng thuộc sở hữu Nhà nước và 31 ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP). Trong tổng số 35 NHTM hiện nay, 06 ngân hàng không có số liệu là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Agribank), Ngân hàng xây dựng (CB Bank), Ngân hàng Dầu khí toàn cầu (GP Bank), Ngân hàng Đại dương (Oceanbank), Ngân hàng Đông Á (EAB) và Ngân hàng Bảo Việt (BaoVietBank), thì VietBank được định vị trong ngành ngân hàng như sau:

- Về quy mô hoạt động: Về quy mô Tổng tài sản, Số dư huy động, cho vay, Vốn chủ sở hữu, Vốn điều lệ, VietBank được xếp hạng trong nhóm ngân hàng có quy mô không lớn. Tuy nhiên, VietBank thuộc nhóm các ngân hàng có mức độ mở rộng quy mô tổng tài sản cao trong 5 năm.
- Về năng lực tài chính: Vốn chủ sở hữu VietBank nằm trong nhóm có năng lực tài chính thấp, tuy nhiên vẫn đáp ứng các chỉ tiêu về an toàn vốn theo quy định.
- Về tính thanh khoản: VietBank đáp ứng tốt chỉ tiêu an toàn về thanh khoản của NHNN.
- Về hiệu quả kinh doanh: Lợi nhuận sau thuế cải thiện, hiện xếp vị trí 22/29 vào Quý 2 năm 2021. Bên cạnh nguồn thu đến từ hoạt động kinh doanh lõi, tỷ lệ thu nhập từ các hoạt động khác của VietBank cũng cải thiện qua các năm nhờ nguồn thu đa dạng. Các chỉ số ROA, ROE, NIM ở mức tương đối thấp nhưng có tiềm năng cải thiện do lợi thế từ nguồn vốn huy động tiền gửi dồi dào.
- Về quy mô kinh doanh trên một chi nhánh và trên một điểm giao dịch: Trong khi VietBank nằm trong nhóm ngân hàng có số lượng chi nhánh thấp nhất, chỉ có 25 chi nhánh, nhưng lại có 118 điểm giao dịch. Do đó, quy mô kinh doanh (huy động và cho vay) trên một chi nhánh của VietBank tương đối lớn. Tuy nhiên, nếu tính trên cơ sở tổng số các điểm giao dịch thì quy mô kinh doanh của mỗi điểm giao dịch lại thấp.
- Về mạng lưới và số lượng lao động: VietBank nằm trong nhóm các ngân hàng tương đối ít điểm giao dịch và số lượng nhân viên thấp so với toàn ngành. Tính đến 30/09/2021, VietBank có 2.576 nhân viên.
- Về chất lượng tài sản: VietBank quản lý chất lượng tài sản theo hướng cẩn trọng, chủ động đẩy

mạnh lộ trình xử lý nợ xấu, nợ tồn đọng và trích lập đủ dự phòng và quản lý tỷ lệ nợ xấu ở mức kế hoạch.

Nói chung, trên cơ sở những chỉ tiêu tài chính và phi tài chính, VietBank đang thuộc nhóm các ngân hàng có quy mô và năng lực tài chính chưa lớn, có mạng lưới hạn chế và số lượng lao động thấp, các đơn vị kinh doanh có quy mô hoạt động nhỏ. Tuy nhiên hiệu quả kinh doanh đã có nhiều sự cải thiện, quy mô ngân hàng mở rộng đem lại nhiều lợi thế và tiềm năng phát triển cho VietBank.

8.5. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh

Để thực hiện mục tiêu chiến lược đề ra, VietBank đang triển khai nhiều dự án nhằm phát triển hoạt động kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện hiệu quả hoạt động trên nhiều lĩnh vực như ngân hàng số, quản trị rủi ro, CNTT, quản trị nguồn nhân lực...

Bảng 31. Một số dự án tiêu biểu của VietBank

STT	Tên Dự án/Nội dung	Tình hình triển khai	Đánh giá ảnh hưởng tới tình hình hoạt động kinh doanh của VietBank
Năm 2019			
1	Triển khai Digital Channel (DC)	Triển khai nền tảng giao dịch ngân hàng số đồng bộ Internet Banking, Mobile banking (Omni – channel), tích hợp Khách hàng cá nhân, Khách hàng SME để thay thế cho các kênh giao dịch đơn lẻ, độc lập hiện nay.	Gia tăng trải nghiệm cho khách hàng, phục vụ khách hàng một cách tốt nhất.
2	Chuyển đổi thành công hệ thống ngân hàng lõi (Core Banking)	Phối hợp với Finastra triển khai dự án The Transformer – VietBank Prime nhằm xây dựng hệ thống Core Banking hoàn toàn mới và hiện đại	VietBank là một trong những ngân hàng tiên phong đầu tư mô hình Core Banking hiện đại này, với nhiều tính năng và tiện ích vượt trội, tạo nền tảng vững chắc cho hoạt động hiện tại và định hướng phát triển trong tương lai.
3	Chương trình tự động tính hệ số an toàn vốn (CAR) theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 “Quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”	Hoàn thành chương trình tự động tính hệ số an toàn vốn (CAR) theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và được NHNN chấp thuận cho phép áp dụng trước thời hạn từ tháng 12/2019	Nâng cao về năng lực an toàn vốn, tuân thủ nghiêm ngặt quy định của NHNN và tăng tính cạnh tranh đối với các NHTMCP có cùng quy mô khác.
Năm 2020			

STT	Tên Dự án/Nội dung	Tình hình triển khai	Đánh giá ảnh hưởng tới tình hình hoạt động kinh doanh của VietBank
1	Tiêu chuẩn Bảo mật thanh toán thẻ (PCI DSS)	Hệ thống bảo mật của VietBank đạt chứng nhận tiêu chuẩn PCI DSS và được kiểm định hàng năm.	Gia tăng trải nghiệm cho khách hàng, phục vụ khách hàng một cách tốt nhất, gián tiếp gia tăng thu nhập từ dịch vụ cho ngân hàng.
Năm 2021			
1	Dự án triển khai định danh khách hàng trực tuyến (eKYC)	Mở tài khoản thanh toán online qua kênh eKYC web response và app eKYC cho nhân viên VietBank, áp dụng công nghệ kỹ thuật eKYC định danh khách hàng trực tuyến. Hiện tại dự án đang tạm dừng.	Mở rộng được đối tượng khách hàng của VietBank, gia tăng tệp khách hàng cũng như cải thiện thu nhập dịch vụ và các thu nhập khác.
2	Tính tuân thủ, hợp lý của nguyên tắc và kết quả tính toán tỷ lệ an toàn vốn của giải pháp tính tỷ lệ an toàn vốn của ngân hàng	Việc tính tỷ lệ an toàn vốn được thực hiện theo Quy chế tỷ lệ an toàn vốn và các Quy trình thu thập, quản lý dữ liệu để xác định các cấu phần tính CAR theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN. Trong đó quy định chi tiết phương pháp xác định các cấu phần tính CAR; quy định trách nhiệm của các đơn vị liên quan trong việc thu thập, quản lý dữ liệu, tính toán, rà soát và báo cáo về CAR.	VietBank kiểm soát hệ số CAR tuân thủ theo quy định của NHNN, đảm bảo mức an toàn vốn cho các hoạt động của ngân hàng.

8.6. Chiến lược kinh doanh

a. Mục tiêu chiến lược

- Quy mô Tổng tài sản đến năm 2025 đạt mức 350.000 tỷ đồng và nằm trong nhóm 15 ngân hàng có Tổng tài sản lớn nhất của hệ thống vào năm 2025.
- Hoạt động an toàn, hiệu quả, đảm bảo thanh khoản và đáp ứng đầy đủ các chỉ số theo quy định của NHNN.
- Chuyển dịch từ hoạt động ngân hàng truyền thống sang ngân hàng số, với định hướng tập trung phát triển bán lẻ và tăng tỷ trọng thu nhập từ dịch vụ. Áp dụng triệt để các tiện ích ngân hàng số nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trong hoạt động của Ngân hàng.
- Nâng cao năng lực cạnh tranh toàn diện, tăng cường hiệu quả công tác quản trị và điều hành.

- Phát triển đa dạng về mô hình hoạt động (liên doanh, công ty tài chính, chứng khoán, quỹ,...)

b. Tâm nhìn chiến lược:

- Trở thành ngân hàng bán lẻ uy tín hàng đầu Việt Nam, hoạt động theo phương châm: TĂNG TRƯỞNG - AN TOÀN - BỀN VỮNG - HIỆU QUẢ.
- Sứ mệnh: Tạo ra những sản phẩm và dịch vụ tài chính hiệu quả nhằm đem lại giá trị cao nhất cho Khách hàng và Nhà đầu tư. Tham gia các hoạt động từ thiện, đồng hành cùng sự phát triển chung của cộng đồng và xã hội.

c. Giá trị cốt lõi:

- Uy tín: VietBank lấy chữ "Tín" làm kim chỉ nam trong mọi hành động. "Tín" với khách hàng, "Tín" với cổ đông. Sự hài lòng của Khách hàng là thước đo cho sự thành công & sự phát triển của VietBank.
- Chất lượng: không ngừng sáng tạo và luôn hướng đến những ý tưởng mới nhằm mang đến cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ tài chính thông minh, có giá trị.
- Khách hàng: là trung tâm của mọi hoạt động, VietBank cam kết mang đến những sản phẩm dịch vụ đáp ứng tốt nhất mọi nhu cầu Khách hàng.
- Nhân sự: là tài sản vô giá, là yếu tố cốt lõi tạo nên sự thành công và đóng góp vào quá trình hình thành, phát triển của một tổ chức. VietBank luôn chú trọng đến việc xây dựng nguồn nhân sự cho năng lực chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp để tạo ra giá trị đặc trưng và phù hợp với giai đoạn phát triển của VietBank.

d. Định hướng chiến lược phát triển trung hạn: Chiến lược phát triển 5 năm từ 2021 đến 2025.

- Tổng tài sản: tăng bình quân 25 - 30%/năm; đến năm 2025 đạt mức 350.000 tỷ đồng, đến cuối năm 2025 VietBank vào nhóm 15 ngân hàng lớn nhất về Tổng tài sản.
- Nguồn vốn: Tăng tổng tài sản dựa trên nền tảng chính từ tăng trưởng huy động vốn, tỷ lệ huy động trên tổng tài sản dao động gần 80 - 90%, đa dạng nguồn vốn huy động. Theo đó, không tập trung quá vào nguồn vốn truyền thống, mà năng động tìm thêm các nguồn vốn có kỳ hạn dài và giá hợp lý thông qua các hình thức phát hành kỳ phiếu, trái phiếu.
- Dự nợ tín dụng: tăng đủ theo hạn mức Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân bổ.
- Tập trung phát triển sản phẩm dịch vụ bán lẻ, theo đó tăng dần tỷ trọng nguồn thu từ dịch vụ trong cơ cấu thu nhập.
- Tỷ trọng tổng thu thuần từ dịch vụ/tổng thu nhập thuần của Ngân hàng hàng năm sẽ đạt tỷ lệ bình quân 10-12%.
- Đáp ứng tất cả các nhu cầu của khách hàng về sản phẩm dịch vụ tài chính theo định hướng ngân hàng bán lẻ, trong đó chú trọng hoạt động bán chéo sản phẩm dịch vụ với các đối tác có liên kết, nhằm cung ứng cho thị trường các sản phẩm tài chính trọn gói với giá thành hợp lý. Tạo sự khác biệt trong SPDV nhằm mang lại hiệu quả thiết thực cũng như nâng cao tinh cạnh tranh của Ngân hàng.
- Phát triển các sản phẩm mới trong lĩnh vực tiền tệ như sản phẩm phái sinh, các sản phẩm cơ cấu (structured products), các sản phẩm chứng khoán nợ...
- Tỷ lệ lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt trên 10%;
- Tỷ lệ Nợ xấu: thấp hơn 3%;
- Hệ số an toàn vốn tối thiểu (theo Thông tư 41/2016 của NHNN) đạt trên 8%. Đáp ứng đầy đủ các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN chuẩn Basel II (Thông tư 41 & Thông tư 13).

- Chiến lược nguồn nhân lực: Số lượng CBNV đến năm 2025 là 3.500 – 4.000 người. Theo đó:
 - Tuyển dụng được những nhân sự giỏi có năng lực đáp ứng yêu cầu tuyển dụng nội bộ.
 - Phát hiện nhân sự giỏi nội bộ, đào tạo chuẩn bị cho nhân sự kế thừa.
 - Xây dựng các chính sách tuyển dụng, đào tạo và phát triển nhằm ổn định nhân sự
 - Xây dựng chính sách và tiêu chí đánh giá thi đua (KPI) tiến tiến, minh bạch và công bằng.
 - Xây dựng chính sách lương, thưởng theo năng lực và hiệu quả của nhân sự toàn hệ thống.

9. Thông tin về cổ đông lớn

Tại ngày 31/03/2022 VietBank không có cổ đông lớn.

10. Thông tin về thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Kế toán trưởng

10.1. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT VietBank

Bảng 32. Danh sách thành viên HĐQT VietBank

STT	Tên	Chức vụ
1	Ông Dương Nhật Nguyên	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Hữu Trung	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên HĐQT độc lập *
3	Bà Lương Thị Hương Giang	Thành viên HĐQT
4	Bà Quách Tố Dung	Thành viên HĐQT
5	Bà Lê Thị Xuân Lan	Thành viên HĐQT

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

* HĐQT phân công Ông Nguyễn Hữu Trung – Phó chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT độc lập tạm thời giữ vị trí Quyền TGD. Để đảm bảo tính độc lập của Thành viên HĐQT, ông Nguyễn Hữu Trung không tham gia phê duyệt các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban điều hành, không hưởng lương nào ngoài khoản thù lao của thành viên HĐQT

❖ Ông Dương Nhật Nguyên - Chủ tịch HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 21/10/1983
- Nơi sinh: Quảng Ngãi
- CMND/CCCD/HC: 051083009999 cấp ngày 24/04/2022 tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 284/25/17-19 Lý Thường Kiệt, Phường 14, quận 10, TP.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

- Chức vụ hiện nay tại VietBank: Chủ tịch HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
 - + 10/2008 - 08/2009: Giám đốc đầu tư - Công ty CP Đầu tư Phát triển Hoa Lâm;
 - + 09/2009 - 10/2011: Sinh viên MBA, Devry University và Keller Graduate, San Jose, CA, USA;
 - + 11/2011 - 01/2013: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc, Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Lâm;
 - + 02/2013 - 22/05/2016: Phó Tổng Giám đốc của VietBank;
 - + 23/05/2016 - 30/05/2016: Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD của VietBank;
 - + 31/05/2016 - 08/08/2017: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc của VietBank;
 - + 09/08/2017 - 25/04/2021: Phó Chủ tịch HĐQT của VietBank;
 - + 26/04/2021 đến nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2021 - 2025 của VietBank.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2022:
 - + Sở hữu cá nhân: 14.592.000 cổ phần (chiếm 3,05% vốn điều lệ).
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ).
 - + Sở hữu của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu tại VietBank (tại ngày 31/03/2022)	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Dương Ngọc Hòa	Bố	21.742.080	4,55
Trần Thị Lâm	Mẹ	114.000	0,02
Dương Mai Anh	Em gái	10.068.480	2,11
Dương Bảo Anh	Em gái	8.124.096	1,70
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hoa Lâm	Tổ chức mà Người liên quan (Em gái) là Tổng Giám đốc – Người quản lý	21.355.392	4,47

- Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2022: Dư nợ thẻ là 929.643 đồng
- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
 - + Thủ lao nhận được theo quyết định của ĐHCĐ, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
 - Năm 2020: 1.155.755.544 đồng, 1.792.000 cổ phiếu tương ứng trị giá theo mệnh giá là 17.920.000.000 đồng
 - Năm 2021: 1.338.383.833 đồng
 - + Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Dương Nhật Nguyên và người có liên quan với Vietbank:

- Hợp đồng thuê toàn bộ căn nhà số 70-72 Đường 17A, P. Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP.HCM (chủ sở hữu là ông Dương Nhất Nguyên, ủy quyền cho bà Khuê Thị Phương Hằng đại diện giao dịch với Vietbank).
 - Hợp đồng dịch vụ tư vấn với Công ty Cổ phần Công nghệ Vidiva (bà Dương Mai Anh và Dương Vân Anh là em gái của ông Dương Nhất Nguyên sở hữu từ 5% VDL);
 - Hợp đồng dịch vụ tư vấn với Công ty cổ phần đầu tư phát triển Hoa Lâm (bà Dương Mai Anh - em gái của ông Dương Nhất Nguyên là Tổng giám đốc);
 - Hợp đồng thuê nhà số 90 Cao Thắng, Phường 4, Quận 3, TP.HCM, chủ sở hữu là bà Dương Vân Anh (là em gái của ông Dương Nhất Nguyên);
 - Vietbank cấp tín dụng cho Công ty TNHH VNS Sài Gòn (Bà Dương Mai Anh - em gái ông Dương Nhất Nguyên là Người quản lý – Thành viên HĐQT);
 - Vietbank cấp tín dụng cho Công ty TNHH Y Tế Hoa Lâm Shangri-la (Bà Trần Thị Iam - mẹ ông Dương Nhất Nguyên là Người quản lý – Chủ tịch HĐQT);
 - Vietbank cấp tín dụng cho Công ty Cổ phần Công nghệ Vidiva (Bà Dương Mai Anh - em gái ông Dương Nhất Nguyên sở hữu từ 5% VDL);
 - Vietbank cấp tín dụng cho Công ty cổ phần đầu tư phát triển Hoa Lâm (Bà Dương Mai Anh - em gái ông Dương Nhất Nguyên là Người quản lý – Tổng giám đốc).
- + Lợi ích khác: Cho thuê toàn bộ căn nhà số 70-72 Đường 17A, P. Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP.HCM (chủ sở hữu là ông Dương Nhất Nguyên, ủy quyền cho bà Khuê Thị Phương Hằng đại diện giao dịch với VietBank).

❖ **Ông Nguyễn Hữu Trung – Phó Chủ tịch HĐQT**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 23/9/1951
- Nơi sinh: Hà Nội
- CMND/CCCD/HC: 025457314 cấp ngày 8/6/2011 tại Công an TP. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 92 Nguyễn Hữu Cảnh, RI.2107, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Chức vụ hiện nay tại VietBank: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên HĐQT độc lập kiêm Quyền Tổng Giám Đốc.
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
 - + 08/1975 – 01/1984: Giám đốc chi nhánh, Giám đốc điều hành Bank of Montreal, Canada;

- + 02/1984 – 08/2008: Phó Chủ tịch điều hành Caisse Centrale Desjardin, Canada;
 - + 09/2008 – 01/2009: Nghỉ hưu theo chế độ;
 - + 02/2009 – 04/2016: Cố vấn Hội đồng Quản trị của Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long;
 - + 06/2011 – 04/2013: Cố vấn tài chính, ngân hàng của Cơ quan phát triển quốc tế Canada (CIDA);
 - + 05/2016 – 06/2020: Giám đốc điều hành Khôi tư vấn của Tập đoàn dữ liệu Quốc tế IDG;
 - + 26/04/2021 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên HĐQT độc lập tại VietBank.
 - + 16/10/2021: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên HĐQT độc lập tại VietBank kiêm Quyền Tổng Giám Đốc tại VietBank.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2022:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0 % vốn điều lệ)
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
 - Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2022: Dư nợ thẻ là 22.167.133 đồng
 - Lợi ích liên quan đối với VietBank:
 - + Thủ lao nhận được theo quyết định của ĐHCĐ, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
 - Năm 2020: 600.000.000 đồng
 - Năm 2021: 1.638.383.837 đồng
 - + Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Nguyễn Hữu Trung và người có liên quan với Vietbank: Không có

♦ Bà Lương Thị Hương Giang – Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 09/01/1976
- Nơi sinh: Yên Bái
- CMND/CCCD/HC: 012266399 cấp ngày 26/12/2013 tại Công an TP. Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: P112C1, Phường Quỳnh Mai, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại VietBank: Thành viên HĐQT kiêm Phó Văn phòng KVMB
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
 - + 09/1998 – 01/2016: Trưởng Phòng kế toán, Giám đốc chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Hoa Lâm;

- + 02/2016 – 08/2016: Trưởng đại diện của Công ty cổ phần đầu tư Kỹ thuật Berjaya Gia Thịnh;
- + 09/2016 – 25/04/2021: Phó Giám đốc truyền thông Marketing, Phó Văn phòng Khu vực Miền Bắc của VietBank;
- + 26/04/2021 đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị VietBank kiêm nhiệm Phó Văn phòng Khu vực Miền Bắc của VietBank.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2022:
 - + Sở hữu cá nhân: 6.840.000 cổ phần (chiếm 1,43% vốn điều lệ).
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ)
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2022: 0 đồng.
- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
 - + Thù lao nhận được theo quyết định của ĐHCĐ, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
 - Năm 2020: 840.000 cổ phiếu tương ứng trị giá theo mệnh giá là 8.400.000.000 đồng.
 - Năm 2021: 450.661.620 đồng
 - + Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bà Lương Thị Hương Giang và người có liên quan với Vietbank: Không có

❖ Bà Quách Tố Dung – Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 30/08/1957
- Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- CMND/CCCD/HC: 020691651 cấp ngày 30/08/2012 tại Công an TP. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 1416 đường Ba Tháng Hai, P. 02, Quận 11, Tp.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - + Cử nhân Quản lý kinh tế, tài chính;
 - + Cử nhân Quản trị kinh doanh;
 - + Cử nhân Chính trị.
- Chức vụ hiện nay tại VietBank: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - + Chủ tịch HĐQT - Công Ty TNHH Bệnh viện Quốc Tế City
 - + Chủ tịch HĐQT - Công Ty TNHH Vũ Quang Dung
 - + Chủ tịch HĐQT của Công ty TNHH Sỹ Phát

- Quá trình công tác:
 - + 05/1975 - 05/1978: Cán bộ - Hội Liên Hiệp Phụ Nữ Quận 11, Thành Phố Hồ Chí Minh;
 - + 06/1978 - 05/1988: Phó Chủ tịch, Chủ tịch, Bí thư Phường 4 - UBND Phường 4, Quận 11, Thành Phố Hồ Chí Minh;
 - + 06/1988 - 05/1994: UV Ban thường vụ Quận Ủy Quận 11 - UBND Phường 6, Quận 11, Thành Phố Hồ Chí Minh;
 - + 06/1994 - 12/1999: UV Ban thường vụ Quận Ủy, Phó Chủ tịch UBND Quận 11 - UBND 11, Thành Phố Hồ Chí Minh;
 - + 01/2000 - 12/2012: Phó Giám đốc Thường trực - Sở Công Nghiệp sau là Sở Công Thương Thành Phố Hồ Chí Minh;
 - + 01/2013 - 03/2018: Nghỉ hưu theo chế độ;
 - + 27/02/2020 - 16/04/2020: Chủ tịch HĐQT - Công Ty TNHH BĐS Nguyễn Khang;
 - + 04/2018 đến nay: Chủ tịch HĐQT - Công Ty TNHH Bệnh viện Quốc Tế City;
 - + 01/2020 đến nay: Chủ tịch HĐQT - Công Ty TNHH Vũ Quang Dung và Chủ tịch HĐQT của Công ty TNHH Sỹ Phát;
 - + 25/05/2020 đến nay: Thành viên HĐQT - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2022:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ)
 - + Sở hữu của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu tại VietBank (tại ngày 31/03/2022)	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Công ty TNHH Vũ Quang Dung	Doanh nghiệp mà bà Quách Tố Dung là Chủ tịch HĐQT	23.666.153	4,95
Công ty TNHH Sỹ Phát	Doanh nghiệp mà bà Quách Tố Dung là Chủ tịch HĐQT	22.715.886	4,76

- Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2022: Dư nợ thẻ là 2.984.609 đồng.
- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
 - + Thù lao nhận được theo quyết định của ĐHCĐ, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
 - Năm 2020: 482.051.284 đồng
 - Năm 2021: 866.666.671 đồng
 - + Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bà Quách Tố Dung và người có liên quan với Vietbank: Vietbank cấp tín dụng cho Công ty TNHH bệnh viện Quốc tế City (bà Quách Tố Dung làm Chủ tịch HĐQT).

♦ **Bà Lê Thị Xuân Lan – Thành viên HĐQT**

- Giới tính: Nữ

- Ngày sinh: 10/03/1961
- Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- CMND/CCCD/HC: 079161010113 cấp ngày 06/01/2020 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 164 Âu Dương Lân, phường 3, quận 8, TP.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại VietBank: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
 - + 03/1979 – 06/1983: Kế toán của Tổ sản xuất Thành Long;
 - + 07/1983 – 11/1987: Chủ nhiệm Hợp tác xã Thành Long;
 - + 12/1987 – 01/1996: Kế toán trưởng Công ty Đại Hồng Phát;
 - + 02/1996 – 12/1999: Kế toán trưởng Công ty Đại Đông Nguyên;
 - + 01/2000 – 12/2010: Kế toán trưởng Công ty cổ phần đầu tư phát triển Hoa Lâm;
 - + 01/2011 – 07/2014: Quản lý tài chính Cơ sở sản xuất Dây viên Thanh;
 - + 08/2014 – 22/06/2015: Kế toán trưởng Công ty TNHH TM DV Chợ Đũi;
 - + 24/6/2015 – 15/10/2015: Thành viên Ban kiểm soát VietBank;
 - + 16/10/2015 – 25/04/2021: Trưởng Ban kiểm soát VietBank;
 - + 26/04/2021 đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2025 của Vietbank.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2022:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ)
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2022: Dư nợ thẻ là 6.485.710 đồng
- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
 - + Thù lao nhận được theo quyết định của ĐHQĐ, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
 - Năm 2020: 630.500.004 đồng
 - Năm 2021: 726.464.652 đồng
 - + Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bà Lê Thị Xuân Lan và người có liên quan với Vietbank: Không có

10.2. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Kiểm soát**Bảng 33. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát VietBank**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Hứa Ngọc Nghĩa	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Nguyễn Đỗ Xuân Dung	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Ông Mạc Hữu Danh	Thành viên Ban Kiểm soát

*Nguồn: Tổ Chức Phát Hành***❖ Ông Hứa Ngọc Nghĩa – Trưởng Ban Kiểm soát**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 05/03/1980
- Nơi sinh: Sóc Trăng
- CMND/CCCD/HC: 025502987 cấp ngày 24/06/2011 tại Công an TP. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 114/4 Trần Quốc Toản, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Đại học Kinh Tế Tp.Hồ Chí Minh
- Chức vụ hiện nay tại VietBank: Trưởng Ban kiểm soát
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
 - + 11/2002 – 06/2008: Nhân viên, chuyên viên - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín;
 - + 07/2008 - 07/2018:
 - 07/2008 - 06/2012: Thành viên HĐQT Ngân hàng 100% vốn Việt Nam - Sacombank Cambodia;
 - 08/2012 - 09/2014: Trưởng Ban Kiểm soát công ty Công ty cổ phần chứng khoán Langexang Lào PRD;
 - 06/2012 - 07/2018: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Chứng Khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín;
 - 07/2008 - 06/2018: Phó Kiểm toán Nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín;
 - + 08/2018 - 24/05/2020: chuyên viên tư vấn độc lập về chứng khoán, quản lý đầu tư, thu xếp vốn, quản lý tài sản;
 - + 05/2020 – 04/2021: Thành viên Ban kiểm soát – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín;
 - + 04/2021 – nay: Trưởng Ban kiểm soát – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2022:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).

- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ)
- + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2022: 0 đồng
- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
 - + Thủ lao nhận được theo quyết định của ĐHĐCĐ, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
 - Năm 2020: 397.692.308 đồng
 - Năm 2021: 726.000.000 đồng
 - + Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Hứa Ngọc Nghĩa và người có liên quan với Vietbank: Không có

❖ Bà Nguyễn Đỗ Xuân Dung – Thành viên Ban kiểm soát

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 25/01/1987
- Nơi sinh: Thành Phố Hồ Chí Minh
- CMND/CCCD/HC: 079187012422 cấp ngày 26/06/2018 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: số 43 đường số 2, phường Trường Thạnh, TP.Thủ Đức.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh Tế Thành phố Hồ Chí Minh
- Chức vụ hiện nay tại VietBank: Thành viên Ban kiểm soát
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
 - + 2011 - 2015: Nhân viên kiểm toán nội bộ - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín;
 - + 2015 - nay: Thành viên Ban kiểm soát – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2022:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ)
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2022: Dư nợ thẻ là 33.842.754 đồng
- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
 - + Thủ lao nhận được theo quyết định của ĐHĐCĐ, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
 - Năm 2020: 372.660.079 đồng
 - Năm 2021: 400.152.216 đồng
 - + Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bà Nguyễn Đỗ

Xuân Dung và người có liên quan với Vietbank: Không có

❖ Ông Mạc Hữu Danh – Thành viên Ban kiểm soát

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 18/05/1969
- Nơi sinh: Thành Phố Hồ Chí Minh
- CMND/CCCD/HC: 022018749 cấp ngày 18/05/2010 tại Công an TP. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 143 Trần Huy Liệu, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Ngân hàng
- Chức vụ hiện nay tại VietBank: Thành viên Ban kiểm soát
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
 - + 1991 - 1995: Phó phòng Đối Ngoại - Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam, CN Hồ Chí Minh;
 - + 1995 - 2005: Trưởng phòng Thanh toán & Chuyển ngân – Deutsche Bank, CN Hồ Chí Minh;
 - + 2005 – 2006: Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín;
 - + 2006 – 2013: Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP Chứng Khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín;
 - + 2013 – 2017: Thành viên Ban kiểm soát - Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam;
 - + 09/2019 – 05/2020: Phó Ban kiểm toán nội bộ – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín;
 - + 05/2020 – nay: Thành viên Ban kiểm soát – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2022:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ)
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2022: Dự nợ thẻ là 11.338.960 đồng.
- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
 - + Thù lao nhận được theo quyết định của ĐHCĐ, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
 - Năm 2020: 852.313.513 đồng
 - Năm 2021: 971.835.336 đồng
 - + Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Mạc Hữu Danh và người có liên quan với Vietbank: Không có

10.3. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Điều hành**Bảng 34. Danh sách thành viên Ban Điều hành VietBank**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Hữu Trung	Phó Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT độc lập kiêm Q.TGD *
2	Ông Nguyễn Tiên Sỹ	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Trọng Phúc	Phó Tổng Giám đốc
4	Bà Ngô Trần Đoàn Trinh	Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Phạm Danh	Phó Tổng Giám đốc
6	Ông Đỗ Khoa Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
7	Ông Đinh Nguyên Hải Linh	KẾ toán trưởng

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

** HĐQT phân công Ông Nguyễn Hữu Trung – Phó chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT độc lập tạm thời giữ vị trí Quyền TGD. Để đảm bảo tính độc lập của Thành viên HĐQT, ông Nguyễn Hữu Trung không tham gia phê duyệt các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban điều hành, không hưởng lương nào ngoài khoản thù lao của thành viên HĐQT.*

❖ **Ông Nguyễn Hữu Trung – Quyền Tổng Giám đốc**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 23/9/1951
- Nơi sinh: Hà Nội
- CMND/CCCD/HC: 025457314 cấp ngày 8/6/2011 tại Công an TP. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 92 Nguyễn Hữu Cảnh, RI.2107, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Chức vụ hiện nay tại VietBank: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên HĐQT độc lập kiêm Quyền Tổng Giám Đốc.
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

- Quá trình công tác:
 - + 08/1975 – 01/1984: Giám đốc chi nhánh, Giám đốc điều hành Bank of Montreal, Canada;
 - + 02/1984 – 08/2008: Phó Chủ tịch điều hành Caisse Centrale Desjardin, Canada;
 - + 09/2008 – 01/2009: Nghỉ hưu theo chế độ;
 - + 02/2009 – 04/2016: Cố vấn Hội đồng Quản trị của Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long;
 - + 06/2011 – 04/2013: Cố vấn tài chính, ngân hàng của Cơ quan phát triển quốc tế Canada (CIDA);
 - + 05/2016 – 06/2020: Giám đốc điều hành Khối tư vấn của Tập đoàn dữ liệu Quốc tế IDG;
 - + 26/04/2021 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên HĐQT độc lập tại VietBank.
 - + 16/10/2021: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên HĐQT độc lập tại VietBank kiêm Quyền Tổng Giám Đốc tại VietBank.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2022:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0 % vốn điều lệ)
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2022: Dư nợ thẻ là 22.167.133 đồng
- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
 - + Thù lao nhận được theo quyết định của ĐHQĐ, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
 - Năm 2020: 600.000.000 đồng
 - Năm 2021: 1.638.383.837 đồng
 - + Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Nguyễn Hữu Trung và người có liên quan với Vietbank: Không có.

❖ Ông Nguyễn Tiến Sỹ – Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/12/1977
- Nơi sinh: Quảng Ngãi
- CMND/CCCD/HC: 025296674 cấp ngày 03/04/2014 tại CA TP HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 12 đường 5 Khu Z756, Phường 12, Quận 10, TP HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – Trường ĐH Grigg
- Chức vụ hiện nay tại VietBank: Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
 - + 06/2003 – 10/2018: Phó Tổng Giám đốc - Công ty TNHH KYMCO Việt Nam
 - + 06/2010 – 06/2015: Giám đốc – Công ty Ô tô Xe máy Tiên Sỹ;
 - + 11/2018 – 11/2020: Tổng Giám đốc - Công ty TNHH BDS Thành phố;
 - + 03/2021 – nay: Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2022:
 - + Sở hữu cá nhân: 5.700 cổ phần (chiếm 0,001% vốn điều lệ).
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ)
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có.
- Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2022: Dư nợ thẻ là 3.267.956 đồng
- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
 - + Thù lao nhận được theo quyết định của Thường trực HĐQT/Thường trực Ủy ban nhân sự, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
 - Năm 2020: 700 cổ phiếu tương ứng trị giá theo mệnh giá là 7.000.000 đồng
 - Năm 2021: 1.624.122.222 đồng
 - + Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Nguyễn Tiên Sỹ và người có liên quan với Vietbank: Không có.

❖ **Ông Nguyễn Trọng Phúc – Phó Tổng Giám đốc**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 25/09/1976
- Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- CMND/CCCD/HC: 079076001573 cấp ngày 11/05/2016 tại Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 58 Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - + Cử nhân Tài chính Ngân hàng – Viện ĐH Công Nghệ Hoàng Gia Melbourne (RMIT);
 - + Cử nhân Luật – ĐH Luật Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chức vụ hiện nay tại VietBank: Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
 - + 01/2003 – 08/2004: Chuyên viên Tín dụng Doanh Nghiệp – Ngân hàng TMCP Á Châu;
 - + 09/2003 – 03/2005: Trưởng phòng Phát triển sản phẩm thuộc Khối Khách hàng Doanh nghiệp – Ngân hàng TMCP Á Châu;
 - + 04/2005 – 11/2005: Phó Giám đốc Chi nhánh Bình Dương – Ngân hàng TMCP Á Châu;
 - + 11/2005 – 02/2007: Giám đốc Chi nhánh Tân Thuận – Ngân hàng TMCP Á Châu;
 - + 02/2007 – 03/2008: Phó Tổng Giám đốc – Công ty TNHH Chứng khoán Á Châu (ACBS);
 - + 04/2008 – 08/2010: Phó Tổng Giám đốc/TV HĐQT – Công ty Cổ phần Phúc Sinh;
 - + 12/2010 – 04/2016:
 - Giám đốc TTKD lớn Quận 1 – Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam
 - Giám đốc Vùng Tây HCM – Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam
 - 07/2016 – 09/2016: Trợ lý HĐQT - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín;
 - 09/2016 – 07/2017: Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín;
 - + 10/2016 – nay: Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2022:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ)
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2022: Dự nợ thẻ là 46.688.740 đồng
- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
 - + Thủ lao nhận được theo quyết định của Thường trực HĐQT/Thường trực Ủy ban nhân sự, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:

- Năm 2020: 1.769.063.237 đồng
 - Năm 2021: 2.022.934.292 đồng
- + Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Nguyễn Trọng Phúc và người có liên quan với Vietbank: Không có.

❖ **Bà Ngô Trần Đoàn Trinh – Phó Tổng Giám đốc**

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 16/11/1970
- Nơi sinh: Khánh Hòa
- CMND/CCCD/HC: 024623293 cấp ngày 04/10/2011 tại Công an TP. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 135 đường 19, Phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, TP HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân - Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
- Chức vụ hiện nay tại VietBank: Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
 - + 01/1992 – 02/1996: Nhân viên Kế toán – Công ty TNHH Khai thác, Chế biến Khoáng sản Khánh Hòa;
 - + 03/1995 – 04/1999: Chuyên viên Kế toán, Bí thư Chi đoàn - Cục Đầu tư phát triển TP.HCM;
 - + 05/1999 – 12/1999: Phó trưởng phòng kế toán – Cục Đầu tư phát triển TP.HCM;
 - + 12/1999 – 02/2001: Phó trưởng phòng Kế toán – Kho bạc nhà nước TP.HCM;
 - + 03/2001 - 06/2006:
 - Chuyên viên phòng Kế toán Tài chính – Quỹ hỗ trợ Phát triển TP.HCM
 - Phó trưởng phòng Kế toán Tài chính – Quỹ hỗ trợ Phát triển TP.HCM
 - Phó trưởng phòng Tín dụng TW I – Quỹ hỗ trợ Phát triển TP.HCM
 - Phó trưởng phòng Tín dụng hỗ trợ xuất khẩu – Quỹ hỗ trợ Phát triển TP.HCM (Quỹ hỗ trợ Phát triển TP.HCM nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam – CN Hồ Chí Minh)
 - + 07/2007 – 10/2016:
 - Nhân viên phòng Phân tích và Quản lý tín dụng - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương

Tín

- Trưởng phòng Phân tích và Quản lý tín dụng - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
- +
- + 11/2016 – 09/2017: Trợ lý Chủ tịch HĐQT - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín;
- + 09/2017 – 11/2017: Giám đốc Khối Tín dụng kiêm Giám đốc khối Quản lý Rủi ro - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín;
- + 11/2017 – nay: Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2022:
 - + Sở hữu cá nhân: 22.800 cổ phần (chiếm 0,004% vốn điều lệ).
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ)
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2022: Dư nợ thẻ là 8.779.615 đồng
- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
 - + Thù lao nhận được theo quyết định của Thường trực HĐQT/Thường trực Ủy ban nhân sự, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
 - Năm 2020: 1.801.395.213 đồng, 2.800 cổ phiếu tương ứng trị giá theo mệnh giá là 28.000.000 đồng
 - Năm 2021: 1.841.192.500 đồng
 - + Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bà Ngô Trần Đoàn Trinh và người có liên quan với Vietbank: Không có.

❖ **Ông Phạm Danh – Phó Tổng Giám đốc**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 10/11/1980
- Nơi sinh: Quảng Ngãi
- CMND/CCCD/HC: 025295449 cấp ngày 23/08/2010 tại Công an TP. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 38 Đường 3643D Phạm Thế Hiển, Phường 7, Quận 8, TP HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính, tiên tệ, tín dụng - Đại học Kinh tế TP. HCM
- Chức vụ hiện nay tại VietBank: Phó Tổng Giám đốc

- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
 - + 03/2003 – 02/2007: Cán bộ tín dụng – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam;
 - + 03/2007 – 02/2009: Phó giám đốc CN Sài Gòn – Pacific Bank;
 - + 03/2009 – 08/2009: Trưởng phòng Tín dụng Doanh Nghiệp – Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa;
 - + 09/2009 – 01/2013: Giám đốc Phòng giao dịch Vạn Hạnh – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín;
 - + 02/2013 – 11/2016: Phó Giám đốc CN TP.HCM kiêm Giám đốc PGD Vạn Hạnh – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín;
 - + 11/2016 – 11/2017: Giám đốc CN Sài Gòn – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín;
 - + 11/2017 – nay: Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2022:
 - + Sở hữu cá nhân: 11.400 cổ phần (chiếm 0,002% vốn điều lệ).
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ)
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2022: Dư nợ thẻ là 79.824.694 đồng
- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
 - + Thủ lao nhận được theo quyết định của Thương trực HĐQT/Thương trực Ủy ban nhân sự, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
 - Năm 2020: 1.924.829.812 đồng, 1.400 cổ phiếu tương ứng trị giá theo mệnh giá là 14.000.000 đồng
 - Năm 2021: 2.670.608.538 đồng
 - + Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Phạm Danh và người có liên quan với Vietbank: Không có.

♦ Ông Đỗ Khoa Hiệp – Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 25/03/1978
- Nơi sinh: Bình Định
- CMND/CCCD/HC: 052078013141 cấp ngày 10/08/2021 tại Cục CS QLHC&TTXH

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 29 Nguyễn Lạc, Quy Nhơn, Bình Định.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Chức vụ hiện nay tại VietBank: Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
 - + 2001-2005: Kỹ sư vận hành – Công ty TNHH Fujikura ;
 - + 2006-2007: Giám đốc nhân sự - ELCA Information Technology;
 - + 2008-2010: Giám đốc đại diện Việt Nam – KXTOP;
 - + 2009-2010: Chuyên viên tư vấn – KPMG Việt Nam;
 - + 2010-2011: Chuyên viên tư vấn – Renoir Consulting;
 - + 02/2012-08/2015: Trưởng phòng quản lý rủi ro vận hành – Ngân hàng TMCP Á Châu;
 - + 08/2015-04/2020: Giám đốc Khối quản lý rủi ro - Ngân hàng TMCP Á Châu;
 - + 05/2020-03/2022: Giám đốc Khối vận hành - Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2022:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ).
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ)
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2022: 0 đồng
- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
 - + Thù lao nhận được theo quyết định của Thường trực HĐQT/Thường trực Ủy ban nhân sự, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
 - Năm 2020: 0 đồng
 - Năm 2021: 0 đồng
 - + Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Đỗ Khoa Hiệp và người có liên quan với Vietbank: Không có.

♦ Ông Đinh Nguyễn Hải Linh – Kế toán trưởng

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 04/06/1972
- Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- CMND/CCCD/HC: 022385741 cấp ngày 22/10/2011 tại CA TP HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 518/1 Trần Hưng Đạo, Phường 14, Quận 5, TP HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Điều khiển Kinh tế - Đại học Kinh tế TP. HCM
- Chức vụ hiện nay tại VietBank: Kế toán trưởng
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
 - + 06/1996 – 06/2001: Nhân viên – Công ty SP Máy tính Fujitsu;
 - + 06/2001 – 07/2007: Giám sát viên phòng Tài chính Kế Toán – Công ty SP máy tính Fujitsu Việt Nam, KCN Biên Hòa 2;
 - + 07/2007 – 09/2007: Trưởng phòng Tài chính – Công ty Cơ khí chính xác Sài Gòn, Khu chế xuất Linh Trung;
 - + 09/2007 – 07/2014:
 - Chuyên viên cấp 2 – EXIMBANK
 - Phó phòng – EXIMBANK
 - + 07/2014 – nay:
 - Phó phòng Kế Toán – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín;
 - Trưởng phòng Kế toán – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín;
 - Phó phòng Kế toán – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín;
 - Giám đốc/ Phó Giám đốc phụ trách phòng Tài chính – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín;
 - Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2022:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ)
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2022: Dư nợ thẻ là 515.000 đồng
- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
 - + Thù lao nhận được theo quyết định của Thường trực HĐQT/Thường trực Ủy ban nhân sự, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
 - Năm 2020: 845.331.962 đồng
 - Năm 2021: 825.237.061 đồng
 - + Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Đinh Nguyễn Hải Linh và người có liên quan với Vietbank: Không có.

11. Chính sách chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức

Việc chi trả cổ tức của VietBank được dựa trên các yếu tố sau:

- Kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng;
- Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và ý kiến của NHNN về tỷ lệ chi trả cổ tức;
- Kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng trong thời gian tới.

Bảng 35. Tình hình chi trả cổ tức của VietBank

Năm	Tỷ lệ trả cổ tức/mệnh giá cổ phần	Ghi chú
2019	14%	Trả cổ tức bằng cổ phiếu, thực chi năm 2021
2020	Không có	
2021	Không có	

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

12. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Các khoản nợ đến hạn được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ và đúng hạn.

Bảng 36. Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2019	2020	2021	Quý I/2022
Dư nợ đầu kỳ	500	500	1.743	3.185
Phát hành thêm trong kỳ	-	1.743	1.442	400
Trả gốc trong kỳ	-	500	0	0
Trả lãi trong kỳ	37,50	37,60	110,14	0
Dư nợ cuối kỳ	500	1.743	3.185	3.485

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành**+ Trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán hoặc chuyển đổi**

Tính đến 31/03/2022, dư nợ trái phiếu của VietBank là 3.485 tỷ đồng, trong đó:

a. Trái phiếu phát hành ra công chúng:**Bảng 37. Thông tin về các trái phiếu đã phát hành ra công chúng**

Đơn vị: tỷ đồng

Loại trái phiếu	Kỳ hạn	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022

Trái phiếu thường	Từ 1 năm đến 5 năm	-	-	-
	Từ 5 năm trở lên	-	-	-
Trái phiếu chuyển đổi	Từ 1 năm đến 5 năm	-	-	-
	Từ 5 năm trở lên	-	-	-

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

b. Trái phiếu phát hành riêng lẻ:

Bảng 38. Thông tin về các trái phiếu đã phát hành riêng lẻ

Đơn vị: tỷ đồng

Loại trái phiếu	Kỳ hạn	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Trái phiếu thường	Từ 1 năm đến 5 năm	1.000	1.000	1.000
	Từ 5 năm trở lên	743	2.185	2.585
Trái phiếu chuyển đổi	Từ 1 năm đến 5 năm	-	-	-
	Từ 5 năm trở lên	-	-	-

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

*** Các cam kết đưa ra**

Bảng 39. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Bảo lãnh vay vốn	2.575	20.869	20.869
Cam kết giao dịch hối đoái	6.404.854	32.610.009	15.598.682
- Cam kết mua ngoại tệ	230.900	1.117.200	1.810.487
- Cam kết bán ngoại tệ	230.900	778.275	964.955
- Cam kết giao dịch hoán đổi	5.943.054	30.714.534	12.823.240
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	150.240	39.922	65.634
Bảo lãnh khác	1.009.503	1.302.138	1.286.034
Cam kết khác	12.614.518	12.323.054	13.237.868
Tổng cộng	20.181.690	46.295.992	30.209.087

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Bảng 40. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Bảo lãnh vay vốn	2.575	20.869	20.869
Cam kết giao dịch hối đoái	6.404.854	32.610.009	15.598.682
- Cam kết mua ngoại tệ	230.900	1.117.200	1.810.487
- Cam kết bán ngoại tệ	230.900	778.275	964.955
- Cam kết giao dịch hoán đổi	5.943.054	30.714.534	12.823.240
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	150.240	39.922	64.918
Bảo lãnh khác	1.009.503	1.302.138	1.286.034
Cam kết khác	12.614.518	12.323.054	13.237.868
Tổng cộng	20.181.690	46.295.992	30.208.371

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

+ Các cam kết khác

➢ Cam kết vốn

Bảng 41. Thông tin về cam kết vốn (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Cam kết vốn	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Các cam kết vốn xây dựng văn phòng làm việc và mua sắm thiết bị	280.929	495.453	519.817

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Bảng 42. Thông tin về cam kết vốn (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Cam kết vốn	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Các cam kết vốn xây dựng văn phòng làm việc và mua sắm thiết bị	280.929	495.453	519.817

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

➤ Cam kết thuê hoạt động

Bảng 43. Thông tin về cam kết thuê hoạt động (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Cam kết thuê hoạt động	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Đến hạn trong 1 năm	84.076	104.215	124.560
Đến hạn từ 1 đến 5 năm	163.465	212.914	245.847
Đến hạn sau 5 năm	36.061	28.151	37.385
Tổng cộng	283.602	345.280	407.792

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Bảng 44. Thông tin về cam kết thuê hoạt động của VietBank (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Cam kết thuê hoạt động	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Đến hạn trong 1 năm	84.076	104.215	124.560
Đến hạn từ 1 đến 5 năm	163.465	212.914	245.847
Đến hạn sau 5 năm	36.061	28.151	37.385
Tổng cộng	283.602	345.280	407.792

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

➤ Cam kết cho thuê hoạt động

Bảng 45. Thông tin về cam kết cho thuê hoạt động (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Cam kết cho thuê hoạt động	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Đến hạn trong 1 năm	9.889	4.164	1.122
Đến hạn từ 1 đến 5 năm	7.798	890	828
Tổng cộng	17.687	5.054	1.950

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Bảng 46. Thông tin về cam kết cho thuê hoạt động (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Cam kết cho thuê hoạt động	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Đến hạn trong 1 năm	9.999	4.164	1.122

Đến hạn từ 1 đến 5 năm	7.798	890	828
Tổng cộng	17.797	5.054	1.950

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có.

15. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Tổ Chức Phát Hành cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

- 1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

a. Một số chỉ tiêu chính về hoạt động kinh doanh

Bảng 47. Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/ giảm	Lũy kế đến quý I/2022
Tổng giá trị tài sản	91.505.109	103.377.281	12,97%	104.918.430
Thu nhập lãi thuần	569.759	1.486.208	160,85%	364.290
Tổng thu nhập hoạt động	1.680.593	2.257.681	34,34%	493.394
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	428.005	1.115.368	160,60%	187.025
Lợi nhuận trước thuế	380.058	635.782	67,29%	113.191
Lợi nhuận sau thuế	299.545	506.595	69,12%	89.857
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Bảng 48. Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/ giảm	Lũy kế đến quý I/2022
Tổng giá trị tài sản	91.525.490	103.377.671	12,95%	104.918.325
Thu nhập lãi thuần	569.718	1.486.190	160,86%	364.290
Tổng thu nhập hoạt động	1.676.099	2.252.577	34,39%	493.394
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	427.975	1.114.651	160,45%	187.875
Lợi nhuận trước thuế	380.028	635.065	67,11%	114.041
Lợi nhuận sau thuế	299.515	505.878	68,90%	90.707
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Năm 2021, lợi nhuận trước thuế hợp nhất của VietBank đạt 635 tỷ đồng, tăng 67,11% so với năm 2020, nguyên nhân chủ yếu do thu nhập hoạt động đạt gần 2.253 tỷ, tăng mạnh 34% tương đương tăng 576 tỷ (đáng chú ý là Thu nhập lãi thuần tăng 160,86%; Thu nhập từ hoạt động dịch vụ tăng 54,55%; Thu nhập từ hoạt động khác tăng 19,51%). Bên cạnh đó, Chi phí hoạt động giảm nhẹ 8,83% so năm 2020 (tương đương giảm 110 tỷ) và ghi nhận gần 1.138 tỷ đồng.

b. Các chỉ tiêu khác**Bảng 49. Cơ cấu thu nhập hoạt động (Hợp nhất)**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Quý I/2022	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Thu nhập lãi thuần	569.759	33,90%	1.486.208	65,83%	364.290	73,83%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	62.505	3,72%	94.808	4,20%	24.939	5,05%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	37.644	2,24%	11.767	0,52%	7.475	1,52%
Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư	852.272	50,71%	475.575	21,06%	55.772	11,30%
Lãi thuần từ hoạt động	158.413	9,43%	189.323	8,39%	40.918	8,29%

khác						
Tổng thu nhập hoạt động	1.680.593	100%	2.257.681	100%	493.394	100%

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Bảng 50. Cơ cấu thu nhập hoạt động (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Quý I/2022	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Thu nhập lãi thuần	569.718	33,99%	1.486.190	65,98%	364.290	73,63%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	58.052	3,46%	89.722	3,98%	24.939	5,05%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	37.644	2,25%	11.767	0,52%	7.475	1,52%
Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư	852.272	50,85%	475.575	21,11%	55.772	11,30%
Lãi thuần từ hoạt động khác	158.413	9,45%	189.323	8,40%	40.918	8,29%
Tổng thu nhập hoạt động	1.676.099	100%	2.252.577	100%	493.394	100%

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Kết thúc năm 2021, Tổng thu nhập hoạt động hợp nhất của VietBank đạt gần 2.253 tỷ đồng tăng 576 tỷ tương đương tăng 34,39% so với năm 2020. Thu nhập lãi thuần năm 2021 đạt 1.486 tỷ đồng, tăng 916 tỷ tương đương tăng 160,86% so năm 2020; Lãi thuần từ dịch vụ đạt gần 90 tỷ đồng, tăng 32 tỷ tương đương tăng 54,55% so năm 2020; Lãi thuần từ hoạt động khác đạt 189,3 tỷ đồng, tăng 31 tỷ tương đương tăng 19,51% so năm 2020. Trong khi đó, Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối đạt 11,8 tỷ đồng, Lãi thuần từ Mua bán chứng khoán đầu tư đạt 475,6 tỷ đồng, giảm so với năm 2020 lần lượt là 25,9 tỷ (giảm 68,74%) và 376,7 tỷ (giảm 44,20%).

c. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập (nếu có)

Không có.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

- Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán:

Năm 2020 và 2021 xảy ra đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng không chỉ tới nền kinh tế thế giới mà còn ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của VietBank. Tuy vậy, VietBank vẫn duy trì kết quả kinh doanh khả quan và mở rộng những nguồn doanh thu khác ngoài nguồn thu từ lãi như nguồn thu từ kinh doanh chứng khoán, kinh doanh ngoại hối.

- Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất:

Do ảnh hưởng dịch Covid-19, Vietbank đã thực hiện cơ cấu nợ và ngưng dự thu lãi theo TT01/NHNN đồng thời ban hành chương trình, sản phẩm ưu đãi lãi suất nhằm hỗ trợ khách hàng giải quyết khó khăn trong quá trình hoạt động kinh doanh nên đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của VietBank.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

a. Tình hình công nợ

Bảng 51. Tình hình công nợ (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Tổng Nợ phải thu	47.746.369	53.771.599	55.415.007
Cho vay các TCTD khác	-	200.000	300.000
Cho vay khách hàng (gồm DP)	44.345.769	49.612.464	50.679.826
Các khoản phải thu	1.566.062	2.396.258	2.691.191
Các khoản lãi, phí phải thu	1.799.931	1.446.957	1.595.131
Tài sản Có khác	142.475	134.956	167.895
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(107.868)	(19.036)	(19.036)
Tổng Nợ phải trả	86.227.359	97.633.115	99.089.861
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	13.730	11.663	11.257
Tiền gửi và vay các TCTD khác	14.643.134	21.353.634	18.177.291
Tiền gửi của khách hàng	64.537.150	66.755.406	69.314.512
Phát hành giấy tờ có giá	4.993.000	7.635.170	9.185.170
Các khoản nợ khác	2.040.345	1.877.242	2.401.631

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

- Theo BCTC Hợp nhất, Tổng nợ phải thu tại ngày 31/12/2021 là 53.772 tỷ đồng, tăng 12,62% so với

năm 2020 và tăng 13,06% so với năm 2019, trong đó:

- + Chiếm tỷ trọng cao nhất là Cho vay khách hàng (bao gồm Dự phòng) tại ngày 31/12/2021 là 92,27% và duy trì ở mức 49.612 tỷ đồng, tăng 11,88% so với 2020 và tăng 22,28% so với năm 2019.
 - + Các khoản phải thu chiếm 4,46% trong Tổng nợ phải thu và ở mức 2.396 tỷ đồng, tăng 53,01% so với năm 2020 và giảm mạnh 42,92% so với năm 2019.
 - + Các khoản lãi, phí phải thu khác chiếm 2,69% trong Tổng nợ phải thu và ở mức 1.447 tỷ đồng, đều giảm lần lượt là 19,61% và 10,10% so với năm 2020, 2019.
 - + Cho vay các TCTD khác chiếm 0,37% và đạt 200 tỷ đồng.
 - + Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác là 19 tỷ đồng so với 2020 và 2019 đều giảm lần lượt là 82,35% và 83,94%.
- **Tổng nợ phải trả** tại ngày 31/12/2021 là 97.633 tỷ đồng, tăng 13,23% so với năm 2020 và tăng mạnh 52,77% so với năm 2019, trong đó:
- + Tiền gửi của khách hàng đạt 66.755 tỷ đồng chiếm 68,37%, tăng 3,44% so với năm 2020 và tăng mạnh 35,01% so với năm 2019.
 - + Tiền gửi và vay các TCTD khác ở mức 21.354 tỷ đồng chiếm 21,78% trong Tổng nợ phải trả, tăng 45,38% so với năm 2020 và tăng 105,89% so với năm 2019.
 - + Phát hành giấy tờ có giá đạt 7.635 tỷ đồng chiếm 7,82% trong Tổng nợ phải trả, tăng so với năm 2020 và 2019 lần lượt là 52,92% và 205,41%.
 - + Các khoản nợ khác ở mức 1.877 tỷ đồng chiếm 1,92% trong Tổng nợ phải trả, giảm so với năm 2020 là 7,99% và tăng so với năm 2019 là 19,09%.
- VietBank luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn lãi và gốc của các khoản nợ đến hạn. Tính đến thời điểm hiện tại, VietBank không có khoản nợ quá hạn.

Bảng 52. Tình hình công nợ (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Tổng Nợ phải thu	47.766.360	53.771.599	55.414.513
Cho vay các TCTD khác	-	200.000	300.000
Cho vay khách hàng	44.345.769	49.612.464	50.679.826
Các khoản phải thu	1.586.053	2.396.258	2.690.697
Các khoản lãi, phí phải thu	1.799.931	1.446.957	1.595.131
Tài sản Có khác	142.475	134.956	167.895
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(107.868)	(19.036)	(19.036)
Tổng Nợ phải trả	86.247.770	97.634.252	99.089.653

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	13.730	11.663	11.257
Tiền gửi và vay các TCTD khác	14.643.134	21.353.634	18.177.291
Tiền gửi của khách hàng	64.558.047	66.757.140	69.314.635
Phát hành giấy tờ có giá	4.993.000	7.635.170	9.185.170
Các khoản nợ khác	2.039.859	1.876.645	2.401.300

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Theo BCTC riêng lẻ, Tổng nợ phải thu tại ngày 31/12/2021 là 53.772 tỷ đồng, tăng 12,57% so với năm 2020 và tăng 13,02% so với năm 2019, trong đó:

- + Chiếm tỷ trọng cao nhất là Cho vay khách hàng (bao gồm Dự phòng) tại ngày 31/12/2021 là 92,27% và duy trì ở mức 49.612 tỷ đồng, tăng 11,88% so với 2020 và tăng 22,28% so với năm 2019.
- + Các khoản phải thu chiếm 4,46% trong Tổng nợ phải thu và ở mức 2.396.258 tỷ đồng, tăng 51,08% so với năm 2020 và giảm mạnh 43,17% so với năm 2019.
- + Các khoản lãi, phí phải thu khác chiếm 2,69% trong Tổng nợ phải thu và ở mức 1.447 tỷ đồng, đều giảm lần lượt là 19,61% và 10,10% so với năm 2020, 2019.
- + Cho vay các TCTD khác chiếm 0,37% và đạt 200 tỷ đồng.
- + Dự phòng rủi ro cho các tài sản Cố nội bằng khác là 19 tỷ đồng so với 2020 và 2019 đều giảm lần lượt là 82,35% và 83,94%.
- **Tổng nợ phải trả** tại ngày 31/12/2021 là 97.634 tỷ đồng, tăng 13,20% so với năm 2020 và tăng mạnh 52,73% so với năm 2019, trong đó:
 - + Tiền gửi của khách hàng đạt 66.757 tỷ đồng chiếm 68,37%, tăng 3,41% so với năm 2020 và tăng mạnh 34,96% so với năm 2019.
 - + Tiền gửi và vay các TCTD khác ở mức 21.354 tỷ đồng chiếm 21,78% trong Tổng nợ phải trả, tăng 45,38% so với năm 2020 và tăng 105,89% so với năm 2019.
 - + Phát hành giấy tờ có giá đạt 7.635 tỷ đồng chiếm 7,82% trong Tổng nợ phải trả, tăng so với năm 2020 và 2019 lần lượt là 52,92% và 205,41%.
 - + Các khoản nợ khác ở mức 1.877 tỷ đồng chiếm 1,92% trong Tổng nợ phải trả, giảm 8,00% so với năm 2020 và tăng 19,09% so với 2019.
- VietBank luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn lãi và gốc của các khoản nợ đến hạn. Tính đến thời điểm hiện tại, VietBank không có khoản nợ quá hạn.

b. Trái phiếu chưa đáo hạn

Bảng 53. Danh sách Trái phiếu chưa đáo hạn tại 31/03/2022

Mã Trái phiếu	Giá trị (triệu đồng)	Lãi suất	Thời điểm phát hành	Kỳ hạn	Thời hạn chuyển đổi	Điều khoản quan trọng khác
VIETBANK.L.20.27.001	343.000	Lãi suất tham chiếu + 2,20%/năm	28/10/2020	7 năm	Không có	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VIETBANK.L.20.22.002	100.000	5,20%/năm	15/12/2020	2 năm	Không có	VietBank không có quyền mua lại trái phiếu trước hạn
VIETBANK.L.20.27.003	400.000	Lãi suất tham chiếu + 1,40%/năm	16/12/2020	7 năm	Không có	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VIETBANK.RL.20.22.004	500.000	5,50%/năm	21/12/2020	2 năm	Không có	VietBank không có quyền mua lại trái phiếu trước hạn
VIETBANK.L.20.22.005	400.000	5,50%/năm	25/12/2020	2 năm	Không có	VietBank không có quyền mua lại trái phiếu trước hạn
VBBL2128001	431.000	Lãi suất tham chiếu + 1,82%/năm	30/06/2021	7 năm	Không có	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VBBL2128002	255.340	05 năm đầu: 7,80%/năm 02 năm cuối: 8,83%/năm	29/09/2021	7 năm	Không có	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VBBL2128003	224.550	Lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm	29/10/2021	7 năm	Không có	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể

Mã Trái phiếu	Giá trị (triệu đồng)	Lãi suất	Thời điểm phát hành	Kỳ hạn	Thời hạn chuyển đổi	Điều khoản quan trọng khác
						từ ngày phát hành
VBBL2128004	100.000	Lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm	11/11/2021	7 năm	Không có	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VBBL2128005	140.980	Lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm	26/11/2021	7 năm	Không có	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VBBL2128006	200.000	Lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm	20/12/2021	7 năm	Không có	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VBBL2128010	90.300	Lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm	28/12/2021	7 năm	Không có	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VBBL2229001	300.000	02 năm đầu: Lãi suất tham chiếu + 2,7%/năm 05 năm sau: Lãi suất tham chiếu + 3,5%/năm	09/02/2022	7 năm	Không có	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VBBL2229002	100.000	02 năm đầu: Lãi suất tham chiếu + 2,7%/năm 05 năm sau: Lãi suất tham chiếu + 3,5%/năm	18/02/2022	7 năm	Không có	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

c. Các khoản phải nộp theo luật định

Tổ Chức Phát Hành luôn hoàn thành đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Bảng 54. Các khoản phải nộp theo luật định (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Quý I/2022
Thuế giá trị gia tăng	2.113	2.487	1.691
Thuế thu nhập doanh nghiệp	77.085	46.214	24.392
Thuế thu nhập cá nhân	2.350	1.917	2.289
Các loại thuế khác	2.661	-	-
<i>Thuế nhà thầu</i>	<i>2.661</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Tổng cộng	84.209	50.618	28.372

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Bảng 55. Các khoản phải nộp theo luật định (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Quý I/2022
Thuế giá trị gia tăng	1.844	2.282	1.691
Thuế thu nhập doanh nghiệp	77.085	46.214	24.392
Thuế thu nhập cá nhân	2.356	1.822	2.038
Các loại thuế khác	2.661	-	-
<i>Thuế nhà thầu</i>	<i>2.661</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Tổng cộng	83.946	50.318	28.121

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

d. Trích lập các quỹ

Tổ Chức Phát Hành luôn thực hiện trích lập các quỹ theo đúng các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ của Ngân hàng.

Bảng 56. Số dư các quỹ (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Quý I/2022
Quỹ dự phòng tài chính	161.723	212.311	161.722
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	82.659	107.953	82.660
Tổng cộng	244.382	320.264	244.382

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Bảng 57. Số dư các quỹ (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Quý I/2022
Quỹ dự phòng tài chính	161.723	212.311	161.722
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	82.659	107.953	82.660
Tổng cộng	244.382	320.264	244.382

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

e. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Tổ Chức Phát Hành không phát sinh những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

a. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 58. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về vốn				
- Vốn điều lệ	triệu đồng	4.190.199	4.776.827	
- Vốn tự có	triệu đồng	6.158.725	8.146.985	
- Tỷ lệ an toàn vốn	%	9,35	10,25	
2. Chất lượng tài sản				
- Tỷ lệ nợ quá hạn	%	2,5	3,65	

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
- Tỷ lệ nợ xấu	%	1,29 Theo TT02	2,25 Theo TT11	
- (Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	48,96	49,07	
- Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	95,26	95,76	
3. Khả năng thanh khoản				
- Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	17,81	17,26	
- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	26,31	33,25	
- Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	%	54,98	55,19	
4. Kết quả hoạt động kinh doanh				
- Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	7,38	11,54	
- Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,47	0,65	
- Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	0,76	1,60	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,37	0,52	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	5,82	9,19	
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng	715	1.061	

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
- Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	5,08	6,55	
- Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	16,45	14,91	

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Bảng 59. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Riêng lẻ)

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về vốn				
- Vốn điều lệ	triệu đồng	4.190.199	4.776.827	
- Vốn tự có	triệu đồng	6.158.695	8.146.239	
- Tỷ lệ an toàn vốn	%	9,35	10,05	
2. Chất lượng tài sản				
- Tỷ lệ nợ quá hạn	%	2,5	3,65	
- Tỷ lệ nợ xấu	%	1,29 Theo TT02	2,25 Theo TT11	
- (Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	48,95	49,07	
- Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	95,24	95,76	
3. Khả năng thanh khoản				
- Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	17,81	17,26	
- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	26,31	33,25	
- Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	%	54,98	55,19	
4. Kết quả hoạt động kinh				

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
doanh				
- Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	%	7,38	11,52	
- Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,47	0,52	
- Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	0,76	1,60	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,37	0,52	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	%	5,82	9,18	
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng	715	1.059	
- Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	5,11	6,57	
- Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	15,28	14,13	

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

b. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập (nếu có)

Không có.

3. Ý kiến của Tổ chức Kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ Chức Phát Hành

Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng năm 2019, 2020 của VietBank được kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán như sau:

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019

"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất."

Báo cáo tài chính riêng năm 2019

"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía

cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.”

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”

Báo cáo tài chính riêng năm 2020

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.”

Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng năm 2021 của VietBank được kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn KPMG Việt Nam. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán như sau:

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền hợp nhất của Ngân hàng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”

Báo cáo tài chính riêng năm 2021

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền trước hợp nhất của Ngân hàng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”

4. Kết quả xếp hạng tín nhiệm

Không có.

5. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

a. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận:

Bảng 60. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

Chi tiêu	Đơn vị	Năm 2022	
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với TH 2021
Doanh thu thuần hoặc Thu nhập lãi thuần	Triệu đồng	1.510.000	+ 1,62%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	872.000	+ 13,04%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần hoặc Thu nhập lãi thuần	%	58%	+ 23,95%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	12%	+ 2,81%
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc cổ tức	%	0,00%	0,00%

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

b. Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên:

Thường trực Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông thông qua kế hoạch nêu trên.

c. Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và tỷ lệ chia lợi nhuận/cổ tức nêu trên:

Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận VietBank tối thiểu trên theo chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2022: 65.200 tỷ đồng.

d. Đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn (và Tổ chức kiểm toán độc lập, nếu có) về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

Đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn

Là một Tổ Chức Tư Vấn chuyên nghiệp, HDS đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của VietBank.

Trên cơ sở các thông tin thu thập được, sau khi nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của VietBank, HDS cho rằng kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của VietBank dự kiến cho năm 2022 là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và tính toán dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các Nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào trái phiếu của VietBank.

Đánh giá của Tổ chức kiểm toán độc lập (nếu có)

Không có.

6. Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tiếp theo

VietBank chưa có kế hoạch cụ thể về việc chào bán trái phiếu trong 03 năm tới, các đợt chào bán trái phiếu cụ thể trong các năm tiếp theo sẽ được HĐQT, ĐHĐCĐ Ngân hàng thông qua.

VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

Việc chào bán Trái Phiếu ra công chúng của VietBank được thông qua tại:

- Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/10/2021 của Đại hội đồng Cổ đông VietBank thông qua Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng và phương án niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán.
- Nghị quyết số 92/2021/NQ-HĐQT ngày 24/11/2021 của Hội đồng Quản Trị VietBank sửa đổi một số nội dung tại Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng đã được ĐHĐCĐ thông qua theo Nghị quyết 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ.
- Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐQT ngày 14/03/2022 của Hội đồng Quản Trị VietBank sửa đổi một số nội dung tại Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng đã được HĐQT thông qua theo Nghị quyết số 92/2021/NQ-HĐQT ngày 24/11/2021.
- Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2022 của Đại hội đồng Cổ đông VietBank thông qua việc tiếp tục triển khai chào bán trái phiếu ra công chúng.

Dưới đây là các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu với một số nội dung chính sẽ được thể hiện trong Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu (được định nghĩa dưới đây).

Trái Phiếu được điều chỉnh bởi các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu này ("**Các Điều Kiện Trái Phiếu**"). Với việc nhận Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu và trở thành chủ sở hữu Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu được xem là đã hiểu và đồng ý với tất cả các nội dung và quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu và chịu sự ràng buộc của các quy định có liên quan của văn bản này.

Định nghĩa

Các thuật ngữ và cụm từ viết hoa sử dụng trong Các Điều Kiện Trái Phiếu sẽ có ý nghĩa như sau:

"**Chuyển Quyền Sở Hữu**" có nghĩa là các hình thức mua bán, cho tặng, thừa kế, trao đổi hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật làm thay đổi quyền sở hữu Trái Phiếu.

"**Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký**", "**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu**" có nghĩa là Công ty Cổ phần Chứng khoán HD.

"**Trung Tâm Lưu Ký**" có nghĩa là Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (hoặc bất kỳ tổ chức nào khác kế thừa chức năng đăng ký, và/hoặc lưu ký chứng khoán tại Việt Nam theo quy định của pháp luật).

"**Hợp Đồng Đại Diện**" có nghĩa là hợp đồng được ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, theo đó Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu được chỉ định là tổ chức đại diện cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

"**Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký**" có nghĩa là hợp đồng được ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký, theo đó, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký được chỉ định là Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký cho Trái Phiếu.

"**Kỳ Thanh Toán Lãi**" có nghĩa là định kỳ tròn 01 (một) năm/một lần kể từ Ngày Phát Hành.

"**Ngày Làm Việc**" có nghĩa là ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần, trừ ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật.

"**Ngày Phát Hành**" là một Ngày Làm Việc theo công bố chính thức của Tổ Chức Phát Hành hoặc Ngày Làm Việc tiếp theo sau ngày kết thúc việc thu tiền chào bán Trái Phiếu trên thực tế theo công bố của Tổ Chức Phát Hành.

"**Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại**" có nghĩa là bất kỳ Ngày Thanh Toán Lãi nào kể từ Ngày Thanh Toán Lãi thứ hai đến khi đáo hạn của Trái Phiếu, tùy thuộc vào quyết định mua lại của Tổ Chức Phát Hành.

"**Ngày Đáo Hạn**" có nghĩa là ngày tròn 07 (bảy) năm kể từ Ngày Phát Hành đối với Trái phiếu VietBank chào bán ra công chúng năm 2022 (Đợt 1). Theo ủy quyền của ĐHQĐ, HĐQT Vietbank căn đối kỳ hạn phát hành Trái phiếu theo từng đợt.

"**Ngày Đến Hạn Gốc**" có nghĩa là Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc ngày đến hạn khác khi Tổ Chức Phát Hành thực hiện mua lại Trái Phiếu hoặc Ngày Đáo Hạn.

"**Ngày Thanh Toán Lãi**" có nghĩa là mỗi ngày tròn năm kể từ Ngày Phát Hành cho đến khi kết thúc Thời Hạn Trái Phiếu.

"**Ngày Chốt Danh Sách**" có nghĩa là:

- (A) Trong trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký, lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký:
- (i) Ngày Làm Việc thứ 10 (mười) trước mỗi Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc ngày đến hạn khác để thực hiện mua lại Trái Phiếu;
 - (ii) Ngày Làm Việc được Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thông báo theo Hợp Đồng Đại Diện nhằm triệu tập Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Điều Khoản 13.2.
- (B) Trong trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký, lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký:
- (i) Ngày Làm Việc được ấn định bởi Tổ Chức Phát Hành phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan và quy chế của Trung Tâm Lưu Ký (áp dụng cho việc thanh toán và các trường hợp thực hiện quyền hoặc nghĩa vụ khác theo Trái Phiếu) mà không phải là trường hợp (ii), (iii) hoặc (iv) dưới đây;
 - (ii) Ngày Làm Việc được ấn định bởi Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan và quy chế của Trung Tâm Lưu Ký nhằm thực hiện việc mua lại Trái Phiếu trước hạn bắt buộc theo quy định tại Điều Khoản 12.1(g);
 - (iii) Ngày Làm Việc được Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành lựa chọn phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan và quy chế của Trung Tâm Lưu Ký và thông báo theo Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu nhằm triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu; hoặc
 - (iv) Ngày Làm Việc được xác định theo quy chế của Trung Tâm Lưu Ký để chốt danh sách đó trong trường hợp nếu Tổ Chức Phát Hành không có quyền ấn định ngày chốt danh sách đó.

"**Người Sở Hữu Trái Phiếu**" là người mua hoặc nhận Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu, (i) đã được đăng ký và có tên trong Sổ Đăng Ký do Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký quản lý trước khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký và được cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu, hoặc (ii) có tên trong danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu do Trung Tâm Lưu Ký quản lý và cung cấp tại từng thời điểm sau khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký.

"**Quyền Mua Lại Trước Hạn**" là quyền của Tổ Chức Phát Hành được mua lại trước hạn toàn bộ, nhưng không được mua lại một phần Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, với giá mua lại bằng 100% mệnh giá Trái Phiếu, trên cơ sở đảm bảo tuần thủ và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan. Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu do mình sở hữu cho Tổ Chức Phát Hành và Trái Phiếu sẽ bị hủy bỏ.

"**Kỳ Hạn Trái Phiếu**" có nghĩa như quy định tại Điều Khoản 7.

"**Tổ Chức Phát Hành**" có nghĩa là Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín.

"**Vốn cấp 2**" là nguồn thứ cấp của vốn ngân hàng, cung cấp tài chính cho các hoạt động của ngân hàng. Vốn cấp 2 được chỉ định là vốn bổ sung và bao gồm các khoản mục như dự trữ định giá lại, dự trữ chưa công bố, công cụ lai giữa nợ và vốn, và nợ thứ cấp có kì hạn...

1. Tên Trái Phiếu

Trái Phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín chào bán ra công chúng năm 2022 theo 3 đợt, có các tên gọi như sau (được gọi chung là "**Trái Phiếu**"):

- Trái phiếu VietBank chào bán ra công chúng năm 2022 (Đợt 1)
- Trái phiếu VietBank chào bán ra công chúng năm 2022 (Đợt 2)
- Trái phiếu VietBank chào bán ra công chúng năm 2022 (Đợt 3).

2. Loại Trái Phiếu

- (a) Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín phát hành là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được bảo đảm bằng tài sản của Tổ Chức Phát Hành, thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định hiện hành ("**Trái Phiếu**").
- (b) Trái Phiếu được phát hành và thanh toán bằng Đồng Việt Nam dưới hình thức bút toán ghi số.
- (c) Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mất khả năng trả nợ/chấm dứt hoạt động, Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ có bảo đảm hoặc không có bảo đảm khác. Các Trái Phiếu phát hành cùng đợt sẽ có thứ tự thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.
- (d) Tổ Chức Phát Hành được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ.
- (e) Trong Thời Hạn Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác.

3. Mệnh giá

10.000.000 VND (Mười triệu đồng)/Trái Phiếu.

4. Đối tượng mua trái phiếu

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu sở hữu trái phiếu.

5. Tổng số lượng trái phiếu chào bán

300.000 (Ba trăm nghìn) Trái Phiếu, trong đó:

Đợt 1: 100.000 (Một trăm nghìn) Trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng).

Đợt 2: 100.000 (Một trăm nghìn) Trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng).

Đợt 3: 100.000 (Một trăm nghìn) Trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng).

Đợt phát hành kéo dài tối thiểu 20 ngày, tối đa 90 ngày theo quy định của pháp luật. Khoảng cách giữa đợt chào bán sau với đợt chào bán trước không quá 12 tháng.

Trường hợp trong mỗi đợt chào bán, các Trái Phiếu chưa được phân phối hết như dự kiến của từng đợt thì số Trái Phiếu chưa được phân phối hết sẽ được chuyển qua đợt chào bán kế tiếp.

6. Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá

3.000.000.000.000 VND (Ba nghìn tỷ đồng).

7. Kỳ hạn trái phiếu

Từ 06 (sáu) đến 10 (mười) năm.

Theo ủy quyền của ĐHQĐ, HĐQT Vietbank căn đối kỳ hạn phát hành Trái phiếu theo từng đợt.

Trái phiếu Đợt 1 có kỳ hạn: 07 (Bảy) năm.

8. Lãi suất:**8.1. Tiền lãi**

- (a) Tiền lãi Trái Phiếu được tính kể từ và bao gồm Ngày Phát Hành cho đến nhưng không bao gồm Ngày Đến Hạn Gốc (tùy trường hợp áp dụng), và được thanh toán vào Ngày Thanh Toán Lãi.

Nếu Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành mua lại vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại thì Ngày Thanh Toán Lãi của năm đó sẽ là Ngày Thanh Toán Lãi cuối cùng của Trái Phiếu và tiền lãi Trái Phiếu của năm tương ứng sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại.

Nếu Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đến Hạn Gốc không phải là Ngày Làm Việc thì ngày thanh toán sẽ là Ngày Làm Việc tiếp theo ngay sau ngày đó. Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi hay bất kỳ lợi ích nào khác trên số tiền chậm thanh toán do ngày đến hạn thanh toán không phải là một Ngày Làm Việc. Trong trường hợp đến Ngày Đến Hạn Gốc mà Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được tiền thanh toán lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu mà không phải do lỗi của Tổ Chức Phát Hành hoặc Trung Tâm Lưu Ký (tùy trường hợp áp dụng), thì số tiền thanh toán lãi, gốc Trái Phiếu đó sẽ được Tổ Chức Phát Hành hoặc Trung Tâm Lưu Ký (tùy trường hợp áp dụng) giữ hộ và không được hưởng lãi.

- (b) Mỗi Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi kể từ Ngày Đến Hạn Gốc (áp dụng đối với trường hợp mua lại toàn bộ mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành) và mỗi Trái Phiếu được mua lại sẽ không được hưởng lãi kể từ ngày đến hạn khác để thực hiện mua lại (áp dụng đối với trường hợp mua lại một phần mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành) trừ khi tiền gốc của Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán vào các ngày đó do lỗi của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Trung Tâm Lưu Ký (tùy trường hợp áp dụng).

Nếu khoản tiền gốc của Trái Phiếu bị giữ lại hoặc từ chối thanh toán mà do lỗi của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Trung Tâm Lưu Ký (tùy trường hợp áp dụng) tại Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc Ngày Đến Hạn thì khoản tiền gốc Trái Phiếu sẽ tiếp tục được hưởng lãi theo mức lãi suất áp dụng cho Trái Phiếu đó, nhưng không bao gồm ngày mà Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc người đại diện của Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được tất cả các khoản tiền liên quan đến Trái Phiếu đến hạn thanh toán.

- (c) Trường hợp vào Ngày Thanh Toán Lãi, nếu khoản tiền lãi đến hạn của Trái Phiếu bị từ chối thanh toán hoặc được thanh toán không đầy đủ do lỗi của Tổ Chức Phát Hành thì Người Sở Hữu và/hoặc Trung Tâm Lưu Ký (tùy trường hợp áp dụng) Trái Phiếu sẽ được hưởng lãi quá hạn đối với số tiền bị chậm trả tính từ và bao gồm ngày quá hạn cho đến nhưng không bao gồm ngày thanh toán thực tế theo mức lãi suất quy định cụ thể ở điều 8.1(f) ở bên dưới.

- (d) Tiền lãi phát sinh từ việc tiền gốc và/hoặc tiền lãi của Trái Phiếu không được thanh toán hoặc bị từ chối thanh toán theo quy định tại Điều Khoản 8.1(b) và (c) nêu trên sẽ do bên gây ra lỗi (tùy từng trường hợp là Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Trung Tâm Lưu Ký) chịu trách nhiệm chi trả trực tiếp cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- (e) Tiền lãi tại các Điều Khoản 8.1(a) và (b) nêu trên sẽ được tính trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày:

$$\text{Tiền lãi Trái Phiếu được hưởng cho mỗi kỳ thanh toán lãi} = \text{Tổng Mệnh giá Trái Phiếu năm giữ thực tế} \times \frac{LS_1 \times N_1}{365}$$

Trong đó:

- + **LS₁**: có nghĩa là Lãi suất áp dụng cho Trái Phiếu (%/năm).
- + **N₁**: có nghĩa là Số ngày thực tế năm giữ Trái Phiếu trong Kỳ Thanh Toán Lãi đó.

- (f) Tiền lãi tại các Điều Khoản 8.1(c) và (d) nêu trên sẽ được tính trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày:

$$\text{Tiền lãi phạt trên Khoản tiền lãi quá hạn} = \text{Tổng số tiền lãi quá hạn} \times \frac{LS_2 \times N_2}{365}$$

Trong đó:

- + **LS₂**: có nghĩa là Lãi suất tương ứng với mức 150% Lãi suất áp dụng ở mục 8.1 (e) (%/năm) nhưng không quá 10%/năm.
- + **N₂**: có nghĩa là Số ngày quá hạn tính từ và bao gồm ngày quá hạn cho đến nhưng không bao gồm ngày thanh toán thực tế.

8.2. Lãi Suất (gọi tắt là Lãi Suất Trái Phiếu)

- (a) Lãi Suất Trái Phiếu có thể là: Lãi suất cố định hoặc Lãi suất thả nổi; hoặc kết hợp giữa Lãi suất cố định và Lãi suất thả nổi. Lãi suất thả nổi được xác định bằng Lãi Suất Tham Chiếu cộng Biên độ. Trong đó, Lãi Suất Tham Chiếu được xác định là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau bằng VND ("Lãi suất tham chiếu") được công bố tại Ngày xác định lãi suất trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 Ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Tổ Chức Phát Hành sẽ quyết định phương thức xác định và mức lãi suất Trái phiếu (Lãi Suất Tham Chiếu, Biên độ) áp dụng phù hợp tùy vào điều kiện thị trường tại thời điểm phát hành Trái phiếu, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành trong từng thời kỳ.

Theo ủy quyền của ĐHĐCD, HĐQT VietBank cân đối và quyết định lãi suất phát hành Trái phiếu theo từng đợt.

Lãi suất áp dụng cho Trái phiếu Đợt 1 là lãi suất thả nổi được quy định như sau:

- Năm năm đầu: Lãi Suất Tham Chiếu + 2,50%.
- Hai năm cuối: Lãi Suất Tham Chiếu + 3,50%.

Trong đó: Lãi Suất Tham Chiếu dùng để xác định lãi suất đối với mỗi kỳ tính lãi là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ

hạn tương đương) được công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 Ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam; Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Lãi Suất Tham Chiếu sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân.

- (b) Trong trường hợp pháp luật có quy định áp dụng trần lãi suất đối với Trái Phiếu thì (A) nếu quy định áp dụng trần lãi suất không có hiệu lực áp dụng hoặc không bắt buộc áp dụng đối với lãi suất Trái Phiếu đã được quy định tại Điều Khoản 8.2 (a) nêu trên thì lãi suất Trái Phiếu sẽ tiếp tục được áp dụng theo quy định tại Điều Khoản 8.2 (a) đó; (B) nếu quy định này có hiệu lực áp dụng đối với lãi suất Trái Phiếu và lãi suất Trái Phiếu đã được quy định tại Điều Khoản 8.2 (a) nêu trên vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định thì lãi suất Trái Phiếu sẽ là mức lãi suất trần tối đa được phép theo quy định của pháp luật; (C) nếu quy định này có hiệu lực áp dụng đối với lãi suất Trái Phiếu nhưng lãi suất Trái Phiếu được quy định tại Điều Khoản 8.2 (a) nêu trên không vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định thì lãi suất Trái Phiếu là mức lãi suất được xác định như tại Điều Khoản 8.2 (a) nêu trên.

8.3. Ngày Xác Định Lãi Suất

- Đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên: Ngày Làm Việc thứ 07 (Bảy) trước Ngày Công Bố Thông tin.
- Đối với Kỳ Tính Lãi tiếp theo: Ngày Làm Việc thứ 07 (Bảy) trước Ngày Thanh Toán Lãi.

8.4. Ngày Thanh Toán Tiền Lãi

Trong khoảng thời gian từ Ngày Phát Hành đến Ngày Đến Hạn Gốc, Tổ Chức Phát Hành được quyền ngừng thanh toán tiền lãi Trái Phiếu khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc thanh toán lãi làm cho kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ ("**Số Tiền Lãi Chậm Trả**"). Việc chậm trả lãi như vậy sẽ không bị coi là vi phạm bất kỳ quy định nào của Các Điều Khoản Trái Phiếu cho bất kỳ mục đích nào.

Số Tiền Lãi Chậm Trả sẽ không được nhập vào gốc Trái Phiếu và sẽ được hưởng lãi suất kể từ và bao gồm ngày chậm trả cho đến nhưng không bao gồm ngày hoàn trả thực tế (là ngày Tổ Chức Phát Hành thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu Số Tiền Lãi Chậm Trả và lãi phát sinh tính trên Số Tiền Lãi Chậm Trả).

Lãi suất áp dụng cho Số Tiền Lãi Chậm Trả là lãi suất của Trái Phiếu quy định tại Điều Khoản 8.2 (a) (mức lãi suất này được áp dụng trong suốt thời gian chậm trả lãi của Số Tiền Lãi Chậm Trả tương ứng).

$$\text{Tiền lãi phạt trên Khoản tiền lãi chậm trả} = \text{Tổng số tiền lãi chậm trả} \times \frac{LS_2 \times N_2}{365}$$

Trong đó:

- + LS_2 : có nghĩa là Lãi suất áp dụng ở mục 8.2 (a) (%/năm) nhưng không quá 10%/năm.
- + N_2 : có nghĩa là Số ngày chậm trả tính từ và bao gồm ngày chậm trả cho đến nhưng không bao gồm ngày hoàn trả thực tế.

9. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc

- (a) Tiền lãi Trái Phiếu được trả sau, định kỳ 01 (một) năm một lần ("**Kỳ Thanh Toán Lãi**"), vào Ngày Thanh Toán Lãi cho đến khi Tổ Chức Phát Hành hoàn thành các nghĩa vụ liên quan tới Trái Phiếu.
- (b) Trừ khi Trái Phiếu được mua lại trước hạn, tiền gốc Trái Phiếu sẽ được hoàn trả bằng 100% mệnh giá

vào Ngày Đáo Hạn. Trường hợp Trái Phiếu được mua lại trước hạn vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, tiền gốc Trái Phiếu sẽ được hoàn trả bằng 100% mệnh giá vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại. Trường hợp Trái Phiếu được mua lại trước hạn theo Các Điều Kiện Trái Phiếu khác, tiền gốc Trái Phiếu sẽ được hoàn trả một lần vào ngày thực hiện mua lại trước hạn tương ứng.

10. Giá chào bán

10.000.000 VND (Mười triệu đồng)/Trái Phiếu.

11. Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mất khả năng trả nợ/chấm dứt hoạt động

Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mất khả năng trả nợ/chấm dứt hoạt động, Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ có bảo đảm hoặc không có bảo đảm khác. Các Trái Phiếu phát hành cùng đợt sẽ có thứ tự thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.

12. Quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu

12.1. Quyền cơ bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu

(a) Quyền sở hữu và được cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu

(i) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký:

Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký sẽ lập và duy trì sổ đăng ký ("**Sổ Đăng Ký**") ghi tên, số lượng Trái Phiếu sở hữu, tài khoản nhận gốc, lãi Trái Phiếu và các thông tin khác của những Người Sở Hữu Trái Phiếu.

Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký, thay mặt và theo ủy quyền của Tổ Chức Phát Hành, cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu ("**Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu**") đối với việc đăng ký sở hữu Trái Phiếu. Mỗi Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được đánh số riêng biệt để nhận biết và sẽ được ghi trong Sổ Đăng Ký Trái Phiếu.

Quyền sở hữu Trái Phiếu chỉ được chuyển giao sau khi Bên chuyển giao và Bên nhận chuyển giao hoàn thành các thủ tục Chuyển Quyền Sở Hữu mà Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký quy định và hoàn tất việc đăng ký thông tin về bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu trong Sổ Đăng Ký Trái Phiếu. Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký sẽ cấp, hoặc bảo đảm cấp cho bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu một Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu mới ghi nhận (i) khoản tiền gốc của Trái Phiếu đã được nhận Chuyển Quyền Sở Hữu và (ii) quyền sở hữu của bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu được đăng ký trong Sổ Đăng Ký Trái Phiếu (*để tránh nhầm lẫn*, bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu sẽ trở thành Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với Trái Phiếu được nhận Chuyển Quyền Sở Hữu ngay khi quyền sở hữu của bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu đối với Trái Phiếu đó được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký, không phụ thuộc vào việc bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu đã được cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu hay chưa). Các chi phí liên quan đến việc Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký ấn định khi thực hiện việc Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu, phù hợp với luật Việt Nam và thực tiễn thị trường và sẽ do Bên Chuyển Quyền Sở Hữu và/hoặc Bên Nhận Chuyển Quyền Sở Hữu thanh toán cho Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký.

Nếu Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu bị thất lạc, mất cắp, rách nát, hư hại hoặc phá hủy thì Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu đó có thể được cấp lại tại văn phòng được chỉ định của Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành sau khi

người yêu cầu cấp lại thanh toán các chi phí phát sinh liên quan đến việc cấp lại đó cho Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký và người yêu cầu cấp lại phải cung cấp chứng cứ liên quan đến việc cấp lại đó. Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu bị rách nát, hư hại phải được nộp lại trước khi được cấp lại.

- (ii) Sau khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký:

Sau khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký, việc cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu sẽ theo các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam, Trung Tâm Lưu Ký và các quy định của Hợp Đồng Đại Diện (trong phạm vi các quy định đó phù hợp với pháp luật Việt Nam và quy định của Trung Tâm Lưu Ký).

(b) Quyền hưởng lãi và các khoản thanh toán khác

Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này đối với số Trái Phiếu mình sở hữu theo các quy định dưới đây:

- (i) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký và lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký, mỗi khoản thanh toán tiền lãi định kỳ vào Ngày Thanh Toán Lãi hoặc khoản thanh toán tiền gốc và lãi vào Ngày Đến Hạn Gốc sẽ được Tổ Chức Phát Hành chuyển trực tiếp cho Người Sở Hữu Trái Phiếu (là những người có tên trong Sổ Đăng Ký tại Ngày Chốt Danh Sách) vào tài khoản của Người Sở Hữu Trái Phiếu được đăng ký trong Sổ Đăng Ký hoặc thông qua hình thức hợp pháp khác theo thỏa thuận với Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- (ii) Sau khi Trái Phiếu được đăng ký và lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký, việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác (nếu có) liên quan đến Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam và của Trung Tâm Lưu Ký, các quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu và các quy định của Hợp Đồng Đại Diện (trong phạm vi các quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu và trong Hợp Đồng Đại Diện không xung đột với các quy định của pháp luật Việt Nam và Trung Tâm Lưu Ký).

(c) Quyền giao dịch Trái Phiếu

- (i) Người Sở Hữu Trái Phiếu được tự do Chuyển Quyền Sở Hữu đối với toàn bộ Trái Phiếu của mình và sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm, cầm cố, chiết khấu, mua bán có kỳ hạn hoặc tham gia các giao dịch dân sự, thương mại khác phù hợp với quy định của pháp luật.
- (ii) Tại Ngày chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu, Đại lý Đăng Ký, Lưu Ký sẽ không thực hiện việc chuyển nhượng quyền sở hữu giữa các Bên. Từ sau Ngày chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu, việc chuyển nhượng giữa các Bên sẽ diễn ra bình thường. Tuy nhiên nghĩa vụ đến hạn lãi của kỳ đó sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán cho Nhà Đầu Tư có tên trong danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu tại Ngày chốt danh sách Người Sở Hữu.
- (iii) Để tránh nhầm lẫn, Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể cầm cố Trái Phiếu tại các tổ chức tín dụng theo quy định hiện hành của pháp luật nếu tổ chức tín dụng đó chấp thuận. Người Sở Hữu Trái Phiếu được sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm (cầm cố) tại Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật và quy định hiện hành của Tổ Chức Phát Hành.
- (iv) Không ảnh hưởng đến quy định tại Điều Khoản 12.1(c)(iii), Tổ Chức Phát Hành không nhận chiết khấu Trái Phiếu hoặc mua bán có kỳ hạn Trái Phiếu hoặc tham gia các giao dịch khác với Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu mà có hiệu lực như một giao dịch mua lại trước hạn Trái Phiếu trừ trường hợp mua lại trước hạn theo các Điều Khoản Trái Phiếu.
- (v) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký và lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký, việc giao dịch Trái Phiếu như trên sẽ được thực hiện thông qua đăng ký tại Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký theo thủ tục quy định tại Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký Trái Phiếu.

- (vi) Sau khi Trái Phiếu được đăng ký và lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký, việc giao dịch Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam và của Trung Tâm Lưu Ký, các quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu và các quy định của Hợp Đồng Đại Diện (trong phạm vi các quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu và trong Hợp Đồng Đại Diện không xung đột với các quy định của pháp luật Việt Nam và Trung Tâm Lưu Ký).

(d) Quyền biểu quyết

Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền biểu quyết (tại hội nghị hoặc trong đợt lấy ý kiến bằng văn bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu) về các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu mà phải xin ý kiến của Người Sở Hữu Trái Phiếu như được quy định tại Điều Khoản 13.2 dưới đây.

(e) Quyền có tổ chức đại diện

Vì mục đích đăng ký, lưu ký tập trung và niêm yết Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán HD ("**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu**") làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu nhằm giám sát việc Tổ Chức Phát Hành tuân thủ nghĩa vụ theo Các Điều Khoản Trái Phiếu và bảo vệ quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng Đại Diện.

Vai trò của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được xác lập và phát sinh sau khi Trái Phiếu đã đủ điều kiện để niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán và Tổ Chức Phát Hành thực hiện việc đăng ký, lưu ký tập trung và niêm yết Trái Phiếu theo quy định của pháp luật.

Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng việc đặt mua Trái Phiếu hoặc nhận Chuyển Quyền Sở Hữu công nhận và đồng ý không hủy ngang việc chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán HD làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Điều Khoản 12.1(e) này và Hợp Đồng Đại Diện.

(f) Quyền nhận thông tin

Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền nhận thông tin mà Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có) gửi cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu theo phương thức gửi qua đường bưu điện, thư điện tử, fax hoặc bất kỳ một hình thức thông báo nào khác được pháp luật cho phép.

(g) Quyền khi xảy ra các Sự Kiện Vi Phạm của Tổ Chức Phát Hành

- (i) Nếu Tổ Chức Phát Hành không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ tiền gốc và/hoặc tiền lãi của bất kỳ Trái Phiếu nào đến hạn (trừ trường hợp Tổ Chức Phát Hành được phép thực hiện quyền Ngưng Thanh Toán Tiền Lãi theo quy định tại Điều Khoản 8.4) và vẫn tiếp tục không thanh toán trong thời gian 10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ ngày đến hạn tương ứng (mỗi trường hợp như vậy được gọi là một "**Sự Kiện Vi Phạm**"), thì để buộc Tổ Chức Phát Hành thực hiện nghĩa vụ thanh toán, Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền khởi kiện Tổ Chức Phát Hành theo thủ tục phá sản hoặc thanh lý hoặc khởi kiện theo các hình thức khác do Người Sở Hữu Trái Phiếu lựa chọn mà không cần gửi thông báo nào khác. Để làm rõ, việc khởi kiện Tổ Chức Phát Hành sẽ không được thực hiện trực tiếp bởi Người Sở Hữu Trái Phiếu nào mà sẽ được thực hiện thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, trừ trường hợp theo quy định tại Điều 2.4 của Hợp Đồng Đại Diện.
- (ii) Nếu có một lệnh của tòa án được đưa ra hoặc một nghị quyết của cấp có thẩm quyền được thông qua về việc phá sản hoặc giải thể đối với Tổ Chức Phát Hành (bất kể là có một Sự Kiện Vi Phạm đã xảy ra và đang tiếp diễn hay không) (mỗi trường hợp như vậy đều được gọi là một "**Sự Kiện Vi Phạm**"), và lệnh hoặc nghị quyết đó không được thu hồi/hủy bỏ trong thời gian 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày được đưa ra, thì bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có thể gửi một thông báo bằng văn bản, được coi là có hiệu lực vào ngày nhận thông báo, cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu để yêu cầu Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu tuyên bố Trái Phiếu đến hạn.

- (iii) Ngay khi Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu: (1) biết có Sự Kiện Vi Phạm xảy ra hoặc (2) nhận được thông báo từ Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại đoạn (ii) trên đây, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, sau khi xác minh thông tin, phải gửi thông báo cho Tổ Chức Phát Hành và những Người Sở Hữu Trái Phiếu khác và các Bên liên quan khác (nếu có) để tuyên bố Trái Phiếu đến hạn và Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán ngay lập tức mà không phải thực hiện thêm bất cứ thủ tục nào khác nữa. Trong trường hợp này, Trái Phiếu được coi là sẽ đến hạn toàn bộ ngay lập tức cùng với tiền lãi lũy kế (nếu có) và các khoản tiền khác (nếu có) được tính cho đến ngày hoàn trả.

Người Sở Hữu Trái Phiếu có các quyền khác theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này.

12.2. Trường hợp thay đổi quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu

Trường hợp thay đổi quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được thông qua tại Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.

12.3. Nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu

- (a) Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ khai báo và nộp thuế phát sinh từ các khoản thu nhập, các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu hoặc các giao dịch Chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu và các nghĩa vụ nộp thuế khác (nếu có) theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam. Tổ Chức Phát Hành, Tổ Chức Đăng Ký, Lưu Ký được quyền thực hiện khấu trừ, nộp thay tiền thuế liên quan đến Trái Phiếu hoặc các giao dịch Chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định pháp luật Việt Nam.
- (b) Phối hợp thực hiện các thủ tục, công việc theo yêu cầu của pháp luật hoặc của Tổ Chức Phát Hành để hoàn thành việc đăng ký, lưu ký tập trung, niêm yết Trái Phiếu khi Tổ Chức Phát Hành quyết định đăng ký, lưu ký tập trung, niêm yết Trái Phiếu.
- (c) Các nghĩa vụ khác theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này, Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký Trái Phiếu, và các văn kiện Trái Phiếu khác (nếu có).

13. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

Tên Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HD (HDS)**

13.1. Trách nhiệm của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

- (a) Trách nhiệm cơ bản của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp đồng số **03.112021/HĐNDD/VB-HDBS** ngày 15/11/2021 với Tổ Chức Phát Hành;
- (b) Ký kết và thực hiện Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào khác mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu là một Bên nhận danh và vì lợi ích của những Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- (c) Thay mặt Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (d) Giám sát việc thực hiện các cam kết của Tổ Chức Phát Hành quy định trong các Văn Kiện Trái Phiếu, và nhanh chóng thông báo cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu khi có bằng chứng rõ ràng về việc Tổ Chức Phát Hành vi phạm bất kỳ cam kết nào theo bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào;
- (e) Triệu tập và tổ chức Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tổ chức lấy ý kiến những Người Sở Hữu Trái Phiếu khi có yêu cầu hợp lệ của Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc của Tổ Chức Phát Hành hoặc các Bên khác trong phạm vi các yêu cầu đó được đưa ra phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu (bao gồm

cả việc quyết định hình thức lấy ý kiến của những Người Sở Hữu Trái Phiếu), và ký biên bản Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu nhân danh những Người Sở Hữu Trái Phiếu, biên bản kiểm phiếu, các quyết định/ngợi quyết của những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo thẩm quyền được giao;

- (f) Nhận và thông báo ngay cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu về nội dung của mỗi thông báo, giấy chứng nhận, tài liệu hoặc thư từ trao đổi bằng văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc VSD (tùy trường hợp áp dụng) gửi cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (g) Nhận và gửi ngay cho các Bên liên quan mỗi thông báo, giấy chứng nhận, tài liệu hoặc thư từ trao đổi bằng văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào gửi cho Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (h) Thông báo và yêu cầu Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký thực hiện các quyết định/ngợi quyết của những Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu trong phạm vi các quyết định/ngợi quyết đó được đưa ra phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (i) Tạo điều kiện cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu rà soát, nghiên cứu và sao chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến Trái Phiếu (kể cả các Văn Kiện Trái Phiếu) mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm lưu giữ và Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền tiếp cận theo Hợp Đồng này, Các Điều Kiện Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu khác. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu cũng có thể cho phép Nhà Đầu Tư tiềm năng tiếp cận các tài liệu nêu trên hoặc cung cấp bản sao của các tài liệu đó cho Nhà Đầu Tư tiềm năng trên cơ sở tuân thủ nghĩa vụ bảo mật thông tin theo quy định tại Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu có liên quan;
- (j) Lưu trữ các thông báo, văn bản và tài liệu mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được hoặc có được (trong vai trò là tổ chức đại diện cho tất cả những Người Sở Hữu Trái Phiếu) liên quan đến Trái Phiếu, trừ các thông báo, văn bản và tài liệu mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải chuyển giao cho bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào khác hoặc phải tiêu hủy theo quy định của Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, các Văn Kiện Trái Phiếu khác và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan; và
- (k) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

13.2. Nghị quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu

- (a) Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc nhóm Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ ít nhất 10% (mười phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu chưa được thanh toán tại thời điểm đó triệu tập với thông báo bằng văn bản gửi trước ít nhất 05 (năm) Ngày Làm Việc (trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu thì phải gửi thông báo cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu để Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thông báo cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ Chức Phát Hành (tùy từng trường hợp áp dụng). Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được tổ chức dưới các hình thức phù hợp theo yêu cầu của người triệu tập, như hội nghị qua điện thoại, video, trao đổi qua thư điện tử...
- (b) Phụ thuộc vào Điều Kiện 13.2(c), số đại biểu cần thiết để cuộc họp được tiến hành là một hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện cho ít nhất 50% (năm mươi phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu chưa được thanh toán tại thời điểm đó, hoặc đối với bất kỳ cuộc họp nào được triệu tập lại thì số đại biểu cần thiết để tiến hành cuộc họp là một hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện Người Sở Hữu Trái Phiếu với bất kỳ tỷ lệ Trái Phiếu theo mệnh giá nào mà họ nắm giữ hoặc đại diện.

- (c) Trong bất kỳ hội nghị nào có nội dung sửa đổi Ngày Đáo Hạn hoặc bất kỳ Ngày Thanh Toán Lãi, giảm hoặc ngừng thanh toán khoản tiền gốc hoặc thay đổi lãi suất phải trả liên quan đến Trái Phiếu hoặc thay đổi loại tiền tệ thanh toán Trái Phiếu ("**Vấn Đề Loại Trừ**"), thì số đại biểu cần thiết để tiến hành họp là một người hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu chưa được thanh toán tại thời điểm đó, hoặc bất kỳ cuộc họp nào được triệu tập lại thì số đại biểu để tiến hành họp là một người hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện ít nhất 50% (năm mươi phần trăm) theo tổng mệnh giá Trái Phiếu chưa được thanh toán tại thời điểm triệu tập lại cuộc họp đó.
- (d) Nghị quyết được (những) Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu của những Người Sở Hữu Trái Phiếu tham dự cuộc họp thông qua và biểu quyết tại Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ ràng buộc tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu (dù họ có tham dự trực tiếp hội nghị hay không) với điều kiện là bất kỳ sự thay đổi nào về Vấn Đề Loại Trừ phải được sự chấp thuận của tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ 100% (một trăm phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành.
- (e) Không phụ thuộc vào các quy định tại Điều Khoản 13.2 (a), (b), (c) và (d) nêu trên, Nghị quyết Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua tại một cuộc họp với sự tham dự của tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ 100% (một trăm phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm tiến hành Hội nghị là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập Hội nghị không đúng quy định.
- (f) Nghị quyết Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quyết định của những người có thẩm quyền triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu tại Điều Khoản 13.2(a) và khi được thông qua sẽ có giá trị như Nghị quyết thông qua tại cuộc họp và có giá trị ràng buộc tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu, với điều kiện (1) việc lấy ý kiến phải được gửi đến tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm chốt danh sách lấy ý kiến và (2) phải được Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện cho ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu thông qua (đối với Vấn Đề Loại Trừ, phải được tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu đang nắm giữ 100% (một trăm phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành thông qua).
- (g) Để tránh hiểu nhầm, bất kỳ Nghị quyết nào được Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu thông qua theo quy định tại Điều Khoản 13.2 này sẽ không có giá trị ràng buộc đối với Tổ Chức Phát Hành nếu không được chấp thuận bởi Tổ Chức Phát Hành (trừ các nghị quyết của những Người Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua sau khi đã phát sinh Sự Kiện Vi Phạm sẽ có giá trị ràng buộc vô điều kiện với Tổ Chức Phát Hành).
- (h) Không phụ thuộc vào các quy định tại các Điều Khoản 13.2 (a), (b), (c), (d), (e), (f) và (g) nêu trên, trường hợp chỉ có một Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất sở hữu 100% (một trăm phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành thì không cần triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu. Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất sẽ thỏa thuận thông qua các nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung liên quan đến Các Điều Khoản Trái Phiếu bằng văn bản thỏa thuận giữa hai bên hoặc bằng bộ văn bản gồm văn bản của bên xin ý kiến và văn bản trả lời trực tiếp của bên được xin ý kiến về nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung đó, và trong trường hợp này, văn bản thỏa thuận thống nhất giữa Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất và/hoặc bộ văn bản gồm văn bản của bên xin ý kiến và văn bản trả lời đồng ý/chấp thuận của bên được xin ý kiến sẽ có giá trị pháp lý như một Nghị quyết Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu đã được Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận thông qua. Đối với các nội dung để xử lý các Sự Kiện Vi Phạm của Tổ Chức Phát Hành, Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất có quyền thông qua các nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung liên quan đến Các Điều Khoản Trái Phiếu mà không cần sự chấp thuận của Tổ Chức Phát Hành.

14. Việc Mua Lại Trái Phiếu Trước Hạn

14.1. Mua Lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại

- (a) Trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, bằng việc gửi thông báo cho Người Sở Hữu Trái Phiếu (thông báo này là không hủy ngang) theo quy định tại Điều Khoản 14.1(c) dưới đây, Tổ Chức Phát Hành có quyền mua lại trước hạn toàn bộ nhưng không mua lại một phần Trái Phiếu tại Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại với giá mua lại bằng mệnh giá Trái Phiếu.
- (b) Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành và nhận được 100% khoản tiền gốc Trái Phiếu do mình sở hữu; khi đó Trái Phiếu sẽ bị hủy bỏ và các Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu liên quan tới các Trái Phiếu sẽ tự động hết hiệu lực lưu hành (trước khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký), hoặc theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, quy chế của Trung Tâm Lưu Ký và pháp luật Việt Nam có quy định khác (trong trường hợp Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký).
- (c) Ví mục đích mua lại vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại như quy định tại Điều Khoản 14.1 này, Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo việc mua lại trên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Phát Hành hoặc báo đảm (1) Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký gửi thông báo cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu, trong trường hợp trước khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký, ít nhất 10 (mười) ngày nhưng không sớm hơn 60 (sáu mươi) ngày trước Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu; hoặc (2) thông báo trên trang thông tin điện tử của Trung Tâm Lưu Ký về Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu theo quy định của pháp luật Việt Nam và quy chế của Trung Tâm Lưu Ký trong trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký, lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký. Trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được thông báo mua lại của Tổ Chức Phát Hành mà không do lỗi của Tổ Chức Phát Hành hoặc không thực hiện các thủ tục cần thiết để thực hiện việc bán lại Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành (nếu có), Người Sở Hữu Trái Phiếu vẫn có nghĩa vụ bán lại toàn bộ sở Trái Phiếu đang sở hữu cho Tổ Chức Phát Hành và tiền thanh toán mua lại Trái Phiếu sẽ được chuyển vào tài khoản được đăng ký của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu như được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký (đối với trường hợp mua lại trước khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký) hoặc tài khoản được đăng ký là tài khoản để nhận gốc/lãi Trái Phiếu khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký) hoặc thông qua hình thức hợp pháp khác theo thỏa thuận với Người Sở Hữu Trái Phiếu đó và quy định của pháp luật.

14.2. Mua lại Trái Phiếu theo thỏa thuận

Không ảnh hưởng tới Điều Khoản 14.1 nêu trên, trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, Tổ Chức Phát Hành thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể đề nghị mua lại Trái Phiếu vào bất cứ lúc nào bằng bất cứ phương thức nào và với bất cứ giá nào phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền quyết định có bán Trái Phiếu của mình cho Tổ Chức Phát Hành hay không. Việc chào mua Trái Phiếu được thực hiện công khai đối với tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu. Bất cứ Trái Phiếu nào do Tổ Chức Phát Hành mua lại sẽ không được tính vào tỷ lệ biểu quyết tại cuộc họp những Người Sở Hữu Trái Phiếu để quyết định những vấn đề liên quan đến các biện pháp xử lý đối với Tổ Chức Phát Hành.

15. Phương Thức Phân Phối

Bán trực tiếp cho Nhà Đầu Tư thông qua các kênh phân phối tại Trụ sở chính/Chi nhánh/Phòng giao dịch của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.

16. Đăng Ký Mua Trái Phiếu**(a) Thời hạn:**

Sau khi Tổ Chức Phát Hành nhận được Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Tổ Chức Phát Hành công bố thông tin về chào bán Trái Phiếu ra công chúng ("**Bản Thông Báo Phát Hành**") theo quy định của pháp luật hiện hành, và thời gian đăng ký mua Trái Phiếu dự kiến là kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành công bố Bản Thông Báo Phát Hành cho đến ngày kết thúc thời hạn phân phối Trái Phiếu. Tuy nhiên, thời gian đăng ký mua Trái Phiếu có thể kết thúc sớm hơn trước khi kết thúc thời hạn phân phối Trái Phiếu khi số lượng Trái Phiếu mà các Nhà Đầu Tư đăng ký mua bằng số lượng Trái Phiếu được phép chào bán theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng nhưng đảm bảo thời hạn đăng ký mua Trái Phiếu cho Nhà Đầu Tư tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày công bố Bản Thông Báo Phát Hành.

(b) Số lượng:

Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán ra công chúng là 300.000 (Ba trăm nghìn) Trái Phiếu, trong đó:

Đợt 1: 100.000 (Một trăm nghìn) Trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng)

Đợt 2: 100.000 (Một trăm nghìn) Trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng)

Đợt 3: 100.000 (Một trăm nghìn) Trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng)

Trường hợp trong mỗi đợt chào bán, các Trái Phiếu chưa được phân phối hết như dự kiến của từng đợt thì số Trái Phiếu chưa được phân phối hết sẽ được chuyển qua đợt chào bán kế tiếp.

(c) Đối tượng được đăng ký mua:

Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

(d) Phương thức đăng ký mua và thanh toán:

(i) Thời gian muộn nhất để Nhà Đầu Tư thực hiện thanh toán đầy đủ tiền mua Trái Phiếu là vào ngày kết thúc đợt chào bán theo công bố của Tổ Chức Phát Hành.

(ii) Trái Phiếu sẽ được phân bổ cho các Nhà Đầu Tư theo nguyên tắc công bằng, công khai. Trường hợp tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng Trái Phiếu được phép phát hành thì Tổ Chức Phát Hành phải phân phối hết số Trái Phiếu được phép phát hành cho Nhà Đầu Tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng Nhà Đầu Tư. Trường hợp tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký mua bằng hoặc nhỏ hơn số lượng Trái Phiếu được phép phát hành thì Tổ Chức Phát Hành sẽ phân phối cho mỗi Nhà Đầu Tư số lượng Trái Phiếu bằng 100% số lượng Trái Phiếu mà Nhà Đầu Tư đó đăng ký mua. Để tránh hiểu nhầm, việc đăng ký mua Trái Phiếu chỉ được coi là hoàn thành khi tiền mua Trái Phiếu được chuyển vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành nêu tại Điều Khoản 18. Trong trường hợp Nhà Đầu Tư đã đăng ký nhưng không hoàn thành việc thanh toán tiền mua trong thời gian do Tổ Chức Phát Hành quy định thì việc đăng ký coi như không còn giá trị.

(e) Phương thức chuyển giao Trái Phiếu:

Trong vòng tối đa 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc kể từ ngày kết thúc đợt chào bán Trái Phiếu, Nhà Đầu Tư sẽ nhận Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu tại Tổ Chức Phát Hành hoặc chi nhánh/phòng giao dịch của Tổ Chức Phát Hành.

(f) Quyền lợi người mua Trái Phiếu:

Nhà Đầu Tư đã đăng ký và thanh toán thành công tiền mua Trái Phiếu sẽ được ghi tên trong Sổ Đăng Ký Trái Phiếu với tư cách là Người Sở Hữu Trái Phiếu, được Tổ Chức Phát Hành chuyển giao Trái Phiếu theo quy định trên đây và được hưởng các quyền và lợi ích của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu.

(g) Số lượng Trái Phiếu đặt mua tối thiểu:

05 (Năm) Trái Phiếu, tương đương 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng. Để tránh nhầm lẫn, Nhà Đầu Tư chỉ được đăng ký mua số lượng Trái Phiếu chẵn đến hàng đơn vị.

(h) Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua Trái Phiếu: trong trường hợp số lượng Trái Phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu hoặc nộp thừa tiền mua Trái Phiếu hoặc tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký đặt mua vượt quá số lượng Trái Phiếu chào bán:

- Thời gian: Trong vòng 05 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tài Khoản Phong Tỏa Nhận Tiền Mua Trái Phiếu được giải tỏa (Tài khoản phong tỏa chỉ được giải tỏa sau khi kết thúc đợt chào bán).
- Cách thức: Chuyển vào tài khoản ngân hàng của người đặt mua Trái Phiếu theo thông tin tại Giấy Đề Nghị Đăng Ký Mua Trái Phiếu.

17. Lịch Trình Dự Kiến Phân Phối Trái Phiếu

Sau khi nhận được Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Tổ Chức Phát Hành sẽ tiến hành phân phối các Trái Phiếu thành 03 đợt, dự kiến thời gian phát hành từng đợt như sau:

Đợt 1: dự kiến Quý I & Quý II/2022.

Đợt 2: dự kiến Quý II & Quý III/2022.

Đợt 3: dự kiến Quý II & Quý III/2022.

Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu của mỗi đợt như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Tổ Chức Phát Hành nhận Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	T_1
2	Tổ Chức Phát Hành công bố thông tin về đợt chào bán	$T_1 + 1$ đến $T_1 + 5$
3	Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối Trái Phiếu: Nhà Đầu Tư đăng ký mua và nộp tiền mua Trái Phiếu	$T_1 + 1$ đến $T_1 + 21$
4	Tổ Chức Phát Hành kết thúc nhận đăng ký mua và nộp tiền mua Trái Phiếu	$T_1 + 22$
5	Tổ Chức Phát Hành báo cáo kết quả chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin về kết quả chào bán	$T_1 + 23$ đến $T_1 + 33$
6	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành công văn chấp thuận kết quả chào bán	$T_1 + 36$
7	Tổ Chức Phát Hành giải tỏa tiền từ Tài Khoản Phong Tỏa	$T_1 + 37$

Ghi chú:

- Thời gian phân phối cụ thể của từng đợt chào bán Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành công bố chi tiết trong Bản Thông Báo Phát Hành của mỗi đợt chào bán;
- Thời hạn phân phối Trái Phiếu ("**Thời Hạn Phân Phối Trái Phiếu**"): theo quy định của pháp luật.

hiện hành và được quy định tại Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Tổ Chức Phát Hành; và

- Đợt chào bán sau chỉ được thực hiện sau khi Tổ Chức Phát Hành kết thúc đợt chào bán trước và gửi hồ sơ báo cáo kết quả đợt chào bán trước cho Ủy ban Chứng khoán theo quy định của pháp luật. Khoảng cách giữa đợt chào bán sau với đợt chào bán trước không quá 12 (mười hai) tháng.

18. Tài Khoản Phong Tỏa Nhận Tiền Mua Trái Phiếu

Số tài khoản: 1021511768.

Tên chủ tài khoản: Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín.

Mở tại: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Tây.

19. Ý Kiến Của Cơ Quan Có Thẩm Quyền Về Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng Của Tổ Chức Phát Hành

Ngày 31/03/2021, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 01/2021/TT-NHNN quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 17/05/2021. Theo đó, Thông tư số 01/2021/TT-NHNN không quy định phương án phát hành trái phiếu ra công chúng của Tổ chức tín dụng phải có chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước.

20. Các Loại Thuế Có Liên Quan

20.1. Các loại thuế có liên quan

Phần trình bày về thuế này dựa trên các quy định hiện hành tại ngày phát hành Bản Cáo Bạch và phụ thuộc vào bất kỳ thay đổi về luật nào có thể có hiệu lực hồi tố được ban hành sau ngày phát hành Bản Cáo Bạch. Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với tất cả các nhà đầu tư, một số nhà đầu tư (như người môi giới chứng khoán) phải tuân theo các quy định riêng. Các quy định và mức thuế nêu dưới đây dựa theo pháp luật hiện hành và có thể thay đổi theo từng thời kỳ.

(a) Thuế thu nhập cá nhân

Thu nhập từ lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu của cá nhân được xem là thu nhập chịu thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC và sẽ được khấu trừ với mức thuế như sau:

- Thu nhập từ lãi Trái Phiếu được xem là thu nhập đầu tư vốn. Thuế suất Thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ đầu tư vốn là 5%;
- Thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu được xem là khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn (chứng khoán). Thuế suất Thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ chuyển nhượng vốn là 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

(b) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của Pháp luật Việt Nam và các tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài (tổ chức nước ngoài) đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai và nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí theo

hướng dẫn tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các tổ chức nước ngoài không đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai Thuế thu nhập Doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí sẽ được khấu trừ và nộp Thuế thu nhập Doanh nghiệp trên thu nhập từ lãi thu được từ Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu theo quy định tại Thông tư 103/2014/TT-BTC với mức thuế suất áp dụng như sau:

- Mức thuế suất áp dụng đối với tiền lãi từ Trái Phiếu là 5%;
- Mức thuế suất áp dụng đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu là 0,1% trên tổng doanh thu chuyển nhượng Trái Phiếu tại thời điểm chuyển nhượng.

(c) Thuế Giá trị Gia tăng

Theo các quy định tại Thông tư 219/2013/TT-BTC, lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu thuộc đối tượng không chịu thuế Giá trị Gia tăng.

20.2. Khấu trừ Thuế

Các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán sau khi đã khấu trừ bất kỳ loại thuế, phí hoặc bất cứ loại lệ phí nào ("**Thuế**") do bất kỳ cơ quan có thẩm quyền, hoặc bất kỳ cơ quan nào của Chính phủ Việt Nam có quyền ban hành hoặc áp dụng thuế. Để làm rõ, khoản tiền mà Tổ Chức Phát Hành thanh toán theo Trái Phiếu sẽ là khoản tiền còn lại sau khi đã khấu trừ Thuế và Tổ Chức Phát Hành không phải thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào để bù đắp cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

Chi phí hành chính liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc Trung Tâm Lưu Ký (tùy từng trường hợp áp dụng) ấn định khi Trái Phiếu được Chuyển Quyền Sở Hữu, theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ thị trường.

21. Thông Tin Về Các Cam Kết

Tổ Chức Phát Hành cam kết thực hiện các nghĩa vụ đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

Tổ Chức Phát Hành cam kết hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết Trái phiếu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán trái phiếu theo đúng quy định của pháp luật. Khối lượng trái phiếu, thời gian đăng ký, niêm yết và các điều kiện cụ thể khác sẽ được thực hiện theo nghị quyết của HĐQT của Tổ Chức Phát Hành.

VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Để tăng quy mô vốn cấp 2 của VietBank, tạo thêm nguồn vốn trung và dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn của nhóm Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức, đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

- Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu sẽ được sử dụng để tăng quy mô vốn cấp 2 của VietBank, tạo thêm nguồn vốn trung và dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn của nhóm Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức, chi tiết sử dụng như sau:

STT	Mục đích sử dụng	Đợt 1 (tỷ VND)	Đợt 2 (tỷ VND)	Đợt 3 (tỷ VND)
1	Tăng vốn cấp 2			
	+ Hoạt động cho vay trung - dài hạn dành cho Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức	1.000	1.000	1.000
	+ Hoạt động đầu tư	-	-	-
	+ Hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành	-	-	-
2	Tăng quy mô vốn khác			
	+ Hoạt động cho vay	-	-	-
	+ Hoạt động đầu tư	-	-	-
	+ Hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành	-	-	-

Số tiền thực tế giải ngân đối với từng lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh trong từng Đợt Phát Hành phụ thuộc vào khối lượng Trái phiếu phát hành thành công và tiến độ cho vay nền kinh tế.

- Kế hoạch trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán:
 - Thanh toán lãi trái phiếu: lãi thu được từ các lĩnh vực mà VietBank dự kiến giải ngân từ nguồn vốn phát hành trái phiếu và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ hết đi chi phí sẽ được sử dụng để thanh toán lãi trái phiếu cho các nhà đầu tư với điều kiện việc thanh toán không dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm của VietBank bị lỗ;
 - Thanh toán gốc trái phiếu: VietBank sẽ sử dụng nguồn tiền từ (i) huy động vốn từ nền kinh tế, (ii) lợi nhuận kinh doanh của VietBank và/hoặc (iii) các nguồn khác để thanh toán gốc trái phiếu tại thời điểm đáo hạn hoặc mua lại trái phiếu trước hạn.

IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

22. Các đối tác liên quan tới đợt chào bán

TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH CHÍNH: Không có

TỔ CHỨC ĐỒNG BẢO LÃNH PHÁT HÀNH: Không có

ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI: Không có

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ kiểm toán năm 2019, 2020:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Trụ sở chính : Lầu 28, Tòa nhà Bitexco Financial Tower, Số 2 Hải Triều, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 3824 5252 Fax: (028) 3824 5250

Website : <https://www.ev.com/>

Đôi với Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ kiểm toán năm 2021:

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Trụ sở chính : Lầu 10, Tòa nhà Sunwah, Số 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 3821 9266 Fax: (028) 3821 9267

Website : <https://www.kpmg.com/>

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (HDS)

Trụ sở chính : Lầu 3B và 9, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : (028) 6283 6888 Fax: (028) 6283 8666

Website : <https://www.hdbs.vn/>

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ, LƯU KÝ:

Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (HDS)

Trụ sở chính : Lầu 3B và 9, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : (028) 6283 6888 Fax: (028) 6283 8666

Website : <https://www.hdbs.vn/>

ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU:

Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (HDS)

Trụ sở chính : Lầu 3B và 9, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : (028) 6283 6888 Fax: (028) 6283 8666

Website : <https://www.hdbs.vn/>

23. Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán (nếu có) (nếu kinh nghiệm của chuyên gia trong lĩnh vực liên quan).

Không có

X. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ (nếu có)

Không có.

XI. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN

Sóc Trăng, ngày 18 tháng 06 năm 2022

Đại diện Tổ Chức Phát hành
NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ


Dương Nhật Nguyên

QUYỀN TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Trung

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đinh Nguyễn Hải Linh

Đại diện Tổ Chức Tư Vấn
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HD

TỔNG GIÁM ĐỐC


Dương Thế Quang



PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép Thành lập và Hoạt động của VietBank.
2. Phụ lục II:
 - Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/10/2021 của Đại hội đồng Cổ đông VietBank thông qua Phương án phát hành ra công chúng, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (VietBank) năm 2021 và Phương án niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán.
 - Nghị quyết số 92/2021/NQ-HĐQT ngày 24/11/2021 của Hội đồng Quản Trị VietBank sửa đổi một số nội dung tại Phương án phát hành ra công chúng, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (VietBank) năm 2021 đã được ĐHĐCĐ thông qua theo Nghị quyết 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/10/2021.
 - Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐQT ngày 14/03/2022 của Hội đồng Quản Trị VietBank sửa đổi một số nội dung tại Phương án phát hành ra công chúng, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (VietBank) năm 2022 đã được HĐQT thông qua theo Nghị quyết số 92/2021/NQ-HĐQT ngày 24/11/2021.
 - Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2022 của Đại hội đồng Cổ đông VietBank thông qua việc tiếp tục triển khai chào bán trái phiếu ra công chúng.
3. Phụ lục III: Điều lệ của VietBank.
4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã kiểm toán năm 2020, Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã kiểm toán năm 2021, Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất quyết toán Quý I năm 2022.
5. Phụ lục V: Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với Nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư và các điều kiện khác.
6. Phụ lục VI: Hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu giữa Tổ Chức Phát Hành với Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.
7. Các tài liệu khác liên quan đến đợt chào bán (nếu có).

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 2200269805

Đăng ký lần đầu: ngày 12 tháng 01 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 27, ngày 09 tháng 05 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **VIETNAM THƯƠNG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK**

Tên công ty viết tắt: **VIETBANK**

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

Điện thoại: *(0299) 3621454*

Fax: *(0299) 3621858*

Email: *vietbank@vietbank.com.vn*

Website: *www.vietbank.com.vn*

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 4.776.826.690.000 đồng.

Bằng chữ: Bốn nghìn bảy trăm bảy mươi sáu tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 477.682.669

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: **DƯƠNG NHẤT NGUYỄN**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: **Chủ tịch hội đồng quản trị**

Sinh ngày: *21/10/1983*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *051083009999*

Ngày cấp: *24/04/2022*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *284/25/17-19 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *39 Tú Xương, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2391 / QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Về việc khôi phục lại hoạt động của
Ngân hàng TMCP nông thôn Phú Tâm



THÔNG ĐỌC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 10/2003/QH11 ngày 17/6/2003;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 20/2004/QH11 ngày 15/6/2004;

Căn cứ Nghị định số 52/2003/NĐ-CP ngày 19/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 49/2000/NĐ-CP ngày 12/9/2000 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng thương mại;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 426/VPCP-KTTH ngày 30/5/2006;

Căn cứ ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại văn bản số 1034/CTUBND-HC ngày 1/8/2006;

Xét đề nghị của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Sóc Trăng tại Tờ trình số 134/NHNN-STR2 ngày 14/11/2006 và hồ sơ kèm theo của Ban trụ bị khôi phục Ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn Phú Tâm về việc xin cấp lại giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn Phú Tâm với tên gọi mới là Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương tín;

Theo đề nghị của Vụ Trưởng Vụ các Ngân hàng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng,

QUYẾT ĐỊNH:

Chứng thực sao đúng với bản chính

Số chứng thực 38207

Quyển số TP/CC-SGT/SGT

Ngày 20/12/2006

PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯƠNG NGUYỄN CỤ TRINH

Điều 1.

Cho phép khôi phục lại hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn Phú Tâm với tên gọi mới và các nội dung cụ thể như sau:



Nguyễn Thanh Bình

đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trước khi tiến hành khai trương hoạt động.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng, Vụ Trưởng Vụ Các Ngân hàng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Sóc Trăng, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương tín chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 5,
- Ban lãnh đạo NHNN,
- Thanh tra NHNN,
- Vụ Pháp chế,
- Lưu VP, Vụ CNH.

THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC



ĐẶNG THANH BÌNH



Số: 2399 / QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp giấy phép hoạt động cho
Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín

THÔNG ĐỌC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 10/2003/QH11 ngày 17/6/2003;

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng số 20/2004/QH11 ngày 15/6/2004;

Căn cứ Nghị định số 52/2003/NĐ-CP ngày 19/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 49/2000/NĐ-CP ngày 12/9/2000 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng thương mại;

Căn cứ Quyết định số 2391/QĐ-NHNN ngày 14/12/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc khôi phục lại hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn Phú Tâm tỉnh Sóc Trăng;

Theo đề nghị của Vụ Trưởng Vụ các Ngân hàng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy phép hoạt động cho tổ chức tín dụng dưới đây:

1. Tên ngân hàng:

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương
tín

Tên viết tắt bằng tiếng Việt: Ngân hàng Việt Nam Thương tín

Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: VietNam Thuong tin Commercial Joint Stock Bank

Tên viết tắt bằng tiếng Anh: Vietbank

2. Địa điểm đặt trụ sở chính: 35 Trần Hưng Đạo, thị xã Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

3. Địa bàn hoạt động: Tỉnh Sóc Trăng.

4. Thời gian hoạt động: 50 (năm mươi) năm.

5. Vốn điều lệ ban đầu: 200.000.000.000 đồng (hai trăm tỷ đồng)

6. Nội dung hoạt động:

- Nhận tiền gửi của tổ chức, cá nhân và của các tổ chức tín dụng khác.
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- Tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư của các tổ chức trong nước.
- Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại Việt Nam.
- Cho vay tổ chức, cá nhân.
- Chiết khấu hối phiếu đòi nợ và hối phiếu nhận nợ, trái phiếu theo quy định của pháp luật.
- Cung ứng dịch vụ thanh toán cho khách hàng.

Điều 2. Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương tín có trách nhiệm:

1- Thực hiện việc sử dụng giấy phép, đăng ký, đăng báo và các quy định khác về việc cấp giấy phép theo quy định của pháp luật;

2- Thực hiện việc tổ chức và hoạt động ngân hàng theo đúng các qui định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương tín.

Điều 3. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Sóc Trăng có trách nhiệm hướng dẫn, giám sát, kiểm tra Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương tín triển khai các công việc sau khi được cấp phép theo đúng quy định của Luật pháp và quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng, Vụ Trưởng Vụ Các Ngân hàng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Sóc Trăng, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương tín chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 5,
- Ban lãnh đạo NHNN
- Lưu VP, Vụ CNH.

THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC



ĐẶNG THANH BÌNH


Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
 - Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010;
 - Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng (TCTD) được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam Khóa XII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 16/06/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các TCTD số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
 - Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank);
 - Căn cứ nội dung và kết quả kiểm phiếu của Hội đồng quản trị tại phiên họp ngày 05/10/2021;
- Đại hội đồng cổ đông Vietbank nhất trí:

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông qua Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng (đính kèm Nghị quyết này) và việc niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán.
2. Thông qua việc ủy quyền/giao Hội đồng quản trị/ Thường trực HĐQT quyết định các vấn đề liên quan đến từng đợt phát hành cụ thể, bao gồm nhưng không giới hạn số đợt phát hành; lãi suất từng đợt phát hành; lựa chọn công ty chứng khoán thực hiện dịch vụ có liên quan (tư vấn phát hành, đại lý phát hành, lưu ký, thanh toán, chuyển nhượng trái phiếu, niêm yết, ký các cam kết và các thủ tục hồ sơ niêm yết trái phiếu...) và các nội dung khác có liên quan trong phạm vi tổng giá trị phát hành đã được chấp thuận. Đồng thời, chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai chi tiết Phương án nêu trên theo Quy định của Pháp luật và báo cáo kết quả thực hiện cho Đại hội đồng cổ đông ở kỳ họp gần nhất.

Nơi nhận: 

- Cổ đông;
 - TTSGNH – NHNN;
 - NHNN Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu Thư ký HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



DƯƠNG NHẤT NGUYÊN



PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH RA CÔNG CHÚNG, PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN (VIETBANK) NĂM 2021

(V/v phát hành ra công chúng 3.000 tỷ VND Trái Phiếu Vietbank năm 2021)

Đính kèm theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/10/2021 v/v Thông qua án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng và việc niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

A. Tổng quan về Tổ Chức Phát Hành:

- Tên đầy đủ bằng Tiếng Việt : NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN.
Tên viết tắt bằng tiếng Anh : VIET NAM THUONG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK .
Tên viết tắt bằng Tiếng Anh : VIETBANK
Địa chỉ trụ sở chính : Số 47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.
Điện thoại : 0299 3886666 Fax: 0299 3615666
Vốn điều lệ : 4.776.826.690.000 đồng Việt Nam (Bốn nghìn bảy trăm bảy mươi sáu tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng Việt Nam).
Giấy phép thành lập : Số 2391/QĐ-NHNN, ngày 14/12/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
Giấy phép hoạt động : Số 2399/QĐ-NHNN, ngày 15/12/2006 do Thống đốc NHNN cấp; Và được sửa đổi, bổ sung bằng các Quyết định số 2399/QĐ-NHNN ngày 15/12/2006; 2441/QĐ-NHNN ngày 28/10/2008; Quyết định số 2499/QĐ-NHNN ngày 18/11/2011; Quyết định số 2699/QĐ-NHNN ngày 22/12/2011; Quyết định số 2126/QĐ-NHNN ngày 10/10/2017; Quyết định số 2283/QĐ-NHNN ngày 30/10/2017; Quyết định số 2114/QĐ-NHNN ngày 10/10/2019; 954/QĐ-NHNN ngày 14/05/2020.
Giấy CNDKKD : Số 2200269805 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 01/07/2021.

- Các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh của Ngân hàng cụ thể như sau:

STT	Các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh
1.	Hoạt động huy động vốn - Nhận tiền gửi của các tổ chức, cá nhân và các tổ chức tín dụng khác dưới các hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn và các loại tiền gửi khác. - Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác để huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước khi được Thống đốc NHNN chấp thuận. - Vay vốn của các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại Việt Nam và của tổ chức tín dụng



STT	Các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh
	nước ngoài.
	- Vay vốn ngắn hạn của NHNN theo quy định của pháp luật Việt Nam.
	- Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của NHNN.
2.	Hoạt động tín dụng Cấp tín dụng cho tổ chức, cá nhân dưới các hình thức cho vay, chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá khác, bảo lãnh, cho thuê tài chính và các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của NHNN.
3.	Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ - Cung ứng các phương tiện thanh toán. - Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước cho khách hàng. - Thực hiện các dịch vụ thu hộ, chi hộ. - Thực hiện các dịch vụ thanh toán khác theo quy định của NHNN. - Thực hiện các dịch vụ thanh toán quốc tế theo quy định của pháp luật - Thực hiện dịch vụ thu và chi tiền mặt cho khách hàng. - Tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng trong nước. Việc tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế phải được NHNN chấp thuận.
4.	Các hoạt động khác - Góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật. - Tham gia thị trường tiền tệ theo quy định của NHNN. - Trực tiếp kinh doanh hoặc thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có để kinh doanh ngoại hối và vàng trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế khi được NHNN chấp thuận. - Ủy thác, nhận ủy thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kể cả việc quản lý tài sản, vốn đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng ủy thác, đại lý. - Cung ứng dịch vụ bảo hiểm, thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có hoặc liên doanh để kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật. - Tư vấn tài chính, tiền tệ cho khách hàng dưới hình thức trực tiếp tư vấn cho khách hàng hoặc thành lập công ty trực thuộc theo quy định của pháp luật. - Bảo quản hiện vật quý, giấy tờ có giá, cho thuê tủ két, cầm đồ và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật. - Trực tiếp kinh doanh hoặc thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có để thực hiện các hoạt động kinh doanh khác có liên quan đến hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật.

STT	Các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh
5.	Kinh doanh trái phiếu và các giấy tờ có giá khác:
	- Mua, bán trái phiếu và giấy tờ có giá khác.
	- Tham gia giao dịch trái phiếu và các giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ.
	- Các hoạt động kinh doanh trái phiếu, giấy tờ có giá khác phù hợp với quy định pháp luật.
6	- Hoạt động kinh doanh, mua bán vàng miếng.
7	- Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong các lĩnh vực có liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.
	- Dịch vụ môi giới tiền tệ.
	- Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua bán, hợp nhất sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
	- Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.
8	- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do NHNN quy định.
9	- Đầu tư hợp đồng tương lai Trái phiếu Chính phủ theo quy định của pháp luật và NHNN Việt Nam

- Kết quả kinh doanh 03 năm gần nhất của Vietbank:

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2019	31/12/2018
Tổng tài sản (tỷ đồng)	91.505	68.928	51.672
Tổng thu nhập hoạt động (tỷ đồng)	1.681	1.744	1.353
Tổng chi phí hoạt động (tỷ đồng)	1.253	1.077	873
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng rủi ro tín dụng (tỷ đồng)	48	54	79
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	5.278	5.018	4.105
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu (lần)	16	13	11
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	300	486	322
LNTT/VCSH bình quân (%)	5,82	10,21	8,97
Số lượng CN/PGD (CN, PGD)	1 trụ sở chính, 25 CN, 93 PGD	1 trụ sở chính, 20 CN, 93 PGD	1 trụ sở chính, 15 CN, 80 PGD
Số lượng nhân viên (người)	2.512	2.300	1.921

B. Phương án phát hành Trái Phiếu

1. Cơ sở pháp lý:

- Luật Các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010; Luật số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội ngày 17/06/2020 ("Luật Doanh nghiệp");
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 của Quốc hội ngày 26/11/2019 ("Luật Chứng khoán");
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ("NĐ155/2020");
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16/11/2020 Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ("TT96/2020");
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 Hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng ("TT118/2020");
- Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("TT41/2016");
- Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("TT22/2019"); Thông tư 08/2020/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2019/TT-NHNN;
- Thông tư 01/2021/TT-NHNN ngày 31/03/2021 của NHNN quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("TT01/2021");
- Các văn bản pháp luật sửa đổi/thay thế các văn bản trên trong từng thời kỳ;
- Các văn bản pháp luật có liên quan khác;
- Căn cứ kế hoạch kinh doanh và nhu cầu huy động và sử dụng vốn của Vietbank trong năm 2021.

2. Đánh giá điều kiện phát hành Trái Phiếu

Vietbank đáp ứng đủ các điều kiện phát hành Trái Phiếu theo quy định tại Luật Chứng khoán và NĐ155/2020 và các văn bản pháp luật sửa đổi/thay thế các văn bản trên trong từng thời kỳ, cụ thể:

- Vietbank là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam. Tài liệu chứng minh là Giấy phép thành lập Số 2391/QĐ-NHNN ngày 14/12/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Giấy phép hoạt động;
- Có mức vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký chào bán từ 30 tỷ đồng trở lên tính theo giá trị ghi trên sổ kế toán: Vốn điều lệ của Vietbank tại thời điểm đăng ký chào bán là 4.776.826.690.000 đồng. Tài liệu chứng minh là Giấy CNĐKKD số 2200269805 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 01/07/2021.
- Hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán; không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 năm. Tài liệu chứng minh là cam kết hoàn tất nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành;

- Có phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua. Tài liệu chứng minh sẽ là Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Vietbank thông qua Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ngân hàng Vietbank;
- Có cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác. Tài liệu chứng minh là Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư;
- Có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng. Tài liệu chứng minh là Hợp đồng tư vấn ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành và tổ chức tư vấn;
- Tổ Chức Phát Hành (Vietbank) không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
- Tổ Chức Phát Hành phải mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu của đợt chào bán theo quy định của pháp luật.
- Tổ Chức Phát Hành cam kết thực hiện niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán. Tài liệu chứng minh là Văn bản cam kết của Hội đồng quản trị về việc triển khai niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán.
- Đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Tài liệu chứng minh là Báo cáo Công bố thông tin tỷ lệ an toàn vốn của Tổ Chức Phát Hành tại ngày 31/12/2020.

3. Trái Phiếu phát hành (Sau đây gọi là "Trái Phiếu")

<i>a.</i>	Tổ Chức Phát Hành	: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank)
<i>b.</i>	Loại hình doanh nghiệp	: Tổ chức tín dụng (Công ty cổ phần)
<i>c.</i>	Trụ sở chính	: Số 47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam
<i>d.</i>	Giấy ĐKKD	: Số 2200269805 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 01/07/2021.
<i>e.</i>	Tên gọi Trái Phiếu	: Trái Phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
<i>f.</i>	Đồng tiền phát hành và thanh toán	: Đồng Việt Nam (VND)
<i>g.</i>	Mệnh giá	: Mệnh giá là mười triệu (10.000.000 VND) đồng.
<i>h.</i>	Loại Trái Phiếu	: Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được đảm bảo bằng tài sản của Tổ Chức Phát Hành, thoả mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 theo các quy định hiện hành của pháp luật.

i.	Tổng mệnh giá phát hành tối đa dự kiến	: 3.000.000.000.000 VND (Ba nghìn tỷ đồng).
j.	Thời gian phát hành	: Dự kiến Trong Quý III, IV năm 2021, sau khi nhận được văn bản chấp thuận chào bán trái phiếu phát hành ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
k.	Đối tượng mua Trái Phiếu	- Đối tượng mua giấy tờ có giá là các tổ chức (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài), cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài (<i>theo quy định tại Điều 4 TT01/2021</i>)
l.	Địa điểm phát hành	: Hội sở, các Trung tâm kinh doanh của Vietbank, và/hoặc các đại lý phát hành Trái Phiếu cho Vietbank.
m.	Phương thức phát hành	: Phát hành ra công chúng, thông qua phương thức trực tiếp phát hành và/hoặc các phương thức phát hành khác
n.	Hình thức phát hành	: Trái Phiếu định danh được phát hành ra công chúng theo hình thức bút toán ghi sổ.
o.	Kỳ hạn của Trái Phiếu	: Từ 06 đến 10 năm Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT Vietbank cân đối kỳ hạn phát hành Trái phiếu theo từng đợt.
p.	Lãi suất trái phiếu hoặc nguyên tắc xác định lãi suất trái phiếu	: Lãi suất cố định; Lãi suất thả nổi; hoặc kết hợp giữa Lãi suất cố định và Lãi suất thả nổi. Lãi suất thả nổi được xác định bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau bằng VND ("Lãi suất tham chiếu") được công bố tại Ngày xác định lãi suất trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 Ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TPCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cộng biên độ. Tổ Chức Phát Hành sẽ quyết định phương thức xác định và mức lãi suất Trái phiếu phù hợp tùy vào điều kiện thị trường tại thời điểm phát hành Trái phiếu, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành trong từng thời kỳ. Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT Vietbank cân đối và quyết định lãi suất phát hành Trái phiếu theo từng đợt.
q.	Số đợt phát hành	: Dự kiến 02 đợt phát hành Đợt phát hành kéo tối thiểu 20 ngày, tối đa 90 ngày theo quy định pháp luật. Khoảng cách giữa đợt chào bán sau với đợt chào bán trước không quá 12 tháng. Trường hợp đợt phát hành trước chưa chào bán hết khối lượng sẽ chuyển sang đợt phát hành sau;

r.	<i>Phương thức trả lãi và gốc</i>	<p>: Tiền gốc Trái Phiếu sẽ được thanh toán theo mệnh giá Trái Phiếu vào Ngày Đáo Hạn của Trái Phiếu hoặc Ngày Đến Hạn khác để thực hiện mua lại Trái Phiếu trước hạn.</p> <p>Tiền lãi Trái Phiếu được trả sau, dự kiến định kỳ 01 (một) năm một lần.</p> <p>Ngân hàng được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ</p>
s.	<i>Tổ chức tư vấn phát hành</i>	Tổ chức được phép cung cấp dịch vụ tư vấn phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành trong từng thời kỳ, được Tổ Chức Phát Hành lựa chọn.
t.	<i>Đại lý đăng ký, lưu ký, thanh toán và quản lý chuyển quyền sở hữu (nếu có)</i>	Tổ chức được phép cung cấp dịch vụ đại lý đăng ký, lưu ký, thanh toán và quản lý chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật hiện hành trong từng thời kỳ, được Tổ Chức Phát Hành lựa chọn.
u.	<i>Đại lý phát hành (nếu có)</i>	Tổ chức được phép cung cấp dịch vụ đại lý phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành trong từng thời kỳ, được Tổ Chức Phát Hành lựa chọn.
v.	<i>Cam kết công bố thông tin</i>	Vietbank cam kết thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo Quy định của Pháp luật có liên quan về phát hành Trái Phiếu doanh nghiệp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung và tính chính xác của thông tin công bố.
w.	<i>Cam kết niêm yết Trái phiếu</i>	Tổ chức phát hành cam kết thực hiện niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán theo quy định của Pháp luật
x.	<i>Quy định liên quan:</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức phát hành được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị thua lỗ. - Trong thời hạn lưu hành của Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác. - Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành, Trái phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp. Trong trường hợp Tổ chức phát hành thanh lý, phá sản, Người sở hữu Trái phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ chức phát hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác (không phải là chủ nợ thứ cấp). Các Trái phiếu phát hành cùng một Đợt phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái phiếu nào.

		<ul style="list-style-type: none"> - Tổ Chức Phát Hành không nhận chiết khấu Trái Phiếu hoặc mua bán có kỳ hạn Trái Phiếu hoặc tham gia các giao dịch khác với Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan Trái Phiếu mà có hiệu lực như một giao dịch mua lại trước hạn Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành trừ trường hợp mua lại trước hạn theo điều khoản mua lại trước hạn. - Người Sở Hữu Trái Phiếu được tự do Chuyển Quyền sở hữu đối với toàn bộ Trái Phiếu của mình sở hữu và sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm, cầm cố, chiết khấu, cho, tặng, để thừa kế, mua bán có kỳ hạn hoặc tham gia các giao dịch dân sự, thương mại khác phù hợp với quy định của pháp luật. - Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể cầm cố Trái Phiếu tại các tổ chức tín dụng theo quy định hiện hành của pháp luật nếu tổ chức tín dụng đó chấp thuận. Người Sở Hữu Trái Phiếu được sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm tại Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật và quy định của Tổ Chức Phát Hành. - Tuỳ theo tình hình của thị trường và quyết định của Tổ Chức Phát Hành, Trái phiếu có thể kèm theo quyền mua lại trước hạn của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc quyền bán lại trước hạn của Người Sở Hữu Trái Phiếu. - Trái Phiếu phải được bảo quản cẩn thận, không tẩy xóa, sửa chữa, làm rách, nhàu nát. Trái Phiếu bị sửa chữa, tẩy xóa sẽ không có giá trị thanh toán. Khi mất, hỏng Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu thông báo ngay bằng văn bản cho Vietbank. Nếu không thông báo kịp thời, mọi rủi ro phát sinh, Vietbank sẽ không đảm bảo điều kiện thanh toán theo quy định. - Khi nhận Trái Phiếu, Nhà Đầu Tư mặc nhiên đã đọc, hiểu đầy đủ, chính xác và cam kết sẽ tuân thủ theo quy định của đợt phát hành Trái Phiếu và quy định về phát hành Trái Phiếu trong nước của Vietbank. - Các quyền và nghĩa vụ khác quy định cụ thể trong Bản công bố thông tin của Tổ Chức Phát Hành và tuân thủ quy định Pháp luật Việt Nam.
y.	<p><i>Các điều khoản, điều kiện khác của Trái Phiếu</i></p>	<p>Các điều khoản, điều kiện khác của Trái Phiếu phù hợp với quy định của Pháp luật và được quy định cụ thể trong Bản Công Bố Thông Tin phát hành Trái Phiếu.</p>

Hội đồng quản trị (theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông) được quyền quyết định các vấn đề liên quan tới nội dung của Trái phiếu với mục đích mang lại lợi ích cao nhất cho Vietbank.

C. Phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái phiếu:

1. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu

Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu năm 2021 sẽ được Vietbank sử dụng tăng quy mô hoạt động và cho vay, chi tiết như sau:

	Mục đích sử dụng	Kế hoạch (tỷ VND)
1	Tăng vốn cấp 2	
	+ Hoạt động cho vay	3.000
	+ Hoạt động đầu tư	
	+ Hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành	
2	Tăng quy mô vốn khác	
	+ Hoạt động cho vay	
	+ Hoạt động đầu tư	
	+ Hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành	

Số tiền thực tế giải ngân đối với từng lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh trong từng Đợt Phát Hành phụ thuộc vào khối lượng Trái phiếu phát hành thành công và tiến độ cho vay nền kinh tế.

2. Phương án thanh toán gốc và lãi trái phiếu

Nguồn thanh toán gốc và lãi trái phiếu được lấy từ các nguồn chính sau:

- **Thanh toán lãi trái phiếu:** lãi thu được từ các lĩnh vực mà Vietbank dự kiến giải ngân từ nguồn vốn phát hành trái phiếu và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ hết đi chi phí sẽ được sử dụng để thanh toán lãi trái phiếu cho các nhà đầu tư với điều kiện việc thanh toán không dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm của Vietbank bị lỗ.
- **Thanh toán gốc trái phiếu:** Vietbank sẽ sử dụng nguồn tiền từ (i) huy động vốn từ nền kinh tế, (ii) lợi nhuận kinh doanh của Vietbank và/hoặc (iii) các nguồn khác để thanh toán gốc trái phiếu tại thời điểm đáo hạn hoặc mua lại trái phiếu trước hạn.

Sóc Trăng, ngày 24 tháng 11 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16/06/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín (Vietbank);
- Căn cứ Quy chế về Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Vietbank;
- Căn cứ Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/10/2021 của Đại hội đồng cổ đông;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT ngày 24/11/2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng quản trị nhất trí nội dung sau:

1. Thông qua nội dung tại Tờ trình số 345/2021/TT-TGD ngày 18/11/2021 của Quyền Tổng giám đốc về việc điều chỉnh nội dung trong phương án phát hành và chào bán trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín năm 2021 theo phương thức phát hành ra công chúng đợt 1. Theo đó, Hội đồng quản trị thông qua:
 - a. Sửa đổi một số nội dung tại Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng đã được ĐHĐCĐ thông qua theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ như sau:

STT	Mục/tên nội dung	Nội dung theo Phương án đã được thông qua tại Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/10/2021	Nội dung điều chỉnh
1	j. Thời gian phát hành	Dự kiến Trong Quý III, IV năm 2021, sau khi nhận được văn bản chấp thuận chào bán trái phiếu phát hành ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.	Dự kiến trong Quý IV năm 2021, Quý I & Quý II năm 2022, sau khi nhận được văn bản chấp thuận chào bán trái phiếu phát hành ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
2	q. Số đợt phát hành	Dự kiến 02 đợt phát hành	Dự kiến 03 đợt phát hành. Đợt phát hành kéo dài tới



STT	Mục/tên nội dung	Nội dung theo Phương án đã được thông qua tại Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/10/2021	Nội dung điều chỉnh
		Đợt phát hành kéo tối thiểu 20 ngày, tối đa 90 ngày theo quy định pháp luật. Khoảng cách giữa đợt chào bán sau với đợt chào bán trước không quá 12 tháng. Trường hợp đợt phát hành trước chưa chào bán hết khối lượng sẽ chuyển sang đợt phát hành sau.	thiểu 20 ngày, tối đa 90 ngày theo quy định của pháp luật. Khoảng cách giữa đợt chào bán sau với đợt chào bán trước không quá 12 tháng. Trường hợp đợt phát hành trước chưa chào bán hết khối lượng sẽ chuyển sang đợt phát hành sau.

Đồng thời thống nhất ban hành Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng (sửa đổi) trên cơ sở Phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ có cập nhật các nội dung điều chỉnh như trên (Chi tiết đính kèm Nghị quyết này).

b. Phương án phát hành trái phiếu ra công chúng đợt 1 theo lãi suất thả nổi với các thông tin chi tiết như sau:

1.	Tên trái phiếu	Trái phiếu phát hành ra công chúng của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín ("Trái phiếu")
2.	Loại trái phiếu	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được đảm bảo bằng tài sản của Vietbank, thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Vietbank theo quy định hiện hành của pháp luật.
3.	Mục đích phát hành	Để tăng quy mô vốn cấp 2 của Vietbank, tạo thêm nguồn vốn trung và dài hạn để cho vay đáp ứng nhu cầu của Khách hàng, đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà Nước.
4.	Mệnh giá	Mệnh giá 01 Trái phiếu là 10.000.000 VND (mười triệu đồng).
5.	Tổng mệnh giá chào bán đợt 1	1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng).
6.	Kỳ hạn	07 năm Vietbank có quyền mua lại từ sau 02 năm kể từ ngày phát hành.
7.	Đối tượng mua Trái phiếu	Đối tượng mua giấy tờ có giá là các tổ chức (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài), cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài (theo quy định tại

		điều 4, Thông tư 01/2021/TT-NHNN của NHNN ngày 31/03/2021 ("TT01/2021")
8.	Mã trái phiếu
9.	Lãi suất	<p>Lãi suất áp dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> Năm năm đầu: Lãi suất tham chiếu + 2,50%/năm Hai năm cuối: lãi suất tham chiếu + 3,50%/năm <p>Lãi suất tham chiếu dùng để xác định lãi suất đối với mỗi kỳ tính lãi là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 Ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam; Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Lãi suất tham chiếu được làm tròn 2 chữ số sau phần thập phân.</p> <p>Lãi suất tham chiếu được xác định theo Bản công bố thông tin chào bán.</p>
10.	Phương thức thanh toán gốc, lãi	<p>Tiền gốc Trái Phiếu sẽ được thanh toán theo mệnh giá Trái Phiếu vào Ngày Đáo Hạn của Trái Phiếu hoặc Ngày Đến Hạn khác theo quy định trong điều kiện và điều khoản của trái phiếu.</p> <p>Tiền lãi Trái phiếu: Thanh toán trả sau, 01 (một) năm 01 (một) lần định kỳ vào ngày tròn năm kể từ Ngày phát hành.</p>
11.	Thời hạn tổ chức đợt phát hành	Tối thiểu 20 ngày, tối đa không quá 90 ngày kể từ ngày công bố thông báo phát hành.
12.	Hình thức chào bán và phân phối	Bán trực tiếp cho nhà đầu tư thông qua các kênh phân phối tại Hội Sở/ TTKD của Vietbank và/ hoặc đại lý phát hành.
13.	Khối lượng đặt mua tối thiểu và tối đa	<ul style="list-style-type: none"> Khối lượng tối thiểu 1 hợp đồng: 5 trái phiếu, tương đương 50 triệu đồng; Khối lượng tối đa 1 hợp đồng: Không vượt quá số lượng trái phiếu còn lại của đợt phát hành; Tổng số nhà đầu tư: Không giới hạn.
14.	Cầm cố	Trái phiếu có thể được cầm cố/hoặc dùng làm TSDB để đảm bảo cho các nghĩa vụ tín dụng tại Vietbank cũng như tại các Tổ Chức tín dụng khác (Nếu các Tổ chức tín dụng này đồng ý).
15.	Niêm yết	Trái phiếu được niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán theo quy định của Pháp



		luật
16.	Lưu ký, quản lý chuyển nhượng	- Trái phiếu trước khi được niêm yết sẽ được lưu ký và thực hiện chuyển nhượng thông qua Đại lý Đăng ký và Lưu ký Trái phiếu; - Trái phiếu sau khi được niêm yết sẽ được lưu ký thực hiện chuyển nhượng thông qua Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD).

Các nội dung khác liên quan đến Trái phiếu phát hành: theo Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng (sửa đổi) đã được thông qua.

2. Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện các nội dung phê duyệt trên của Hội đồng quản trị theo đúng quy định pháp luật, Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ khi triển khai thực hiện.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24.1.2021.

Điều 3. Các Ông (Bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Văn phòng Hội đồng quản trị, các Khối/Trung tâm/Phòng/Ban Hội sở và các đơn vị trong toàn hệ thống Vietbank chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận: *NHT*

- Cổ đông (đăng Website Vietbank);

- Như Điều 3;


Sao kính gửi:

- Ban Kiểm soát (để biết);

Lưu Thư ký HĐQT.



DƯƠNG NHẤT NGUYÊN

**PHƯƠNG AN PHÁT HÀNH RA CÔNG CHÚNG, PHƯƠNG AN SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN (VIETBANK) NĂM 2021 (SỬA ĐỔI)**

(V/v phát hành ra công chúng 3.000 tỷ VND Trái Phiếu Vietbank năm 2021)

Đính kèm theo Nghị quyết số 32/2021/NQ-HDQT ngày 24/11/2021

A. Tổng quan về Tổ Chức Phát Hành:

- Tên đầy đủ bằng Tiếng Việt : NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN.
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh : VIET NAM THUONG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK .
- Tên viết tắt bằng Tiếng Anh : VIETBANK
- Địa chỉ trụ sở chính : Số 47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.
- Điện thoại : 0299 3886666 Fax: 0299 3615666
- Vốn điều lệ : 4.776.826.690.000 đồng Việt Nam (Bốn nghìn bảy trăm bảy mươi sáu tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng Việt Nam).
- Giấy phép thành lập : Số 2391/QĐ-NHNN, ngày 14/12/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Giấy phép hoạt động : Số 2399/QĐ-NHNN, ngày 15/12/2006 do Thống đốc NHNN cấp; Và được sửa đổi, bổ sung bằng các Quyết định số 2399/QĐ-NHNN ngày 15/12/2006; 2441/QĐ-NHNN ngày 28/10/2008; Quyết định số 2499/QĐ-NHNN ngày 18/11/2011; Quyết định số 2699/QĐ-NHNN ngày 22/12/2011; Quyết định số 2126/QĐ-NHNN ngày 10/10/2017; Quyết định số 2283/QĐ-NHNN ngày 30/10/2017; Quyết định số 2114/QĐ-NHNN ngày 10/10/2019; 954/QĐ-NHNN ngày 14/05/2020; Quyết định số 1495/QĐ-NHNN ngày 20/09/2021.
- Giấy CNDKKD : Số 2200269805 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 18/10/2021.

- Các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh của Ngân hàng cụ thể như sau:

STT	Các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh
1.	Hoạt động huy động vốn <ul style="list-style-type: none">- Nhận tiền gửi của các tổ chức, cá nhân và các tổ chức tín dụng khác dưới các hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn và các loại tiền gửi khác.- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác để huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước khi được Thống đốc NHNN chấp thuận.- Vay vốn của các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại Việt Nam và của tổ chức tín dụng nước ngoài.



STT	Các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh
	<ul style="list-style-type: none">- Vay vốn ngắn hạn của NHNN theo quy định của pháp luật Việt Nam.- Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của NHNN.
2.	Hoạt động tín dụng Cấp tín dụng cho tổ chức, cá nhân dưới các hình thức cho vay, chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá khác, bảo lãnh, cho thuê tài chính và các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của NHNN.
3.	Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ <ul style="list-style-type: none">- Cung ứng các phương tiện thanh toán.- Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước cho khách hàng.- Thực hiện các dịch vụ thu hộ, chi hộ.- Thực hiện các dịch vụ thanh toán khác theo quy định của NHNN.- Thực hiện các dịch vụ thanh toán quốc tế theo quy định của pháp luật- Thực hiện dịch vụ thu và chi tiền mặt cho khách hàng.- Tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng trong nước. Việc tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế phải được NHNN chấp thuận.
4.	Các hoạt động khác <ul style="list-style-type: none">- Góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.- Tham gia thị trường tiền tệ theo quy định của NHNN.- Trực tiếp kinh doanh hoặc thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có để kinh doanh ngoại hối và vàng trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế khi được NHNN chấp thuận.- Ủy thác, nhận ủy thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kể cả việc quản lý tài sản, vốn đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng ủy thác, đại lý.- Cung ứng dịch vụ bảo hiểm, thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có hoặc liên doanh để kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật.- Tư vấn tài chính, tiền tệ cho khách hàng dưới hình thức trực tiếp tư vấn cho khách hàng hoặc thành lập công ty trực thuộc theo quy định của pháp luật.- Bảo quản hiện vật quý, giấy tờ có giá, cho thuê tủ két, cầm đồ và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.- Trực tiếp kinh doanh hoặc thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có để thực hiện các hoạt động kinh doanh khác có liên quan đến hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật.
5.	Kinh doanh trái phiếu và các giấy tờ có giá khác:

STT	Các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh
	- Mua, bán trái phiếu và giấy tờ có giá khác.
	- Tham gia giao dịch trái phiếu và các giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ.
	- Các hoạt động kinh doanh trái phiếu, giấy tờ có giá khác phù hợp với quy định pháp luật.
6	- Hoạt động kinh doanh, mua bán vàng miếng.
7	- Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong các lĩnh vực có liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.
	- Dịch vụ môi giới tiền tệ.
	- Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua bán, hợp nhất sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
	- Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.
8	- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do NHNN quy định.
9	- Đầu tư hợp đồng tương lai Trái phiếu Chính phủ theo quy định của pháp luật và NHNN Việt Nam

- Kết quả kinh doanh 03 năm gần nhất của Vietbank:

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2019	31/12/2018
Tổng tài sản (tỷ đồng)	91.505	68.928	51.672
Tổng thu nhập hoạt động (tỷ đồng)	1.681	1.744	1.353
Tổng chi phí hoạt động (tỷ đồng)	1.253	1.077	873
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng rủi ro tín dụng (tỷ đồng)	48	54	79
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	5.278	5.018	4.105
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu (lần)	16	13	11
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	300	486	322
LNTT/VCSH bình quân (%)	5,82	10,21	8,97
Số lượng CN/PGD (CN, PGD)	1 trụ sở chính, 25 CN, 93 PGD	1 trụ sở chính, 20 CN, 93 PGD	1 trụ sở chính, 15 CN, 80 PGD
Số lượng nhân viên (người)	2.512	2.300	1.921

B. Phương án phát hành Trái Phiếu

1. Cơ sở pháp lý:

- Luật Các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010; Luật số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội ngày 17/06/2020 ("Luật Doanh nghiệp");
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 của Quốc hội ngày 26/11/2019 ("Luật Chứng khoán");
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ("NĐ155/2020");
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16/11/2020 Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ("TT96/2020");
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 Hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng ("TT118/2020");
- Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("TT41/2016");
- Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("TT22/2019"); Thông tư 08/2020/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2019/TT-NHNN;
- Thông tư 01/2021/TT-NHNN ngày 31/03/2021 của NHNN quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("TT01/2021");
- Các văn bản pháp luật sửa đổi/thay thế các văn bản trên trong từng thời kỳ;
- Các văn bản pháp luật có liên quan khác;
- Căn cứ kế hoạch kinh doanh và nhu cầu huy động và sử dụng vốn của Vietbank trong năm 2021.

2. Đánh giá điều kiện phát hành Trái Phiếu

Vietbank đáp ứng đủ các điều kiện phát hành Trái Phiếu theo quy định tại Luật Chứng khoán và NĐ155/2020 và các văn bản pháp luật sửa đổi/thay thế các văn bản trên trong từng thời kỳ, cụ thể:

- Vietbank là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam. Tài liệu chứng minh là Giấy phép thành lập Số 2391/QĐ-NHNN ngày 14/12/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Giấy phép hoạt động;
- Có mức vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký chào bán từ 30 tỷ đồng trở lên tính theo giá trị ghi trên sổ kế toán: Vốn điều lệ của Vietbank tại thời điểm đăng ký chào bán là 4.776.826.690.000 đồng. Tài liệu chứng minh là Giấy CNĐKKD số 2200269805 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 18/10/2021.
- Hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán; không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 năm. Tài liệu chứng minh là cam kết hoàn tất nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành

- Có phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua. Tài liệu chứng minh sẽ là Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Vietbank thông qua Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ngân hàng Vietbank;
- Có cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác. Tài liệu chứng minh là Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư;
- Có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng. Tài liệu chứng minh là Hợp đồng tư vấn ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành và tổ chức tư vấn;
- Tổ Chức Phát Hành (Vietbank) không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
- Tổ Chức Phát Hành phải mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu của đợt chào bán theo quy định của pháp luật.
- Tổ Chức Phát Hành cam kết thực hiện niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán. Tài liệu chứng minh là Văn bản cam kết của Hội đồng quản trị về việc triển khai niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán.
- Đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Tài liệu chứng minh là Báo cáo Công bố thông tin tỷ lệ an toàn vốn của Tổ Chức Phát Hành tại ngày 31/12/2020.

3. Trái Phiếu phát hành (Sau đây gọi là "Trái Phiếu")

a.	Tổ Chức Phát Hành	: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank)
b.	Loại hình doanh nghiệp	: Tổ chức tín dụng (Công ty cổ phần)
c.	Trụ sở chính	: Số 47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam
d.	Giấy ĐKKD	: Số 2200269805 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 18/10/2021.
e.	Tên gọi Trái Phiếu	: Trái Phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
f.	Đồng tiền phát hành và thanh toán	: Đồng Việt Nam (VND)
g.	Mệnh giá	: Mệnh giá là mười triệu (10.000.000 VND) đồng.
h.	Loại Trái Phiếu	: Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được đảm bảo bằng tài sản của Tổ Chức Phát Hành, thoả mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 theo các quy định hiện hành của pháp luật.

i.	Tổng mệnh giá phát hành tối đa dự kiến	: 3.000.000.000.000 VND (Ba nghìn tỷ đồng).
j.	Thời gian phát hành	: Dự kiến trong Quý IV năm 2021, Quý I & Quý II năm 2022, sau khi nhận được văn bản chấp thuận chào bán trái phiếu phát hành ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
k.	Đối tượng mua Trái Phiếu	- Đối tượng mua giấy tờ có giá là các tổ chức (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài), cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài (theo quy định tại Điều 4 TT01/2021)
l.	Địa điểm phát hành	: Hội sở, các Trung tâm kinh doanh của Vietbank, và/hoặc các đại lý phát hành Trái Phiếu cho Vietbank.
m.	Phương thức phát hành	: Phát hành ra công chúng, thông qua phương thức trực tiếp phát hành và/hoặc các phương thức phát hành khác
n.	Hình thức phát hành	: Trái Phiếu định danh được phát hành ra công chúng theo hình thức bút toán ghi sổ.
o.	Kỳ hạn của Trái Phiếu	: Từ 06 đến 10 năm Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT Vietbank cân đối kỳ hạn phát hành Trái phiếu theo từng đợt.
p.	Lãi suất trái phiếu hoặc nguyên tắc xác định lãi suất trái phiếu	: Lãi suất cố định; Lãi suất thả nổi; hoặc kết hợp giữa Lãi suất cố định và Lãi suất thả nổi. Lãi suất thả nổi được xác định bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau bằng VND ("Lãi suất tham chiếu") được công bố tại Ngày xác định lãi suất trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 Ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TPCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cộng biên độ. Tổ Chức Phát Hành sẽ quyết định phương thức xác định và mức lãi suất Trái phiếu phù hợp tùy vào điều kiện thị trường tại thời điểm phát hành Trái phiếu, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành trong từng thời kỳ. Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT Vietbank cân đối và quyết định lãi suất phát hành Trái phiếu theo từng đợt.
q.	Số đợt phát hành	: Dự kiến 03 đợt phát hành. Đợt phát hành kéo dài tối thiểu 20 ngày, tối đa 90 ngày theo quy định của pháp luật. Khoảng cách giữa đợt chào bán sau với đợt chào bán trước không quá 12 tháng. Trường hợp đợt phát hành trước chưa chào bán hết khối lượng sẽ chuyển sang đợt phát hành sau.
r.	Phương thức trả lãi	: Tiền gốc Trái Phiếu sẽ được thanh toán theo mệnh giá Trái

	và gốc	<p>Phiếu vào Ngày Đáo Hạn của Trái Phiếu hoặc Ngày Đến Hạn khác để thực hiện mua lại Trái Phiếu trước hạn.</p> <p>Tiền lãi Trái Phiếu được trả sau, dự kiến định kỳ 01 (một) năm một lần.</p> <p>Ngân hàng được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ</p>
s.	Tổ chức tư vấn phát hành	Tổ chức được phép cung cấp dịch vụ tư vấn phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành trong từng thời kỳ, được Tổ Chức Phát Hành lựa chọn.
t.	Đại lý đăng ký, lưu ký, thanh toán và quản lý chuyển quyền sở hữu (nếu có)	Tổ chức được phép cung cấp dịch vụ đại lý đăng ký, lưu ký, thanh toán và quản lý chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật hiện hành trong từng thời kỳ, được Tổ Chức Phát Hành lựa chọn.
u.	Đại lý phát hành (nếu có)	Tổ chức được phép cung cấp dịch vụ đại lý phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành trong từng thời kỳ, được Tổ Chức Phát Hành lựa chọn.
v.	Cam kết công bố thông tin	Vietbank cam kết thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo Quy định của Pháp luật có liên quan về phát hành Trái Phiếu doanh nghiệp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung và tính chính xác của thông tin công bố.
w.	Cam kết niêm yết Trái phiếu	Tổ chức phát hành cam kết thực hiện niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán theo quy định của Pháp luật
x.	Quy định liên quan:	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức phát hành được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị thua lỗ. - Trong thời hạn lưu hành của Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác. - Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành, Trái phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp. Trong trường hợp Tổ chức phát hành thanh lý, phá sản, Người sở hữu Trái phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ chức phát hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác (không phải là chủ nợ thứ cấp). Các Trái phiếu phát hành cùng một Đợt phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nha, không Trái phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái phiếu nào. - Tổ Chức Phát Hành không nhận chiết khấu Trái Phiếu hoặc

		<p>mua bán có kỳ hạn Trái Phiếu hoặc tham gia các giao dịch khác với Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan Trái Phiếu mà có hiệu lực như một giao dịch mua lại trước hạn Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành trừ trường hợp mua lại trước hạn theo điều khoản mua lại trước hạn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người Sở Hữu Trái Phiếu được tự do Chuyển Quyền sở hữu đối với toàn bộ Trái Phiếu của mình sở hữu và sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm, cầm cố, chiết khấu, cho, tặng, để thừa kế, mua bán có kỳ hạn hoặc tham gia các giao dịch dân sự, thương mại khác phù hợp với quy định của pháp luật. - Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể cầm cố Trái Phiếu tại các tổ chức tín dụng theo quy định hiện hành của pháp luật nếu tổ chức tín dụng đó chấp thuận. Người Sở Hữu Trái Phiếu được sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm tại Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật và quy định của Tổ Chức Phát Hành. - Tùy theo tình hình của thị trường và quyết định của Tổ Chức Phát Hành, Trái phiếu có thể kèm theo quyền mua lại trước hạn của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc quyền bán lại trước hạn của Người Sở Hữu Trái Phiếu. - Trái Phiếu phải được bảo quản cẩn thận, không tẩy xóa, sửa chữa, làm rách, nhàu nát. Trái Phiếu bị sửa chữa, tẩy xóa sẽ không có giá trị thanh toán. Khi mất, hỏng Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu thông báo ngay bằng văn bản cho Vietbank. Nếu không thông báo kịp thời, mọi rủi ro phát sinh, Vietbank sẽ không đảm bảo điều kiện thanh toán theo quy định. - Khi nhận Trái Phiếu, Nhà Đầu Tư mặc nhiên đã đọc, hiểu đầy đủ, chính xác và cam kết sẽ tuân thủ theo quy định của đợt phát hành Trái Phiếu và quy định về phát hành Trái Phiếu trong nước của Vietbank. - Các quyền và nghĩa vụ khác quy định cụ thể trong Bản công bố thông tin của Tổ Chức Phát Hành và tuân thủ quy định Pháp luật Việt Nam.
y.	<p><i>Các điều khoản, điều kiện khác của Trái Phiếu</i></p>	<p>Các điều khoản, điều kiện khác của Trái Phiếu phù hợp với quy định của Pháp luật và được quy định cụ thể trong Bản Công Bố Thông Tin phát hành Trái Phiếu.</p>

Hội đồng quản trị (theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông) được quyền quyết định các vấn đề liên quan tới nội dung của Trái phiếu với mục đích mang lại lợi ích cao nhất cho Vietbank.



C. Phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái phiếu:

1. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu

Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu năm 2021 sẽ được Vietbank sử dụng tăng quy mô hoạt động và cho vay, chi tiết như sau:

	Mục đích sử dụng	Kế hoạch (tỷ VND)
1	Tăng vốn cấp 2	
	+ Hoạt động cho vay	3.000
	+ Hoạt động đầu tư	
	+ Hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành	
2	Tăng quy mô vốn khác	
	+ Hoạt động cho vay	
	+ Hoạt động đầu tư	
	+ Hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành	

Số tiền thực tế giải ngân đối với từng lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh trong từng Đợt Phát Hành phụ thuộc vào khối lượng Trái phiếu phát hành thành công và tiến độ cho vay nền kinh tế.

2. Phương án thanh toán gốc và lãi trái phiếu

Nguồn thanh toán gốc và lãi trái phiếu được lấy từ các nguồn chính sau:

- **Thanh toán lãi trái phiếu:** lãi thu được từ các lĩnh vực mà Vietbank dự kiến giải ngân từ nguồn vốn phát hành trái phiếu và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ hết đi chi phí sẽ được sử dụng để thanh toán lãi trái phiếu cho các nhà đầu tư với điều kiện việc thanh toán không dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm của Vietbank bị lỗ.
- **Thanh toán gốc trái phiếu:** Vietbank sẽ sử dụng nguồn tiền từ (i) huy động vốn từ nền kinh tế, (ii) lợi nhuận kinh doanh của Vietbank và/hoặc (iii) các nguồn khác để thanh toán gốc trái phiếu tại thời điểm đáo hạn hoặc mua lại trái phiếu trước hạn.



NGHỊ QUYẾT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16/06/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (VietBank);
- Căn cứ Quy chế về Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị VietBank;
- Căn cứ Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/10/2021 của Đại hội đồng cổ đông;
- Căn cứ Nghị quyết số 92/2021/NQ-HĐQT ngày 24/11/2021 của Hội đồng Quản trị VietBank;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT ngày 14/03/2022,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng quản trị nhất trí nội dung sau:

1. Thông qua nội dung tại Tờ trình số 86/2022/TT-TGD ngày 10/03/2022 của Quyền Tổng giám đốc về việc điều chỉnh nội dung trong phương án phát hành và chào bán trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín năm 2022 theo phương thức phát hành ra công chúng đợt 1. Theo đó, Hội đồng quản trị thông qua:
 - a. Sửa đổi một số nội dung tại Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng đã được HĐQT thông qua theo Nghị quyết số 92/2021/NQ-HĐQT ngày 24/11/2021 (mục B.3 j, mục B.3 q và mục C.1 – Phương án) như sau:

STT	Mục/tên nội dung	Nội dung theo Phương án đã được thông qua tại Nghị quyết số 92/2021/NQ-HĐQT ngày 24/11/2021	Nội dung điều chỉnh
1	j. Thời gian phát hành	Dự kiến Trong Quý IV năm 2021, Quý I & Quý II năm 2022, sau khi nhận được văn bản chấp thuận chào bán trái phiếu phát hành ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.	Dự kiến trong Quý I, Quý II & Quý III năm 2022, sau khi nhận được văn bản chấp thuận chào bán trái phiếu phát hành ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

STT	Mục/tên nội dung	Nội dung theo Phương án đã được thông qua tại Nghị quyết số 92/2021/NQ-HĐQT ngày 24/11/2021	Nội dung điều chỉnh
2	q. Số đợt phát hành	<p>Dự kiến 03 đợt phát hành</p> <p>Đợt phát hành kéo tối thiểu 20 ngày, tối đa 90 ngày theo quy định pháp luật. Khoảng cách giữa đợt chào bán sau với đợt chào bán trước không quá 12 tháng. Trường hợp đợt phát hành trước chưa chào bán hết khối lượng sẽ chuyển sang đợt phát hành sau.</p>	<p>Dự kiến 03 đợt phát hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đợt 1: 100.000 (Một trăm nghìn) Trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng). - Đợt 2: 100.000 (Một trăm nghìn) Trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng). - Đợt 3: 100.000 (Một trăm nghìn) Trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng). <p>Đợt phát hành kéo dài tối thiểu 20 ngày, tối đa 90 ngày theo quy định của pháp luật. Khoảng cách giữa đợt chào bán sau với đợt chào bán trước không quá 12 tháng. Trường hợp đợt phát hành trước chưa chào bán hết khối lượng sẽ chuyển sang đợt phát hành sau.</p>
3	Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu	<p>Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu năm 2021 sẽ được VietBank sử dụng tăng quy mô hoạt động và cho vay, chi tiết như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động cho vay: 3.000 tỷ VND 	<p>Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu sẽ được sử dụng để tăng quy mô vốn cấp 2 của VietBank, tạo thêm nguồn vốn trung và dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn của nhóm Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức, chi tiết như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động cho vay trung – dài hạn dành cho Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức:

STT	Mục/tên nội dung	Nội dung theo Phương án đã được thông qua tại Nghị quyết số 92/2021/NQ-HĐQT ngày 24/11/2021	Nội dung điều chỉnh
			+ Đợt 1: 1.000 tỷ VND + Đợt 2: 1.000 tỷ VND + Đợt 3: 1.000 tỷ VND

Đồng thời thống nhất ban hành Phương án phát hành ra công chúng, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín (VIETBANK) năm 2022 (sửa đổi lần 2) trên cơ sở Phương án đã được HĐQT thông qua theo Nghị quyết số 92/2021/NQ-HĐQT ngày 24/11/2021. Có cập nhật các nội dung điều chỉnh như trên. (Chi tiết đính kèm Nghị quyết này).

b. Phương án phát hành trái phiếu ra công chúng đợt 1 theo lãi suất thả nổi với các thông tin chi tiết như sau:

1.	Tên trái phiếu	Trái phiếu VietBank chào bán ra công chúng năm 2022 (Đợt 1)
2.	Loại trái phiếu	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được đảm bảo bằng tài sản của VietBank, thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của VietBank theo quy định hiện hành của pháp luật.
3.	Mục đích chào bán	Để tăng quy mô vốn cấp 2 của VietBank, tạo thêm nguồn vốn trung và dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn của nhóm Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức, đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà Nước.
4.	Mệnh giá	Mệnh giá 01 Trái phiếu là 10.000.000 VND (mười triệu đồng).
5.	Tổng mệnh giá chào bán đợt 1	1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng).
6.	Kỳ hạn	07 năm VietBank có quyền mua lại từ sau 02 năm kể từ ngày phát hành.
7.	Đối tượng mua Trái phiếu	Đối tượng mua giấy tờ có giá là các tổ chức (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài), cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài (theo quy định tại điều 4, Thông tư 01/2021/TT-NHNN của NHNN ngày 31/03/2021 ("TT01/2021"))
8.	Lãi suất	Lãi suất áp dụng: <ul style="list-style-type: none"> Năm năm đầu: Lãi suất tham chiếu + 2,50%/năm Hai năm cuối: lãi suất tham chiếu + 3,50%/năm Lãi suất tham chiếu dùng để xác định lãi suất đối với mỗi kỳ tính lãi là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng

026
CÁN I
HƯƠN
CÓ P
VIỆT
THƯỞ
PĂNG

		Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 Ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Lãi suất tham chiếu được làm tròn 2 chữ số sau phần thập phân. Lãi suất tham chiếu được xác định theo Bàn cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng.
9.	Phương thức thanh toán gốc, lãi	Tiền gốc Trái Phiếu sẽ được thanh toán theo mệnh giá Trái Phiếu vào Ngày Đáo Hạn của Trái Phiếu hoặc Ngày Đến Hạn khác theo quy định trong điều kiện và điều khoản của trái phiếu. Tiền lãi Trái phiếu: Thanh toán trả sau, 01 (một) năm 01 (một) lần định kỳ vào ngày tròn năm kể từ Ngày phát hành.
10.	Thời hạn tổ chức đợt phát hành	Tối thiểu 20 ngày, tối đa không quá 90 ngày kể từ ngày công bố thông báo phát hành.
11.	Hình thức chào bán và phân phối	Bán trực tiếp cho nhà đầu tư thông qua các kênh phân phối tại Hội Sở/ TTKD của Vietbank và/ hoặc đại lý phát hành.
12.	Khối lượng đặt mua tối thiểu và tối đa	<ul style="list-style-type: none"> - Khối lượng tối thiểu 1 hợp đồng: 5 trái phiếu, tương đương 50 triệu đồng; - Khối lượng tối đa 1 hợp đồng: Không vượt quá số lượng trái phiếu còn lại của đợt phát hành; - Tổng số nhà đầu tư: Không giới hạn.
13.	Cầm cố	Trái phiếu có thể được cầm cố/hoặc dùng làm TSDB để đảm bảo cho các nghĩa vụ tín dụng tại Vietbank cũng như tại các Tổ Chức tín dụng khác (Nếu các Tổ chức tín dụng này đồng ý).
14.	Niêm yết	Trái phiếu được niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán theo quy định của Pháp luật
15.	Lưu ký, quản lý chuyển nhượng	<ul style="list-style-type: none"> - Trái phiếu trước khi được niêm yết sẽ được lưu ký và thực hiện chuyển nhượng thông qua Đại lý Đăng ký và Lưu ký Trái phiếu; - Trái phiếu sau khi được niêm yết sẽ được lưu ký thực hiện chuyển nhượng thông qua Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD).

Các nội dung khác liên quan đến Trái phiếu phát hành: theo Phương án phát hành ra công chúng, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín (VIETBANK) năm 2022 (sửa đổi lần 2) đã được thông qua.

2. Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện các nội dung phê duyệt trên của Hội đồng quản trị theo đúng quy định pháp luật, Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ khi triển khai thực hiện.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày *14/10/2022*.

Điều 3. Các Ông (Bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Văn phòng Hội đồng quản trị, các Khối/Trung tâm/Phòng/Ban Hội sở và các đơn vị trong toàn hệ thống VietBank chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. *Như*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Cổ đông (đăng Website VietBank);
 - Như Điều 3;
- Sao kính gửi:
- Ban Kiểm soát (để biết);
- Lưu Thư ký HĐQT.



Dương Nhật Nguyên





100-1-100-100


**PHƯƠNG AN PHÁT HÀNH RA CÔNG CHỨNG, PHƯƠNG AN SỬ DỤNG
VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU NGÂN
HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN (VIETBANK) NĂM 2022
(SỬA ĐỔI LẦN 2)**

(V/v phát hành ra công chứng 3.000 tỷ VND Trái Phiếu VietBank năm 2022)

Đính kèm theo Nghị quyết số 15./2022/NQ-HĐQT ngày 14./08/2022

A. Tổng quan về Tổ Chức Phát Hành:

Tên đầy đủ bằng Tiếng Việt : NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN.

Tên viết tắt bằng tiếng Anh : VIET NAM THUONG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK .

Tên viết tắt bằng Tiếng Anh : VIETBANK

Địa chỉ trụ sở chính : Số 47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

Điện thoại : 0299 3886666 Fax: 0299 3615666

Vốn điều lệ : 4.776.826.690.000 đồng Việt Nam (Bốn nghìn bảy trăm bảy mươi sáu tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng Việt Nam).

Giấy phép thành lập : Số 2391/QĐ-NHNN, ngày 14/12/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Giấy phép hoạt động : Số 2399/QĐ-NHNN, ngày 15/12/2006 do Thống đốc NHNN cấp; Và được sửa đổi, bổ sung bằng các Quyết định số 2399/QĐ-NHNN ngày 15/12/2006; 2441/QĐ-NHNN ngày 28/10/2008; Quyết định số 2499/QĐ-NHNN ngày 18/11/2011; Quyết định số 2699/QĐ-NHNN ngày 22/12/2011; Quyết định số 2126/QĐ-NHNN ngày 10/10/2017; Quyết định số 2283/QĐ-NHNN ngày 30/10/2017; Quyết định số 2114/QĐ-NHNN ngày 10/10/2019; 954/QĐ-NHNN ngày 14/05/2020; Quyết định số 1495/QĐ-NHNN ngày 20/09/2021.

Giấy CNĐKKD : Số 2200269805 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 18/10/2021.

- Các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh của Ngân hàng cụ thể như sau:

STT	Các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh
1.	Hoạt động huy động vốn - Nhận tiền gửi của các tổ chức, cá nhân và các tổ chức tín dụng khác dưới các hình thức tiền

STT	Các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh
	<p>gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn và các loại tiền gửi khác.</p> <p>- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác để huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước khi được Thống đốc NHNN chấp thuận.</p> <p>- Vay vốn của các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại Việt Nam và của tổ chức tín dụng nước ngoài.</p> <p>- Vay vốn ngắn hạn của NHNN theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>- Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của NHNN.</p>
2.	<p>Hoạt động tín dụng</p> <p>Cấp tín dụng cho tổ chức, cá nhân dưới các hình thức cho vay, chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá khác, bảo lãnh, cho thuê tài chính và các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của NHNN.</p>
3.	<p>Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ</p> <p>- Cung ứng các phương tiện thanh toán.</p> <p>- Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước cho khách hàng.</p> <p>- Thực hiện các dịch vụ thu hộ, chi hộ.</p> <p>- Thực hiện các dịch vụ thanh toán khác theo quy định của NHNN.</p> <p>- Thực hiện các dịch vụ thanh toán quốc tế theo quy định của pháp luật</p> <p>- Thực hiện dịch vụ thu và chi tiền mặt cho khách hàng.</p> <p>- Tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng trong nước. Việc tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế phải được NHNN chấp thuận.</p>
4.	<p>Các hoạt động khác</p> <p>- Góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Tham gia thị trường tiền tệ theo quy định của NHNN.</p> <p>- Trực tiếp kinh doanh hoặc thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có để kinh doanh ngoại hối và vàng trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế khi được NHNN chấp thuận.</p> <p>- Ủy thác, nhận ủy thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kể cả việc quản lý tài sản, vốn đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng ủy</p>

STT	Các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh
	<p>thác, đại lý.</p> <p>- Cung ứng dịch vụ bảo hiểm, thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có hoặc liên doanh để kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Tư vấn tài chính, tiền tệ cho khách hàng dưới hình thức trực tiếp tư vấn cho khách hàng hoặc thành lập công ty trực thuộc theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Bảo quản hiện vật quý, giấy tờ có giá, cho thuê tủ két, cầm đồ và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Trực tiếp kinh doanh hoặc thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có để thực hiện các hoạt động kinh doanh khác có liên quan đến hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật.</p>
5.	Kinh doanh trái phiếu và các giấy tờ có giá khác: <p>- Mua, bán trái phiếu và giấy tờ có giá khác.</p> <p>- Tham gia giao dịch trái phiếu và các giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ.</p> <p>- Các hoạt động kinh doanh trái phiếu, giấy tờ có giá khác phù hợp với quy định pháp luật.</p>
6	- Hoạt động kinh doanh, mua bán vàng miếng.
7	<p>- Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong các lĩnh vực có liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.</p> <p>- Dịch vụ môi giới tiền tệ.</p> <p>- Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua bán, hợp nhất sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.</p> <p>- Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.</p>
8	- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do NHNN quy định.
9	- Đầu tư hợp đồng tương lai Trái phiếu Chính phủ theo quy định của pháp luật và NHNN Việt Nam

- Kết quả kinh doanh 03 năm và quý gần nhất của VietBank:

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2020	31/12/2019	31/12/2018
----------	------------	------------	------------	------------

Tổng tài sản (tỷ đồng)	103.780	91.505	68.928	51.672
Tổng thu nhập hoạt động (tỷ đồng)	2.350	1.681	1.744	1.353
Tổng chi phí hoạt động (tỷ đồng)	1.232	1.253	1.077	873
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng rủi ro tín dụng (tỷ đồng)	483	48	54	79
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	5.741	5.278	5.018	4.105
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu (lần)	17	16	13	11
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	505	300	486	322
LNTT/VCSH bình quân (%)	11,54	7,38	12,87	10,23
Số lượng CN/PGD (CN, PGD)	1 trụ sở chính, 25 CN, 93 PGD	1 trụ sở chính, 25 CN, 93 PGD	1 trụ sở chính, 20 CN, 93 PGD	1 trụ sở chính, 15 CN, 80 PGD
Số lượng nhân viên (người)	2.562	2.512	2.300	1.921

B. Phương án phát hành Trái Phiếu

1. Cơ sở pháp lý:

- Luật Các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010; Luật số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội ngày 17/06/2020 ("**Luật Doanh nghiệp**");
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 của Quốc hội ngày 26/11/2019 ("**Luật Chứng khoán**");
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ("**NĐ155/2020**");
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16/11/2020 Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ("**TT96/2020**");
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 Hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng ("**TT118/2020**");
- Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("**TT41/2016**");
- Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("**TT22/2019**"); Thông tư 08/2020/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2019/TT-NHNN;
- Thông tư 01/2021/TT-NHNN ngày 31/03/2021 của NHNN quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("**TT01/2021**");
- Các văn bản pháp luật sửa đổi/thay thế các văn bản trên trong từng thời kỳ;
- Các văn bản pháp luật có liên quan khác;
- Căn cứ kế hoạch kinh doanh và nhu cầu huy động và sử dụng vốn của VietBank trong năm 2022.

2. Đánh giá điều kiện phát hành Trái Phiếu

VietBank đáp ứng đủ các điều kiện phát hành Trái Phiếu theo quy định tại Luật Chứng khoán và NĐ155/2020 và các văn bản pháp luật sửa đổi/thay thế các văn bản trên trong từng thời kỳ, cụ thể:

- VietBank là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam. Tài liệu chứng minh là Giấy phép thành lập Số 2391/QĐ-NHNN ngày 14/12/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Giấy phép hoạt động;
- Có mức vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký chào bán từ 30 tỷ đồng trở lên tính theo giá trị ghi trên sổ kế toán: Vốn điều lệ của VietBank tại thời điểm đăng ký chào bán là 4.776.826.690.000 đồng. Tài liệu chứng minh là Giấy CNĐKKD số 2200269805 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 18/10/2021;
- Hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán; không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 năm. Tài liệu chứng minh là cam kết hoàn tất nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành;
- Có phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán được Đại hội

đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua. Tài liệu chứng minh sẽ là Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông VietBank thông qua Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ngân hàng Vietbank;

- Có cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác. Tài liệu chứng minh là Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư;
- Có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng. Tài liệu chứng minh là Hợp đồng tư vấn ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành và Tổ Chức Tư Vấn;
- Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
- Tổ Chức Phát Hành phải mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu của đợt chào bán theo quy định của pháp luật;
- Tổ Chức Phát Hành cam kết thực hiện niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán. Tài liệu chứng minh là Văn bản cam kết của Hội đồng quản trị về việc triển khai niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán;
- Đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Tài liệu chứng minh là Báo cáo Công bố thông tin tỷ lệ an toàn vốn của Tổ Chức Phát Hành tại ngày 31/12/2021.

3. Trái Phiếu phát hành (Sau đây gọi là "Trái Phiếu")

a.	Tổ Chức Phát Hành	: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (VietBank)
b.	Loại hình doanh nghiệp	: Tổ chức tín dụng (Công ty cổ phần)
c.	Trụ sở chính	: Số 47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam
d.	Giấy ĐKKD	: Số 2200269805 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 18/10/2021.
e.	Tên gọi Trái Phiếu	: Trái Phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín chào bán ra công chúng năm 2022 theo 3 đợt, có các tên gọi như sau (được gọi chung là "Trái Phiếu"): <ul style="list-style-type: none"> - Trái phiếu VietBank chào bán ra công chúng năm 2022 (Đợt 1) - Trái phiếu VietBank chào bán ra công chúng năm 2022 (Đợt 2) - Trái phiếu VietBank chào bán ra công chúng năm 2022 (Đợt 3)
f.	Đồng tiền phát hành và thanh toán	: Đồng Việt Nam (VND)

<i>g.</i>	Mệnh giá	: Mệnh giá là mười triệu (10.000.000 VND) đồng.
<i>h.</i>	Loại Trái Phiếu	: Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được đảm bảo bằng tài sản của Tổ Chức Phát Hành, thoả mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 theo các quy định hiện hành của pháp luật.
<i>i.</i>	Tổng mệnh giá phát hành tối đa dự kiến	: 3.000.000.000.000 VND (Ba nghìn tỷ đồng).
<i>j.</i>	Thời gian phát hành	: Dự kiến trong Quý I, Quý II & Quý III năm 2022, sau khi nhận được văn bản chấp thuận chào bán trái phiếu phát hành ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
<i>k.</i>	Đối tượng mua Trái Phiếu	- Đối tượng mua giấy tờ có giá là các tổ chức (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài), cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài (theo quy định tại Điều 4 TT01/2021)
<i>l.</i>	Địa điểm phát hành	: Hội sở, các Trung tâm kinh doanh của VietBank, và/hoặc các đại lý phát hành Trái Phiếu cho VietBank.
<i>m.</i>	Phương thức phát hành	: Phát hành ra công chúng, thông qua phương thức trực tiếp phát hành và/hoặc các phương thức phát hành khác
<i>n.</i>	Hình thức phát hành	: Trái Phiếu định danh được phát hành ra công chúng theo hình thức bút toán ghi sổ.
<i>o.</i>	Kỳ hạn của Trái Phiếu	: Từ 06 đến 10 năm Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT VietBank cân đối kỳ hạn phát hành Trái phiếu theo từng đợt.
<i>p.</i>	Lãi suất trái phiếu hoặc nguyên tắc xác định lãi suất trái phiếu	: Lãi suất cố định; Lãi suất thả nổi; hoặc kết hợp giữa Lãi suất cố định và Lãi suất thả nổi. Lãi suất thả nổi được xác định bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau bằng VND ("Lãi suất tham chiếu") được công bố tại Ngày xác định lãi suất trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 Ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TPCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cộng biên độ. Tổ Chức Phát Hành sẽ quyết định phương thức xác định và mức lãi suất Trái phiếu phù hợp tùy vào điều kiện thị trường tại thời điểm phát hành Trái phiếu, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành trong từng thời kỳ.

		Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT VietBank cân đối và quyết định lãi suất phát hành Trái phiếu theo từng đợt.
q.	Số đợt phát hành	<p>: Dự kiến 03 đợt phát hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đợt 1: 100.000 (Một trăm nghìn) Trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng). - Đợt 2: 100.000 (Một trăm nghìn) Trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng). - Đợt 3: 100.000 (Một trăm nghìn) Trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng). <p>Đợt phát hành kéo dài tối thiểu 20 ngày, tối đa 90 ngày theo quy định của pháp luật. Khoảng cách giữa đợt chào bán sau với đợt chào bán trước không quá 12 tháng. Trường hợp đợt phát hành trước chưa chào bán hết khối lượng sẽ chuyển sang đợt phát hành sau.</p>
r.	Phương thức trả lãi và gốc	<p>: Tiền gốc Trái Phiếu sẽ được thanh toán theo mệnh giá Trái Phiếu vào Ngày Đáo Hạn của Trái Phiếu hoặc Ngày Đến Hạn khác để thực hiện mua lại Trái Phiếu trước hạn.</p> <p>Tiền lãi Trái Phiếu được trả sau, dự kiến định kỳ 01 (một) năm một lần.</p> <p>Ngân hàng được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ</p>
s.	Tổ chức tư vấn phát hành	Tổ chức được phép cung cấp dịch vụ tư vấn phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành trong từng thời kỳ, được Tổ Chức Phát Hành lựa chọn.
t.	Đại lý đăng ký, lưu ký, thanh toán và quản lý chuyển quyền sở hữu (nếu có)	Tổ chức được phép cung cấp dịch vụ đại lý đăng ký, lưu ký, thanh toán và quản lý chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật hiện hành trong từng thời kỳ, được Tổ Chức Phát Hành lựa chọn.
u.	Đại lý phát hành (nếu có)	Tổ chức được phép cung cấp dịch vụ đại lý phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành trong từng thời kỳ, được Tổ Chức Phát Hành lựa chọn.
v.	Cam kết công bố thông tin	VietBank cam kết thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo Quy định của Pháp luật có liên quan về phát hành Trái Phiếu doanh nghiệp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung và tính chính xác của thông tin công bố.
w.	Cam kết niêm yết	Tổ chức phát hành cam kết thực hiện niêm yết trái phiếu trên hệ

	Trái phiếu	thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán theo quy định của Pháp luật
x.	Quy định liên quan:	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức phát hành được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị thua lỗ. - Trong thời hạn lưu hành của Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác. - Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành, Trái phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp. Trong trường hợp Tổ chức phát hành thanh lý, phá sản, Người sở hữu Trái phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ chức phát hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác (không phải là chủ nợ thứ cấp). Các Trái phiếu phát hành cùng một Đợt phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nha, không Trái phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái phiếu nào. - Tổ Chức Phát Hành không nhận chiết khấu Trái Phiếu hoặc mua bán có kỳ hạn Trái Phiếu hoặc tham gia các giao dịch khác với Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan Trái Phiếu mà có hiệu lực như một giao dịch mua lại trước hạn Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành trừ trường hợp mua lại trước hạn theo điều khoản mua lại trước hạn. - Người Sở Hữu Trái Phiếu được tự do Chuyển Quyền sở hữu đối với toàn bộ Trái Phiếu của mình sở hữu và sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm, cầm cố, chiết khấu, cho, tặng, để thừa kế, mua bán có kỳ hạn hoặc tham gia các giao dịch dân sự, thương mại khác phù hợp với quy định của pháp luật. - Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể cầm cố Trái Phiếu tại các tổ chức tín dụng theo quy định hiện hành của pháp luật nếu tổ chức tín dụng đó chấp thuận. Người Sở Hữu Trái Phiếu được sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm tại Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật và quy định của Tổ Chức Phát Hành. - Tùy theo tình hình của thị trường và quyết định của Tổ Chức Phát Hành, Trái phiếu có thể kèm theo quyền mua lại trước hạn của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc quyền bán lại trước hạn của Người Sở Hữu Trái Phiếu. - Trái Phiếu phải được bảo quản cẩn thận, không tẩy xóa, sửa chữa, làm rách, nhàu nát. Trái Phiếu bị sửa chữa, tẩy xóa sẽ không có giá trị thanh toán. Khi mất, hỏng Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu thông báo ngay bằng văn bản cho VietBank. Nếu không thông báo kịp thời, mọi rủi ro phát sinh, VietBank sẽ

		<p>không đảm bảo điều kiện thanh toán theo quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi nhận Trái Phiếu, Nhà Đầu Tư mặc nhiên đã đọc, hiểu đầy đủ, chính xác và cam kết sẽ tuân thủ theo quy định của đợt phát hành Trái Phiếu và quy định về phát hành Trái Phiếu trong nước của VietBank. - Các quyền và nghĩa vụ khác quy định cụ thể trong Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng của Tổ Chức Phát Hành và tuân thủ quy định Pháp luật Việt Nam.
y.	<i>Các điều khoản, điều kiện khác của Trái Phiếu</i>	Các điều khoản, điều kiện khác của Trái Phiếu phù hợp với quy định của Pháp luật và được quy định cụ thể trong Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng.

Hội đồng quản trị (theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông) được quyền quyết định các vấn đề liên quan tới nội dung của Trái phiếu với mục đích mang lại lợi ích cao nhất cho VietBank.

C. Phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái phiếu:

1. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu

Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu sẽ được sử dụng để tăng quy mô vốn cấp 2 của VietBank, tạo thêm nguồn vốn trung và dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn của nhóm Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức, chi tiết như sau:

	Mục đích sử dụng	Đợt 1 (tỷ VND)	Đợt 2 (tỷ VND)	Đợt 3 (tỷ VND)
1	Tăng vốn cấp 2			
	+ Hoạt động cho vay trung – dài hạn dành cho Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức	1.000	1.000	1.000
	+ Hoạt động đầu tư	-	-	-
	+ Hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành	-	-	-
2	Tăng quy mô vốn khác			
	+ Hoạt động cho vay	-	-	-
	+ Hoạt động đầu tư	-	-	-
	+ Hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành	-	-	-

Số tiền thực tế giải ngân đối với từng lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh trong từng Đợt Phát Hành phụ thuộc vào khối lượng Trái phiếu phát hành thành công và tiến độ cho vay nền kinh tế.

2. Phương án thanh toán gốc và lãi trái phiếu

Nguồn thanh toán gốc và lãi trái phiếu được lấy từ các nguồn chính sau:

- **Thanh toán lãi trái phiếu:** lãi thu được từ các lĩnh vực mà VietBank dự kiến giải ngân từ nguồn vốn phát hành trái phiếu và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ hết đi chi phí sẽ được sử dụng để thanh toán lãi trái phiếu cho các nhà đầu tư với điều kiện việc thanh toán không dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm của VietBank bị lỗ.
- **Thanh toán gốc trái phiếu:** VietBank sẽ sử dụng nguồn tiền từ (i) huy động vốn từ nền kinh tế, (ii) lợi nhuận kinh doanh của VietBank và/hoặc (iii) các nguồn khác để thanh toán gốc trái phiếu tại thời điểm đáo hạn hoặc mua lại trái phiếu trước hạn.



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
 - Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
 - Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam Khóa XII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 16/06/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
 - Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank);
 - Căn cứ nội dung và kết quả biểu quyết các nội dung đề trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông ngày 26/4/2022;
- Đại hội đồng cổ đông thường niên Vietbank năm 2022 nhất trí:

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2022:

- a. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

- Chỉ tiêu về quy mô: *ĐVT: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	THỰC HIỆN 2021	KẾ HOẠCH 2021	% KH 2021	+/- KH 2021
Tổng tài sản	103.377	120.000	86,1%	-16.623
Tổng dư nợ cho vay (bao gồm TPDN)	56.678	60.000	94,5%	-3.322
Tổng huy động vốn (bao gồm GTCG)	74.391	91.000	81,7%	-16.609
Vốn điều lệ	4.777			

- Chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh: *ĐVT: tỷ đồng*

STT	Chỉ tiêu	THỰC HIỆN 2021	KẾ HOẠCH 2021	% KH 2021	+/- KH 2021
1	Tổng TN hoạt động	2.258			

[Chữ ký]

STT	Chỉ tiêu	THỰC HIỆN 2021	KẾ HOẠCH 2021	% KH 2021	+/- KH 2021
2	Tổng CP hoạt động	1.142			
3	LN từ HĐKD trước DP (=1-2)	1.115			
4	CP (Hoàn nhập) DP RRTD	480			
5	LNTT (=3-4)	636	1.100	57,8%	-464

- Chỉ số về an toàn hoạt động:

CHỈ TIÊU	Năm 2021	Quy định NHNN	So với quy định	+/- TH Năm 2020
NPL (Tỷ lệ nợ xấu) theo qui định NHNN	2,25%	≤ 3%	Đạt	0,96%
CAR (HS an toàn vốn tối thiểu) -Theo TT41/NHNN	10,05%	≥ 8%	Đạt	0,70%
LDR (Tỷ lệ CV/Tổng HĐ)	55,19%	≤ 85%	Đạt	0,21%
Tỷ lệ nguồn vốn NH CV TDH	33,25%	≤ 37%	Đạt	6,94%

b. Kế hoạch kinh doanh năm 2022:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Mức tăng so với 2021	Tỷ lệ tăng so với 2021
Tổng Tài sản	103.377	133.000	29.623	28,7%
Tổng dư nợ cho vay	56.678	65.200	8.522	15,0%
Huy động từ khách hàng (gồm GTCG)	74.391	102.000	27.609	37,1%
Lợi nhuận trước thuế	636	1.090	454	71,4%
Tỷ lệ nợ xấu (N345 / Tổng dư nợ CTD theo TT11/NHNN)	2,25%	≤ 2,5%		

2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán với các chỉ tiêu cơ bản trên BCTC năm 2021 đã được kiểm toán như sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	
		BCTC riêng lẻ đã kiểm toán	BCTC hợp nhất đã kiểm toán
Về các chỉ tiêu liên quan đến kinh doanh			
1	Tổng tài sản	103.377.671	103.377.281
2	Tổng dư nợ khách hàng (Sau DPRRTD)	49.612.464	49.612.464
	Tổng dư nợ khách hàng (Trước DPRRTD)	50.530.156	50.530.156

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	
		BCTC riêng lẻ đã kiểm toán	BCTC hợp nhất đã kiểm toán
3	Tổng huy động		
	-Từ TCTD khác	16.815.939	16.815.939
	-Từ khách hàng	66.757.140	66.755.406
4	Lợi nhuận trước thuế	635.065	635.782
Về các chỉ tiêu liên quan đến vốn chủ sở hữu			
1	Vốn chủ sở hữu	5.743.419	5.744.166
2	Vốn điều lệ	4.776.827	4.776.827
3	Các quỹ dự trữ	320.264	320.264
4	Lãi (lỗ) lũy kế	646.328	647.075

3. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị; kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, các Hội đồng, Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị.
4. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về: kết quả kinh doanh của Vietbank, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động các thành viên Ban kiểm soát.
5. Thông qua Báo cáo tiến độ triển khai hồ sơ tăng vốn năm 2020, thực hiện mua cổ phiếu quỹ, niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/5/2020 và Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2021. Theo đó:
 - a. Đối với việc mua cổ phiếu quỹ:
 - (i) Không thực hiện mua cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông năm 2021.
 - (ii) Giao Hội đồng quản trị quyết định việc sử dụng số dư quỹ khen thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2018, 2019 theo đúng quy định.
 - b. Đối với việc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán:
 - (i) Thực hiện niêm yết cổ phiếu Vietbank tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) khi thời điểm và điều kiện thị trường thuận lợi trên cơ sở đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật.
 - (ii) Giao cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm niêm yết cụ thể, các tài liệu, hồ sơ chỉ đạo Ban điều hành, các Khối/Trung tâm/Phòng, Ban và Văn phòng HĐQT thực hiện các thủ tục liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

6. Thông qua Báo cáo tiến độ, kết quả phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2021 – Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐGDCCĐ, theo đó, Đại hội đồng cổ đông thống nhất: tiếp tục triển khai chào bán trái phiếu ra công chúng theo Phương án đã được thông qua ngay sau khi nhận được Văn bản chấp thuận từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
7. Thông qua Báo cáo tiến độ triển khai thực hiện đầu tư mua tài sản Lim 2 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/5/2020 và Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2021.
8. Thông qua Báo cáo các khoản cấp tín dụng đối với các đối tượng theo quy định khoản 1 Điều 127 Luật Các TCTD.
9. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021, cụ thể như sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	KHOẢN MỤC	THUYẾT MINH	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN
1	Lợi nhuận (LN) trước thuế hợp nhất			635.782
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp			129.187
A	LN sau thuế hợp nhất chưa phân phối	(1)-(2)		506.595
B	LN sau thuế của công ty mẹ			505.878
C	Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	B x	5%	25.294
D	Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	B x	10%	50.588
E	LN còn lại sau thuế và trích các Quỹ bắt buộc	A-C-D		430.713
F	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi			0
G	Chia cổ tức (Vốn điều lệ X Tỷ lệ chia cổ tức)		0%	0
H	LN giữ lại không chia	E-F-G		430.713

10. Thông qua Kế hoạch tăng vốn các năm tiếp theo giai đoạn từ 2023-2025, Phương án tăng vốn điều lệ năm 2022, cụ thể như sau:

- a. Kế hoạch tăng vốn các năm tiếp theo giai đoạn từ 2023-2025:

Stt	Kế hoạch tăng vốn	Đơn vị	2021	2022	2023	2024	2025
1	Vốn cấp 1	tỷ đồng	5.740	7.618	9.898	12.858	16.738
a)	Vốn cấp 1 theo kế hoạch kinh doanh	tỷ đồng	5.740	6.618	7.898	9.858	12.738
b)	Tăng vốn điều lệ (vốn góp mới)	tỷ đồng	0	1.000	1.000	1.000	1.000
2	Vốn cấp 2	tỷ đồng	2.403	3.814	6.995	10.439	13.245
a)	Vốn cấp 2 theo kế hoạch kinh doanh	tỷ đồng	2.403	2.314	1.995	1.739	1.545
b)	Phát hành TP tăng vốn cấp 2 mới	tỷ đồng	0	1.500	3.500	4.000	4.000

Stt	Kế hoạch tăng vốn	Đơn vị	2021	2022	2023	2024	2025
I	Vốn tự có theo KH KD	tỷ đồng	8.143	8.931	9.893	11.597	14.284
II	Vốn tự có theo kế hoạch tăng vốn	tỷ đồng	8.143	11.431	16.893	23.297	29.984
III	Chênh lệch giữa vốn tự có theo kế hoạch tăng vốn và vốn mục tiêu						
	Chênh lệch = $C_A - C_{target}$	tỷ đồng	1.265	542	2.763	5.126	6.773
	CAR 41		9,99%	10,02%	11,39%	12,14%	12,29%
	CAR 13 (ICAAP)		9,59%	9,42%	10,73%	11,51%	11,59%

b. Kế hoạch tăng vốn điều lệ năm 2022:

a. Phương án tăng vốn điều lệ:

(i) Mức tăng Vốn điều lệ:

- Vốn Điều lệ tại thời điểm 31/12/2021: **4.776.826.690.000 đồng** (Bốn ngàn bảy trăm bảy mươi sáu tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi ngàn đồng chẵn); tất cả đều là cổ phần phổ thông.
- Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm: **1.003.000.000.000 đồng** (một nghìn không trăm lẻ ba tỷ đồng chẵn), tăng 21% so với cuối năm 2021;
- Vốn Điều lệ mới dự kiến sau khi hoàn tất việc tăng vốn trong năm 2022: **5.779.826.690.000 đồng** (Năm ngàn bảy trăm bảy mươi sáu tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi ngàn đồng chẵn);

(ii) Thông tin về cổ phiếu:

- Loại chứng khoán phát hành: cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu (CP): 10.000 đồng (mười ngàn đồng chẵn)/ CP;
- Số lượng cổ phiếu dự kiến: **100.300.000 CP** (một trăm triệu ba trăm ngàn cổ phiếu).

(iii) Nguồn và phương thức tăng vốn điều lệ:

- Nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ: từ cổ đông góp mới **1.003.000.000.000 đồng** (một nghìn không trăm lẻ ba tỷ đồng chẵn)
- Vietbank phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu nhằm tăng vốn điều lệ năm 2022.

(iv) Các thông tin về tăng vốn trong năm:

- Đối tượng: cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của Vietbank tại thời điểm chốt danh sách cổ đông theo quy định của pháp luật;
- Giá phát hành: 10.000 đồng/ CP;
- Số lượng cổ phiếu dự kiến: **100.300.000 CP** (một trăm triệu ba trăm ngàn cổ phiếu);
- Tổng giá trị cổ phiếu phát hành: **1.003.000.000.000 đồng** (một nghìn không trăm lẻ ba tỷ đồng chẵn);
- Tỷ lệ phân phối cổ phiếu phát hành: Dự kiến 21% số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2021. Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm với tỷ lệ

phân phối là 100 : 21 (Cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ mua thêm 21 cổ phiếu phát hành thêm);

- Mục đích phát hành: Tăng vốn điều lệ;
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không bị hạn chế chuyển nhượng;
- Thời điểm thực hiện: Dự kiến từ Quý 3 đến Quý 4 năm 2022. Thời gian thực hiện cụ thể giao cho HĐQT quyết định trên cơ sở phù hợp với Giấy phép/Chấp thuận của Cơ quan quản lý Nhà Nước có thẩm quyền và phù hợp với điều kiện thị trường.

(v) Nguyên tắc xử lý cổ phiếu lẻ:

- Số lượng cổ phiếu phát hành được tính theo số nguyên, phần thập phân sẽ không được làm tròn thành 01 cổ phiếu;
- Số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) giao cho HĐQT quyết định.

(vi) Kế hoạch sử dụng vốn thu được:

Toàn bộ phần vốn tăng từ phát hành cổ phiếu năm 2022 là 1.003.000.000.000 đồng được dự kiến sử dụng toàn bộ cho việc mở rộng mạng lưới hoạt động, bảo đảm tuân thủ các tỷ lệ an toàn trong hoạt động, sinh lợi cho hoạt động kinh doanh Vietbank, đảm bảo phù hợp quy định của NHNN về tỷ lệ đầu tư tài sản cố định đối với tổ chức tín dụng.

(vii) Hiệu quả kinh doanh trên cơ sở mức Vốn điều lệ mới:

STT	Chỉ tiêu (đvt tỷ đồng, %)	Thực hiện 2021	KH 2022	
			Chỉ tiêu	% tăng trưởng
1	Vốn điều lệ	4.777	5.780	21%
2	Dư nợ tín dụng (a + b)	56.678	65.200	15%
a	Dư nợ cho vay khách hàng	50.530		
b	Số dư mua, đầu tư TP doanh nghiệp	6.148		
3	Huy động từ khách hàng (bao gồm GTCG)	74.391	102.000	37%
4	Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	14.639	20.645	41%
5	Tiền gửi của và vay các TCTD khác	21.354	20.914	-2%
6	Tổng Tài sản	103.377	133.000	28%
7	Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	636	1.090	71%
8	Tỷ lệ nợ xấu (NPL) theo TT11/NHNN	2,25%	≤ 2,5%	
9	Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) theo TT41	10,05%	≥ 9,7%	
10	Các tỷ lệ đảm bảo an toàn khác	Tuân thủ quy định của NHNN	Đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN	
11	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	9,19%	12,00%	31%

12	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản Có bình quân (ROA)	0,52%	0,68%	31%
----	---	-------	-------	-----

- b. Chấp thuận mức vốn điều lệ mới trên cơ sở kết quả triển khai thành công của Phương án.
- c. Giao và ủy quyền toàn bộ cho Hội đồng quản trị quyết định, bao gồm nhưng không giới hạn:
- (i) Các vấn đề, thủ tục pháp lý cần thiết, kể cả việc sửa đổi, bổ sung hoàn chỉnh Phương án khi trình để được Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền xem xét và chấp thuận, dựa trên các nguyên tắc phù hợp với điều kiện thực tế hoạt động của Vietbank; tuân thủ đúng quy định của pháp luật; và đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
 - (ii) Thời điểm phát hành kể cả thời điểm dừng đợt phát hành cổ phiếu phù hợp với thực tế và hướng dẫn của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền;
 - (iii) Xử lý số cổ phiếu lẻ;
 - (iv) Sửa đổi, bổ sung kế hoạch sử dụng vốn thu được, để đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật, phù hợp với thực tế kinh doanh và đem lại hiệu quả cho Vietbank;
 - (v) Sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký lưu ký, giao dịch đối với chứng khoán bổ sung theo hướng dẫn của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền;
 - (vi) Thực hiện các thủ tục pháp lý về sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ và các giấy tờ pháp lý khác có liên quan đến cập nhật mức vốn điều lệ mới của Vietbank.

Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ nêu trên, Hội đồng quản trị có quyền quyết định các nội dung trong phạm vi nhiệm vụ được ủy quyền; Thực hiện và/hoặc chỉ đạo, phân công các đơn vị thuộc Vietbank thực hiện các công việc cần thiết theo quy định của pháp luật; Hoàn chỉnh, hoàn thiện và ký các văn bản, giấy tờ, tài liệu có liên quan; Làm việc với các Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và các Bên liên quan; Thực hiện mọi công việc và thủ tục cần thiết khác để triển khai nhiệm vụ được giao, phù hợp với quy định pháp luật.

11. Thông qua Tờ trình thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022, cụ thể:
- Tổng ngân sách và thù lao hoạt động của HĐQT và BKS dự kiến năm 2022 là 20.000.000.000 đồng (*Hai mươi tỷ đồng chẵn*);
 - Tổng mức thù lao của các thành viên HĐQT, Ban KS là chưa bao gồm thuế TNCN. Toàn bộ thuế TNCN liên quan theo quy định sẽ do Vietbank chi trả. Đồng thời Đại hội đồng Cổ đông thuận giao cho HĐQT/Thường trực HĐQT quyết định mức thù lao cụ thể đối với từng thành viên.
12. Thông qua Tờ trình v/v lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán/soát xét báo cáo tài chính và hệ thống kiểm soát nội bộ cho năm tài chính đối với năm tài chính 2022 và năm tài chính 2023, cụ thể:
- Đối với năm tài chính 2022 và năm 2023: chấp thuận chọn Công ty KPMG thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính, hoạt động hệ thống kiểm soát nội bộ và Vietbank AMC.



- Trong trường hợp có sự thay đổi đơn vị kiểm toán độc lập năm 2023, chấp thuận lựa chọn 01 (một) trong số 03 (ba) công ty kiểm toán quốc tế hàng đầu tại Việt Nam (bao gồm các công ty: PricewaterhouseCoopers-PWC, Deloitte, EY) hoặc 01 (một) trong 30 (ba mươi) công ty kiểm toán độc lập được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Việc lựa chọn sẽ được Ban kiểm soát đề xuất cụ thể gửi đến Hội đồng quản trị và báo cáo kết quả thực hiện trong kỳ Đại hội đồng cổ đông liền kề.
- 13. Thông qua Báo cáo về kết quả phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro theo quy định tại Thông tư 11/2021/TT-NHNN.
- 14. Thông qua Báo cáo công khai lợi ích liên quan của các TV HĐQT, BKS và Ban TGD định kỳ hàng năm (năm 2021).

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Cơ quan TTGSNH – NHNN;
- NHNN Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu Thư ký HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



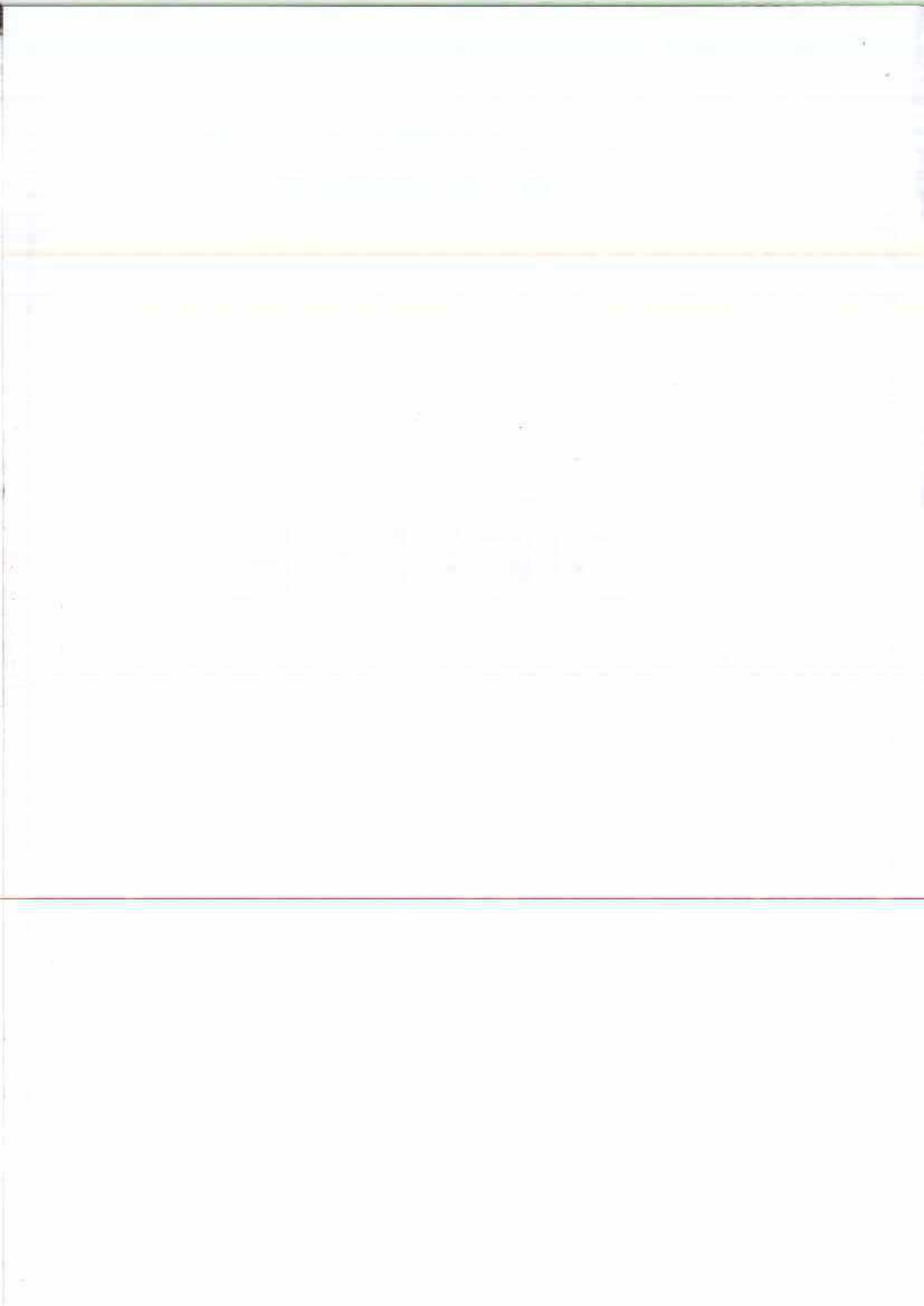
DƯƠNG NHẤT NGUYÊN

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

ĐIỀU LỆ

THÁNG 4/2021





ĐIỀU LỆ NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

PHẦN MỞ ĐẦU

Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín là Ngân hàng thương mại cổ phần (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") được thực hiện hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan theo quy định của pháp luật vì mục tiêu lợi nhuận, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế của Nhà nước. Tổ chức và hoạt động của Ngân hàng được thực hiện theo Điều lệ này, các quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Điều lệ này do Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức ngày 26/04/2021 và thay thế các Điều lệ trước đây.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như sau:

- a. Địa bàn kinh doanh: là phạm vi địa lý được ghi trong giấy phép của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mà tại đó Ngân hàng được thiết lập các điểm hoạt động theo quy định của pháp luật.
- b. Vốn điều lệ: là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được ghi vào Điều lệ này.
- c. Cổ tức: là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Ngân hàng sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
- d. Luật Doanh nghiệp: là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.
- e. Ngày thành lập: là ngày mà Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ký quyết định cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
- f. Cổ đông sáng lập: là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập của Ngân hàng.
- g. Pháp luật: là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động ngân hàng.
- h. Luật CTCTD: là Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật số 17/2017/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng.
- i. Vốn pháp định: là vốn tối thiểu theo yêu cầu của pháp luật để thành lập Ngân hàng.
- j. Cổ đông lớn: là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên vốn cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng.
- k. Người quản lý: bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ này.
- l. Người điều hành: bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ này.
- m. NHNN: là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- n. Cổ phần: là vốn điều lệ được chia thành các phần bằng nhau.

- o. Cổ phiếu: là chứng chỉ do Ngân hàng phát hành, bút toán ghi số hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng.
 - p. Cổ đông: tổ chức hoặc cá nhân sở hữu ít nhất một Cổ phần của Ngân hàng.
 - q. Sổ đăng ký cổ đông: có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký Cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật;
 - r. Thời hạn hoạt động: là thời gian Ngân hàng được tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, kể từ ngày được NHNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Ngân hàng có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được NHNN chấp thuận.
 - s. Việt Nam: là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
 - t. Luật Phá sản: là Luật Phá sản được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2014.
 - u. Người có liên quan: là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 28 Điều 4 của Luật CTCTD, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.
 - v. Địa chỉ liên lạc: là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với Ngân hàng để làm địa chỉ liên lạc.
 - w. Giấy tờ pháp lý của cá nhân: là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.
 - x. Giấy tờ pháp lý của tổ chức: là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.
2. Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc văn bản pháp luật thay thế.
 3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
 4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II THÔNG TIN CỦA NGÂN HÀNG

Điều 2. Tên, địa chỉ, thời hạn hoạt động và thông tin về cổ đông sáng lập của Ngân hàng
Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín được phép hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 2399/QĐ-NHNN ngày 15/12/2006 do Thống đốc NHNN cấp và có:

1. Tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam.
2. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín
Tên viết tắt bằng tiếng Việt: Ngân hàng Việt Nam Thương Tín
Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank
Tên viết tắt bằng tiếng Anh: Vietbank
3. Trụ sở chính đặt tại: 47 Trần Hưng Đạo, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.
Điện thoại: 079 3 621008 Fax: 079 3 621858
Email: callcenter@vietbank.com.vn Trang web: www.vietbank.com.vn
4. Ngân hàng có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và công ty con tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Ngân hàng phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép. Địa chỉ, tên gọi và một số thông tin về các chi nhánh

văn phòng đại diện, công ty con được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Vietbank khi có sự thay đổi.

5. Điều lệ tổ chức và hoạt động, các cơ quan quản lý và điều hành.
6. Con dấu riêng và tài khoản riêng mở tại NHNN và các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của NHNN. Số lượng, hình thức, nội dung và mẫu con dấu của Ngân hàng do Hội đồng quản trị quyết định, việc quản lý, lưu giữ và sử dụng con dấu được thực hiện theo quy định của Tổng giám đốc.
7. Bảng cân đối tài sản và các quỹ theo quy định của pháp luật.
8. Thời hạn hoạt động là 50 năm.
9. Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng:
 - a. Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng là:
 - i. Tổng giám đốc; hoặc
 - ii. Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian khuyết chức danh Tổng giám đốc mà chưa hoàn tất việc bổ nhiệm người khác thay thế.
 - b. Người đại diện theo pháp luật sẽ đại diện cho Ngân hàng thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Ngân hàng, đại diện cho Ngân hàng với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
 - c. Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người quản lý, người điều hành của Ngân hàng đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.
 - d. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định của Khoản này mà người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì thực hiện theo quy định sau đây: Người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trở lại làm việc tại Ngân hàng hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng.
 - e. Trường hợp người đại diện pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 (ba mươi) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng.
10. Họ, tên, địa chỉ và quốc tịch của cổ đông sáng lập của Ngân hàng:

STT	Tên cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Quốc tịch
1	Dương Ngọc Hòa	598 B Nguyễn Đình Chiểu, P.3, Q.3, TP.HCM	Việt Nam
2	Đặng Ngọc Lan	104 Tô Hiến Thành, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội	Việt Nam
3	Cao Văn Đức	149 Tổ 13 Liễu Giai, P.Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội	Việt Nam
4	Ngân hàng TMCP Á Châu	442 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.3, TP.HCM	Việt Nam

1. Ngân hàng được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực như bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng. Ngoài các lĩnh vực này, trường hợp Ngân hàng muốn góp vốn, mua cổ phần vào các lĩnh vực khác thì phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của NHNN.
2. Góp vốn với tổ chức tín dụng nước ngoài để thành lập tổ chức tín dụng liên doanh tại Việt Nam theo quy định của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài tại Việt Nam.
3. Tham gia thị trường tiền tệ theo quy định của NHNN.
4. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng nhà nước quy định.
5. Cung ứng dịch vụ bảo hiểm, được thành lập công ty trực thuộc hoặc liên doanh để kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật.
6. Ngân hàng được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý tài sản bảo đảm, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.
7. Cung ứng các dịch vụ:
 - a. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
 - b. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
 - c. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
 - d. Dịch vụ môi giới tiền tệ.
 - e. Lưu ký chứng khoán, kinh doanh mua, bán vàng miếng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
8. Ngân hàng được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.
9. Cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
10. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ theo quy định của pháp luật, quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
11. Các hoạt động khác theo quy định pháp luật.

Điều 6. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước

Ngân hàng được vay vốn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 7. Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính

Ngân hàng được vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Công ty cho thuê tài chính

Ngân hàng phải thành lập Công ty cho thuê tài chính khi hoạt động cho thuê tài chính.

Điều 9. Tài khoản tiền gửi của Ngân hàng

1. Ngân hàng mở tài khoản tiền gửi tại NHNN – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng và duy trì tại đó số dư tiền gửi dự trữ bắt buộc theo quy định của NHNN.
2. Chi nhánh của Ngân hàng mở tài khoản tiền gửi tại chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở của chi nhánh.

Điều 10. Kinh doanh bất động sản

Ngân hàng không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây:

1. Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng;
2. Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết, thuộc sở hữu của Ngân hàng;
3. Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ vay. Trong thời hạn 03 (ba) năm, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, Ngân hàng phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này để bảo đảm tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định và mục đích sử dụng tài sản cố định theo quy định pháp luật.

Điều 11. Tỷ lệ an toàn

Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn theo quy định tại Chương VI Luật CTCTD và theo quy định của NHNN; thực hiện phân loại tài sản "có" và trích lập dự phòng rủi ro để xử lý các rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ: 4.190.199.040.000 đồng (*bốn ngàn một trăm chín mươi tỷ, một trăm chín mươi chín triệu, không trăm bốn mươi ngàn đồng*) được chia thành 419.019.904 (*Bốn trăm mười chín triệu không trăm mười chín ngàn chín trăm lẻ bốn*) cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng (*Mười ngàn đồng*).
Mức vốn điều lệ nêu trên có thể thay đổi phù hợp với quy định của pháp luật và quy định của NHNN trong từng thời kỳ. Trong trường hợp Ngân hàng có nhu cầu tăng vốn điều lệ thì tại thời điểm Ngân hàng nhận được Văn bản chấp thuận, sửa đổi, bổ sung Giấy phép của Ngân hàng nhà nước về mức vốn điều lệ Vietbank, quy định về mức vốn điều lệ tại khoản này sẽ được tự động cập nhật theo Văn bản chấp thuận đó.
2. Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).
3. Ngân hàng phải đảm bảo mức vốn điều lệ thực có không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật.
4. Ngân hàng không được góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là cổ đông của chính Ngân hàng.
5. Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích:
 - a. Mua, đầu tư vào tài sản cố định của Ngân hàng không quá tỷ lệ quy định của NHNN;
 - b. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của NHNN;
 - c. Mua chứng chỉ quỹ đầu tư, thành lập công ty trực thuộc theo quy định của pháp luật;
 - d. Cho vay;
 - e. Kinh doanh các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Thay đổi vốn điều lệ

1. Việc thay đổi điều lệ phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được đăng ký, chấp thuận của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật hiện hành.
2. Sau khi thay đổi vốn điều lệ theo văn bản chấp thuận của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Ngân hàng phải đăng ký với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vốn Điều lệ mới và thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Vốn hoạt động của Ngân hàng

Vốn hoạt động của Ngân hàng gồm các nguồn sau:

1. Vốn điều lệ của Ngân hàng.
2. Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỉ giá.
3. Các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ, quỹ dự phòng tài chính, quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi.
4. Vốn huy động theo các hình thức quy định tại Điều 4 của Điều lệ này.
5. Lợi nhuận được để lại chưa phân phối.
6. Vốn tài trợ, vốn ủy thác đầu tư để cho vay theo các chương trình, dự án có mục tiêu riêng của Chính phủ giao.
7. Các loại vốn khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG

Điều 15. Cổ phần, cổ đông

1. Ngân hàng phải có số lượng và cơ cấu cổ đông, tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông phù hợp với quy định pháp luật. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được mua cổ phần của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về ngân hàng, chứng khoán, thị trường chứng khoán và các quy định pháp luật khác.
2. Các loại cổ phần, cổ đông: Ngân hàng có cổ phần phổ thông, người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông.
3. Cổ phần của Ngân hàng có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác được quy định tại Điều lệ này và theo các quy định của pháp luật.
4. Trường hợp góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng thì phải là những tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Ngân hàng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc định giá và chuyển quyền sử dụng đất và quyền sở hữu các tài sản này được thực hiện theo quy định tại Điều 35, Điều 36 Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.
5. Hội đồng quản trị quyết định giá chào bán cổ phần. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
 - a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
 - b. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Ngân hàng;
 - c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp Điều lệ Ngân hàng quy định khác;
 - d. Trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Điều lệ Ngân hàng quy định.
6. Bất kỳ cổ phần phổ thông mới nào được dự kiến phát hành sẽ được chào bán trước tiên cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông hiện có của cổ đông tại Ngân hàng. Việc chào bán sẽ được thực hiện bằng thông báo nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn (không ít hơn 20 ngày) đăng ký mua cổ phần. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Ngân hàng đúng thời hạn như thông báo thì cổ đông liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông



của Ngân hàng hoặc người khác theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được chào bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Ngân hàng có thể mua cổ phần do chính Ngân hàng đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Ngân hàng mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
8. Ngân hàng có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 16. Giới hạn sở hữu cổ phần

1. Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu vượt quá 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng.
2. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá 15% (mười lăm phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng, trừ các trường hợp sau đây:
 - a. Sở hữu cổ phần tại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo phương án cơ cấu lại được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
 - b. Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật CTCTD.
3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng, trừ trường hợp quy định tại các điểm a và b khoản 2 Điều này. Cổ đông lớn của Ngân hàng và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 5% (năm phần trăm) trở lên vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng khác.
4. Tỷ lệ sở hữu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này bao gồm cả phần vốn ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần.
5. Trường hợp các tổ chức, cá nhân nắm giữ trái phiếu chuyển đổi, sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phải tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần tại Điều này.

Điều 17. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu của Ngân hàng phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng;
 - b. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - c. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, số Giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - e. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - f. Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng và ngày phát hành cổ phiếu;
2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Ngân hàng phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật Ngân hàng chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Ngân hàng cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:
 - a. Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Ngân hàng để tiêu hủy;
 - b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

4. Mỗi cổ đông sẽ được Ngân hàng cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
5. Theo các quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong Sổ đăng ký cổ đông liên quan đến bất kỳ loại cổ phần nào, sẽ được cấp miễn phí một giấy chứng nhận sau khi mua hoặc nhận cổ phần chuyển nhượng trong vòng 30 (ba mươi) ngày (hoặc thời hạn lâu hơn theo quy định của điều khoản phát hành hoặc của Hội đồng quản trị về việc chuyển nhượng).
6. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu, cổ phiếu cũ sẽ bị hủy bỏ và Ngân hàng phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.
7. Ngân hàng có thể quản lý cổ phiếu hộ cổ đông hoặc cấp cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông. Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên 100 (một trăm) triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Ngân hàng cấp cổ phiếu mới.
8. Cổ phiếu của Ngân hàng không được dùng để đảm bảo cho các khoản cấp tín dụng tại chính Ngân hàng.
9. Trường hợp cổ phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, Ngân hàng phải phát hành cổ phiếu cho các cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày cổ đông thanh toán đủ cổ phần cam kết mua đối với Ngân hàng tăng vốn điều lệ.

Điều 18. Chào bán, chuyển nhượng cổ phần

1. Chào bán cổ phần:
 - a. Chào bán cổ phần là việc Ngân hàng tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:
 - i. Chào bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu;
 - ii. Chào bán cổ phần ra công chúng;
 - iii. Chào bán cổ phần riêng lẻ.
 - b. Việc chào bán cổ phần thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.
 - c. Ngân hàng thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.
2. Cổ phần của cổ đông nắm giữ cổ phiếu được coi là đã chuyển nhượng khi các thông tin quy định tại Điều 21 của Điều lệ này được ghi đầy đủ trong Sổ đăng ký cổ đông;
3. Thời điểm phát sinh quyền và nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tài khoản lưu ký chứng khoán của cổ đông mở tại một thành viên lưu ký có số dư cổ phiếu Ngân hàng. Đối với cổ phiếu chưa lưu ký, thời điểm phát sinh quyền và nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm lên và các thông tin của cổ đông được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng.
4. Sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng, danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký cung cấp cho Ngân hàng là căn cứ duy nhất để xác định quyền và nghĩa vụ của cổ đông.
5. Trừ khi pháp luật có quy định khác, việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn, chuyển nhượng cổ phần dẫn đến cổ đông lớn trở thành cổ đông thường và ngược lại phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.
6. Việc chuyển nhượng cổ phiếu được thực hiện căn cứ theo các quy định của Luật CTCTD, Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định hướng dẫn thi hành. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng, hình thức chuyển nhượng được xác lập bằng văn bản do Hội đồng quản trị quy định cụ thể; văn bản chuyển nhượng được ghi vào

chuyển nhượng, người nhận chuyển nhượng hay đại diện được ủy quyền hợp pháp của những người này ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu đã được chuyển nhượng khi ghi đúng và đủ những thông tin tại điểm d khoản 1 Điều 21 của Điều lệ này vào Sổ đăng ký cổ đông đối với cổ phiếu chưa lưu ký hoặc đã có số dư lưu ký chứng khoán tại một thành viên lưu ký; kể từ thời điểm đó, người nhận chuyển nhượng cổ phần được công nhận là cổ đông của Ngân hàng. Người chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào Sổ đăng ký cổ đông. Ngân hàng phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ công ty.

7. Trong trường hợp một cổ đông bị chết, việc giải quyết quyền lợi, trách nhiệm của cổ đông được thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế.
8. Các cổ đông nước ngoài muốn chuyển nhượng cổ phần Ngân hàng phải được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị Ngân hàng. Thủ tục chuyển nhượng cổ phần của cổ đông nước ngoài do Hội đồng quản trị quy định.
9. Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.
10. Trong thời gian đang xử lý hậu quả theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của NHNN do trách nhiệm cá nhân, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc là đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo quyết định của Tòa án;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 19. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Ngân hàng.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ do Hội đồng quản trị quyết định kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán vào thời điểm thu hồi. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG VI CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 20. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Ngân hàng bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

MỤC I CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 21. Sổ đăng ký cổ đông

1. Ngân hàng phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng;
 - b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Diễn biến tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, số Giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, tổng số cổ phần của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông, cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông công ty trong sổ đăng ký cổ đông.
3. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Ngân hàng để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Ngân hàng không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.
4. Ngân hàng cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ.

Điều 22. Quyền hạn của cổ đông

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Ngân hàng và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu.
2. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Được ưu tiên mua cổ phần mới khi Ngân hàng tăng vốn điều lệ theo quy định tại khoản 6 Điều 15 của Điều lệ này; được chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần cho người khác;



- d. Được chuyển nhượng cổ phần theo quy định trong Điều lệ này, phù hợp với các quy định của Luật CTCTD, Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định của pháp luật có liên quan;
 - e. Được nhận thông tin về tình hình hoạt động của Ngân hàng theo quy định tại Điều lệ này; được xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; được xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Ngân hàng, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình (bao gồm cả việc ủy quyền bằng văn bản cho người khác trực tiếp tham dự Đại hội đồng cổ đông) theo Điều lệ này; người được ủy quyền không được ủy quyền lại và không được ứng cử với tư cách của chính mình;
 - g. Khi Ngân hàng giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần các tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vào Ngân hàng theo quy định của pháp luật về giải thể, phá sản;
 - h. Được ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng hoặc theo quy định của pháp luật nếu Điều lệ không quy định. Danh sách ứng cử phải được gửi tới Hội đồng quản trị trong thời hạn do Hội đồng quản trị quy định.
 - i. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Ngân hàng có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Ngân hàng công bố theo quy định của pháp luật;
 - k. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Ngân hàng, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Ngân hàng gây thiệt hại cho Ngân hàng, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ Nghị quyết, quyết định đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên ngoài những quyền quy định tại Khoản 2 Điều này còn có quyền sau đây:
- a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;
 - b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này;
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) số cổ phần phổ thông ngoài những quyền quy định tại Khoản 2, khoản 3 Điều này còn có thêm quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Việc đề cử thực hiện như sau:
- a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

- b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử;
 - c. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- a. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - b. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 (sáu) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;
 - c. Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này.
6. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải thực hiện bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Ngân hàng, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

Điều 23. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ số cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do Ngân hàng quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại Ngân hàng; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của Ngân hàng; không được góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật.
2. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Ngân hàng.
3. Chấp hành các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
4. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi số vốn đã góp.
5. Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi Ngân hàng dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Ngân hàng, trừ trường hợp được Ngân hàng hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Ngân hàng phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
6. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Ngân hàng dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để thu lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tái chính có thể xảy ra với Ngân hàng.
7. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Ngân hàng và của cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

8. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
9. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư; nếu không cung cấp thông tin cho Ngân hàng, trong trường hợp Ngân hàng phát hiện ra chủ sở hữu thực sự, Ngân hàng có quyền đình chỉ các quyền cổ đông liên quan đến số cổ phần không công khai chủ sở hữu thực sự.
10. Bảo mật các thông tin được Ngân hàng cung cấp theo quy định tại Điều lệ và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Ngân hàng cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
11. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ này.

Điều 24. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Ngân hàng và tất cả các cổ đông có tên trong danh sách đăng ký cổ đông đều có quyền tham dự. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị có quyền quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.
2. Đại hội đồng cổ đông được Hội đồng quản trị triệu tập, địa điểm cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định căn cứ vào tình hình thực tế. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được pháp luật và Điều lệ này quy định.

Điều 25. Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng.
 - b. Khi số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại Điều lệ này;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% số cổ phần phổ thông trở lên khi xảy ra các trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 22 Điều lệ này;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp các cổ đông trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được một trong các yêu cầu hoặc ngày xảy ra một trong các sự kiện nêu tại khoản 1 Điều này.
3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông như quy định, Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Ngân hàng. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.
4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Ngân hàng và cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 22 của Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

5. Tất cả các chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành một cuộc họp các cổ đông sẽ do Ngân hàng thanh toán, vì mục đích rõ ràng, các chi phí đó sẽ không bao gồm chi phí mà cổ đông phải chịu để tham dự Đại hội đồng cổ đông, như chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí liên quan khác.

Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ và quyền hạn:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;
 - b. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng;
 - c. Phê chuẩn quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - d. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng;
 - e. Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - f. Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng;
 - g. Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của Ngân hàng;
 - h. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ;
 - i. Thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
 - j. Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán;
 - k. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;
 - l. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng;
 - m. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
 - n. Quyết định thành lập công ty con;
 - o. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - p. Quyết định đầu tư, bán tài sản của Ngân hàng có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - q. Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng;
 - r. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;
 - s. Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Ngân hàng;
 - t. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu biểu quyết quyết định của Đại hội đồng cổ đông về:

- a. Bất kỳ hợp đồng nào quy định tại điểm p khoản 1 Điều này và tại Điều 40 của Điều lệ này mà cổ đông đó hoặc một người có liên quan của cổ đông đó là một bên của hợp đồng; hoặc
 - b. Bất kỳ việc mua lại cổ phần nào từ cổ đông đó hoặc bất kỳ người có liên quan nào của cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
3. Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết các quyết định về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 27. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và được lập xong không sớm hơn 05 (năm) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
3. Mỗi cổ đông đều có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; được cung cấp các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Cổ đông có quyền yêu cầu người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
5. Người quản lý Ngân hàng phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu.

Điều 28. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không được ủy quyền lại cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông và không được tham gia ứng cử với tư cách cá nhân mình. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên người được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp. Trong trường hợp khác, giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Ngân hàng nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên 24 (hai mươi bốn) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 29. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo

1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập một danh sách các cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết như quy định tại Điều 27 của Điều lệ này, chuẩn bị chương trình họp, các tài liệu phù hợp với quy định của pháp luật và các quy chế của Ngân hàng và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - b. Xác định thời gian và địa điểm Đại hội;
 - c. Gửi Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Thông báo và tài liệu phải được gửi chậm nhất 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ, trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
2. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi kèm chương trình họp và các tài liệu, thông tin hợp lý về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Thông báo họp và tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi bằng phương thức bảo đảm qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp. Trong trường hợp là nhân viên của Ngân hàng, thông báo có thể được gửi tới từng cá nhân trong các phong bì dán kín để tại nơi làm việc.
3. Thông báo về Đại hội đồng cổ đông sẽ được đăng trên trang web của Ngân hàng đồng thời với việc gửi cho các cổ đông. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội sẽ được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Trong trường hợp chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan không được gửi kèm Giấy mời họp, Giấy mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử, cách thức tải tài liệu để các cổ đông tiếp cận.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 22 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề cần đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Ngân hàng chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại Ngân hàng, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp thuận và đưa kiến nghị trên vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau đây:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Những vấn đề không phù hợp với quy định tại Điều lệ này và không phù hợp với các quy định của pháp luật.
6. Chỉ Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đính kèm thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

Điều 30. Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông và biên bản

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp, không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 60 (sáu mươi) phút kể từ thời điểm dự định họp thì Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần hai không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 60 (sáu mươi) phút kể từ thời điểm dự định họp, thì Đại hội đồng cổ đông lần ba được triệu tập họp trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp, tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể quyết định một cách hợp lệ.
2. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:
 - a. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
3. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập bởi Ban kiểm soát hoặc cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 22 của Điều lệ này thì sau khi có đủ số cổ đông và người được ủy quyền đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định dự họp, người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm điều khiển để Đại hội đồng cổ đông tiến hành biểu quyết nhằm bầu một người làm chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông trong số các cổ đông và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu sẽ đề cử thư ký để lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Chủ tọa sẽ cử một hoặc một số người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
5. Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
6. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
7. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi:
 - a. Trừ trường hợp được quy định tại Điểm b khoản này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;

- b. Đối với quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng; thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán; quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của Ngân hàng có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
- c. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.
- d. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó;
8. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
9. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể thêm bằng tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau, trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - Đại biểu tham dự, họ tên chủ tọa và thư ký;
 - Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - Các vấn đề được thảo luận và các quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua, và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng và những vấn đề còn tồn đọng;
 - Tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
10. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp và phải được gửi đến cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên

bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Biên bản sẽ là bằng chứng cho các nội dung công việc đã được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông.

11. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và các văn bản ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại các trụ sở của Ngân hàng. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp, tất cả các quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi cho Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính.
12. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, thủ tục đăng ký cổ đông phải được tiến hành nhằm bảo đảm các cổ đông có quyền dự họp được đăng ký. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông phải làm thủ tục đăng ký, ký tên vào Sổ chữ ký có nêu rõ số cổ phần và loại cổ phần của mình.
13. Khi tiến hành đăng ký, Ngân hàng sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, tên của cổ đông và người đại diện ủy quyền và số phiếu biểu quyết mà cổ đông đó có. Biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông sẽ được tiến hành bằng cách thu số thẻ tán thành một quyết định và sau đó thu số thẻ phủ quyết quyết định đó, và sau đó đếm tổng số phiếu biểu quyết.
14. Các cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội đó để cho những cổ đông này đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.
15. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
16. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;
17. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 14 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

Điều 31. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Ngoại trừ các vấn đề thuộc quy định tại các điểm a, b, d, f, h, l, p và r khoản 1 Điều 26 Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản với điều kiện phải được sự đồng ý tán thành bằng văn bản của các cổ đông đại diện trên 75 % số cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng.
2. Để các quyết định được các cổ đông nhất trí thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, Hội đồng quản trị có trách nhiệm:
 - a. Quyết định các vấn đề cần đưa ra xem xét lấy ý kiến của các cổ đông, cách thức và nội dung biểu quyết theo Điều lệ này và pháp luật;

- b. Gửi phiếu lấy ý kiến và các tài liệu liên quan đến vấn đề cần xin ý kiến biểu quyết, trong đó quy định ngày phải gửi trả lại ("Ngày hoàn trả") các tài liệu đó (nếu cần) kèm văn bản nêu rõ ý kiến biểu quyết của cổ đông cho Ngân hàng và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 27 Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 29 Điều lệ này. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật.
 - c. Tổng hợp ý kiến biểu quyết để xác định quyết định của Đại hội đồng cổ đông và trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ Ngày hoàn trả, Hội đồng quản trị phải có văn bản thông báo kết quả biểu quyết và quyết định của Đại hội đồng cổ đông gửi cho Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính.
3. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Ngân hàng theo một trong các hình thức sau đây:
- a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Ngân hàng.
5. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ, phương thức gửi phiếu kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các quyết định đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông trực tiếp biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 32. Hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét và hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này, trừ trường hợp theo quy định tại Khoản 8 Điều 30 Điều lệ này.
2. Nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này.

MỤC II

ĐIỀU KHOẢN CHUNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 33. Nhiệm vụ chung

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Ban kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
3. Tổng giám đốc là người điều hành cao nhất của Ngân hàng, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

Điều 34. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ

Được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng.

Điều 35. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

Được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng.

Điều 36. Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc

Được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng.

Điều 37. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức

Được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng.

Điều 38. Đình chỉ, tạm đình chỉ chức danh Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc

1. Chủ tịch, các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban, các thành viên Ban kiểm soát, người điều hành của Ngân hàng có thể bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của mình theo quyết định của NHNN trong trường hợp vi phạm quy định tại Điều 35 của Điều lệ này, quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao; NHNN có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.
2. Trường hợp Ngân hàng bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Ban kiểm soát đặc biệt tại Ngân hàng có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ quyền quản trị, điều hành, kiểm soát Ngân hàng của Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban, thành viên Ban kiểm soát; người điều hành nếu xét thấy cần thiết.

3. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của NHNN, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc Ban kiểm soát đặc biệt.

MỤC III

CÁC NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Nghĩa vụ thận trọng của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những Người điều hành khác

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những Người điều hành khác có nghĩa vụ phải thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực và theo cách thức mà những người này xét là có lợi cho Ngân hàng phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ này với mức độ thận trọng mà một người cẩn thận thông thường cũng sẽ thực hiện tương tự khi ở vào điều kiện và hoàn cảnh tương tự.

Điều 40. Nghĩa vụ trung thành và tránh xung đột quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những Người điều hành khác được ủy thác trách nhiệm không được sử dụng cho bản thân những cơ hội kinh doanh mà Ngân hàng có thể sử dụng để tạo lợi thế riêng cho Ngân hàng và không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ đang nắm giữ để thu lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những Người điều hành khác có nghĩa vụ khai báo cho Hội đồng quản trị bất kỳ quyền lợi nào có thể gây xung đột mà họ có thể có ở các tổ chức kinh tế khác, các giao dịch hoặc cá nhân khác, và chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi Hội đồng quản trị (gồm các thành viên Hội đồng quản trị không có quyền lợi liên quan) đã xem xét và chấp thuận.
3. Các Hợp đồng, giao dịch của Ngân hàng không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế theo quy định của Luật CTCTD, trừ các trường hợp quy định tại điểm p khoản 1 Điều 26, khoản 10 Điều 44 Điều lệ này với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng, công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng, các đối tượng quy định tại Điều 41 Điều lệ này chỉ được ký kết, nếu đảm bảo thực hiện đúng theo quy định sau đây:
 - a. Đối với các hợp đồng, giao dịch có giá trị trên 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi ký. Trường hợp này, người đại diện cho Ngân hàng ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch mà Điều lệ này quy định tỷ lệ biểu quyết cao hơn. Cổ đông là bên ký hợp đồng hoặc cổ đông có liên quan với bên ký hợp đồng không được phép tham gia biểu quyết.
 - b. Đối với các hợp đồng, giao dịch có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất phải được Hội đồng quản trị thông qua trước khi ký. Trường hợp này, người đại diện Ngân hàng ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp

đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên Hội đồng quản trị là bên ký hợp đồng hoặc thành viên Hội đồng quản trị có liên quan với bên ký hợp đồng không được phép tham gia biểu quyết.

4. Trường hợp hợp đồng được ký kết mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại khoản 3 Điều này thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Ngân hàng phải có trách nhiệm bồi thường.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những Người điều hành khác không được mua, bán hoặc giao dịch cổ phiếu Ngân hàng hay các công ty trực thuộc khi họ có quyền chiếm hữu thông tin có thể ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu này trong khi các cổ đông khác không có thông tin đó.

Điều 41. Nghĩa vụ công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của Ngân hàng phải công khai với Ngân hàng các thông tin sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh, tỷ lệ và thời điểm mà mình hoặc/ và người có liên quan làm chủ hoặc đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác;
 - b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.
2. Việc công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.
3. Ngân hàng phải công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này định kỳ hằng năm cho Đại hội đồng cổ đông và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.
4. Ngân hàng phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin công khai theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những Người điều hành khác không thực hiện nghĩa vụ của mình một cách trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn thận và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm nghĩa vụ của mình gây ra. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường của Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những Người điều hành khác được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng.
2. Ngân hàng sẽ bồi thường các chi phí phát sinh (kể cả chi phí luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, khiếu kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính mà không phải là việc kiện tụng do Ngân hàng thực hiện) nếu người đó thực hiện nhiệm vụ với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những Người điều hành khác, cán bộ, nhân viên của Ngân hàng mà những người này phải tham gia hoặc đại diện được ngân hàng ủy quyền, với điều kiện những



người này đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế của Ngân hàng một cách trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng với năng lực chuyên môn vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích của Ngân hàng. Ngân hàng có thể mua và duy trì bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

MỤC IV HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 43. Thành phần và nhiệm kỳ

- Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị với tỷ lệ trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận. Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị bao gồm ít nhất là 05 (năm) thành viên và nhiều nhất là 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất 01 (một) thành viên độc lập. Hội đồng quản trị phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị, nhưng không được vượt quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước. Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ là 5 (năm) năm.
Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Ngân hàng không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.
- Việc đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị phải được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ này và Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thông báo việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của NHNN. Kết quả bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải được thông báo cho NHNN theo quy định.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
- Trường hợp cổ đông nước ngoài (bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài) tham gia Hội đồng quản trị phải có thêm các điều kiện sau:
 - Tỷ lệ số người tham gia thành viên Hội đồng quản trị chỉ được tương ứng với tỷ lệ vốn góp của tất cả các cổ đông nước ngoài tại Ngân hàng;
 - Không làm thành viên Hội đồng quản trị tại tổ chức tín dụng khác tại Việt Nam.

Điều 44. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

- Chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Ngân hàng tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Ngân hàng, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng.



2. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 26 Điều lệ này.
3. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng.
4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng quản trị, người phụ trách quản trị công ty và người quản lý, người điều hành khác theo quy định của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng. Ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc.
5. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
6. Cử người đại diện vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác và quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người này.
7. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng từ 10% trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng quy định tại điểm p khoản 1 Điều 26 Điều lệ này.
8. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 128 của Luật CTCTD, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm q khoản 1 Điều 26 của Điều lệ này.
9. Thông qua các hợp đồng của Ngân hàng với công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng; các hợp đồng của Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.
10. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng; đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Ngân hàng bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
11. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của Ngân hàng phù hợp với các quy định của Luật CTCTD và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát (bao gồm chuẩn mực đạo đức đối với thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ) hoặc của Đại hội đồng cổ đông.
12. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.
13. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong hoạt động kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc thành viên Hội đồng quản trị không tham gia xem xét, phê duyệt các quyết định có rủi ro thuộc chức năng, nhiệm vụ của Tổng giám đốc. Nội dung chi tiết được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Ngân hàng.
14. Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên.
15. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.
16. Đề nghị Thống đốc NHNN chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.
17. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.
18. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng.

19. Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng.
20. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
21. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan (bao gồm Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị) để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.
22. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
23. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
24. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.
25. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.
26. Giữa hai kỳ họp Hội đồng quản trị, một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị sẽ được giao cho Thường trực Hội đồng quản trị giải quyết theo quyết định của Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ.

Điều 45. Quyền hạn, nghĩa vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền, nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị.
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - f. Bảo đảm các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét.
 - g. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị.
 - h. Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các quyền, nghĩa vụ chung.
 - i. Ít nhất mỗi năm 01 (một) lần, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.
 - j. Các quyền, nghĩa vụ khác quy định tại khoản 2 Điều này và quy định tại Điều lệ này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền, nghĩa vụ sau đây:
 - a. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của Ngân hàng và cổ đông.
 - b. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành Ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.
 - c. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường.
 - d. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về quyết định của mình.
 - e. Triển khai thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

- f. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.
- g. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố cho Ngân hàng các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Ngân hàng.
- h. Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phần của Ngân hàng phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật.
- i. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.

Điều 46. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị

Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị không hưởng lương mà hưởng thù lao công vụ, thưởng và được đài thọ các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Mức thù lao, thưởng do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Tổng số thưởng, phí công vụ (thù lao và các chi phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ) trả cho các thành viên Hội đồng quản trị và số phí công vụ mà mỗi thành viên Hội đồng quản trị đã nhận sẽ được nêu chi tiết trong Báo cáo hàng năm của Ngân hàng.

Điều 47. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị

1. Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng quản trị để bầu một thành viên Hội đồng quản trị (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định hiện hành.
3. Thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gửi Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
4. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) số thành viên Hội đồng quản trị hoặc không đủ số thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định của Điều lệ này, thì trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.
6. Sau Đại hội đồng cổ đông đầu tiên, những người được bầu giữ chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc triển khai và hoàn tất những công việc thành lập Ngân hàng.
7. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, sau khi được bầu, có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị mới được bầu xử lý; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

Điều 48. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc.



- kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ hoặc bất thường. Trình tự, thủ tục triệu tập các cuộc họp, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
 3. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Ngân hàng hoặc những địa điểm khác được Hội đồng quản trị quy định.
 4. Số thành viên tham dự yêu cầu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).
 5. Nguyên tắc biểu quyết:
 - a. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - b. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt).
 - c. Những nội dung về biểu quyết, không được biểu quyết, xung đột lợi ích, tuyên bố quyền lợi,... được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
 6. Biên bản: Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý ngang nhau, trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng. Chủ tọa, thư ký và các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp Hội đồng quản trị.
 7. Các hình thức họp Hội đồng quản trị:

Ngoài họp trực tiếp, cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được họp dưới các hình thức khác nhau như điện thoại, hội nghị trực tuyến (video conference),...
 8. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị: Nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và gửi cho các Bộ phận/cá nhân liên quan để triển khai thực hiện.

Chi tiết về trình tự, thủ tục, ủy quyền tham dự họp, các nội dung của Biên bản họp và các nội dung khác của cuộc họp Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín và Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.

Điều 49. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị được phép sử dụng bộ máy giúp việc và con dấu của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ của mình.
2. Hội đồng quản trị sẽ có các nhân viên giúp việc chuyên trách và sẽ quy định cụ thể con số và các nhiệm vụ của mỗi thành viên giúp việc.

3. Hội đồng quản trị phải thành lập các Ủy ban để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự. Hội đồng quản trị quy định nhiệm vụ, quyền hạn của hai Ủy ban này theo hướng dẫn của NHNN.

Điều 50. Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị Ngân hàng bổ nhiệm ít nhất 01 người thực hiện nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty của Ngân hàng. Người phụ trách quản trị công ty có thể do Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị và/hoặc Thư ký Hội đồng quản trị đảm nhiệm. Tiêu chuẩn, chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng.
2. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thư ký chuyên trách và quy định chức năng, nhiệm vụ của thư ký. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm thư ký vào bất cứ thời điểm nào khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hai hoặc nhiều người có thể được bổ nhiệm là đồng thư ký; chức năng, nhiệm vụ của thư ký bao gồm:
 - a. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.
 - b. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
 - c. Tham dự và ghi biên bản các cuộc họp.
 - d. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.
 - e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông.
 - f. Các công việc khác theo quy định của Hội đồng quản trị.
 - g. Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

MỤC V TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 51. Tổng giám đốc

1. Điều hành hoạt động Ngân hàng là Tổng giám đốc, giúp việc Tổng giám đốc có một số Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn, nghiệp vụ.
2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký một hợp đồng lao động quy định lương, thưởng, bồi thường, các quyền lợi và các điều khoản khác đối với Tổng giám đốc. Thông tin về mức lương, thưởng, trợ cấp, bồi thường và các quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo với Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Ngân hàng.
3. Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng.
4. Trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quy định khác, nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 (năm) năm; Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Tổng giám đốc được thực hiện theo Luật CTCTD, quy định của NHNN.
Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Tổng giám đốc mới chưa được bổ nhiệm thì Tổng giám đốc của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Tổng giám đốc mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.



5. Phó Tổng giám đốc là người giúp Tổng giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng theo sự phân công của Tổng giám đốc. Phó Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được Tổng giám đốc phân công.
6. Kế toán trưởng giúp Tổng giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Ngân hàng, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 52. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị chỉ được ra quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc sau khi đã được NHNN có văn bản chấp thuận danh sách dự kiến việc bổ nhiệm. Trình tự, thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến bổ nhiệm Tổng giám đốc được thực hiện theo quy định của NHNN.
2. Tổng giám đốc sau khi được bổ nhiệm, được đảm nhiệm ngay công việc của chức danh mới được bổ nhiệm; Tổng giám đốc cũ có trách nhiệm bàn giao công việc cho Tổng giám đốc mới xử lý và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
3. Trường hợp Tổng giám đốc bị đương nhiên mất tư cách thì Hội đồng quản trị phải cử ngay một Phó Tổng giám đốc đảm bảo các điều kiện theo quy định của NHNN và không thuộc đối tượng quy định tại Điều 34 của Điều lệ này đảm nhiệm công việc của Tổng giám đốc và có báo cáo bằng văn bản lên Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính theo quy định.
4. Trong thời hạn tối đa 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày Tổng giám đốc bị đương nhiên mất tư cách Tổng giám đốc hoặc Hội đồng quản trị nhận được đơn xin từ chức của Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị phải tìm người thay thế và tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc mới theo quy định của NHNN.
5. Trường hợp Tổng giám đốc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, của NHNN và Điều lệ này, Hội đồng quản trị có quyền tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng giám đốc, đồng thời phải cử ngay một Phó Tổng giám đốc đảm bảo các điều kiện theo quy định của NHNN, không thuộc đối tượng quy định tại Điều 34 của Điều lệ này đảm nhiệm công việc của Tổng giám đốc và có ngay văn bản báo cáo, đề xuất xử lý đối với những sai phạm, cũng như chức danh Tổng giám đốc gửi Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính giải quyết theo quy định hiện hành.

Điều 53. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc có quyền hạn và nhiệm vụ như sau:

1. Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Ngân hàng.
3. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.
4. Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua hoặc để báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.
5. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.
6. Báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của tổ chức tín dụng.
7. Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị.
8. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ngân hàng trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.
9. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của Ngân hàng, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
11. Ký kết hợp đồng nhân danh Ngân hàng theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của Ngân hàng.
12. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Ngân hàng ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh thường nhật của Ngân hàng theo những thông lệ quản lý tốt nhất.
13. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của Ngân hàng.
14. Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền.
15. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

MỤC VI BAN KIỂM SOÁT

Điều 54. Thành phần và nhiệm kỳ

1. Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát với tỷ lệ trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận. Ban kiểm soát bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có ít nhất 03 (ba) thành viên, trong đó phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại Ngân hàng hoặc doanh nghiệp khác.
3. Ban kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.
4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
5. Những người được bầu giữ chức Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát sau khi được bầu có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao và đảm nhiệm công việc của chức danh được bầu. Những người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho những người mới được bầu; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
6. Việc đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ này và Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.

Điều 55. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng trong việc quản trị, điều hành Ngân hàng; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.
3. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
4. Nhiệm vụ đối với kiểm toán nội bộ bao gồm:

15. Giám sát tình hình tài chính của Ngân hàng, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
16. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Ngân hàng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
17. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;
18. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định pháp luật, Điều lệ này và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 56. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban và thành viên Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát có quyền, nghĩa vụ như sau:
 - a. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều 45 của Luật CTCTD.
 - b. Chuẩn bị chương trình họp của Ban kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.
 - c. Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.
 - d. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường quy định tại Điều 25 của Điều lệ này hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường.
 - e. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
 - f. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
 - g. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát.
 - h. Bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.
 - i. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.
 - j. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.
 - k. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền hạn, nghĩa vụ như sau:
 - a. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ của Ngân hàng và quy định nội bộ của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Ngân hàng và của cổ đông.
 - b. Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban kiểm soát.
 - c. Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường.
 - d. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.
 - e. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
 - f. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm về đánh giá và kết luận của mình.
 - g. Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.
 - h. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.



- Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và linh chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên.

Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng.

- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những Người điều hành khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Ngân hàng theo yêu cầu của Ban kiểm soát và thư ký phải bảo đảm rằng tất cả bản sao chụp các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

Điều 57. Thay thế thành viên Ban kiểm soát

- Thành viên của Ban kiểm soát sẽ đương nhiên bị mất tư cách hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh theo quy định tại Điều 35 và Điều 36 của Điều lệ này. Trình tự, thủ tục bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban và các thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của NHNN.
- Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên Ban kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Trưởng Ban kiểm soát. Trưởng Ban kiểm soát muốn từ chức Trưởng ban phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Ban kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng Ban kiểm soát theo quy định hiện hành.
- Thành viên Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.
- Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định thì trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Ngân hàng phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát.
- Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

Điều 58. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

- Cuộc họp thường kỳ: Cuộc họp Ban kiểm soát đầu tiên phải được tổ chức trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau Ngày Thành lập. Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát đầu tiên, dự kiến chương trình, thời gian và địa điểm họp trước ngày họp dự kiến ít nhất 07 (bảy) ngày. Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.
- Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được quy định lại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.
- Địa điểm họp: Các cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Ngân hàng.
- Số thành viên tham dự yêu cầu: Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Ban kiểm soát được ủy quyền.

Trường hợp triệu tập họp Ban kiểm soát lần thứ hai trở đi, trình tự, thủ tục, tỷ lệ số thành viên tham dự được căn cứ theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

5. Nguyên tắc biểu quyết:
 - a. Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát.
 - b. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt).
 - c. Những nội dung về biểu quyết, không được biểu quyết, xung đột lợi ích, tuyên bố quyền lợi,... được quy định chi tiết tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.
6. Biên bản: Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp Ban kiểm soát.

Chi tiết về trình tự, thủ tục, ủy quyền tham dự họp và các nội dung khác của cuộc họp Ban kiểm soát được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG VII CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA NGÂN HÀNG

Điều 59. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng

1. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng chủ yếu bao gồm:
 - a. Trụ sở chính;
 - b. Chi nhánh, Phòng giao dịch, Văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước, kể cả tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở chính;
 - c. Chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác ở nước ngoài.
2. Ngân hàng được phép mở Chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước, kể cả tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở chính, Chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác ở nước ngoài khi có nhu cầu theo quy định của NHNN. Cơ cấu tổ chức của các đơn vị trên sẽ do Hội đồng quản trị quy định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 60. Bộ máy giúp việc của Tổng giám đốc

1. Các Phó Tổng giám đốc;
2. Kế toán trưởng;
3. Các Khối, Trung tâm, Phòng, Ban, Văn phòng.

CHƯƠNG VIII QUYỀN ĐIỀU TRA SỐ SÁCH VÀ HỒ SƠ NGÂN HÀNG

Điều 61. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ Ngân hàng

1. Cổ đông lớn được quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, bằng một yêu cầu bằng văn bản, thẩm tra danh sách các cổ đông của Ngân hàng và các biên bản của Đại hội đồng cổ đông trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Ngân hàng và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Một yêu cầu của người được ủy quyền phải được kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những Người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ sách kế toán của Ngân hàng, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Ngân hàng vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ, quyền hạn của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Ngân hàng phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung của Điều lệ, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu đối với các tài sản, các báo cáo tài chính hàng năm đã được xác nhận của tổ chức kiểm toán độc lập, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Điều lệ sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử (website) chính thức của Ngân hàng.

CHƯƠNG IX NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 62. Người lao động và Công đoàn

Ngân hàng sẽ phải xây dựng quy chế liên quan đến việc tuyển dụng, sử dụng lao động, buộc thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động của Ngân hàng cũng như quan hệ của Ngân hàng với tổ chức Công đoàn.

CHƯƠNG X PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 63. Cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Ngân hàng. Ngân hàng chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - a. Ngân hàng đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - b. Đã trích lập các quỹ và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;
 - c. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Ngân hàng vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
2. Căn cứ theo kế hoạch và mức chi trả cổ tức đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Ngân hàng.
3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Ngân hàng hoặc bằng tài sản khác theo quy định của pháp luật. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật. Cổ tức được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Ngân hàng đã có đủ chi tiết về ngân hàng của Cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của Cổ đông. Nếu Ngân hàng đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của Cổ đông thì Ngân hàng không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.
4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây

- a. Tên và địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng;
 - b. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;
 - c. Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - d. Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;
 - e. Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng.
5. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Ngân hàng không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Điều 18 Điều lệ này. Ngân hàng phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.
 6. Căn cứ theo kế hoạch và mức chi trả cổ tức đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữ kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Ngân hàng.
 7. Ngân hàng không trả lãi suất cho bất cứ cổ tức hay một khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phiếu.
 8. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
 9. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Ngân hàng.

CHƯƠNG XI

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ, KIỂM TOÁN NỘI BỘ, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 64. Hệ thống kiểm soát nội bộ

1. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của Ngân hàng được xây dựng phù hợp với quy định của Luật CTCTD, hướng dẫn của NHNN và các quy định của pháp luật có liên quan và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra. Hệ thống kiểm soát nội bộ thực hiện giám sát của quản lý cấp cao, kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn và kiểm toán nội bộ.
2. Ngân hàng phải xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để bảo đảm các yêu cầu sau đây:
 - a. Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;
 - b. Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;
 - c. Tuân thủ pháp luật và các quy chế, quy trình, quy định nội bộ.
3. Hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng phải được kiểm toán nội bộ, tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá định kỳ.

Điều 65. Kiểm toán nội bộ

1. Tổ chức của Kiểm toán nội bộ
Kiểm toán nội bộ được tổ chức thành Ban kiểm toán nội bộ, trực thuộc Ban kiểm soát và chịu sự chỉ đạo của Ban kiểm soát.
2. Mục tiêu hoạt động và chức năng cơ bản của Kiểm toán nội bộ
 - a. Hoạt động vì sự an toàn, hiệu quả của Ngân hàng.



- b. Rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về mức độ đầy đủ, tính thích hợp, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm cải tiến, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ của Vietbank.
- c. Phát hiện và ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật; nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và hoạt động của Ngân hàng.
- d. Đảm bảo an toàn bảo mật thông tin và hoạt động liên tục của hệ thống thông tin hoạt động nghiệp vụ.
- e. Đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy định, quy trình, góp phần bảo đảm Vietbank hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

Các nội dung chi tiết về tổ chức, mục tiêu hoạt động, chức năng của kiểm toán nội bộ được quy định cụ thể tại Quy định về Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín được ban hành trong từng thời kỳ.

Điều 66. Kiểm toán viên nội bộ

1. Kiểm toán viên nội bộ phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo Quy định về Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín được ban hành trong từng thời kỳ.

2. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp:

Kiểm toán viên nội bộ phải đảm bảo thực hiện đúng quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực hiện công tác kiểm toán nội bộ và tư vấn. Các quy tắc đạo đức nghề nghiệp cơ bản gồm:

- a. Chính trực.
- b. Khách quan.
- c. Bảo mật.
- d. Trách nhiệm.
- e. Thận trọng.

Nội dung chi tiết của các quy tắc đạo đức nghề nghiệp được quy định tại Quy định về Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín được ban hành trong từng thời kỳ

3. Đối với Trưởng Ban kiểm toán nội bộ ngoài việc đảm bảo các quy tắc đạo đức nghề nghiệp quy định nêu trên và theo Quy định về Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín được ban hành trong từng thời kỳ, còn phải có biện pháp theo dõi, đánh giá, quản lý nhằm đảm bảo các kiểm toán viên nội bộ tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp.
4. Đối với Kiểm toán viên công nghệ, ngoài các tiêu chuẩn nêu tại Quy định về Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín được ban hành trong từng thời kỳ, đồng thời phải có kinh nghiệm làm việc trong ngành công nghệ thông tin tối thiểu là 02 (hai) năm.

Điều 67. Trách nhiệm, quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm toán nội bộ

1. Trách nhiệm của Ban kiểm toán nội bộ

- a. Bảo mật tài liệu, thông tin theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng.
- b. Chịu trách nhiệm trước Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ được giao;
- c. Kiểm toán viên nội bộ chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Trưởng kiểm toán nội bộ về nhiệm vụ kiểm toán được giao.

2. Quyền hạn của Ban kiểm toán nội bộ

- a. Được trang bị đầy đủ các nguồn lực (nhân lực, tài chính, tài sản và các phương tiện khác) cần thiết;
- b. Được cung cấp các thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho công tác kiểm toán nội bộ, bao gồm cả các văn bản, biên bản họp của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- c. Được tham dự các cuộc họp nội bộ theo quy định của pháp luật, hoặc theo quy định tại Điều lệ này, quy định nội bộ của Ngân hàng;

- d. Được phỏng vấn các cá nhân về nội dung liên quan đến kiểm toán nội bộ; kiến nghị cấp có thẩm quyền theo quy định nội bộ của Ngân hàng xử lý đối với hành vi bất hợp tác của cá nhân, bộ phận trong quá trình thực hiện kiểm toán nội bộ.
3. Nhiệm vụ của Ban kiểm toán nội bộ:
 - a. Thực hiện kiểm toán nội bộ đối với trụ sở chính, chi nhánh và đơn vị phụ thuộc khác của Ngân hàng;
 - b. Xây dựng, rà soát để trình Ban kiểm soát ban hành, sửa đổi, bổ sung: (i) Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ theo quy định của NHNN; (ii) Quy định nội bộ của Ban kiểm soát; (iii) Kế hoạch kiểm toán nội bộ;
 - c. Theo dõi, đánh giá việc thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, các cá nhân, bộ phận trực thuộc Ngân hàng;
 - d. Thực hiện các kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác đối với kiểm toán nội bộ;
 - e. Lập báo cáo về kiểm toán nội bộ theo quy định của NHNN.
 4. Các trách nhiệm, quyền hạn và nhiệm vụ khác của Ban kiểm toán nội bộ được quy định cụ thể tại Quy định về Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín được ban hành trong từng thời kỳ.

Điều 68. Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 69. Sử dụng vốn

1. Ngân hàng được sử dụng vốn để phục vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định theo quy định của pháp luật.
2. Ngân hàng được quyền thay đổi cơ cấu vốn và tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động theo quy định của pháp luật.
3. Ngân hàng được điều động vốn và tài sản giữa các công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập.

Điều 70. Các quỹ dự trữ

Ngân hàng được trích lập các quỹ sau:

1. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
2. Quỹ dự phòng tài chính;
3. Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ;
4. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm;
5. Quỹ khen thưởng;
6. Quỹ phúc lợi.

Điều 71. Tự chủ về tài chính của Ngân hàng

Ngân hàng tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của mình, thực hiện nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

Điều 72. Chế độ Kế toán

1. Chế độ kế toán Ngân hàng sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Ngân hàng lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Ngân hàng lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Ngân hàng tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Ngân hàng.
3. Ngân hàng sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.
4. Ngân hàng thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản kế toán do NHNN quy định.

CHƯƠNG XII

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 73. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Ngân hàng phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của NHNN. Báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 75 Điều lệ này.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Ngân hàng trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Ngân hàng tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Ngân hàng phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và NHNN/cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Ngân hàng phải được công bố trên website của Ngân hàng.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Ngân hàng, tại trụ sở chính của Ngân hàng và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.
6. Ngoài những báo cáo định kỳ, Ngân hàng báo cáo ngay với NHNN trong những trường hợp sau:
 - a. Diễn biến không bình thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của Ngân hàng;
 - b. Thay đổi lớn về cơ cấu tổ chức của Ngân hàng.
7. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Ngân hàng gửi các báo cáo hàng năm đến NHNN theo quy định của pháp luật.

Điều 74. Báo cáo thường niên, Báo cáo tình hình quản trị Ngân hàng

Ngân hàng phải lập và công bố Báo cáo thường niên, Báo cáo tình hình quản trị Ngân hàng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XIII

KIỂM TOÁN NGÂN HÀNG

Điều 75. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

2. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, Ngân hàng phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.
3. Trong quá trình kiểm toán, Ngân hàng có trách nhiệm cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời các thông tin theo yêu cầu của Kiểm toán viên. Ngân hàng phải chuẩn bị và gửi cho công ty kiểm toán độc lập báo cáo tài chính bán niên (sau khi kết thúc kỳ báo cáo 06 tháng) và báo cáo tài chính năm (sau khi kết thúc mỗi năm tài chính).
4. Tổ chức kiểm toán độc lập của Ngân hàng kiểm tra, xác thực và báo cáo trên cơ sở báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Ngân hàng và phải lập Báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
5. Một bản sao của Báo cáo kiểm toán phải được gửi đính kèm báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm của Ngân hàng.
6. Kiểm toán viên của tổ chức kiểm toán độc lập được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán viên.
7. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Ngân hàng có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Ngân hàng có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.
8. Việc kiểm toán cụ thể các hoạt động của Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Luật CTCTD, pháp luật về kiểm toán độc lập và văn bản hướng dẫn của NHNN.

CHƯƠNG XIV

ÁP DỤNG CAN THIỆP SỚM, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 76. Áp dụng can thiệp sớm

1. Ngân hàng Nhà nước xem xét áp dụng can thiệp sớm khi Ngân hàng lâm vào một trong các trường hợp sau đây nhưng chưa được đặt vào kiểm soát đặc biệt:
 - a. Không duy trì được tỷ lệ khả năng chi trả trong thời gian 03 tháng liên tục theo quy định của Luật CTCTD;
 - b. Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn trong thời gian 06 tháng liên tục theo quy định của Luật CTCTD;
 - c. Xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản áp dụng can thiệp sớm của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng phải báo cáo Ngân hàng Nhà nước thực trạng, nguyên nhân, phương án khắc phục tình trạng quy định tại khoản 1 Điều này và tổ chức triển khai thực hiện. Thời hạn thực hiện phương án khắc phục tối đa là 01 năm, kể từ ngày có văn bản áp dụng can thiệp sớm của Ngân hàng Nhà nước. Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấm dứt áp dụng can thiệp sớm sau khi Ngân hàng khắc phục được tình trạng quy định tại khoản 1 Điều này hoặc khi Ngân hàng được đặt vào kiểm soát đặc biệt.

Điều 77. Báo cáo và kiểm soát đặc biệt

1. Ngân hàng được xem xét đặt vào kiểm soát đặc biệt khi lâm vào một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Mất, có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc mất, có nguy cơ mất khả năng thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
 - b. Số lỗ lũy kế của tổ chức tín dụng lớn hơn 50% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - c. Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn trong thời gian 12 tháng liên tục hoặc tỷ lệ an toàn vốn thấp hơn 4% trong thời gian 06 tháng liên tục theo quy định của Luật CTCTD;

- d. Xếp hạng yếu kém trong 02 năm liên tục theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
2. Khi có nguy cơ mất khả năng chi trả, nguy cơ mất khả năng thanh toán, Ngân hàng phải kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về thực trạng, nguyên nhân, các biện pháp đã áp dụng, các biện pháp dự kiến áp dụng để khắc phục và các đề xuất, kiến nghị với Ngân hàng Nhà nước.

Điều 78. Giải thể Ngân hàng

1. Ngân hàng bị giải thể trong các trường hợp sau:
 - a. Tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được NHNN chấp thuận bằng văn bản;
 - b. Khi hết thời hạn hoạt động không xin gia hạn hoặc xin gia hạn nhưng không được NHNN chấp thuận bằng văn bản;
 - c. Bị thu hồi Giấy phép.
2. Việc giải thể Ngân hàng trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của NHNN theo quy định.

Điều 79. Thanh lý Ngân hàng

1. Tối thiểu 06 (sáu) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Ngân hàng hoặc sau khi có một quyết định giải thể Ngân hàng, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Ngân hàng hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Ngân hàng ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Ngân hàng.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho NHNN/Cơ quan đăng ký doanh nghiệp về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Ngân hàng trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Ngân hàng trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Ngân hàng;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ Điểm a đến Điểm e Khoản này được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.
4. Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản Ngân hàng quy định tại khoản 2 Điều này, nếu phát hiện Ngân hàng không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ, NHNN ra quyết định chấm dứt thanh lý và yêu cầu Ngân hàng nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản tổ chức tín dụng quy định tại Điều 155 của Luật CTCTD.

CHƯƠNG XV GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 80. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Bất cứ khi nào một sự tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Ngân hàng, tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, do Luật CTCTD, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính giữa:
 - a. Cổ đông và Ngân hàng; hoặc

**NGÂN HÀNG TMCP
VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3352/2021/CV-VB

Sóc Trăng, ngày 16 tháng 12 năm 2021

V/v: Cam kết thực hiện nghĩa vụ của

Tổ Chức Phát Hành

**CAM KẾT THỰC HIỆN NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ**

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín ("**Tổ Chức Phát Hành**") dự kiến phát hành các trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được đảm bảo bằng tài sản và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định hiện hành, có tổng mệnh giá tối đa là 3.000.000.000.000 VND (bằng chữ: Ba nghìn tỷ đồng) ("**Trái Phiếu**") theo các điều khoản và điều kiện cụ thể được nêu trong Bản Cáo Bạch đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng, Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu số 03.112021/HĐNDD/VB-HDBS được ký kết ngày 15/11/2021 giữa Tổ Chức Phát Hành và Công ty Cổ phần Chứng khoán HDB với tư cách là Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu ("**Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu**").

Tổ Chức Phát Hành bằng văn bản này cam kết với Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến Trái Phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn ở các cam kết về (i) điều kiện phát hành Trái Phiếu, (ii) việc thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu, (iii) việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu và (iv) các điều kiện khác được nêu cụ thể trong Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và Các Điều Kiện Trái Phiếu được quy định tại Bản Cáo Bạch của Tổ Chức Phát Hành.

Trân trọng cảm ơn./.

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Đương Nhật Nguyên

HỢP ĐỒNG
ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

Số: 03.112021/HĐNĐD/VB-HDBS

giữa

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN
với tư cách là "Tổ Chức Phát Hành"

và

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB
với tư cách là "Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu"

Ngày **15** tháng **11** năm 2021



Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu ("**Hợp Đồng**") này được lập ngày 15 tháng 11 năm 2021 giữa:

BÊN A: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN (VIETBANK)

Giấy Chứng nhận ĐKDN : Số 2200269805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, thay đổi lần thứ 26 ngày 18/10/2021.

Trụ sở chính : 47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Điện thoại : (0299) 3621.454

Fax : (0299) 3621.858

Đại diện : Ông **Nguyễn Hữu Trung**

Chức vụ : Quyền Tổng Giám đốc

Ủy quyền số : 01/2021/GUQ-VB ngày 18/10/2021 của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

(Sau đây được gọi là "**Tổ Chức Phát Hành**" hoặc "**Bên A**")

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB (HDBS)

Giấy phép thành lập và hoạt động : Số 47/UBCK-GPHĐKD do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 28/12/2006 và các giấy phép điều chỉnh.

Trụ sở chính : Lầu 3B và 9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q.1, TP. HCM

Điện thoại : (028) 6283 6888

Fax : (028) 6283 8666

Đại diện : Ông **Nguyễn Đức Hoàn**

Chức vụ : Tổng Giám đốc

(Sau đây được gọi là "**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu**" hoặc "**Bên B**")

Trong Hợp Đồng này, mỗi bên được gọi riêng là "Bên" và gọi chung là "Các Bên" hoặc "Hai Bên".

CƠ SỞ KÝ KẾT:

- (A) Bên A có kế hoạch chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được đảm bảo bằng tài sản, thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2, theo phương thức chào bán ra công chúng, có kỳ hạn từ 06 (sáu) đến 10 (mười) năm với tổng mệnh giá tối đa 3.000.000.000.000 VND (Ba nghìn tỷ đồng), được phê duyệt tại Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/10/2021 của Đại Hội Đồng Cổ Đông Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín ("**Trái Phiếu**");
- (B) Bên A mong muốn chỉ định Bên B làm tổ chức đại diện của những Người Sở Hữu Trái Phiếu (được định nghĩa dưới đây) theo các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này; và
- (C) Bên B đồng ý thực hiện vai trò là tổ chức đại diện cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này.

Sau khi bàn bạc, hai Bên đồng ý ký kết Hợp Đồng này với nội dung cụ thể như sau:

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI

1.1. Định Nghĩa

Trừ khi được định nghĩa khác tại Hợp Đồng này, các thuật ngữ viết hoa được sử dụng trong Hợp Đồng này sẽ có nghĩa tương tự như được định nghĩa trong Các Điều Khoản Trái Phiếu. Ngoài ra, trong Hợp Đồng này (kể cả phần Cơ Sở Ký Kết trên đây), các từ ngữ dưới đây sẽ có nghĩa như sau:

- (a) "**Bản Cáo Bạch**" có nghĩa là tài liệu do Tổ Chức Phát Hành ban hành và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo bộ hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng bao gồm các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu chào bán mà Tổ Chức Phát Hành có quyền và nghĩa vụ đối với những Người Sở Hữu Trái Phiếu (bao gồm nhưng không giới hạn khối lượng, lãi suất, các cam kết khác) của Trái Phiếu chào bán (có thể được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm theo các quy định của Hợp Đồng này và Các Điều Khoản Trái Phiếu);
- (b) "**Các Điều Khoản Trái Phiếu**" có nghĩa là Các Điều Khoản Và Điều Khoản của Trái Phiếu được quy định tại Bản Cáo Bạch của Tổ Chức Phát Hành;
- (c) "**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu**" có nghĩa như được quy định trong Điều 2.1 và cũng là "Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu" được quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu;
- (d) "**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm**" có nghĩa như được quy định trong Điều 9.1(a);
- (e) "**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế**" có nghĩa như được quy định trong Điều 9.1(a);
- (f) "**Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký**" có nghĩa như được quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu;
- (g) "**Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu**" có nghĩa như được quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu và sẽ được (i) Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký thay mặt và theo ủy quyền của Tổ Chức Phát Hành cấp cho Những Người Sở Hữu Trái Phiếu trước khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký theo quy định của Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký Trái Phiếu; hoặc (ii) được Tổ Chức Phát Hành cấp theo mẫu quy định tại Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký Trái Phiếu (hoặc bất kỳ mẫu nào khác theo thỏa thuận giữa Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với quy định của pháp luật và Trung Tâm Lưu Ký (nếu áp dụng)) sau khi Tổ Chức Phát Hành thực hiện đăng ký, lưu ký tập trung Trái Phiếu tại Trung Tâm Lưu Ký theo quy định tại Điều 4.4 Hợp Đồng này.
- (h) "**Hợp Đồng**" có nghĩa là Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu này, cùng với các Phụ Lục, các sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh vào từng thời điểm;
- (i) "**Ngày Phát Hành**" có nghĩa như được quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu;
- (j) "**Nghị Quyết Của Người Sở Hữu Trái Phiếu**" có nghĩa là nghị quyết về bất kỳ vấn đề gì liên quan đến Trái Phiếu mà được thông qua bởi những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo cách thức và trình tự được quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu và Phụ Lục 01 của Hợp Đồng này;
- (k) "**Người Sở Hữu Trái Phiếu**" có nghĩa như được quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu;
- (l) "**Tổ Chức Phát Hành**" có nghĩa như được quy định trong phần giới thiệu các bên trên đây;
- (m) "**Trái Phiếu**" có nghĩa là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được đảm bảo bằng tài sản, có kỳ hạn từ 06 (sáu) đến 10 (mười) năm kể Ngày Phát Hành, xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp và thoả mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành, dự kiến được Tổ Chức Phát Hành chào bán thành nhiều đợt ra công chúng trong năm 2021 với tổng mệnh giá không vượt quá 3.000.000.000.000 VND (Ba nghìn tỷ đồng) trên cơ sở Các Điều Khoản Và Điều Khoản được quy định tại Bản Cáo Bạch và các Văn Kiện Trái Phiếu khác;
- (n) "**Thời Điểm Khóa Sổ**" có nghĩa là 17h:00 của Ngày Chốt Danh Sách
- (o) "**Trung Tâm Lưu Ký**" có nghĩa là Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (hoặc bất kỳ tổ

chức nào khác kế thừa chức năng đăng ký, và/hoặc lưu ký chứng khoán tại Việt Nam);

- (p) **"Văn Kiện Trái Phiếu"** có nghĩa là bất kỳ nào văn kiện nào sau đây:
- (i) Bản Cáo Bạch, bao gồm Các Điều Kiện Trái Phiếu;
 - (ii) Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký Trái Phiếu;
 - (iii) Hợp Đồng này;
 - (iv) Bất kỳ văn kiện, hợp đồng hay thỏa thuận nào khác được ký kết hoặc ban hành sau Ngày Phát Hành có quy định và/hoặc liên quan về quyền và nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành và những Người Sở Hữu Trái Phiếu/Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với các Trái Phiếu và được các bên liên quan công nhận (và được những Người Sở Hữu Trái Phiếu/Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận) là một Văn Kiện Trái Phiếu vì mục đích của Hợp Đồng này; và
 - (v) Bất kỳ văn kiện hay thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của bất kỳ văn kiện, hợp đồng hay thỏa thuận nào nêu trong các Mục từ (i) đến (iv) trên đây.
- (q) **"VND"** hay **"Đồng"** có nghĩa là tiền tệ hợp pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

1.2. Nguyên Tắc Diễn Giải

Trừ khi văn cảnh yêu cầu cách diễn giải khác, trong Hợp Đồng này:

- (a) Tiêu đề của từng Phụ Lục, Điều, Khoản, Điểm và Mục chỉ tiện cho việc đọc và không ảnh hưởng đến việc diễn giải nội dung của Hợp Đồng;
- (b) Dẫn chiếu đến các Phụ Lục, Điều, Khoản, Điểm và Mục là dẫn chiếu đến các phụ lục, điều, khoản, điểm và mục của Hợp Đồng này;
- (c) Dẫn chiếu đến một Bên (hoặc các Bên) có nghĩa là dẫn chiếu đến Bên (hoặc các bên của Hợp Đồng này);
- (d) Dẫn chiếu đến một tổ chức/cá nhân sẽ gồm cả tổ chức/cá nhân kế nhiệm hoặc nhận chuyển nhượng, chuyển giao cho phép của tổ chức/cá nhân đó;
- (e) Các từ "của Hợp Đồng này", "trong Hợp Đồng này", và "theo Hợp Đồng này" và các từ ngữ có nghĩa tương tự khi sử dụng trong Hợp Đồng này sẽ dẫn chiếu đến toàn bộ Hợp Đồng này chứ không phải đến một điều khoản cụ thể nào của Hợp Đồng;
- (f) Dẫn chiếu đến bất kỳ văn kiện, tài liệu hoặc thỏa thuận nào sẽ (i) bao gồm tất cả phụ lục và các văn bản đính kèm khác của văn kiện, tài liệu hoặc thỏa thuận đó, (ii) bao gồm tất cả các văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận được ban hành hoặc ký kết để thay thế văn kiện, tài liệu hoặc thỏa thuận đó, và (iii) có nghĩa là các văn kiện, tài liệu hoặc thỏa thuận, hoặc các văn kiện thay thế hoặc các văn kiện tiên thân của văn kiện, tài liệu hoặc thỏa thuận đó, cùng với các văn kiện sửa đổi, chỉnh lý và bổ sung tại từng thời điểm phù hợp với quy định của các văn kiện, tài liệu hoặc thỏa thuận đó và có hiệu lực vào bất kỳ thời điểm nào; và
- (g) Dẫn chiếu đến "quyết định", "yêu cầu", "ý kiến", "chỉ thị" hay "chấp thuận" của những Người Sở Hữu Trái Phiếu là đến quyết định, yêu cầu, ý kiến, chỉ thị hay chấp thuận của những Người Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua một cách hợp lệ dưới hình thức quyết định/ng nghị quyết tại một hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc bằng cách lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và Hợp Đồng này.

ĐIỀU 2. CHỈ ĐỊNH ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

- 2.1. Bằng Hợp Đồng này, Bên A chỉ định Bên B làm tổ chức đại diện của những Người Sở Hữu Trái Phiếu nhằm (i) bảo đảm việc Bên A tuân thủ các cam kết, thỏa thuận và nghĩa vụ của mình đối với Trái Phiếu theo quy định của Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác; và (ii) thực hiện các trách nhiệm,

công việc khác theo quy định tại Hợp Đồng này (sau đây gọi là "**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu**") và Bên B đồng ý việc chỉ định này.

2.2. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc đặt mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển nhượng hoặc chuyển giao quyền sở hữu Trái Phiếu theo các cách khác nhau (sau thời điểm hoàn tất chào bán Trái Phiếu), công nhận và đồng ý không hủy ngang (i) việc chỉ định Bên B làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu quy định tại Điều 2.1 trên và (ii) các điều khoản và điều kiện khác của Hợp Đồng này.

2.3. Khi Hợp Đồng này vẫn còn hiệu lực, sẽ chỉ có duy nhất một Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu được chỉ định theo Hợp Đồng này. Việc chỉ định Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Hợp Đồng này sẽ có hiệu lực cho đến khi không còn bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành.

2.4. Nếu:

(a) Theo pháp luật Việt Nam (đang có hiệu lực hoặc sẽ có hiệu lực trong tương lai) hoặc theo phán quyết, quyết định của bất kỳ tòa án hay cơ quan có thẩm quyền nào mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu không được phép hoặc không thể thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ hoặc quyền, lợi ích bất kỳ nào đó của mình được trao theo bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào; hoặc

(b) Xảy ra sự kiện thay thế Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Hợp Đồng này và/hoặc bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào khác nhưng việc thay thế chưa hoàn tất.

thì (các) nhiệm vụ của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và quyền, lợi ích của Người Sở Hữu Trái Phiếu được Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thực thi theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác có thể được thực hiện trực tiếp bởi Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tổ chức/cá nhân khác được những Người Sở Hữu Trái Phiếu ủy quyền (theo quyết định được thông qua hợp lệ của những Người Sở Hữu Trái Phiếu).

2.5. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể bị thay thế theo quy định tại Điều 9.

2.6. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu và Bên A đồng ý rằng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký có thể là cùng một tổ chức và đồng ý miễn trừ mọi xung đột lợi ích có thể có nhưng phải đảm bảo thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và công việc với mỗi tư cách được giao đảm nhận theo từng Hợp đồng dịch vụ có liên quan đã ký kết với Bên A và phải đảm bảo quyền; lợi ích hợp pháp của Người Sở Hữu Trái Phiếu và Bên A không bị ảnh hưởng.

ĐIỀU 3. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN B

3.1. Nghĩa Vụ

Bên B có các nghĩa vụ sau:

(a) Thay mặt và được ủy quyền bởi Người Sở Hữu Trái Phiếu để thực hiện đầy đủ và đúng hạn các quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu;

(b) Không được thực hiện bất kỳ hành vi nào cho mình hoặc cho bất kỳ người thứ ba nào nếu hành vi này trực tiếp hoặc gián tiếp xung đột với quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu;

(c) Đặt quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu lên trên lợi ích của mình khi có nguy cơ, hoặc khi xảy ra, xung đột quyền lợi;

(d) Thực hiện mọi hành vi và công việc với mục đích tối thượng là bảo vệ quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu;

(e) Ký kết và thực hiện Hợp Đồng này và bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào khác mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu là một bên nhân danh và/hoặc vì lợi ích của những Người Sở Hữu Trái Phiếu;

(f) Giám sát việc tuân thủ và/hoặc xử lý đối với các cam kết, nghĩa vụ, trách nhiệm và nhiệm vụ của Bên A quy định trong các Văn Kiện Trái Phiếu; thông báo ngay cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu khi có bằng chứng rõ ràng về việc Bên A vi phạm bất kỳ cam kết, nghĩa vụ, trách

nhệm, nhiệm vụ nào theo bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào;

- (g) Triệu tập và tổ chức Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc lấy ý kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Phụ Lục 01 của Hợp Đồng này khi có yêu cầu hợp lệ của Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Bên A trong phạm vi các yêu cầu đó được đưa ra phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu; ký các quyết định/ng nghị quyết của những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo thẩm quyền được giao;
- (h) Nhận và nhanh chóng thông báo cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu về nội dung của tất cả các thông báo, giấy chứng nhận, tài liệu hoặc các thư từ trao đổi bằng văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà Bên A, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc Trung Tâm Lưu Ký yêu cầu Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu gửi cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- (i) Nhận và nhanh chóng thông báo hoặc chuyển tiếp thông tin cho các Bên liên quan về nội dung của tất cả các thông báo, giấy chứng nhận, tài liệu hoặc thư từ trao đổi bằng văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào gửi cho Bên A, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (j) Thông báo và yêu cầu Bên A hoặc Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc Trung Tâm Lưu Ký thực hiện các Quyết định/Nghị quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu trong phạm vi các Quyết định/Nghị quyết đó được đưa ra phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (k) Hỗ trợ Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các thủ tục cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Điều 4.4 Hợp Đồng này;
- (l) Phối hợp với Bên A để hỗ trợ, hướng dẫn Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các thủ tục đăng ký, lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký và niêm yết Trái Phiếu tại một Sở giao dịch chứng khoán (khi phát sinh) theo quy định của pháp luật và các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký hoặc Sở giao dịch chứng khoán liên quan;
- (m) Trong trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, hỗ trợ Người Sở Hữu Trái Phiếu làm việc với Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký trong việc tiếp nhận, thu hồi các Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu bị rách, bị mờ, hết hiệu lực hoặc đã báo thất lạc mà được tìm thấy và cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu mới nếu Người Sở Hữu Trái Phiếu có yêu cầu;
- (n) Trong trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký, lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký, nhận và tiêu hủy theo quyết định của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu:
 - (A) (các) Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu bị rách hoặc bị mờ, trong vòng 01 (một) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được (các) Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu đó; và
 - (B) (các) Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu bị thất lạc, nếu (các) Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu đó được tìm thấy và nộp lại cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, trong vòng 05 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được (các) Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu đó; và
 - (C) (các) Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu mà Người Sở Hữu phải nộp lại cho Bên A theo quy định của pháp luật Việt Nam và quy chế của Trung Tâm Lưu Ký;
- (o) Tạo điều kiện cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu rà soát, nghiên cứu và sao chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến Trái Phiếu (kể cả các Văn Kiện Trái Phiếu) mà (i) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm lưu giữ và (ii) Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền tiếp cận theo Hợp Đồng này và Các Điều Kiện Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu khác nếu Người Sở Hữu Trái Phiếu yêu cầu cung cấp các tài liệu đó;
- (p) Các nhiệm vụ khác theo quy định của (các) Văn Kiện Trái Phiếu.

3.2. Quyền Hạn

- (a) Bên B được thực hiện mọi quyền, quyền hạn và thẩm quyền và hưởng các lợi ích trao cho mình trong các Văn Kiện Trái Phiếu và pháp luật có liên quan, kể cả những quyền/quyền hạn sau:
- (i) Bên B được đưa ra quyết định về các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu hoặc các Văn Kiện Trái Phiếu trên cơ sở ý kiến, chỉ thị hay chấp thuận của những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu;
 - (ii) Bên B được dựa vào bất kỳ văn kiện, thông báo hay tài liệu nào mà Bên B đánh giá là xác thực, chính xác và đã được ký kết, phê duyệt hợp lệ bởi Bên A và/hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu và không phải kiểm tra hay xác minh việc ký kết hay phê duyệt bất kỳ tài liệu nào như vậy; và
 - (iii) Bên B, bằng chi phí do Bên B thu xếp, chi trả, có thể thuê các tổ chức tư vấn (luật, tài chính, kiểm toán hoặc khác) có uy tín và kinh nghiệm liên quan đến việc thực hiện các công việc hay nhiệm vụ của mình quy định trong các Văn Kiện Trái Phiếu và được dựa vào các tư vấn đó để quyết định việc thực hiện hay không thực hiện công việc và nhiệm vụ của mình và chịu trách nhiệm cho các quyết định đó. Để tránh nhầm lẫn, trong mọi trường hợp, việc thực hiện hay không thực hiện công việc và nhiệm vụ của Bên B vẫn phải tuân thủ các quy định tại Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.
- (b) Bên B có quyền đầu tư vào Trái Phiếu, nhận Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm hoặc ký kết bất kỳ giao dịch nào khác với bất kỳ tổ chức/cá nhân nào khác liên quan đến Trái Phiếu trong phạm vi được pháp luật cho phép; và
- (c) Bên B không bị hạn chế thực hiện vai trò đại diện (hay tương tự) cho người sở hữu bất kỳ chứng khoán nào không phải Trái Phiếu trong thời hạn hiệu lực của Hợp Đồng này, tuy nhiên việc đại diện đó phải đảm bảo không phát sinh hoặc có khả năng dẫn đến phát sinh các xung đột lợi ích của Người Sở Hữu Trái Phiếu phát sinh theo Hợp Đồng này.
- (d) Trong quá trình thực hiện các quyền quy định tại Điều 3.2 này, Bên B có quyền xác lập và ký các văn bản có liên quan trên cơ sở vì lợi ích của Người Sở Hữu Trái Phiếu.

ĐIỀU 4. TRÁI PHIẾU

4.1. Mệnh Giá Và Giá Trị Phát Hành

Mệnh giá Trái Phiếu: 10.000.000 (Mười triệu đồng) VND/Trái Phiếu.

Tổng mệnh giá Trái Phiếu được phát hành không vượt quá 3.000.000.000.000 VND (Ba nghìn tỷ đồng). Tổng giá trị Trái Phiếu được phát hành cụ thể sẽ được quy định trong Sổ Đăng Ký.

4.2. Các Điều Kiện Trái Phiếu

- (a) Trái Phiếu được điều chỉnh bởi Các Điều Kiện Trái Phiếu và các quy định có liên quan của Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác (nếu có).
- (b) Các Điều Kiện Trái Phiếu, cùng với các quy định có liên quan của Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác (nếu có), chứa đựng toàn bộ các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu và xác lập quyền và nghĩa vụ của Bên A và những Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với và liên quan đến Trái Phiếu.

4.3. Tính Chất Trái Phiếu

- (a) Trái Phiếu được chào bán và thanh toán bằng Đồng Việt Nam dưới hình thức bút toán ghi sổ, là Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được bảo đảm bằng tài sản, có kỳ hạn từ 06 (sáu) đến 10 (mười) năm kể từ Ngày Phát Hành, xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Bên A theo quy định hiện hành.
- (b) Các Trái Phiếu sẽ có thứ tự thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.

- (c) Bên A được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ.
- (d) Trong Thời Hạn Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Bên A hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác.

4.4. Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu

- (a) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung với Trung Tâm Lưu Ký, Bên A có trách nhiệm bảo đảm Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu, Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký Trái Phiếu và các Văn Khoản Trái Phiếu khác;
- (b) Sau khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung với Trung Tâm Lưu Ký, Bên A sẽ chịu trách nhiệm cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu trong các trường hợp bắt buộc phải cấp theo quy định của pháp luật hoặc của Trung Tâm Lưu Ký hoặc khi Người Sở Hữu Trái Phiếu rút lưu ký Trái Phiếu của mình;
- (c) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung với Trung Tâm Lưu Ký hoặc sau khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung với Trung Tâm Lưu Ký mà theo quy định của pháp luật hoặc Trung Tâm Lưu Ký mà vẫn tồn tại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu, nếu Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu bị mất, cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác hoặc bị rách, nhòe thì Người Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan có thể thông qua Bên B để đề nghị Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký (đối với trường hợp quy định tại điểm (a) Điều này) hoặc Bên A (đối với trường hợp quy định tại điểm (b) Điều này) để cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu. Để thông qua Bên B yêu cầu Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký/Bên A cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu (tùy từng trường hợp), Người Sở Hữu Trái Phiếu cần gửi cho Bên B (để Bên B chuyển cho Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc Bên A) (1) các hồ sơ theo quy định của Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký và (2) các thông tin/chứng cứ chứng minh Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu cũ đã bị mất hoặc bị tiêu hủy (nếu có) hoặc bị rách, nhòe, và (3) khoản phí cho việc cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc Bên A (tùy từng trường hợp), và (4) 01 văn bản cam kết với các nội dung cơ bản sau:
 - (i) Cam đoan rằng Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác hoặc Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu bị nhòe hoặc rách nộp lại cho Bên B chính là Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu do Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký (nếu Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu đó được cấp bởi Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký) hoặc Bên A (nếu Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu đó được cấp bởi Bên A) được cấp hợp lệ cho mình đối với số Trái Phiếu đang sở hữu;
 - (ii) Nếu Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu bị mất, cam kết nếu tìm lại được sẽ đem trả lại Bên B để trả lại cho Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc Bên A (tùy từng trường hợp áp dụng); và
 - (iii) Cam kết chịu trách nhiệm về mọi tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu và đồng ý bồi thường và bồi hoàn cho Bên B, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký và/hoặc Bên A đối với mọi thiệt hại, tổn thất, chi phí, khiếu nại, kiện tụng mà Bên B, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký và/hoặc Bên A phải gánh chịu liên quan đến việc cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu.
 - (iv) Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu bị rách hoặc bị nhòe phải được nộp lại cho Bên B trước khi Bên B gửi đề nghị của Người Sở Hữu Trái Phiếu cho Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc Bên A cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu.
- (d) Sau khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung với Trung Tâm Lưu Ký, trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu có các Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu bị rách, bị mờ hoặc tìm thấy sau khi thất lạc, Người Sở Hữu Trái Phiếu phải nộp lại các Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái

Phiếu cho Bên B. Bên B sẽ tiếp nhận, thu hồi và tiêu hủy các Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu này theo quy định tại Điều 3.1(n) Hợp Đồng này.

4.5. Giao Dịch Trái Phiếu

Trong khi Trái Phiếu chưa được đăng ký, lưu ký tại Trung Tâm Lưu Ký, mọi giao dịch đối với Trái Phiếu (kể cả Chuyển Quyền Sở Hữu) sẽ theo quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu và Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký Trái Phiếu. Sau khi Trái Phiếu được đăng ký và lưu ký tại Trung Tâm Lưu Ký, mọi giao dịch đối với Trái Phiếu (kể cả Chuyển Quyền Sở Hữu) sẽ được thực hiện theo quy định có liên quan của Trung Tâm Lưu Ký.

4.6. Quyết Định Của Người Sở Hữu Trái Phiếu

Trình tự và thủ tục tổ chức Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu và lấy ý kiến bằng văn bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu được quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu và Phụ Lục 01 của Hợp Đồng này.

4.7. Thanh Toán Theo Trái Phiếu

- (a) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký và lưu ký tại Trung Tâm Lưu Ký, Bên A sẽ tự thực hiện thanh toán theo Trái Phiếu đối với các khoản thanh toán gốc, lãi Trái Phiếu.
- (b) Sau khi Trái Phiếu đã được đăng ký, lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký, việc thanh toán theo Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo quy trình do Trung Tâm Lưu Ký áp dụng. Ngày Chốt Danh Sách sẽ được xác định theo quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu.

ĐIỀU 5. CAM ĐOAN VÀ ĐẢM BẢO

Bên A cam đoan và bảo đảm với Bên B và những Người Sở Hữu Trái Phiếu rằng các tuyên bố và khẳng định dưới đây là chính xác và không gây nhầm lẫn:

5.1. Tư Cách Pháp Nhân

Bên A (i) là một ngân hàng thương mại được thành lập hợp lệ và hoạt động hợp pháp theo pháp luật Việt Nam và (ii) có đầy đủ quyền hạn và thẩm quyền để sở hữu tài sản của mình và thực hiện các hoạt động kinh doanh hiện tại đang được Bên A tiến hành. Cho đến ngày ký Hợp Đồng này, chưa có sự kiện nào quy định tại các Điều 207 và 214 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 đã hoặc đang xảy ra với Bên A.

5.2. Giấy Phép

Bên A đã được cấp mọi giấy phép, đăng ký, phê chuẩn và chấp thuận phải có theo yêu cầu của pháp luật Việt Nam để Bên A tiến hành hoạt động kinh doanh của mình. Bên A đã tuân thủ các giấy phép, đăng ký, phê chuẩn và chấp thuận đó về mọi khía cạnh trọng yếu. Các giấy phép, đăng ký, phê chuẩn và chấp thuận đó đều còn đầy đủ hiệu lực và Bên A chưa nhận được bất kỳ thông báo nào về việc thu hồi hay sửa đổi bất kỳ giấy phép, đăng ký, phê chuẩn hay chấp thuận nào như vậy.

5.3. Thẩm Quyền

Bên A có đầy đủ quyền, quyền hạn, thẩm quyền và đã thực hiện các thủ tục và đạt được các chấp thuận nội bộ cần thiết phù hợp với Điều lệ và các quy chế, quy định nội bộ đang có hiệu lực của Bên A để:

- (a) Chào bán và phát hành Trái Phiếu; và
- (b) Ký kết và chuyển giao các Văn Kiện Trái Phiếu mà Bên A là một Bên và thực hiện các nghĩa vụ, cam kết và thỏa thuận của Bên A theo Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu đó.

5.4. Tính Hợp Pháp, Hiệu Lực và Khả Năng Thi Hành

Khi được phát hành và ký kết hợp lệ, Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu mà Bên A là một Bên xác lập các nghĩa vụ hợp pháp, có hiệu lực, có giá trị ràng buộc và có thể thi hành đối với Bên A theo quy



Handwritten signature in blue ink.

định của các Văn Kiện Trái Phiếu đó, trừ trường hợp việc thi hành các nghĩa vụ đó có thể bị hạn chế bởi các quy định của pháp luật về phá sản, tái cơ cấu hoặc về các vấn đề tương tự mà liên quan tới hoặc ảnh hưởng đến việc thi hành các quyền của chủ nợ nói chung.

5.5. Không Mâu Thuẫn

Việc Bên A chào bán Trái Phiếu và ký kết hoặc thực hiện Hợp Đồng này sẽ không (i) vi phạm bất kỳ điều khoản nào của Điều lệ, các quy chế, quy định nội bộ đang có hiệu lực của Bên A, (ii) vi phạm pháp luật Việt Nam có liên quan.

5.6. Chấp Thuận

Bên A đã xin được mọi chấp thuận cần thiết của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có) để chào bán Trái Phiếu, ký kết và thực hiện các Văn Kiện Trái Phiếu mà Bên A là một Bên.

5.7. Tuân Thủ Luật Khi Phát Hành Trái Phiếu

Bên A đáp ứng mọi điều kiện và yêu cầu của pháp luật Việt Nam có liên quan để phát hành và chào bán Trái Phiếu.

5.8. Bản Cáo Bạch

- (a) Bản Cáo Bạch chứa đựng các thông tin liên quan đến Bên A, các công ty con, công ty liên kết và Trái Phiếu mà có tính chất trọng yếu đối với việc chào bán và phát hành Trái Phiếu này (kể cả các thông tin, theo đặc điểm của Bên A, các công ty con, công ty liên kết và Trái Phiếu, là cần thiết để cho phép các Nhà Đầu Tư đưa ra những đánh giá trên cơ sở có đầy đủ thông tin cần thiết về tài sản và nợ, tình hình tài chính, lãi, và lỗ và triển vọng của Bên A và về các quyền kèm theo Trái Phiếu);
- (b) Các tuyên bố về các sự kiện thực tế nêu trong Bản Cáo Bạch vào ngày của Bản Cáo Bạch và vào Ngày Phát Hành là trung thực, chính xác, và không gây nhầm lẫn về mọi khía cạnh trọng yếu; và
- (c) Bên A không bỏ sót bất kỳ sự kiện nào khác liên quan đến Bên A hay công ty con/công ty liên kết mà nếu sự kiện đó bị bỏ sót khỏi Bản Cáo Bạch có thể làm cho bất kỳ tuyên bố nào trong Bản Cáo Bạch bị hiểu sai về bất kỳ khía cạnh trọng yếu nào.

5.9. Báo Cáo Tài Chính

Các báo cáo tài chính của Bên A đính kèm Bản Cáo Bạch là các báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong 02 năm gần nhất trước đợt phát hành, báo cáo tài chính bán niên của năm đăng ký chào bán đã kiểm toán/soát xét (nếu có) và báo cáo tài chính quý gần nhất, tùy từng trường hợp áp dụng. Các báo cáo tài chính đó được lập phù hợp với pháp luật Việt Nam có liên quan, chính sách kế toán của Bên A và các chuẩn mực của kế toán Việt Nam (trừ khi được tuyên bố khác đi) và trình bày trung thực về tình hình tài chính của Bên A vào các ngày của các báo cáo tài chính tương ứng và về kết quả hoạt động và những thay đổi về tình hình tài chính của Bên A cho các giai đoạn mà các báo cáo tài chính đó được lập theo yêu cầu của pháp luật Việt Nam và các chuẩn mực kế toán Việt Nam.

5.10. Sự Kiện Vi Phạm

Chưa xảy ra bất kỳ sự kiện nào liên quan đến Bên A mà, nếu Trái Phiếu được phát hành, có thể tạo thành một Sự Kiện Vi Phạm (được định nghĩa trong Các Điều Kiện Trái Phiếu).

ĐIỀU 6. CAM KẾT

Bên A cam kết với Bên B và những Người Sở Hữu Trái Phiếu như sau:

6.1. Công Bố Thông Tin

Bên A sẽ thông báo ngay cho Bên B nếu, tại bất kỳ thời điểm nào và hoặc trước Ngày Phát Hành, Bên A nhận được bất kỳ thông tin nào về bất kỳ tình huống hoặc sự kiện nào mà xảy ra tình huống hoặc sự

kiện đó dẫn đến việc Bản Cáo Bạch chứa đựng thông tin không trung thực hoặc không còn chính xác về một sự kiện quan trọng hoặc bỏ sót bất kỳ sự kiện quan trọng nào mà lẽ ra phải được trình bày trong Bản Cáo Bạch, xét trong bối cảnh các thông tin đó khi được đưa ra vào thời điểm lập Bản Cáo Bạch thì không có sai sót hoặc, nếu vì bất kỳ lý do nào khác mà Bên A cần phải sửa đổi hoặc bổ sung Bản Cáo Bạch.

6.2. Thông Báo Các Thay Đổi

Bên A sẽ thông báo ngay cho Bên B về bất kỳ vấn đề trọng yếu nào đã hoặc có thể đã, hoặc sẽ hoặc có thể sẽ, là không trung thực hoặc không chính xác liên quan đến bất kỳ cam đoan và bảo đảm nào của Bên A trong Hợp Đồng này ngay sau khi Bên A biết được vấn đề đó và phải tiến hành ngay các bước có thể được yêu cầu một cách hợp lý để khắc phục sự việc đó.

6.3. Trả Nợ Và Tuân Thủ Nghĩa Vụ

- (a) Bên A sẽ thanh toán đầy đủ và đúng hạn gốc và lãi của Trái Phiếu và các khoản thanh toán khác theo Trái Phiếu khi đến hạn theo quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu và Hợp Đồng này; và
- (a) Bên A cũng cam kết tuân thủ bất kỳ trách nhiệm hay nghĩa vụ nào khác của mình theo hoặc liên quan đến Trái Phiếu theo quy định của Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác (kể cả nghĩa vụ trả phí và chi phí hợp lý cho Bên B).

6.4. Giấy Phép Và Chấp Thuận

Bên A sẽ xin, gia hạn, duy trì hiệu lực và tuân thủ mọi giấy phép, đăng ký, phê chuẩn và chấp thuận cần thiết và trọng yếu đối với hoạt động kinh doanh của Bên A cũng như cho việc thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào của Bên A theo Trái Phiếu.

6.5. Sử Dụng Tiền Thu Được

Bên A sẽ sử dụng tiền thu được từ việc chào bán Trái Phiếu phù hợp với mục đích đã được công bố tại Bản Cáo Bạch. Tuy nhiên, Bên A được thay đổi mục đích sử dụng tiền thu được trên cơ sở linh hoạt phù hợp với quy định của pháp luật sau khi xin đầy đủ các phê duyệt, chấp thuận và thực hiện công bố thông tin/thông báo cho Bên B và những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của pháp luật.

6.6. Cung Cấp Thông Tin

Bên A phải cung cấp thông tin cho Bên B (để Bên B chuyển cho Người Sở Hữu Trái Phiếu nếu có yêu cầu của Người Sở Hữu Trái Phiếu) về bất kỳ Sự Kiện Vi Phạm nào (quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu) ngay khi Bên A biết được thông tin đó.

6.7. Niêm Yết Trái Phiếu

Bên A sẽ thực hiện đăng ký, lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký và niêm yết Trái Phiếu tại một Sở giao dịch chứng khoán tại Việt Nam trên cơ sở đáp ứng các điều kiện đăng ký, lưu ký tập trung và niêm yết Trái Phiếu theo quy định của pháp luật.

6.8. Các Cam Kết Khác

- (a) Bên A sẽ tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan;
- (b) Trong phạm vi tuân thủ các quy định của pháp luật, Bên A sẽ duy trì việc niêm yết Trái Phiếu sau khi đã hoàn thành việc niêm yết Trái Phiếu quy định tại Điều 6.7; Bên A sẽ hợp tác và hỗ trợ Bên B tối đa để cho phép Bên B thực hiện các nhiệm vụ, công việc của mình theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu.

ĐIỀU 7. PHÍ VÀ CHI PHÍ

- 7.1.** Bên A sẽ thanh toán cho Bên B khoản phí liên quan đến các công việc và nhiệm vụ mà Bên B thực hiện theo Hợp đồng này với mức phí cụ thể được quy định tại Thỏa thuận phí số **04.112021/TTP/VB-**

HDBS được ký giữa Bên A và Bên B ngày 15/11/2021 ("Thỏa Thuận Phí").

- 7.2. Liên quan đến bất kỳ công việc hay dịch vụ nào mà Bên B có thể cung cấp cho các bên khác (không phải là Bên A) liên quan đến Trái Phiếu, với điều kiện là việc thực hiện các công việc hay dịch vụ này không gây tổn hại hoặc có ảnh hưởng bất lợi đối với các quyền của Bên A phát sinh theo Hợp Đồng này và Văn Kiện Trái Phiếu khác, Bên B có quyền ấn định và giữ lại cho mình tất cả các khoản phí mà các Bên đó phải thanh toán cho Bên B.
- 7.3. Trong trường hợp Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm được thay thế theo quy định tại Điều 9 Hợp Đồng này, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm sẽ chuyển giao cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế khoản phí mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm đã nhận được từ Bên A theo quy định tại Điều 7.1 cho giai đoạn mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế sẽ thực hiện các công việc trong Hợp Đồng này. Để làm rõ, mức phí được chuyển giao cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế sẽ được tính toán theo công thức sau:

$$\text{Mức phí chuyển giao cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế} = \frac{A_T \times N}{365}$$

Trong đó:

A_T là tổng phí Bên A đã thanh toán cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm cho kỳ cung cấp dịch vụ thứ T.

N là số ngày tính từ (và bao gồm) ngày Đại Lý Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế bắt đầu thay thế Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm cho đến (nhưng không bao gồm) ngày kết thúc kỳ cung cấp dịch vụ thứ T.

ĐIỀU 8. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

8.1. Trách Nhiệm Của Bên A

Bên A sẽ bồi thường và bồi hoàn cho Bên B mọi tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm, phạt vi phạm, chi phí và phí tổn hợp lý (và có bằng chứng về các tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm, phạt vi phạm, chi phí và phí tổn đó) mà Bên B phải gánh chịu trên thực tế và trực tiếp liên quan đến hoặc phát sinh từ việc Bên A có hành vi lừa dối hoặc vi phạm bất kỳ quy định nào của Hợp Đồng này.

8.2. Trách Nhiệm Của Bên B

Bên B không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với Bên A hay bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào trừ trường hợp Bên B có hành vi lừa dối hoặc thiếu cẩn trọng một cách rõ ràng hoặc vi phạm Hợp Đồng này, khi đó Bên B có nghĩa vụ bồi thường và bồi hoàn mọi tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm, phạt vi phạm, chi phí và phí tổn mà Bên A hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu phải gánh chịu trên thực tế và trực tiếp phát sinh từ hành vi lừa dối hoặc thiếu cẩn trọng một cách rõ ràng hoặc vi phạm Hợp Đồng này. Ngoài ra, Bên A và mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu công nhận và đồng ý rằng:

- Bên B không có bất kỳ trách nhiệm, nghĩa vụ hay nhiệm vụ thuộc bất kỳ loại nào ngoài các công việc và nhiệm vụ được quy định rõ ràng trong các Văn Kiện Trái Phiếu;
- Bên B không phải thực hiện bất kỳ công việc hay nhiệm vụ nào mà trái với hoặc, theo đánh giá hợp lý của Bên B là có thể trái với bất kỳ quy định nào của pháp luật, quyết định, phán quyết của cơ quan có thẩm quyền hay quy chế của Trung Tâm Lưu Ký hoặc Sở Giao Dịch Chứng Khoán nơi niêm yết Trái Phiếu này. Trong trường hợp này, Bên B phải thông báo chậm nhất trước 03 (ba) Ngày Làm Việc và cung cấp cho Bên A bằng chứng về việc Bên B có cơ sở để ngừng/không thực hiện công việc đó;
- Bên B phải thông báo về Sự Kiện Vi Phạm ngay khi biết được Sự Kiện Vi Phạm đó;

- (d) Khi có chỉ thị của những Người Sở Hữu Trái Phiếu (dù được đưa ra trên cơ sở một quyết định/nghị quyết của những Người Sở Hữu Trái Phiếu hay theo cách khác), Bên B sẽ chỉ hành động theo chỉ thị đó nếu Bên B được cam kết/bảo đảm (đáp ứng yêu cầu của Bên B) của những Người Sở Hữu Trái Phiếu về việc bồi hoàn bất kỳ tổn thất, trách nhiệm hay nghĩa vụ thuộc bất kỳ loại nào mà Bên B có thể phải gánh chịu hoặc chi trả khi hành động theo chỉ thị đó; và
- (e) Bên B không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với Người Sở Hữu Trái Phiếu về bất kỳ công việc hay nhiệm vụ nào mà Bên B đã thực hiện nếu Bên B thực hiện công việc hay nhiệm vụ đó theo đúng chỉ thị của Người Sở Hữu Trái Phiếu.

ĐIỀU 9. THAY THẾ ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

9.1. Quy Định Chung

- (a) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu đương nhiệm (sau đây gọi là "**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm**") có thể bị thay thế bởi một tổ chức khác (sau đây gọi là "**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế**") theo các quy định tại Điều 9 này và Các Điều Kiện Trái Phiếu;
- (b) Việc thay thế Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm sẽ có hiệu lực từ ngày Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế và Bên A ký kết thỏa thuận tham gia về cơ bản theo mẫu quy định tại Phụ Lục 02 của Hợp Đồng này và được phê chuẩn bởi Nghị Quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu, trừ trường hợp Bên A và những Người Sở Hữu Trái Phiếu có thỏa thuận khác;
- (c) Việc chỉ định Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế bởi Bên A hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm (tùy trường hợp áp dụng) nếu phù hợp với Điều 9 này sẽ (i) phải được chấp thuận bởi Nghị Quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu và (ii) sẽ ràng buộc Bên A, những Người Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký (nếu có) và các bên khác có liên quan (nếu có) trong các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (d) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế phải là tổ chức có tư cách pháp nhân, có uy tín và kinh nghiệm và đáp ứng các điều kiện cần thiết để làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của các Văn Kiện Trái Phiếu và pháp luật Việt Nam có liên quan và không phải là người có liên quan của Bên A theo quy định pháp luật, bất kỳ người quản lý hoặc cổ đông sở hữu trên 5% (năm phần trăm) vốn có quyền biểu quyết của Bên A;
- (e) Bên A hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm (tùy trường hợp áp dụng) sẽ gửi thông báo cho Bên còn lại, những Người Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký (nếu áp dụng) và các bên khác có liên quan (nếu có) trong các Văn Kiện Trái Phiếu về việc chỉ định Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế trong vòng 05 (năm) Ngày Làm Việc từ ngày hoàn thành việc chỉ định đó;
- (f) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm phải bàn giao các hồ sơ, tài liệu, hoặc vật dụng mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có được khi thực hiện Dịch Vụ liên quan đến Trái Phiếu cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế ngay khi có thể thực hiện được trên thực tế (nhưng sau khi đã nhận đủ tất cả các khoản thanh toán đến hạn cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm theo Hợp Đồng này).

9.2. Thay Thế Do Từ Nhiệm

- (a) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có thể từ nhiệm và ngừng thực hiện toàn bộ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình với tư cách là Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu sau khi thông báo bằng văn bản cho Bên A và những Người Sở Hữu Trái Phiếu ít nhất 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc trước ngày dự kiến từ nhiệm;
- (b) Trong vòng 25 (hai mươi lăm) Ngày Làm Việc từ ngày nhận được thông báo từ nhiệm của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ định một tổ chức

làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế bằng Nghị Quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu; và

- (c) Nếu Người Sở Hữu Trái Phiếu không chỉ định được Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế trong thời hạn quy định tại Điều 9.2(b) trên đây thì Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có quyền chỉ định một tổ chức khác có uy tín và kinh nghiệm và đáp ứng các điều kiện cần thiết theo quy định của pháp luật làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế và việc chỉ định này sẽ ràng buộc Bên A, những Người Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký (nếu áp dụng) và các bên khác (nếu có) của các Văn Kiện Trái Phiếu.

9.3. Thay Thế Bắt Buộc

- (a) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có thể bị thay thế theo quyết định của những Người Sở Hữu Trái Phiếu nếu:
- (i) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm vi phạm nghiêm trọng nhiệm vụ của mình như quy định trong Hợp Đồng này và/hoặc Văn Kiện Trái Phiếu khác; hoặc
 - (ii) Có kết luận hoặc quyết định đã có hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền về việc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm không được thực hiện vai trò đại diện cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu; hoặc
 - (iii) Theo đánh giá của những Người Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm không đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ chính của mình, bao gồm cả trường hợp Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm bị giải thể, phá sản theo quy định pháp luật;
- (b) Trong vòng 25 (hai mươi lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày có quyết định của những Người Sở Hữu Trái Phiếu về việc thay thế Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm, Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng Nghị Quyết Của Người Sở Hữu Trái Phiếu phải chỉ định một tổ chức làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế. Nếu việc thay thế thuộc trường hợp quy định tại đoạn (ii) trên đây của Điều 9.3(a) thì Người Sở Hữu Trái Phiếu, bằng Nghị Quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu, phải chỉ định Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trước thời điểm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm bắt buộc phải thôi thực hiện vai trò đại diện của những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo kết luận hoặc quyết định có liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

9.4. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm Chấm Dứt Hoạt Động

- (a) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có trách nhiệm thông báo cho Bên A và những Người Sở Hữu Trái Phiếu ngay sau khi có bất kỳ quyết định nào đã có hiệu lực về việc chấm dứt hoạt động của mình.
- (b) Ngay sau khi Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm bị chấm dứt hoạt động vì bất kỳ lý do nào, Bên A phải chỉ định một tổ chức làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế và gửi thông báo cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu về việc chỉ định trong vòng 05 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày hoàn thành việc chỉ định.
- (c) Bên A công nhận và cam kết rằng kể cả khi chưa có tổ chức nào được chỉ định làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm đã chấm dứt hoạt động thì Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm là một Bên sẽ tiếp tục có hiệu lực và ràng buộc Bên A như là sự kiện thay thế Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu quy định tại Điều 9.3 này chưa xảy ra.

ĐIỀU 10. HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT

10.1. Hợp Đồng này có hiệu lực từ ngày ký và bị chấm dứt khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào dưới đây:

- (a) Không có bất kỳ Trái Phiếu nào được chào bán; hoặc

(b) Khi các Trái Phiếu được mua lại toàn bộ theo Các Điều Khoản Trái Phiếu hoặc mọi nghĩa vụ thanh toán theo Trái Phiếu đã được thực hiện đầy đủ.

10.2. Việc chấm dứt Hợp Đồng này sẽ không làm ảnh hưởng đến các quyền và trách nhiệm phát sinh đối với mỗi bên trước thời điểm chấm dứt. Các quy định tại các Điều 10.2, 11.4, 11.6 và 11.7 vẫn có giá trị ràng buộc các bên sau khi Hợp Đồng này chấm dứt.

ĐIỀU 11. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

11.1. Chuyển Giao

Trừ trường hợp thay thế Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, không Bên nào được chuyển giao, chuyển nhượng bất kỳ quyền hay nghĩa vụ nào của mình quy định trong Hợp Đồng này nếu không có chấp thuận trước bằng văn bản của Bên kia, ngoại trừ việc chuyển giao vì lý do tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

11.2. Chậm Thực Hiện Quyền

Việc một Bên không thực hiện hay chậm trễ thực hiện bất kỳ quyền hoặc chế tài nào theo Hợp Đồng này sẽ không được hiểu là từ bỏ quyền hoặc biện pháp khắc phục đó, hay việc thực hiện riêng hoặc một phần quyền hoặc biện pháp khắc phục nào đó không ngăn cản việc thực hiện tiếp các quyền, các biện pháp khắc phục khác hay các phần khác của quyền hoặc biện pháp khắc phục đó. Các quyền và biện pháp khắc phục quy định trong Hợp Đồng này có thể được thực hiện cùng một lúc và không ngoại trừ bất kỳ quyền và biện pháp khắc phục nào theo quy định của pháp luật có liên quan.

11.3. Tính Chất Riêng Rẽ

Mỗi quy định trong Hợp Đồng này và mỗi phần của nó là riêng rẽ và phân biệt so với các quy định khác. Nếu có bất kỳ quy định nào của Hợp Đồng này là không có giá trị, không hợp pháp hoặc không có giá trị thì hành theo luật thì giá trị, tính hợp pháp và khả năng thi hành của các quy định còn lại của Hợp Đồng này sẽ không bị ảnh hưởng theo bất kỳ cách nào.

Trường hợp cần điều chỉnh các điều khoản/quy định không có giá trị, không hợp pháp hoặc không có giá trị thì hành theo luật thì các Bên sẽ thỏa thuận để điều chỉnh lại cho phù hợp với thực tế thực hiện Hợp đồng giữa các Bên cũng như tuân thủ Điều 11.5 Hợp Đồng này và các quy định pháp luật điều chỉnh có liên quan.

11.4. Thông Báo

Việc gửi thông báo theo Hợp Đồng này sẽ theo phương thức quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu.

11.5. Sửa Đổi

Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng này đều phải được lập bằng văn bản và được ký kết bởi đại diện có thẩm quyền của các Bên. Các Bên có thể sửa đổi Hợp Đồng này mà không cần chấp thuận của những Người Sở Hữu Trái Phiếu nếu (i) việc sửa đổi không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của những Người Sở Hữu Trái Phiếu dưới bất kỳ hình thức nào hoặc việc sửa đổi hoàn toàn mang tính hình thức để sửa chữa các sai sót hiển nhiên hoặc mang tính kỹ thuật, (ii) việc sửa đổi đó đã được dự kiến trong Hợp Đồng này mà không yêu cầu cần phải được Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận hoặc (iii) việc sửa đổi áp dụng đối với thư thỏa thuận phí quy định tại Điều 7.1.

Bất kỳ sửa đổi nào khác đối với Hợp Đồng này phải được những Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận trước, ngoại trừ trường hợp, trong quá trình thực hiện Hợp Đồng này mà Bên A và Người Sở Hữu Trái Phiếu có thỏa thuận sửa đổi Các Điều Khoản Trái Phiếu bằng văn bản ("**Thỏa Thuận Sửa Đổi**") thì Thỏa Thuận Sửa Đổi đó và các Điều Khoản và Điều Khoản được sửa đổi của Trái Phiếu sẽ mặc nhiên có hiệu lực và Thỏa Thuận Sửa Đổi sẽ được coi là một Văn bản sửa đổi, bổ sung không tách rời của Hợp Đồng này mà hai Bên không cần ký kết lại Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng, Các Điều Khoản Trái Phiếu được đề cập đến trong Hợp Đồng này nếu trái với nội dung được điều chỉnh trong Thỏa Thuận Sửa Đổi thì sẽ áp dụng theo quy định tại Thỏa Thuận Sửa Đổi.

11.6. Luật Điều Chỉnh

Hợp Đồng này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

11.7. Giải Quyết Tranh Chấp

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng này, kể cả bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc tồn tại, hiệu lực hoặc việc chấm dứt của Hợp Đồng này, trước hết sẽ được giải quyết thông qua thương lượng. Trường hợp không tự thương lượng được thì mỗi bên đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam giải quyết.

11.8. Số Bản

Hợp Đồng này được lập thành 04 (bốn) bản gốc có giá trị pháp lý ngang nhau. Bên A giữ 02 (hai) bản và Bên B giữ 02 (hai) bản.

**NGÂN HÀNG TMCP
VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Trung

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN HDB**

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Hoàn

PHỤ LỤC 01

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC

TỔ CHỨC HỘI NGHỊ VÀ LẤY Ý KIẾN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

1. **Triệu Tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu Trong Trường Hợp Trái Phiếu Chưa Được Đăng Ký, Lưu Ký Tập Trung Tại Trung Tâm Lưu Ký**
 - 1.1. Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu (sau đây gọi là "**Hội Nghị**") sẽ do Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện thủ tục triệu tập trong các trường hợp quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.
 - 1.2. Khi có nhu cầu triệu tập Hội Nghị, người có thẩm quyền yêu cầu triệu tập Hội Nghị (theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu) phải gửi cho Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (trường hợp người triệu tập không phải là Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu) yêu cầu bằng văn bản về việc triệu tập Hội Nghị ("**Yêu Cầu Triệu Tập**"). Yêu Cầu Triệu Tập phải (i) được người đưa ra yêu cầu ký và đóng dấu (nếu có) hợp lệ, (ii) có thông tin về người yêu cầu triệu tập, và (iii) đính kèm dự thảo nội dung và chương trình họp của Hội Nghị và các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định.
 - 1.3. Trong vòng 01 (một) Ngày Làm Việc sau ngày nhận được Yêu Cầu Triệu Tập, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải (i) xác định Thời Điểm Khóa Sổ và Ngày Chốt Danh Sách để chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu cho mục đích tổ chức Hội Nghị, (ii) gửi thông báo cho Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký cũng như Tổ Chức Phát Hành về Yêu Cầu Triệu Tập và Thời Điểm Khóa Sổ đó, và (iii) chỉ trong trường hợp một hoặc một số Người Sở Hữu Trái Phiếu yêu cầu triệu tập Hội Nghị, đề nghị Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký xác nhận thẩm quyền yêu cầu triệu tập Hội Nghị của (những) Người Sở Hữu Trái Phiếu đó phù hợp với quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu. Để tránh nhầm lẫn, Thời Điểm Khóa Sổ theo xác định của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trong mọi trường hợp sẽ không muộn hơn 10 (mười) Ngày Làm Việc sau ngày Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được Yêu Cầu Triệu Tập có liên quan, trừ khi pháp luật và quy chế lưu ký có quy định khác.
 - 1.4. Trong vòng 03 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được Yêu Cầu Triệu Tập, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải làm việc với người yêu cầu triệu tập và Tổ Chức Phát Hành (trường hợp người triệu tập không phải là Tổ Chức Phát Hành) để xác định địa điểm, phương thức tổ chức Hội Nghị và thống nhất nội dung và chương trình họp của Hội Nghị, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nội dung quyết định của những Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Nếu các bên không thống nhất được các vấn đề nêu trên thì sẽ thực hiện theo quyết định (tài liệu) của người yêu cầu triệu tập.
 - 1.5. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm chủ động làm việc với Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký để bảo đảm Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký sẽ gửi cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu trong vòng 01 (một) Ngày Làm Việc sau Thời Điểm Khóa Sổ có liên quan.
 - 1.6. Sau khi đã có bảo đảm của người yêu cầu triệu tập về việc chi trả chi phí tổ chức Hội Nghị (trên cơ sở các khoản chi phí là hợp lý và đáp ứng được yêu cầu của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu), trong vòng 02 (hai) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Đoạn 1.5 trên đây, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ xác định ngày, giờ dự kiến khai mạc Hội Nghị (*với điều kiện là* ngày dự kiến khai mạc Hội Nghị trong mọi trường hợp sẽ không muộn hơn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc sau Thời Điểm Khóa Sổ có liên quan, trừ khi pháp luật có quy định khác) và gửi thông báo mời tham dự Hội Nghị ("**Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị**") cho tất cả các Đại Diện (như được định nghĩa tại Đoạn 3.2 của Phụ Lục 01 này). Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị phải có đầy đủ thông tin về địa điểm, ngày, giờ dự kiến khai mạc Hội Nghị và tóm lược nội dung và chương trình họp của Hội Nghị. Kèm theo Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị phải có mẫu văn bản chỉ định đại diện hợp pháp dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nội dung quyết định đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị có thể được gửi cho Người Sở Hữu Trái Phiếu dưới dạng văn bản giấy về địa chỉ của Người Sở Hữu



Handwritten signature

Trái Phiếu, thư điện tử, fax hoặc bất kỳ một hình thức thông báo nào khác được pháp luật cho phép.

2. Chương Trình Và Nội Dung

- 2.1. Người yêu cầu triệu tập Hội Nghị phải chuẩn bị dự thảo nội dung và chương trình họp của Hội Nghị và gửi cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- 2.2. Nếu không phải là người yêu cầu triệu tập, Tổ Chức Phát Hành, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc nhóm Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền dự họp theo quy định tại Mục 3 của Phụ Lục 01 này sở hữu ít nhất 10% (mười phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành có quyền gửi văn bản kiến nghị bổ sung một hoặc một số vấn đề để đưa vào chương trình họp của Hội Nghị. Văn bản kiến nghị đó phải được gửi đến Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu chậm nhất 03 (ba) Ngày Làm Việc trước ngày khai mạc Hội Nghị. Kiến nghị phải ghi rõ vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- 2.3. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải đưa kiến nghị bổ sung nêu tại Đoạn 2.2 trên đây vào chương trình họp của Hội Nghị. Tuy nhiên, kiến nghị bổ sung sẽ chỉ được thảo luận trong chương trình họp của Hội Nghị nếu được Hội Nghị chấp thuận.

3. Quyền Tham Dự Hội Nghị

- 3.1. Bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào có tên trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ tương ứng sẽ có quyền tham dự Hội Nghị được triệu tập theo Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị.
- 3.2. Chỉ có những Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền dự họp theo quy định tại Đoạn 3.1 trên đây và đại diện hợp pháp của những Người Sở Hữu Trái Phiếu đó, Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký (nếu có tại thời điểm tổ chức họp), Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu ("**Đại Biểu**") được tham dự và phát biểu tại Hội Nghị, tuy nhiên, chỉ có Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc người đại diện hợp pháp của Người Sở Hữu Trái Phiếu được biểu quyết tại Hội Nghị.

4. Thể Thức Tiến Hành Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu

- 4.1. Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể tự mình hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền hợp pháp của mình tham dự hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu, với điều kiện là nếu tham dự thông qua người đại diện, Người Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi văn bản ủy quyền (bản gốc hoặc bản sao được công chứng/chứng thực) đến Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu ít nhất 03 (ba) Ngày Làm Việc trước ngày tiến hành Hội Nghị.
- 4.2. Trước thời điểm dự kiến khai mạc Hội Nghị, Đại Biểu phải đăng ký tham dự Hội Nghị bằng cách (i) xuất trình Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị, văn bản chỉ định đại diện dự họp đã được ký và đóng dấu (nếu có) hợp lệ và giấy tờ hợp pháp thể hiện thông tin nhận diện cá nhân của Đại Biểu để Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu đối chiếu, và (ii) ký vào danh sách đại biểu tham dự Hội Nghị tương ứng với tên của Đại Biểu đó (nếu Đại Biểu đó chính là Người Sở Hữu Trái Phiếu cá nhân), tên của cá nhân mà Đại Biểu đó đại diện (trong trường hợp Đại Biểu đó là đại diện được ủy quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu cá nhân), hoặc tên của tổ chức mà Đại Biểu đó đại diện (trong trường hợp Đại Biểu đó là đại diện được ủy quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu là tổ chức).
- 4.3. Thời điểm xác định điều kiện cần thiết để tiến hành Hội Nghị theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu là lúc kết thúc khoảng thời gian 45 (bốn mươi lăm) phút sau giờ dự kiến khai mạc Hội Nghị được quy định trong Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị.
- 4.4. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ định chủ tọa Hội Nghị và một hoặc một số người làm thư ký Hội Nghị khi bắt đầu Hội Nghị.

- 4.5.** Hội Nghị sẽ bầu ban kiểm phiếu không quá 03 (ba) người trong số các Đại Biểu tham dự Hội Nghị. Chủ tọa và thư ký không được tham gia ban kiểm phiếu.
- 4.6.** Nội dung và chương trình họp của Hội Nghị phải được Hội Nghị thông qua trước khi Hội Nghị bắt đầu thảo luận. Hội Nghị thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung và chương trình họp. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc Hội Nghị. Với mỗi Trái Phiếu sở hữu, Người Sở Hữu Trái Phiếu có một phiếu biểu quyết.
- 4.7.** Bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc bất kỳ đại diện hợp pháp dự họp của Người Sở Hữu Trái Phiếu nào đến sau khi Hội Nghị đã khai mạc sẽ phải đăng ký dự họp theo quy định tại Đoạn 4.1 của Phụ Lục 01 này nhưng không muộn hơn thời gian quy định tại Đoạn 4.3 và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký đó. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người nêu trên đăng ký dự họp; và trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.
- 4.8.** Cho dù có các quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu, khi Hội Nghị quyết định bất kỳ vấn đề nào thuần túy liên quan đến thể thức, thủ tục hay chương trình họp của Hội Nghị mà không phải là vấn đề cần được biểu quyết được đề cập trong dự thảo nghị quyết hay được đề cập trong văn bản kiến nghị bổ sung theo quy định tại Đoạn 2.2 của Phụ Lục 01 này (kể cả việc bầu ban kiểm phiếu và ấn định nội dung và chương trình họp của Hội Nghị), vấn đề đó sẽ được xem là được thông qua hợp lệ tại Hội Nghị nếu được chấp thuận bởi một hoặc một số Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ ít nhất 50% (năm mươi phần trăm) tổng mệnh giá của các Trái Phiếu của những Người Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị.

5. Biên Bản Hội Nghị

- 5.1.** Diễn biến và nội dung Hội Nghị phải được ghi vào Biên bản, lập bằng Tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài (nếu cần) và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- 5.1.1. Thông tin về Tổ Chức Phát Hành (tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh);
- 5.1.2. Thông tin về Trái Phiếu;
- 5.1.3. Thời gian và địa điểm tổ chức Hội Nghị;
- 5.1.4. Chương trình và nội dung Hội Nghị;
- 5.1.5. Chủ tọa và thư ký;
- 5.1.6. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Hội Nghị về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- 5.1.7. Số Người Sở Hữu Trái Phiếu và tổng số phiếu biểu quyết của những Người Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị, phụ lục danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị với số Trái Phiếu và số phiếu biểu quyết tương ứng;
- 5.1.8. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị; và
- 5.1.9. Các quyết định đã được thông qua.
- 5.2.** Biên bản Hội Nghị phải được lập và thông qua trước khi bế mạc Hội Nghị và phải được ký bởi hoặc nhân danh tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị. Trong trường hợp biên bản đã có đủ các nội dung nêu tại Đoạn 5.1 của Phụ Lục 01 này mà bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào hoặc đại

diện của bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào từ chối ký biên bản thì chữ ký của Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc đại diện Người Sở Hữu Trái Phiếu đó để xác nhận việc tham dự Hội Nghị theo quy định tại Đoạn 4.2 (ii) của Phụ Lục 01 này sẽ được xem là chữ ký của họ trong biên bản. Biên bản Hội Nghị được lập theo quy trình nêu trên kèm theo các biên bản kiểm phiếu (nếu có) sẽ là bằng chứng chính thức về các nội dung và quyết định của những Người Sở Hữu Trái Phiếu tại Hội Nghị có liên quan. Để tránh nhầm lẫn, quyết định về mỗi vấn đề được thông qua hợp lệ tại Hội Nghị (với tỷ lệ biểu quyết cần thiết được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và Đoạn 4.8 của Phụ Lục 01 này) sẽ có hiệu lực ngay tại thời điểm được thông qua, trừ khi quyết định đó quy định một thời điểm có hiệu lực khác.

5.3. Trên cơ sở biên bản Hội Nghị, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ lập văn bản tổng hợp các quyết định đã được thông qua tại Hội Nghị và công bố tại Hội Nghị. Văn bản tổng hợp này được xem là nghị quyết của những Người Sở Hữu Trái Phiếu tại Hội Nghị và được ký và đóng dấu hợp lệ bởi Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.

6. Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản Trong Trường Hợp Trái Phiếu Chưa Được Đăng Ký Tại Trung Tâm Lưu Ký

6.1. Việc lấy ý kiến bằng văn bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu tiến hành trong các trường hợp quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.

6.2. Khi có nhu cầu lấy ý kiến bằng văn bản của những Người Sở Hữu Trái Phiếu, người có thẩm quyền yêu cầu lấy ý kiến bằng văn bản phải gửi cho Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu yêu cầu bằng văn bản về việc lấy ý kiến ("**Yêu Cầu Lấy Ý Kiến**"). Yêu Cầu Lấy Ý Kiến phải (i) được người yêu cầu ký và đóng dấu hợp lệ, (ii) nêu vấn đề cần lấy ý kiến và ngày dự kiến kết thúc thời hạn nhận ý kiến và (iii) đính kèm dự thảo phiếu lấy ý kiến (theo mẫu do Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu cung cấp).

6.3. Trong vòng 01 (một) Ngày Làm Việc sau ngày nhận được Yêu Cầu Lấy Ý Kiến, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải (i) xác định Thời Điểm Khóa Sổ để chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu cho mục đích lấy ý kiến bằng văn bản, và (ii) gửi thông báo cho Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký và Tổ Chức Phát Hành về Yêu Cầu Lấy Ý Kiến và Thời Điểm Khóa Sổ đó. Để tránh nhầm lẫn, Thời Điểm Khóa Sổ theo xác định của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trong mọi trường hợp sẽ không muộn hơn 10 (mười) Ngày Làm Việc sau ngày Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được Yêu Cầu Lấy Ý Kiến có liên quan.

6.4. Trong vòng 03 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được Yêu Cầu Lấy Ý Kiến, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải làm việc với Tổ Chức Phát Hành để thống nhất nội dung phiếu lấy ý kiến và dự thảo nội dung quyết định của những Người Sở Hữu Trái Phiếu cho từng vấn đề cần lấy ý kiến. Nếu các bên không thống nhất được các vấn đề nêu trên thì sẽ thực hiện theo quyết định (tài liệu) của Tổ Chức Phát Hành.

6.5. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm chủ động làm việc với Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký để bảo đảm Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký sẽ gửi cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu trong vòng 01 (một) Ngày Làm Việc sau Thời Điểm Khóa Sổ có liên quan.

6.6. Sau khi đã có bảo đảm của Tổ Chức Phát Hành về việc chi trả chi phí tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản (đảm bảo đó phải đáp ứng được yêu cầu của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu), trong vòng 02 (hai) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Đoạn 6.5 trên đây, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ xác định thời hạn mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận ý kiến từ những Người Sở Hữu Trái Phiếu (với điều kiện là ngày kết thúc thời hạn đó trong mọi trường hợp sẽ không muộn hơn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc sau Thời Điểm Khóa Sổ có liên quan) và gửi thông báo lấy ý kiến ("**Thông Báo Lấy Ý Kiến**") cho tất cả những Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền nhận thông báo theo quy định tại Đoạn 6.7 dưới đây. Thông Báo Lấy Ý Kiến phải có thông tin về thời hạn mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận ý kiến từ những Người Sở Hữu Trái Phiếu. Kèm theo Thông Báo Lấy Ý Kiến phải có phiếu lấy ý kiến và dự thảo nội dung quyết định của những

Người Sở Hữu Trái Phiếu cho từng vấn đề cần lấy ý kiến.

- 6.7.** Bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào có tên trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ tương ứng cũng sẽ có quyền được lấy ý kiến theo Thông Báo Lấy Ý Kiến đó.
- 6.8.** Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi Thông Báo Lấy Ý Kiến cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký, tuy nhiên, chỉ có những Người Sở Hữu Trái Phiếu mới được đưa ra ý kiến.
- 6.9.** Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải được Người Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan ký và đóng dấu (nếu có) hợp lệ vào một trong ba nội dung sau: tán thành, không tán thành hoặc có ý kiến khác (theo chọn lựa của Người Sở Hữu Trái Phiếu) đối với mỗi vấn đề cần lấy ý kiến.
- 6.10.** Phiếu lấy ý kiến gửi về Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải được đựng trong phong bì dán kín và không được mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến bị xem là không hợp lệ và không được tính khi kiểm phiếu nếu:
- (i) được gửi cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sau khi kết thúc thời hạn nhận ý kiến được quy định trong Thông Báo Lấy Ý Kiến; hoặc
 - (ii) đối với mỗi vấn đề cần lấy ý kiến trong phiếu lấy ý kiến đó, Người Sở Hữu Trái Phiếu chọn nhiều hơn một trong ba nội dung sau: tán thành, không tán thành hoặc có ý kiến khác.
- 6.11.** Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Tổ Chức Phát Hành. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- (i) mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - (ii) số Người Sở Hữu Trái Phiếu với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu tham gia biểu quyết;
 - (iii) tổng số phiếu hợp lệ tán thành, không tán thành và có ý kiến khác đối với từng vấn đề cần lấy ý kiến;
 - (iv) tổng số phiếu không gửi về cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trước khi kết thúc thời hạn nhận ý kiến; và
 - (v) các quyết định đã được thông qua.
- Biên bản kiểm phiếu phải được Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu ký và đóng dấu hợp lệ. Để tránh nhầm lẫn, quyết định của những Người Sở Hữu Trái Phiếu về mỗi vấn đề được thông qua hợp lệ dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản (với tỷ lệ biểu quyết cần thiết được quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu) sẽ có hiệu lực ngay tại thời điểm lập biên bản kiểm phiếu, trừ khi quyết định đó quy định một thời điểm có hiệu lực khác.

- 6.12.** Trên cơ sở biên bản kiểm phiếu, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ lập văn bản tổng hợp các quyết định đã được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Văn bản tổng hợp này được xem là nghị quyết của những Người Sở Hữu Trái Phiếu trong lần lấy ý kiến có liên quan và được ký và đóng dấu hợp lệ bởi Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.

7. Triệu Tập Hội Nghị Và Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản Trong Trường Hợp Trái Phiếu Đã Được Đăng Ký, Lưu Ký Tập Trung Tại Trung Tâm Lưu Ký

- 7.1.** Nếu Trái Phiếu đã được đăng ký, lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký thì Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm tổ chức Hội Nghị hoặc tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của pháp luật có liên quan, các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký và Sở Giao Dịch Chứng Khoán (nếu áp dụng), và các quy định có liên quan của Các Điều Khoản Trái Phiếu và Hợp



Đồng này (trong phạm vi các quy định đó không trái với quy định của pháp luật có liên quan, các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký và Sở Giao Dịch Chứng Khoán (nếu áp dụng)).

- 7.2.** Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm chủ động làm việc với Trung Tâm Lưu Ký để nhận danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được chốt tại Thời Điểm Khóa Sổ tương ứng cho mục đích tổ chức Hội Nghị hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu (tùy trường hợp áp dụng). Để làm rõ, trách nhiệm thực hiện chính thuộc về Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành chỉ có trách nhiệm hỗ trợ Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trong việc yêu cầu Trung Tâm Lưu Ký thực hiện cung cấp danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu nói trên.

8. Các Quy Định Chung

- 8.1.** Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gửi bản sao của biên bản/ng nghị quyết Hội Nghị (đã được Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu ký và đóng dấu hợp lệ) cho tất cả những Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký (nếu có) và các bên liên quan khác theo quy định của pháp luật trong thời hạn 05 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày kết thúc Hội Nghị hoặc kết thúc thời hạn nhận ý kiến bằng văn bản (tùy từng trường hợp áp dụng) (Để làm rõ, việc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu gửi bản sao của biên bản/ng nghị quyết Hội Nghị cho Người Sở Hữu Trái Phiếu qua thư điện tử hoặc thông báo qua hệ thống trang chủ của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được coi là Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu đã hoàn tất gửi bản sao của biên bản/ng nghị quyết đó cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu). Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ (i) lưu giữ tại địa chỉ đăng ký của mình bản gốc mọi biên bản Hội Nghị, biên bản kiểm phiếu và văn bản tổng hợp các quyết định của những Người Sở Hữu Trái Phiếu cùng các tài liệu liên quan đến việc tổ chức Hội Nghị và lấy ý kiến bằng văn bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu và (ii) cung cấp bản sao của các tài liệu nêu trên theo yêu cầu của những Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký trên cơ sở có thu phí.
- 8.2.** Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải triệu tập Hội Nghị lần thứ hai (do lần triệu tập thứ nhất không đủ điều kiện số đại biểu tham dự) trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày tổ chức Hội Nghị lần thứ nhất bằng một thông báo tương tự Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị (mà không cần phải nhận được một Yêu Cầu Triệu Tập). Nếu không tổ chức được Hội Nghị trong lần triệu tập thứ hai cũng do thiếu đại biểu dự họp thì quy trình triệu tập Hội Nghị phải được lập lại từ đầu.
- 8.3.** Điều kiện để nghị quyết của Hội Nghị được thông qua sẽ tuân theo các quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu.
- 8.4.** Trừ trường hợp Các Điều Khoản Trái Phiếu có quy định khác, các chi phí, phí tổn thực tế phát sinh hợp lý liên quan đến việc triệu tập và tổ chức Hội Nghị hay lấy ý kiến bằng văn bản sẽ do người triệu tập gánh chịu.



PHỤ LỤC 02
MẪU THỎA THUẬN THAM GIA

THỎA THUẬN THAM GIA NÀY ("Thỏa Thuận Tham Gia") được lập vào ngày [●] tháng [●] năm [●] bởi và giữa:

(1) [Điền tên chính thức của Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia] ("Tổ Chức Phát Hành")

Mã số doanh nghiệp : [Điền mã số doanh nghiệp hoặc tương đương của Tổ Chức Phát Hành xác định tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia]

Địa chỉ đăng ký : [Điền địa chỉ đăng ký chính thức của Tổ Chức Phát Hành xác định tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia]

và

(2) [Điền tên chính thức của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia] ("Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế")

Mã số doanh nghiệp : [Điền mã số doanh nghiệp hoặc tương đương của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế xác định tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia]

Địa chỉ đăng ký : [Điền địa chỉ đăng ký chính thức của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế xác định tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia]

CƠ SỞ KẾT LẬP THỎA THUẬN

- (A) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế đã nghiên cứu Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu được ký ngày [●] tháng [●] năm [●] giữa Tổ Chức Phát Hành và ... với tư cách là Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu, như có thể được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tại từng thời điểm ("**Hợp Đồng Đại Diện**") và đồng ý thay thế Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm (là Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm ngay trước ngày ký Thỏa Thuận Tham Gia này) để thực hiện các công việc, nhiệm vụ và hưởng các quyền, quyền hạn và lợi ích của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu như được quy định cụ thể trong Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu; và
- (B) Theo quy định tại Điều 9.1(b) của Hợp Đồng Đại Diện, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế phải ký kết Thỏa Thuận Tham Gia này với Tổ Chức Phát Hành.

DO VẬY, NAY, các bên thỏa thuận như sau:

1. Công Nhận Quyền Và Nghĩa Vụ

- 1.1.** Bằng Thỏa Thuận Tham Gia này, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế công nhận và đồng ý với Tổ Chức Phát Hành và những Người Sở Hữu Trái Phiếu rằng kể từ ngày ký Thỏa Thuận Tham Gia này, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế (i) sẽ trở thành Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thay thế cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm và (ii) do vậy, sẽ thực hiện mọi nhiệm vụ, công việc và được hưởng mọi quyền, quyền hạn và lợi ích của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

như được quy định cụ thể trong Hợp Đồng Đại Diện và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

- 1.2. Kể từ ngày ký Thỏa Thuận Tham Gia này, bất kỳ dẫn chiếu nào đến Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng Đại Diện sẽ được hiểu là dẫn chiếu đến Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế.

2. Thông Báo

Địa chỉ và số fax của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế như sau:

[•]

Địa chỉ: [•]

Người nhận: [•]

Điện thoại: [•]

Fax: [•]

3. Các Quy Định Khác

- 3.1. Thỏa Thuận Tham Gia này là một Văn Kiện Trái Phiếu. Trừ khi được quy định rõ ràng khác đi trong Thỏa Thuận Tham Gia này, các thuật ngữ viết hoa được sử dụng trong Thỏa Thuận Tham Gia này sẽ có nghĩa như được quy định trong Hợp Đồng Đại Diện.
- 3.2. Các quy định tại Điều 11 của Hợp Đồng Đại Diện sẽ được áp dụng với những sửa đổi cần thiết cho phù hợp với ngữ cảnh cho Thỏa Thuận Tham Gia này như thể được quy định rõ ràng trong Thỏa Thuận Tham Gia này.
- 3.3. Thỏa Thuận Tham Gia này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 3.4. Thỏa Thuận Tham Gia này được ký thành 04 (bốn) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau. Tổ Chức Phát Hành giữ 02 (hai) bản gốc và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế giữ 02 (hai) bản gốc, trong đó Tổ Chức Phát Hành có trách nhiệm cung cấp bản sao y cho Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký (nếu có).

ĐỂ GHI NHẬN THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN, các bên, thông qua người đại diện được ủy quyền hợp lệ của mình, đã ký kết Thỏa Thuận Tham Gia này vào ngày được nêu ở trang đầu tiên của Thỏa Thuận Tham Gia này.

[Điền tên chính thức của Tổ Chức Phát Hành] với tư cách là Tổ Chức Phát Hành

Chữ ký: _____

Họ tên: [•]

Chức vụ: [•]

[Điền tên chính thức của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế] với tư cách là Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế

Chữ ký: _____

Họ tên: [•]

Chức vụ: [•]